

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Giai phẩm
XUÂN MẬU TUẤT 2018

75

THÁNG 02.2018



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Đặng thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file (từ MS. document / PDF) qua email:

baivochanhphap@gmail.com.
Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THÔNG BẠCH XUÂN MẬU TUẤT 2018** (Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK)
- ♦ **THƯ CHÚC XUÂN MẬU TUẤT 2018** (Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK)
- ♦ **THƯ CHÚC XUÂN của CHỦ NHIỆM** (HT. Thích Nguyên Trí)
- ♦ **TÂM THƯ VĂN ĐỘNG MUA CƠ SỞ CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí)
- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **HÀNH HƯƠNG: ĐẠI BÁT NIẾT BÀN** (Nguyễn Hiệp), trang 4
- ♦ **BÓN PHÁP MANG ĐẾN AN LẠC...** (Quảng Tánh), trang 7
- ♦ **NỘI DUNG KINH PHÁP HOA**, tt. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **KÝ ỨC VỀ ỒN** (TN. Diệu Phúc), trang 13
- ♦ **HOA ĐÀO** (Phùng Quân), trang 14
- ♦ **NÉT VĂN HÓA PHẬT GIÁO QUA HAI TÁC PHẨM...** (Thích Nguyên Siêu), tr. 17
- ♦ **TÌM HIỂU HƯỚNG ĐI CỦA PGVN TRONG BỐI CẢNH PG MỸ** (Huỳnh Kim Quang), tr. 25
- ♦ **ĐIỀU VẤN TIỀN BIỆT CƯ SĨ TRẦN QUANG THUẬN** (Nguyễn Thọ), tr. 33
- ♦ **TRUY TÁN CÔNG ĐỨC CƯ SĨ TRẦN QUANG THUẬN** (GHPGVNTNHK), tr. 34
- ♦ **TÌM HIỂU CƯ SĨ TÂM ĐỨC TRẦN QUANG THUẬN** (Ban TC Tang Lễ), trang 35
- ♦ **NGƯỜI ĐI TIẾNG NÓI VẤN CÒN** (Thích Từ Lực), trang 38
- ♦ **ĐỜI NGƯỜI** (Thích Viên Thành), trang 40
- ♦ **TẾT** (Lê Bích Sơn), trang 41
- ♦ **NANAMOLI THERA** (HT. Thích Trí Chơn), trang 42
- ♦ **XUÂN CÓ ĐI, CÓ ĐẾN** (Nguyễn Bảo Lễ), tr. 44
- ♦ **PHẢI HỌC PHẬT NHƯ THẾ NÀO? – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), tr. 47
- ♦ **ĐẠI CƯƠNG PHẬT PHÁP – Phật Pháp thời Nay** (Nhóm Áo Lam), trang 48
- ♦ **XUÂN ĐÃ ĐẦY CẢNH** (Như Đức), tr. 52
- ♦ **KHI THIÊN SƯ VÀO BẠCH ỐC** (Nguyễn Giác), trang 54
- ♦ **NẤU CHAY: GIÁ XÀO ĐẬU PHỤ** (Amthucchay.com.vn), trang 57
- ♦ **BIỆN HỘ CHO VIỆC DỊCH THƠ** (Phan Quỳnh Trâm), trang 58
- ♦ **PHÉP THIÊN ĐỊNH CÓ THỂ NGĂN NGỪA BỆNH MẮT TRỊ NHỚ** (Hoang Phong dịch), trang 61
- ♦ **CÂU NGUYỆN TRONG ĐẠO PHẬT** (Thích Nữ Hằng Như), trang 65
- ♦ **NĂM CON CHÓ, MỪNG XUÂN MẬU TUẤT 2018** (TN. Giới Hương), tr. 70
- ♦ **THIÊN SƯ HƯƠNG HẢI** (Nguyễn Lang), trang 75
- ♦ **TÌM PHẬT** (Ngọc Bảo), trang 78
- ♦ **TẠI SAO TỤNG THẤT CHỈ ĐỂ CHỮA BỆNH, CẦU AN?** (Chúc Phú), tr. 82
- ♦ **CHÚC NHAU TRẮM TUỔI ĐỀU LÀ TUỔI XUÂN** (Nguyễn Minh), trang 88
- ♦ **CHUYỆN CHIẾC LÁ** (Thục Độ), tr. 91
- ♦ **GIỚI THIỆU TUỒNG HÁT BỘI XƯA (1883)** (Nguyễn Văn Sâm), trang 93
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 97
- ♦ **TRUYỆN NGÁN TRẮM LINH TÂM CHỦ** (Steven N.), trang 104
- ♦ **ĐỜI ĐÀ XANH RÊU** (TN. Hạnh Tâm), trang 105
- ♦ **QUY TẮC TU HỌC** (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 108
- ♦ **CHANG TU NHƯ ĐIỂN VIÊN SÂN KHẤU** (Đào Văn Bình), tr. 111
- ♦ **TÂM BẢN NHIÊN** (Hạnh Chi), tr. 113
- ♦ **MỘT LÒNG VÌ ĐẠO** (Đức Thượng), trang 116
- ♦ **NI CỐ TỊNH NHI** (Phương Nghi), tr. 118
- ♦ **TÂM ĐÀU Ý HỢP** (Huỳnh Mai Hoa), trang 122
- ♦ **NƯỚC (H₂O)** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 127
- ♦ **NƠI CẢNH CHIM BAY VỀ** (Lam Khê), trang 129
- ♦ **VĂN CAO – TRÁI TIM HÓA ĐÁ** (Huệ Trân), trang 136
- ♦ **LỄ BÀI SAU PHƯƠNG** (Chân Hiền Tâm), trang 138
- ♦ **CHÚT TÀN MẠN VỀ ĂN UỐNG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 146
- ♦ **STORY OF A GROUP OF SIX BHIKHUS** (Daw Mya Tin), trang 147
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 4**, t.t. (Vĩnh Hào), trang 148
- ♦ **CÙNG VỚI THƠ CỦA:** ĐNT Tín Nghĩa, Chúc Hiền, TN. Tinh Quang, Quảng Tánh, Trần Cẩm, Mặc Phương Tử, Phù Du, Tánh Thiên, Hoa Cát Phan Văn, Huệ Trân, Nguyễn Thanh Huy, Đồng Thiện, Nguyễn Lương Vy, Mãn Đường Hồng, Trần Huy Sao, Tâm Chính, NT. Khánh Minh, Bùi Ngọc Tuấn, Ngô Tăng Giao, Trần Thiên Thị, Du Tâm Lăng Từ, Ngọc Tuyết, Hồ Hương Lộc, Phan Văn Quân, Tâm Thường Định, Bùi Kim Anh, Diệu Viên...

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 75, tháng 02.2018, Xuân Đinh Dậu, do Chùa Bát Nhã (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433



THÔNG BẠCH XUÂN MẬU TUẤT - 2018
của Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Thiên đức Tăng Ni
Kính thưa quý Cư sỹ, Phật tử và Đồng hương,

Tết là ngày vui truyền thống dân Việt, nhưng đối với người Việt nơi vùng châu lục Bắc Mỹ, thì Tết lại mang nhiều suy tư khác nhau. Không phải nhà nào cũng có không khí ngày Tết. Không phải thành phố nào cũng có bánh mứt và bông trái Việt nam. Ngày Tết là mùa Đông đầy băng giá trên đất Mỹ. Chính trong sự quanh quẩn này, mỗi người, mỗi gia đình và cộng đồng Việt nơi đây ăn "Tết" trong điều kiện thật giới hạn của mình. Từ tận cùng sự băng lạnh đó mà tư thân mỗi người Việt phải nỗ lực gìn giữ những nét đẹp của quê Cha để ngày Tết không mờ nhạt trên quê hương mới.

Tết Mậu Tuất, Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin gửi đến chư liệt vị những tâm nguyện sau đây:

1. Ngày tháng sao qua nhanh quá. Mới đây mà đã 43 năm chúng ta đến đất Mỹ. Buồn vui, thành bại chất đầy trên thân phận người tỵ nạn di dân. Hãy thuận thế mà sống để lòng được an. Tâm an thì mọi việc được an. Khát vọng của con người là đi tìm một cuộc sống bình an. Nhưng sự bất an thường đến với chúng ta nhiều cho dù ở bất cứ môi trường nào. Do vậy hãy nuôi dưỡng tâm "an". Sự an tâm này, không nằm sâu trong rừng kiến thức, mà mọc lên từ sự sống quán chiếu và tư duy.

2. Con đường của đức Phật rất chú trọng vào nỗ lực tự thân. Mỗi chùa viện trên đất Mỹ đã thể hiện tinh thần nương tựa vào tự thân này. Chúng ta nỗ lực không ngừng trong nhiều chục năm qua để thành lập chùa viện và duy trì nó trong khả năng khiêm tốn của riêng mình. Đây là một công đức lớn lao nói lên lòng nhiệt thành của tăng tín đồ Phật giáo Việt nam trên đất Mỹ. Chư Thiện Tín nhiệt thành thêm chút nữa cùng Tăng già để duy trì, phát triển cơ sở làm nơi tu học cho người đệ tử Phật. Cộng đồng Phật giáo Việt nam còn nhiều khiếm khuyết nhưng không ai phủ nhận tâm lòng vì Đạo của chúng ta. So với Phật giáo trên đất Việt, sau gần một ngàn năm du nhập mới phát triển được, còn chúng ta đến Mỹ thì chưa được bao lâu mà. Do vậy chúng ta phải giáp mặt nhiều thách thức để sinh tồn và hoằng truyền. Khẳng định rằng chúng ta có năng lực và hùng lực.

3. Xin đặc biệt chú trọng đến thế hệ con em chúng ta. Đây là tiềm lực để gìn giữ và phát triển giáo pháp trong mai sau. Các tự viện cần thành lập lớp Phật Pháp bằng tiếng Anh cho các em thiếu nhi. Chúng ta có nhiều anh chị em trẻ giỏi Phật pháp và lớn lên ở Mỹ. Họ sẽ đóng góp tích cực trong cuộc hoằng Đạo này. Chúng ta thường xuyên tổ chức khóa tu học cho giới trẻ. Đây là một trong những Phật sự quan trọng trong việc hoằng truyền Phật đạo của chúng ta trên quê hương mới.

4. Giáo hội kêu gọi các tăng lớp trí thức viết sách Phật giáo bằng tiếng Anh để giới thiệu Đạo Phật cho người Mỹ. Chúng ta chưa có nhiều sách Phật giáo bằng ngôn ngữ bản xứ từ phía Phật giáo Việt nam. Số lượng người di dân gốc Phật giáo đến Mỹ khá đông trong đó có Việt nam. Mỗi cộng đồng Phật giáo đều có những nỗ lực riêng để giới thiệu đạo Phật vào đất nước này. Riêng cộng đồng Phật giáo chúng ta có nhiều tiềm lực nhưng chưa được quan tâm lắm trong địa hạt này.

Chẳng còn bao lâu nữa là đến ngày Tết dân tộc, xuân Mậu Tuất. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin nhất tâm kính gửi lời chúc Tết "an tâm" đến với chư Tôn Thiên đức Tăng Ni và toàn thể chư Thiện nam Tín nữ Phật tử. Xin tất cả chúng ta nguyện một lòng gìn giữ và quang huy Phật pháp nơi quê hương mới. Đây cũng là trăm hương đầu năm chúng ta cùng dâng lên để sưởi ấm cộng đồng Phật giáo Việt tha hương.

Phật lịch 2561, California ngày 15 tháng 01 năm 2018
TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



THƯ CHÚC XUÂN

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Nhân dịp xuân Mậu Tuất — 2018, thay mặt Chư Tôn Đức Tăng Ni, Phật Tử, Đoàn Thanh Niên Phật Tử Chùa Bát Nhã, Gia Đình Phật Tử Bát Nhã, Lớp Võ Thuật Bát Nhã, Báo Chánh Pháp; Đại diện chư Tăng, Ni và Phật tử Đạo tràng Chùa Bát Nhã,

Xin kính chúc chư Tôn Đức Tăng, Ni, các vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo, quý lãnh đạo các Hội Đoàn, Đoàn thể, quý Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia, các cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí, các cơ sở thương mại và đồng hương:

Một năm mới thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường, sở cầu như nguyện, và thành tâm cảm niệm sự hỗ trợ hết lòng của chư liệt vị đối với Phật sự của Chùa Bát Nhã trong thời gian qua.

Thành tâm kính chúc,
Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
Viện Chủ Chùa Bát Nhã



Cung Chúc Tân Xuân



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



Phật Lịch 2561

HĐĐH/TCX/CT

THƯ CHÚC XUÂN MẬU TUẤT- 2018

Kính gửi:

- Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
- Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn,
- Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ,
- Quý đồng hương và Phật tử,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức,
Kính thưa chư quý liệt vị,

Mùa xuân luôn là biểu tượng của sinh khí phát triển và thăng hoa của vũ trụ và vạn vật mà trong đó có cuộc sống con người.

Năm cũ với nhiều tai ương và khủng hoảng trên khắp toàn cầu sắp đi qua. Trước thềm năm mới, thay mặt GHPGVNTN HK, chúng tôi xin thành tâm kính chúc:

- ♦ Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni: pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, Phật sự viên thành;
- ♦ Chư vị lãnh đạo Tinh Thần các Tôn Giáo bạn: thân tâm Khang kiện, đạo nghiệp viên mãn;
- ♦ Quý vị lãnh đạo các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí người Việt Quốc Gia: bình an, khỏe mạnh để tiếp tục sự nghiệp phục vụ làm thăng tiến cộng đồng, góp phần vận động tự do, dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam;
- ♦ Quý đồng hương và Phật tử: thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện, vạn sự thăng phước.

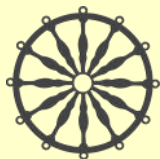
Santa Ana, ngày 01 tháng 02 năm 2018

TM. Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ tịch,
(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Cung Chúc Tân Xuân



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST 4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trần trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lãi, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gọi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Bát Nhã Buddhist Temple

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703

Phone: (714) 548-4148 | (714) 571-0473

Bank Account #: 325063638819

Routing #: 026009593

BANK OF AMERICA





Thư Tòa Soạn

TÌM XUÂN, ĐÓN XUÂN

Những tờ lịch cuối năm dương lịch hãy còn vương trên tường, không màng gỡ xuống. Lịch mới chưa thấy treo lên. Thư phòng ngổn ngang sách báo. Bàn viết bày biện giấy tờ và các tập hồ sơ trong ngăn bìa màu này màu kia. Những mẫu giấy nhỏ, ghi chú chẳng chít với những dòng chữ vắn tắt hay ký hiệu, con số gì đó khó ai đoán được, xếp từng hàng cạnh máy vi tính. Thư từ cũng xếp từng lớp theo thứ tự thời gian, cái nào đến trước thì nằm ở trước. Một đời sống vừa bề bộn nhiều khô, vừa trật tự ngăn nắp, thể hiện ngay nơi bàn làm việc của người cầm bút.

Đời sống của người trong những ngành nghề khác cũng thế. Nhìn nơi làm việc là biết được tính cách của con người. Không có tính cách nào giống hệt nhau. Nhưng đời sống của mọi người, mọi loài, hầu như đều được sắp xếp trong một trình tự thời gian nào đó, theo một chu-kỳ sinh (trụ, di) diệt nhất định—nhất định chứ không cố định.

Tình cảm, tư duy, tri kiến và sự biểu đạt của con người cũng dần dà, vô tình trôi theo dòng chảy của thời gian.

Thời thanh xuân, tiếng nói trong trẻo, du dương; trung niên, tiếng trầm như sấm; lão niên, tiếng khàn đục như cối xay. Tuổi càng trẻ, càng nói nhiều, nói mạnh; tuổi càng cao, càng trầm lặng ít nói.

Các định kiến, thành kiến thời trẻ cũng bị rạn vỡ qua những trận ma-xát trường kỳ của tư duy, đối chiếu, phân loại và trải nghiệm thực tế trong đời sống; để rồi, từ một thiếu niên tự hào, nông nổi, giờ đã thành cụ lão chín chắn, chững chạc, nghĩ điều gì cũng ba lần bảy lượt, nói điều gì cũng rào trước đón sau...

Không có cách thể sinh diệt nào như nhau. Không có những trật tự hay trình tự cố định của vạn hữu. Nên chi, mùa xuân của người này lại là mùa thu của người kia, mùa đông của nơi này là mùa hạ của chỗ khác. Trong mùa đông, có những lá vàng khô rơi rụng, cùng lúc, cũng có những nụ hoa còn khoe sắc thắm; mà vào mùa xuân, khi muôn hoa rộ nở thì cũng có những

chiếc lá xanh lìa cành. Có những người trẻ khóc người lão niên, và cũng có tre già khóc măng non. Niềm đau nhân thế, nói sao cho cùng.

Lặng nhìn trời đất xoay vần, nhân gian dịch chuyển, lòng vơi vơi nhớ về cố quận quê xa. Chệch một bước đi, thần tiên nghìn năm lạc lối. Chuyển choáng bước vào cõi trần, mắt xanh đổi màu mây xám. Trăng soi đường, trời mở lối, mà ngày đêm cứ quàng xiên đi mãi như cùng từ lang thang. Thương mình lao đao, thương người thống khổ, mà có làm, có nói được gì đâu!

Quả tình đời lúc muốn được một lần như Không Lộ năm xưa:

*"Chọn nơi địa thế đẹp sông hồ
Vui thú tình quê quen sớm trưa
Có lúc trèo lên đầu chớp núi
Kêu dài một tiếng lạnh hư vô."* (1)

Một tiếng kêu dài hay một tràng cười cất lên từ đầu non, khi ngôn ngữ không thể trực chỉ bản thể, không thể biểu đạt được chí nguyện ban đầu, không thể trải phơi được tấm lòng, không diễn bày hết nỗi phù du chóng vánh của cuộc đời trong chuỗi dài trùng điệp tử-sinh.

Có khi cô đơn cùng tận giữa trần thế lao xao, trong phố hội đông đúc nói cười; mà lòng tạnh như nước trong giếng cổ (2).

Phế-hưng bao lớp sóng dồn. Người người lần lượt đến-đi.

Ai chẳng bao phen đi tìm mùa xuân.

Ai chẳng một lần đi qua thuở xuân thì.

Tìm mùa xuân cho nỗi điều linh thống khổ của cuộc đời. Tìm mùa xuân cho vạn vật hồi sinh.

Ồi là nhớ, cây rừng, hốc đá ven suối. Tiếng chim kêu, một sáng tinh mơ khi sương sớm chưa tàn trên cánh hoa rừng. Cúi xuống đã tắt trong lò, hương trà cũng đã nguội lạnh. Lòng tịnh yên. Giấc mộng mùa xuân vừa tàn (2).

Nhưng mùa lộc mới cũng mới về trên những cành khô. Cỏ thơm xanh rợp núi đồi. Ngàn hoa rực rỡ dưới trời xanh biêng biếc. Chim oanh lại hót trên cành. Lòng cũng rộn ràng nao nức như trẻ thơ đón Tết.

Xuân, thêm một lần vui đón xuân sang.

Chú thích:

- (1) Bản dịch của Nguyễn Lang, (trích từ Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập I, Saigon, nxb Lá Bối 1973), nguyên văn bài kệ **Ngôn Hoài** của Thiền Sư Không Lộ như sau:
*"Trạch đắc long xà địa khả cư
Đã tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư."*
- (2) Ý và hình ảnh được gợi cảm hứng từ bài thơ Xuân Đán của Chu Văn An (? – 1370) thời nhà Trần:

Xuân đán

*Tịch tịch sơn gia trấn nhật nhàn,
Trúc phi tà ủng hộ khinh hàn.
Bích mê vân sắc thiên như tuyết,
Hồng thấp hoa tiêu lộ vị can.
Thân dữ cô vân trường luyện tụ,
Tâm đồng cổ tịnh bất sinh lan.
Bách huấn bán lãnh trà yên yết,
Khê điệu nhất thanh xuân mộng tàn.*

Dịch nghĩa:

Sớm xuân

*Nhà trên núi vắng vẻ, suốt ngày thanh thoi,
Cánh cửa phen che nghiêng ngăn cái rét nhẹ.
Màu biếc át cả sắc mây, trời như say,
Ánh hồng thấm nhành hoa sương sớm chưa khô.
Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc núi,
Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng.
Mùi khói thông sắp hết, khói trà đã tắt,
Một tiếng chim bên suối làm tỉnh mộng xuân.*
(Thơ Văn Lý Trần, Tập III, trang 61. NXB Khoa Học Xã Hội Hà Nội 1978)



HÀNH HƯƠNG: ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Thích Nguyên Hiệp

Hành hương về những địa danh đặc biệt nào đó để tỏ lòng kính ngưỡng và mong nhận được ân phúc là điểm chung của nhiều tôn giáo. Trong Phật giáo, hành hương giữ một vai trò khá quan trọng trong đời sống tâm linh của người Phật tử, và có thể nó được thực hành từ sau khi Đức Phật diệt độ.

Vấn đề hành hương trong đạo Phật, có thể nhiều người đã biết, được đề cập đến trong kinh Đại Bát Niết Bàn, bản kinh ghi lại những lời giáo huấn sau cùng của Đức Phật, *"Này Ananda, đó là bốn thánh tích, người thiện tín cư sĩ cần chiêm ngưỡng và tôn kính. Này Ananda, các thiện tín Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: Đây là nơi Như Lai đản sanh; đây là nơi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh đẳng chánh giác; đây là nơi Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng; và đây là nơi Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết bàn."*

Vì sao người Phật tử cần quay về chiêm ngưỡng và đánh lễ những thánh tích này? Điều này đã được Đức Phật nêu ra, *"Này Ananda, những ai trong khi chiêm bái những thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh vào cõi thiện, cảnh giới chư thiên."*

Tín (saddhà/úradhà) là một trong những yếu tố quan trọng, được nhắc đến trong kinh điển như là điều kiện cần thiết giúp người Phật tử nhập vào thánh đạo. Người Phật tử với chánh kiến, sau khi tư duy, sẽ đặt tín tâm của mình vào Đức Phật và giáo pháp của Ngài, thực hành với nhiệt tâm không nghi ngại. Tín trong Phật giáo được đặt cơ sở trên Chánh kiến và Chánh tư duy, nhưng Tín cũng là nền tảng để người Phật tử thực hành Chánh kiến và Chánh tư duy. Bởi vậy Tín là yếu tố thiết yếu cho việc xây dựng nền đời sống tôn giáo, cũng là yếu tố duy trì đời sống tôn giáo.

Trong một bối cảnh có nhiều giáo phái và triết thuyết cùng hành hoạt, việc vắng bóng bậc Đạo sư để khiến người đệ tử thời thất niềm tin, điều có thể đưa họ quay sang quy ngưỡng những giáo phái khác. Quay về bốn thánh tích là quay về với Đức Phật qua sự biểu trưng của những nơi chốn liên quan, từ đó duy trì sự "thâm tín" và phát triển đời sống tâm linh.

Nỗi lo lắng về việc vắng mặt của bậc Đạo sư sẽ đưa đến sự mất định hướng trong giới đệ tử đã được thể hiện qua việc "tựa cửa khóc than" của Tôn giả A Nan. Và Đức Phật đã dạy rằng, sau khi Ngài diệt độ, chính Pháp (Dhamma) và Luật (Vinaya) là Đạo sư của các Phật tử. Nhưng Pháp và Luật sẽ được tiếp cận dễ dàng hơn đối với những người có sự thâm tín vào bậc đã thuyết giảng những điều đó. Chiêm bái thánh tích sẽ giúp người đệ tử giữ vững niềm tin khi họ tận mắt chứng kiến những nơi chốn liên quan đến bậc Đạo sư lịch sử của họ (điều rất cần thiết vào thời điểm sau khi Đức Phật vừa diệt độ).

Ý nghĩa này sẽ phần nào rõ ràng hơn nếu chúng ta đề cập đến việc thờ phụng xá lợi (sarira) ở đây; bởi vì hành hương trong Phật giáo luôn gắn liền với tín ngưỡng phụng thờ tháp (thùpa/stupa) và xá lợi, điều cũng được đề cập đến trong kinh Đại Bát Niết Bàn, *"Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoạn hỷ khi nghĩ đến: 'Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng cúng, Chánh biến tri'. Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ sanh lên thiện giới, cảnh giới chư Thiên. Này Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri xứng đáng xây tháp."*

Tháp trong thời kỳ đầu được xây dựng nhằm để tôn trí xá lợi của Đức Phật và những vật dụng mà Ngài đã dùng khi còn tại thế; và sau đó tháp được xây dựng tại những nơi gắn liền với những sự kiện quan trọng trong cuộc đời của Ngài, để đánh dấu địa danh và tưởng niệm (điều được thực hiện rất quy mô dưới triều đại vua Ashoka). Nhưng trong tất cả các tháp, tháp thờ xá lợi Đức Phật được xem là quan trọng và thiêng liêng hơn cả. Nhưng tại sao tháp thờ xá lợi được xem là quan trọng và thiêng liêng?

Theo truyền thống tôn giáo Bà la môn, xác thân của một người được cho là mang nhiều tội lỗi và bất tịnh. Nên đối với một xác chết trước khi hỏa thiêu, người ta sẽ có những phương thức thanh tẩy, hoặc bằng trì tụng kinh chú, hoặc bằng vút bỏ tro cốt đó xuống những con sông thiêng.

Phật giáo xem thân thể là bất tịnh, nhưng không xem một xác chết có thể trở nên trong sạch nhờ vào những phép thuật hay nước của

một dòng sông nào đó. Thân xác sau khi hủy hoại sẽ được trả về lại với tứ đại đất nước gió lửa. Và như vậy thân xác đó, trong bất cứ hình thức nào, không đáng để chấp thủ. Nhưng nếu vậy thì việc phụng thờ xá lợi và trở về chiêm bái những tháp thờ xá lợi có đi ngược lại nguyên tắc này không?

Đức Phật và giáo pháp của Ngài về cơ bản là đi ngược lại truyền thống tôn giáo Bà la môn. Đức Phật và những người xuất gia theo Ngài được xem là chọn con đường đi ngược với lẽ thói chung của cuộc đời, và điều này thường được nhắc đến như một sự "lội ngược dòng," mà thuật ngữ Phật học gọi là "nghịch lưu." Nhưng nghịch lưu không chỉ là từ bỏ những "tài, sắc, danh, thực, thù" thường tình mà thể gian tìm cách theo đuổi và coi như lẽ sống, đi ngược dòng luân hồi sanh tử, mà còn là sự đảo nghịch những quan niệm và tập tục của xã hội thời bấy giờ mà tất cả bị chi phối sâu sắc bởi tôn giáo truyền thống Bà la môn.

Điều này cũng thể hiện ngay trong bài kinh Đại Bát Niết Bàn và có liên quan đến việc phụng thờ xá lợi.

Theo quan niệm của xã hội thời bấy giờ, hướng Nam là hướng của thần chết, và xác chết của bất cứ ai, luôn được hỏa thiêu ở đó. Nhưng đối với Đức Phật, bậc đã chọn con đường "nghịch lưu," nên việc hỏa thiêu nhục thân của Ngài đã không theo quy ước này. Khi Đức Phật nhập diệt, dân chúng thuộc bộ tộc Malla đã khiêng thân xá lợi của Ngài đi về hướng Bắc, sau đó đi vào trung tâm thành phố rồi đưa sang hướng Đông và hỏa thiêu. Hướng Đông được xem là hướng cát tường, điều được xem là thích hợp với thân xá lợi của bậc giác ngộ.

Như đã nói, nhục thân của bất cứ ai, trong quan niệm của đạo Phật, cũng chỉ là sự kết hợp của đất nước gió lửa. Tuy nhiên nhục thân của Đức Phật, trong ý nghĩa "bình bát trôi ngược," được xem là vượt qua khỏi những giới hạn thông thường; và xá lợi của Ngài còn lại sau khi hỏa thiêu là biểu trưng cho sự đạt ngộ và hương thơm phạm hạnh còn lưu lại ở cõi đời. Phụng thờ và chiêm bái xá lợi do vậy là kính ngưỡng đạo đức và trí tuệ của một bậc giác ngộ.

Nhưng ý nghĩa quan trọng hơn cả của việc phụng thờ và chiêm bái xá lợi chính là thể hiện lòng kính ngưỡng, sự thấu hiểu về Đức Phật và giáo pháp của Ngài. Trong nhiều bản kinh, Đức Phật dạy rằng: Ai thấy pháp là người ấy thấy Phật, và ai thấy Phật là người ấy thấy pháp. Xá lợi chính là Phật thân còn lại sau

khi Đức Phật vắng bóng ở cõi đời này.

Từ thời Đức Phật cho đến thế kỷ thứ II (tr. Tây lịch), tín ngưỡng phụng thờ tượng Phật chưa có mặt. Vì vậy những đệ tử đã sử dụng những biểu tượng như hoa sen, cây bồ đề, bánh xe Pháp luân và ngôi tháp để tưởng nhớ đến bốn sự kiện Đản sanh, Thành đạo, Chuyển pháp luân và Nhập diệt của Đức Phật, và qua đó cũng tưởng nhớ đến Ngài. Nhưng vượt lên trên bốn biểu tượng này, xá lợi được xem là quan trọng và thiêng liêng hơn cả, vì đó là những gì trực tiếp liên hệ đến Phật thân. Vì trong ý nghĩa rằng ai thấy Phật là thấy pháp, và ai thấy pháp là thấy Phật, nên trở về chiêm ngưỡng Xá lợi là trở về chiêm ngưỡng Phật và giáo pháp của Ngài. Chiêm ngưỡng xá lợi như vậy là để thấy Phật - thấy Phật là thấy pháp, và thấy pháp không chỉ là ôn lại lời dạy của Phật mà còn để thấy được bản chất thực của cuộc đời.

Như vậy, nhìn từ kinh Đại Bát Niết Bàn, hành hương là quay trở về bốn thánh tích để chiêm ngưỡng và đánh lễ; và tháp cũng như xá lợi luôn có liên hệ mật thiết đối với việc hành hương của người Phật tử. Và hành hương trước hết nhằm giúp người đệ tử Phật tăng trưởng tín tâm của mình.

Từ tín tâm, hành hương là dịp người Phật tử gieo trồng thiện nghiệp, điều kiện cần để một người sau khi mạng chung được sanh về Thiên giới. Bởi vì hành hương trong Phật giáo thường được kết hợp với việc thực hành bố thí (dana), và bố thí được xem có ý nghĩa và gặt nhiều phước lành hơn cả khi cúng dường lên bậc giác ngộ (qua những biểu tượng) với tâm tinh tín.

Hành hương với lòng thâm tín và tâm thanh tịnh sẽ đưa người Phật tử tại gia đi đến việc thực hành hạnh "xuất gia." Khi thực hiện một chuyến hành hương là người Phật tử phát nguyện rời bỏ những "sinh hoạt thế tục" trong một khoảng thời gian nào đó để sống một đời sống "không nhà." (Trong ý nghĩa này mà một vài người khi bàn về hành hương đã liên hệ nó với thuật ngữ *pravrajyàta* (Pàli: pabbajjāta). *Pravrajyàta* thường được dịch là xuất gia, đi ra khỏi, hay rời bỏ đời sống trần tục. Và *pravrajita*, hay *pravrajaka* là người rời bỏ đời sống trần tục).

Vẫn từ kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật dù khuyên hàng đệ tử nên chiêm ngưỡng và đánh lễ Tứ động tâm, nhưng điều đó không có tính ép buộc, nó hoàn toàn là điều tự nguyện. Và hành hương trong Phật giáo không mang tính cộng đồng với thời gian và những điều kiện được ấn định cụ thể. Các tín đồ Phật giáo có thể hành hương về các thánh tích vào



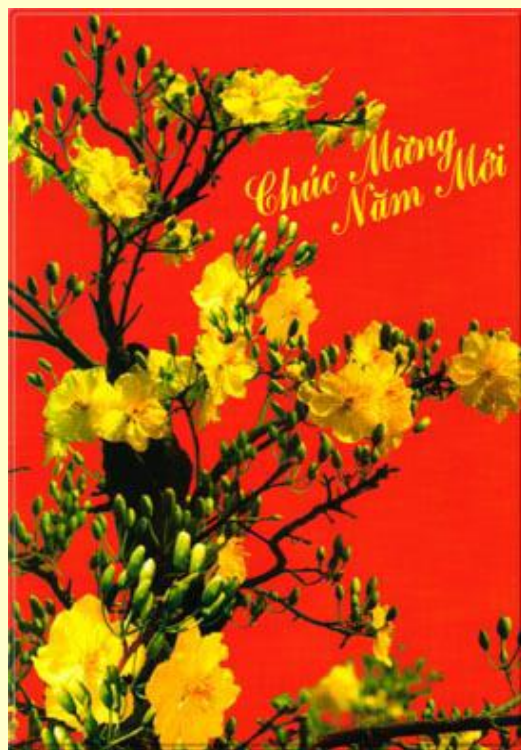
bất kỳ thời điểm nào họ thấy thích hợp. Và mục đích của hành hương, như đã nói, là để tăng trưởng tín tâm, gieo trồng thiện nghiệp, thanh tịnh tâm ý (và hẳn còn những mục đích khác nữa); và những sinh hoạt tại các thánh tích thường là đánh lễ, thực hành thiền định và trì tụng kinh chú v.v...

Hành hương của người Phật tử về một nơi nào đó sẽ có nhiều ý nghĩa hơn khi người hành hương hiểu được những sự kiện đã gắn liền với địa danh đó. Người hành hương khi ấy không chỉ trở về một địa danh địa lý, mà còn quay trở lại với con người lịch sử liên quan đến địa danh đó. Trở về với một thánh tích chỉ để tham quan, nói cách khác, là không phải vì ước nguyện tâm linh, thì đó chỉ là một cuộc viếng chơi mà không phải là một hành trình tâm linh thực sự. Và như vậy, hành hương về các thánh tích, cần phải được thực hiện cùng lúc với sự quay về đời sống tâm linh bên trong. **Hành trình tâm linh đích thực, do đó, là quay về và sống theo lời Phật dạy** (ai thấy pháp là thấy Phật).

Tuy vậy, được trở về quê hương Đức Phật để chiêm bái, đánh lễ những thánh tích mà ta từng biết qua những trang kinh, sử ký là ước mơ của những người con Phật. Hành hương về nơi mảnh đất Đức Phật đã ra đời và lớn lên, rồi xuất gia, thành đạo và thuyết giảng những giáo pháp mang giá trị phổ quát đó quả thực là niềm hạnh phúc lớn lao. Chiêm bái các thánh tích là dịp để ta suy ngẫm nhiều vấn đề trong cuộc sống. Trong lặng im và suy nghiệm, hành hương là dịp để người ta hiểu sâu hơn về cuộc đời và thân phận con người.

Cuộc sống trôi chảy miên man bất tận, đời người quả thật ngắn ngủi trong dòng chảy đó. Ý thức về sự vô thường ngắn ngủi của kiếp người, nỗ lực vượt lên những điều nhỏ nhặt đời thường để tìm tới những gì tốt đẹp hơn là điều Đức Phật đã thiết tha dạy bảo trong bài kinh Đại Bát Niết Bàn. Và biết đâu một ngày nào đó, ta được đi qua những mảnh đất mà Đức Phật đã lưu dấu, và cuối cùng dừng lại ở Câu Thi Na, bất chợt nghe trong tháp thờ Mahaparinirvana vọng ra lời kinh, "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật."

Thích Nguyên Hiệp



NGÂM NGÙI QUÊ MẸ

*Thu tàn đông đến chẳng vui gì,
Bó gối nhìn quê lắm sầu bi,
Gà vịt trâu bò trôi như rùa,
Ruộng vườn nhà cửa nát như rì.
Nước dâng, thành thị như đồng rác,
Bão đến, đồng quê tựa vùng lầy.
Hoàn cảnh thế này làm sao sống?
Kiều bào hải ngoại giúp một khi!!!*

*Một khi gặp nạn cố giúp nhau,
Chả lẽ trùm chấn nhìn thảm sầu,
Xír sở quê hương nhiều chua xót,
Đồng bào ruột thịt lắm thương đau.
Việt kiều hoan hỷ cùng chung sức,
Quốc nội đồng lòng hiệp tâm đầu.
Như thế mới mong điều hạnh phúc.
Trong ngoài dân Việt cố thương nhau.*

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Trọng đông Đinh Dậu – Dec. 31, 2017

BỐN PHÁP MANG ĐẾN AN LẠC NGAY HIỆN TẠI CHO NGƯỜI CƯ SĨ

Quảng Tánh

Người đệ tử Phật, tu học theo Phật, dù xuất gia hay tại gia đều phải thiết lập được lợi ích và an lạc ngay trong hiện tại. An lạc ngay sau là lẽ tất nhiên của vận trình nhân quả nếu hiện tại có an lạc. Vì thế, mỗi người hãy vận dụng giáo pháp một cách uyển chuyển và thông minh, phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của mình sao cho thực sự có lợi ích và an vui.

"Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có Bà-la-môn tuổi trẻ tên là Uất-xà-ca đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn, người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại?

Phật bảo Bà-la-môn:

Có bốn pháp giúp cho người thế tục tại gia được lợi ích hiện tại và an lạc ngay hiện tại. Đó là: Phương tiện đầy đủ, Thủ hộ đầy đủ, Thiện tri thức đầy đủ, Chánh mạng đầy đủ.

Thế nào là Phương tiện đầy đủ? Người thiện nam tự nuôi sống bằng các nghề nghiệp kỹ xảo, như làm ruộng, buôn bán, phục vụ vương sự, chép sách, toán thuật, hội họa. Đối với những nghề nghiệp kỹ xảo đó, luôn tinh tấn siêng năng trau dồi. Đó gọi là Phương tiện đầy đủ.

Thế nào là Thủ hộ đầy đủ? Người thiện nam có tiền bạc, gạo lúa, do nỗ lực mà thu hoạch, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà có được, tích cực giữ gìn, không để cho vua, giặc, nước, lửa tước đoạt, hay trôi, chìm, mất mát. Ngược lại, nếu không khéo giữ gìn sẽ tiêu mất; hay nếu không lưu tâm đến chúng, thì sẽ bị người khác chiếm lấy, cùng những tai nạn sẽ làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam khéo Thủ hộ.

Thế nào là Thiện tri thức đầy đủ? Có người thiện nam không mất điều độ, không buông lung, không dối trá, không hung hiểm. Những tri thức như vậy, có khả năng khéo léo an ủi; sự sầu khổ chưa sanh có thể khiến không sanh, sự sầu khổ đã sanh có thể

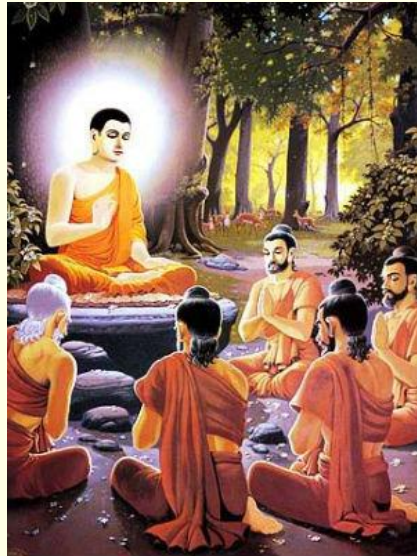
khai mở, tỉnh giác; những điều vui thích chưa sanh có thể khiến sanh nhanh, những điều vui thích đã sanh khiến giữ gìn không để mất. Đó gọi là người thiện nam Thiện tri thức đầy đủ.

Thế nào là Chánh mạng đầy đủ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít. Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là 'Quả ưu-đàm-bát không có hạt giống; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này. Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi người ở gần đều nói: 'Người ngu si này như con chó chết đói'. Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là Chánh mạng đầy đủ.

Như vậy Bà-la-môn, đây là bốn pháp thành tựu lợi ích hiện tại và an lạc hiện tại." (Kinh Tạp A-hàm, kinh 91 [trích])

Lời Phật dạy thật rõ ràng. Người cư sĩ nào: Có chuyên môn cao lại siêng năng phấn đấu nâng cao tay nghề; biết giữ gìn tài sản do mình làm ra; biết làm chủ và chuyển hóa thân tâm để sống thiện lành, an vui; biết cân đối chi tiêu; thì người ấy có lợi ích và an vui trong hiện tại.

Thế Tôn đã xác quyết an vui hay không là do mình. Không dựa dẫm bên ngoài, mong cầu nơi thần linh. Đặc biệt không hy vọng an vui ở ngày mai khi hiện tại bất an. Vẫn biết, còn nhiều yếu tố nữa, nhưng bốn yếu tố trên là căn bản, không thể thiếu để thiết lập an vui cho hàng cư sĩ.



NHA TRANG HOÀI CẨM

Mênh mang sóng nước nắng vờn qua,
Cát trắng cô bay nương cánh sa.
Lớp lớp thuyền về trắng rọi lá,
Tầng tầng mây phủ gió lòn hoa.
Chuông chùa thánh thoát, vui niềm tục,
Phật tượng trang nghiêm, lặng nghiệp tà.
Nhớ Tháp Bà xưa hương khấn nguyện,
Nha Trang biển thắm, thắm tình nhà...!

VẠN GIÃ HOÀI CẨM

Vạn Giã đường quê rực nắng vàng,
Bão qua còn để cảnh hoang tàn.
Dân lành thấp thỏm nơi làng mạc,
Cỏ nội bốn chôn chốn bão giông.
Bãi Gạo im lìm thuyền quạnh quẽ,
Hòn Nung lặng lẽ bến mơ màng.
Thiên tai đổ xuống bao người khổ,
Cứu trợ: Tình thâm, nghĩa trọng dâng...!

LONG SƠN HOÀI CẨM

Long Sơn Phật trắng hiển Linh Sơn,
Tọa giữa hư không tuyết tuyệt trần.
Trại Thủy rừng thiên chuông sớm vắng,
Nha Trang phố biển sóng xanh vờn.
Trùng trùng tháp cổ soi dòng biếc,
Hiện hiện trời cao tỏa nắng hồng.
Khách vắng ra về lòng nhớ mãi,
Cửa thiền vang vọng hải triều âm...!

ĐỨC SƠN HOÀI CẨM

Chùa quê tĩnh lặng gọi nguồn thiền,
Cảnh trí thanh bình buông vạn duyên.
Đá dựng ghi lời thay thế nguyện,
Cây trồng viết chữ thể tâm nguyên.
Chuông khuya điểm tiếng vui niềm tục,
Mở sớm khuya âm lặng đạo điền.
Dặm lữ quay về nương cửa Phật,
Đức Sơn rạng chiếu ánh trăng huyền...!

CHƠN KHÔNG HOÀI CẨM

Chơn Không dấu ấn phục hưng thiền,
Núi Lớn am tranh, mặc thất... tiên.
Pháp Lạc khơi nguồn tâm lạc trú,
Tương Kỳ mở lối tuệ kỳ truyền.
Trắng Thanh soi chiếu soi muôn pháp,
Gió Mát trải ban trải khắp miền.
Bản hạnh thiền tông khơi vực dậy,
Trúc Lâm thiền phái đơm chur duyên...!

TÔNG LÂM HOÀI CẨM

Tông Lâm cảnh đẹp thật vô bờ,
Lối cũ vườn thiền dật ý thơ.
Tĩnh lặng hồ tâm trắng hiện bóng,
Trang nghiêm thánh tượng dáng in hồ.
Tùng xanh thẳng đứng thân cao vút,
Trúc biếc huyền lay lá dịu mơ.
Mở sớm chuông chiều vang vọng khắp,
Tông Lâm cảnh đẹp thật vô bờ...!

TỪ NGHIÊM HOÀI CẨM

Từ Nghiêm tịnh thất chốn Tông Lâm,
Lặng lẽ yên bình vắng khách thăm.
Bát giác đài sen ngồi đạo thọ,
Tam gian thiền thất lặng ngôn âm.
Tăng nhân mặc niệm quy chơn niệm,
Phật tử tu tâm hướng tịnh tâm.
Thạch trụ thiền gia khai diệu ngữ,
Hậu lai hoan hỷ bất suy tâm.

THƯỜNG CHIẾU HOÀI CẨM

Nguy nga tráng lệ thật trang nghiêm,
Cảnh trí nên thơ thắm ý thiền.
Trụ đá đề kinh bày diệu đạo,
Tăng đường khắc kệ khuyến lương duyên.
Ao trong cá lội phơi dòng biếc,
Suối mát dây leo tỏa đạo huyền.
Rào bước qua cầu Tăng tĩnh niệm,
Lối về Thường Chiếu rạng Chơn Nguyên...

thơ CHỨC HIỀN

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

(tiếp theo kỳ trước)

4. PHẨM TÍN GIẢI:

a/- Hàng Thịnh Văn và Duyên giác sau khi nghe đức Phật nói rõ pháp Phật Thừa và thấy đức Phật thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất sẽ thành quả Vô Thượng Bồ Đề của Phật Thừa nên rất vui mừng. Họ mới hiểu rằng quả vị của họ tu chứng chỉ là bậc Quyền Thừa và quả vị này không phải là Phật Thừa (Giải). Họ cũng tin tưởng rằng (Tín) hàng Thịnh Văn và Duyên giác cũng có thể chứng quả Vô Thượng Bồ Đề của Phật Thừa như ngài Xá Lợi Phất.

b/- Cho nên bốn vị thượng thủ trong hàng Thịnh Văn và Duyên Giác như các ngài Tuệ Mệnh Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên, Đại Ca Diếp, Đại Mục Kiền Liên vô cùng hối hận sự tự mãn của mình cho tiểu quả Thịnh Văn mà mình đã chứng đắc là ngôi vị mãn, không ngờ trên đó còn có Phật Thừa là ngôi vị cao tốt, nên không lập chí hướng thượng, không mong cầu Phật Quả Bồ Đề, liền tỏ bày sự tín giải của các ngài với câu chuyện Cùng Tử để thí dụ. Các ngài cho mình là Cùng Tử con của một Trưởng Giả giàu có mà không biết, lại đi ăn xin các nơi và chịu khổ nhọc lao công hết phần mấy mươi năm qua.

c/- Trưởng Giả giàu có là ám chỉ cho Phật Tánh của các ngài. Các ngài không biết cha mình giàu có là chỉ cho các ngài bị vô minh che lấp nên không biết trong mình có Phật tánh. Các ngài đi ăn xin hơn mấy mươi năm qua là chỉ cho các ngài bị luân hồi sinh tử mấy mươi kiếp. Hôm nọ chàng Cùng Tử gặp lại cha ruột của mình mà vẫn còn nghi sợ cũng như các ngài đã nghe được giáo pháp Phật Thừa mà vẫn còn không tin. Bỗng nhiên một hôm chàng Cùng Tử bất chợt được hưởng gia tài to lớn của cha cũng như các ngài hôm nay bất ngờ nghe được pháp nhiệm mầu của Phật Thừa mới tỏ ngộ được rằng mình cũng có Phật Tánh từ vô thủy và cũng có thể thành Phật như các đức Phật

trong mười phương.

Bốn vị Thượng Thủ nói trên đã tin hiểu được Thừa nào là thuộc loại quyền làm phương tiện và Thừa nào là chân thật làm căn bản vô thượng, nên gọi phẩm này là "Tín Giải".

5.- PHẨM DƯỢC THẢO DỤ:

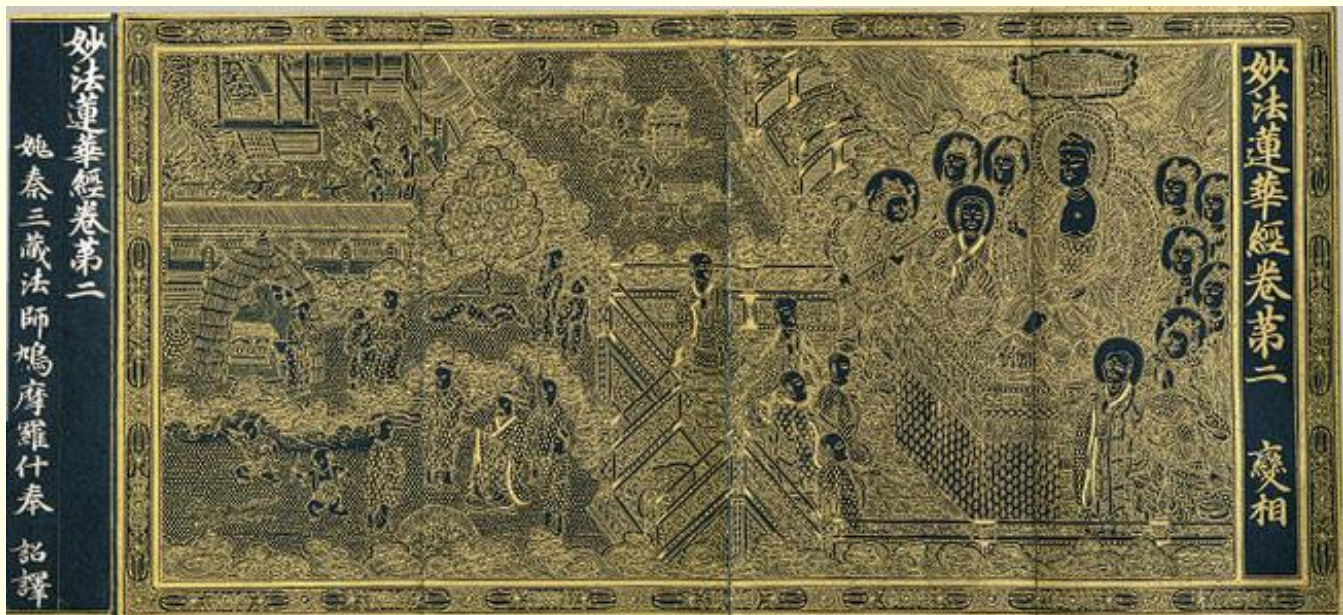
a/- Pháp mầu nhiệm của Phật Tri Kiền là Phật Thừa vô thượng. Tự tánh của Phật Thừa này không thể diễn đạt bằng lời nói, không thể suy luận bằng Ý Thức. Pháp vị của Phật Thừa này thì bình đẳng không sai biệt. Chúng sanh vì căn cơ không đồng nhau cho nên thọ nhận pháp vị của Phật Thừa lại có sai khác. Những bậc đại trí thì thọ nhận trực tiếp pháp vị của Phật Thừa, còn những bậc hạ căn thì chỉ thọ nhận được pháp vị phương tiện của Thịnh Văn Thừa.

Đức Phật nhằm thể hiện nghĩa bình đẳng của Phật Thừa, nên mới dẫn dụ Phẩm Dược Thảo để giải nghi ngờ và để ngăn ngừa sự lầm lẫn của chúng sanh.

b/- Đức Phật ra đời cũng như đám mây lớn che khắp tất cả trần gian. Đức Phật thuyết pháp độ tất cả chúng sanh một cách bình đẳng cũng như đám mây đổ nước mưa xuống trần gian bằng cách không phân biệt. Pháp của đức Phật thuyết ra chỉ có một vị Phật Thừa cũng như mây đổ mưa xuống trần gian cùng một chất nước, nhưng chúng sanh có ba hạng khác nhau cho nên thọ nhận pháp vị Phật Thừa bình đẳng của đức Phật giảng giải biến thành ba Thừa riêng biệt nhau, cũng như cỏ cây có nhiều loại khác nhau cho nên thọ nhận nước mưa bình đẳng của đám mây rơi xuống thấm nhuần tính chất không giống nhau.

Mặc dù thọ nhận pháp vị ba Thừa sai biệt nhau, ba hạng chúng sanh nói trên đều được thấm nhuần "Tướng Giải Thoát" để đạt đến bậc "Nhứt Thiết Chủng Trí" của Phật Thừa, cũng như nhiều loại cây cỏ khác nhau thọ nhận nước mưa bình đẳng của đám mây đều được đơm





nhuần, đều được sanh trưởng cả. Nhứt Thiết Chúng Trí là bậc có trí tuệ thấu biết nguồn gốc hạt giống sai biệt của tất cả pháp hữu vi và vô vi trong ba cõi, đây là chỉ cho trí tuệ của Phật.

6.- PHẨM THỌ KÝ:

Đại ý phẩm này, đức Phật tỏ bày cho đại chúng biết rằng, tất cả đệ tử của Phật, dù là thượng căn, trung căn hay hạ căn nếu có lòng tin vững chắc, có quyết tâm tinh tấn thật hành đúng theo pháp phương tiện của Phật dạy đều sẽ được thọ ký thành Phật. Đức Phật nhận thấy trong Phẩm trước bốn vị Đại Ca Diếp, Tuệ Mệnh Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên, Đại Mục Kiền Liên đã lãnh hội được yếu chỉ Pháp Vĩ của Phật chỉ có một chất Phật Thừa, đồng thời rõ thông ba Thừa vốn không thật và như thế đã hội đủ Chánh Nhân Phật Tánh sẽ chứng quả Vô Thượng Bồ Đề. Nhằm tạo dựng đức tin kiên cố cho đại chúng trong Pháp Hội ngay lúc đó, đức Thế Tôn đích thân thọ ký cho ngài Đại Ca Diếp sẽ thành Phật hiệu là Quang Minh sẽ làm giáo chủ ở cõi nước tên là Quang Đức, thọ ký cho ngài Tuệ Mệnh Tu Bồ Đề sẽ thành Phật hiệu là Danh Tướng sẽ làm giáo chủ ở cõi nước tên là Bửu Sanh, thọ ký cho ngài Đại Ca Chiên Diên sẽ thành Phật hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang sẽ làm giáo chủ ở cõi nước tên là Diêm Phù Na Đề, thọ ký cho ngài Đại Mục Kiền Liên sẽ thành Phật hiệu là Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương sẽ làm giáo chủ ở cõi nước tên là Y Lạc.

7.- PHẨM HÓA THÀNH DỤ:

Đại ý phẩm này, đức Phật minh định những pháp thuộc về Hóa Thành và những pháp thuộc về Bảo Sở. Đồng thời đức Phật dẫn dụ để chứng minh rằng, tất cả chúng đệ tử đều có nhân duyên sâu xa với Phật và có thể thành Phật.

a/- Sau khi đức Phật thọ ký cho bốn đại đệ tử như ngài Tuệ Mệnh Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên

Diên, Đại Ca Diếp, Đại Mục Kiền Liên sẽ chứng quả Vô Thượng Bồ Đề, một số Thánh Văn hạ căn cho rằng, những bậc thượng thủ như ngài Tuệ Mệnh Tu Bồ Đề, ngài Đại Ca Diếp, ngài Đại Ca Chiên Diên, ngài Đại Mục Kiền Liên v.v... mới có thể thành Phật, còn hạng hạ căn như chúng ta làm sao có thể thành Phật.

b/- Đức Phật dự biết một số đại chúng thối tâm liền dẫn dụ 16 vị Vương Tử giáo hóa chúng sanh trong thời kỳ được Phật Đại Thông Trí Thắng ra đời để nói lên rằng:

1)- Đức Phật và các đệ tử đã kết thiện duyên với nhau từ lâu xa, cho nên các đệ tử của Phật, dù là hạ căn cũng có thể thành Phật.

2) Mười sáu vị Vương Tử, trước kia cũng thuộc về hàng Thánh Văn, nhờ hành trì và giảng giải Kinh Pháp Hoa, cho nên về sau cũng được thọ ký thành Phật.

c/- Theo đức Phật, Niết Bàn thuộc về ba Thừa (Tam Thừa Niết Bàn), cũng như Niết Bàn của hàng Thánh Văn, Niết Bàn của hàng Duyên Giác và Niết Bàn của hàng Bồ Tát đều thuộc về "Hóa Thành", do đức Phật phương tiện quyền lập để diệt trừ tâm thối chuyển của chúng sanh. Niết Bàn thuộc ba Thừa này không phải "Bảo Sở" của Niết Bàn cứu cánh (Cứu Cánh Niết Bàn) nơi Phật Thừa.

d/- Những loại kinh như Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo. Lục Độ vạn hạnh v.v... đều thuộc về pháp Quyền Thừa của "Hóa Thành". Chỉ có Kinh Pháp Hoa mới chính thực là pháp cứu cánh của Phật Thừa thuộc về "Bảo Sở".

e/- Mục đích của đức Phật bao giờ cũng muốn cho tất cả chúng sanh chứng thành quả vị của Phật Thừa, nhưng vì căn cơ của chúng sanh không đồng nhau, cho nên đức Phật mới phương tiện thiết lập giáo pháp thành ba Thừa và hóa hiện những cảnh giới "Niết Bàn" thuộc "Hóa Thành" ngõ hầu giúp cho các đệ tử thuộc ba Thừa tạm nghỉ chân. Khi chúng sanh an trụ

được bản tâm trong thời gian nghỉ chân, đức Phật mới nói Kinh Pháp Hoa là pháp cứu cánh của Phật Thừa để cho chúng sanh thể nhập được cảnh giới "Cửu Cánh Niết Bàn" thuộc "Bảo Sở".

8.- PHẨM NGŨ BÁ ĐỀ TỬ THỌ KÝ:

(Phẩm năm trăm đệ tử được thọ ký:

Đại ý phẩm này, đức Phật trình bày hai mục đích: giải nghi cho đại chúng và thọ ký cho các đệ tử thành Phật.

a/- Giải nghi cho đại chúng:

1)- Nay đại chúng, các ông từ vô lượng kiếp về trước đã từng gieo giống Thinh Văn, giống Duyên Giác như: Mãn Từ Tử (Phú Lô Na), Kiều Trần Như chẳng hạn và các ông cũng đã từng siêng năng hộ trì Chánh Pháp, cũng đã từng độ thoát tất cả chúng sanh. Cho nên ngày nay, các ông mới có nhân duyên để trở thành bậc Thinh Văn, bậc Duyên Giác và các ông cũng có nhân duyên để tiếp tục hộ trì Chánh Pháp, độ thoát chúng sanh.

2)- Các ông tuy là hình thức Thinh Văn và hình thức Duyên Giác để tùy cơ hóa độ chúng sanh, nhưng bên trong vẫn ẩn chứa hạnh Bồ Tát, rồi đây các ông sẽ trở nên thành Phật, như ngài Phú Lô Na sẽ được thành Phật hiệu là "Pháp Minh" và ngài Kiều Trần Như sẽ được thành Phật hiệu là "Phổ Minh".

b/- Thọ ký cho các đệ tử:

1)- Năm trăm vị Tỷ Kheo sau khi nghe đức Phật thuyết pháp liền mở bày được Phật Huệ và khai tỏ được tri kiến nên rất vui mừng nói rằng: "Chỉ có đức Thế Tôn mới rõ được bốn nguyên trong thâm tâm của chúng ta". Năm trăm vị Tỷ Kheo này được đức Phật thọ ký sẽ thành Phật "Phổ Minh" như ngài Kiều Trần Như.

2)- Được thọ ký xong, năm trăm vị Tỷ Kheo trên liền tỏ bày sự chứng đắc của mình qua câu chuyện: "Gã ăn mày được buột hạt châu quý báu trong ché áo" để thí dụ sự mê lầm của mình.

c/- Về sau đức Phật từng thọ ký cho 1,250 vị A La Hán đều được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

9.- PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC VÔ NHƠN KÝ:

Từ đầu đến đây, đức Phật ba lần khai thị, nào là "Pháp", nào là "Dụ", nào là "Nhân Duyên" để độ chúng sanh. Một nghìn năm trăm mười A La Hán đều được thọ ký thành Phật, nhưng các bậc Thinh Văn thuộc tân học như A Nan, La Hầu La v.v... cũng muốn được thọ ký.

Luận về Phật Tánh, mỗi chúng sanh đều có đủ ba tánh: Chánh Nhân Phật Tánh, Duyên Nhân Phật Tánh và Liễu Nhân Phật Tánh.



a/- Chánh Nhân Phật tánh, nghĩa là những người đã có sẵn Phật Tánh thâm hậu làm nhân, mỗi khi nghe được Chánh Pháp điều nghĩa liền tỏ ngộ ngay lập tức, như ngài Xá Lợi Phất v.v... nên gọi là Chánh Nhân Phật Tánh.

b/- Duyên Nhân Phật Tánh, nghĩa là những người tuy đã có Phật Tánh làm nhân, nhưng không thâm hậu, phải nhờ đến các bậc thiện tri thức trợ duyên khai mở mới tỏ ngộ, như 500 vị A La Hán phải nhờ đến đức Phật dẫn chứng có nhân duyên với Phật từ lâu xa và hôm nay được thuận thực, chứng tỏ các vị mới tỏ ngộ, nên gọi là Duyên Nhân Phật Tánh.

c/- Liễu Nhân Phật Tánh, nghĩa là những người tuy đã có Phật Tánh làm nhân, nhưng phải nhờ đến đức Phật khai thị mới được tỏ ngộ, như các ngài Đại Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diếp, Đại Mục Kiền Liên v.v... nên gọi là Liễu Nhân Phật Tánh.

Riêng "Duyên Nhân Phật tánh" cũng có hai loại: Thân Duyên Nhân Phật Tánh và Sở Duyên Nhân Phật Tánh.

1)- Thân Duyên Nhân Phật Tánh, như là Phật Tánh của ngài A Nan và ngài La Hầu La đều quan hệ trực tiếp (Duyên) với Phật Tánh của đức Phật làm nhân, nên gọi là Thân Duyên Nhân Phật Tánh.

2)- Sở Duyên Nhân Phật Tánh, nghĩa là ngoài Thân Duyên Nhân Phật Tánh, các Phật Tánh khác của chúng sanh chỉ quan hệ gián tiếp với Phật Tánh của đức Phật, nên gọi là Sở Duyên Nhân Phật Tánh.

Cuối cùng đức Phật thọ ký cho ngài A Nan, ngài La Hầu La cùng 2,000 đại chúng gồm những bậc Thọ Học và Vô Học đều được thành Phật. Từ đó cho thấy, lòng từ bi của đức Phật thật là rất rạo bình đẳng.

10.- PHẨM PHÁP SƯ:

Trong phẩm này, đức Phật dạy, phải tôn trọng, tán thán, cung kính, cúng dường vị Pháp Sư. Theo đức Phật, Kinh Pháp Hoa chính là toàn thân của đức Như Lai. Vị Pháp Sư gánh vác Kinh Pháp Hoa là gánh vác đức Như Lai, nguyên vì giáo nghĩa Phật Thừa đều nằm trong Pháp Thân của đức Như Lai. Trường hợp này cũng tương tự như muôn pháp vì trùng đều nằm trong nhục thân của con người và Bác sĩ chăm sóc con người chính là chăm sóc muôn pháp vì trùng. Người kính trọng đức Như Lai thì phải kính trọng vị Pháp Sư. nhưng một vị được gọi là Pháp Sư cần phải vào được nhà Như Lai, phải mặc được áo Như Lai, phải ngồi được tòa Như Lai. Vị Pháp Sư vào được nhà Như Lai nghĩa là phải thể hiện trọn vẹn tâm từ bi rộng lớn của chư Phật đối với tất cả chúng sanh trong sự cứu độ, mặc được áo Như Lai nghĩa là phải thể hiện đức tính nhu hòa và nhẫn nại đối

với tất cả mọi từng lớp chúng sanh ở bất cứ hoàn cảnh nào, ngồi được tòa Như Lai nghĩa là thể nhập được bản thể chân không của tất cả pháp. Như kinh nói: "Vào nhà Như Lai" là ý chỉ cho tâm từ bi rộng lớn làm nhà, "Mặc áo Như Lai" là ý chỉ cho tâm nhu hòa nhẫn nhục làm áo, "Ngồi tòa Như Lai" là ý chỉ cho tánh Không của các pháp làm Pháp Tòa. Hơn nữa vị Pháp Sư thuyết giảng Kinh Pháp Hoa cũng phải hiểu rõ ý chỉ của đức Phật và nếu như không hiểu rõ ý chỉ của đức Phật lại tự ý giảng pháp sai lầm thì sẽ bị tội Cuồng Vọng Thuyết pháp.

Pháp Sư có năm hạng:

- 1)- Pháp Sư tùy hỷ,
- 2)- Pháp Sư đọc tụng,
- 3)- Pháp Sư thọ trì,
- 4)- Pháp Sư thơ tả,
- 5)- Pháp Sư giảng thuyết.

Người nào hoàn thành một trong năm hạng trên đây đều được gọi là Pháp Sư đáng tôn kính, đáng ngưỡng mộ, đáng phụng sự và đáng cho chúng sanh nương tựa tu học. Vị Pháp Sư nào phát nguyện cứu độ chúng sanh mà còn phân biệt nhân, ngã, bỉ, thử, còn phân chia thân, sơ, sang, hèn v.v... là vị đó chưa được vào Nhà Như Lai. Vị Pháp Sư nào phát nguyện cứu độ chúng sanh, đối với mọi từng lớp chúng sanh trong mọi hoàn cảnh không thể hiện được đức tính nhẫn nại nhu hòa, còn thối chí ngã lòng, còn thương ghét nóng giận v.v... là vị đó chưa mặc được áo Như Lai. Vị Pháp Sư nào còn lập vị làm tướng, còn lập phái kết đảng, thiếu sự khiêm cung trong cung cách v.v... là vị đó chưa được ngồi tòa Như Lai. Những vị Pháp Sư còn những thứ bệnh kể trên chưa phải là Pháp Sư theo nghĩa của Kinh Pháp Hoa.

Tất cả chúng sanh ai cũng có Chánh Nhân Phật Tánh, nhưng Chánh Nhân Phật Tánh này nếu như không có Kinh Pháp Hoa làm trợ duyên thù thắng (Duyên Nhân) thì khó hiển lộ. Như đã có Kinh Pháp Hoa mà không có vị Pháp Sư thuyết giảng làm trợ duyên thù thắng thứ hai (Duyên Nhân) thì cũng khó liễu ngộ được Chánh Nhân Phật Tánh (Liễu Nhân). Cho nên vị Pháp Sư rất quan trọng trong việc cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề. Người muốn ngộ nhập được tri kiến của Phật Thích trước hết phải cần đến và tôn kính vị Pháp Sư.

Tử Phẩm Pháp Sư này trở về trước là thuộc về phần "Khai Phật Tri Kiến".

(còn tiếp)



TIẾNG XUÂN

*Sáng nay đào mai vừa nở
Cành xanh nắng mới bâng khuâng
Vi vu vài làn gió ấm
Trời trong, lạnh lớt tiếng xuân.*

*Xuân ơi, ngập ngừng chi nữa
Cùng ta hớp một ngụm trà
Ngồi bên hiên vàng mây độ
Từ Trang nghiêm kiếp nào xa.*

*Cũng nụ đào hoa bờ ngõ
Thâm thì Tinh Tú trên cao
Mắt xuân bập bùng ánh lửa
Đêm thơm một cỗi trắng sao.*

*Xuân trong lòng người cùng tử
Trót vương hạt bụi ven đường
Xuân reo hồn ai lữ thứ
Sầu neo gót mỗi ngàn phương.*

*Ơi xuân non cao một thuở
Nụ cười gõ cánh hoa xinh
Ba mùa, nốt xuân điểm lặng
Khúc thời gian mãi vô tình.*

thơ

THÍCH NỮ TỊNH QUANG

Ký ức về Ôn

TN DIỆU PHÚC

Trong làn gió se lạnh cuối đông, mây trời như xám đậm hơn, cả không gian dường như hiu hắt và ngưng đọng lại - Ôn đã ra đi!

Tuy là kẻ hậu sinh nhưng chúng tôi có chút phước duyên, được gần gũi và được nghe lời chỉ giáo của các bậc tôn túc. Tôi không nhớ vào năm nào, chúng tôi được quý Ni trưởng dẫn lên đánh lễ Ôn. Vốn tính lẳng đãng, lúc ấy đang quỳ phía ngoài hiên thất mà mắt tôi thỉnh thoảng lại nhìn vào mấy bông hoa Hồng Tú Cầu nở đỏ thắm, thỉnh thoảng lại nhìn bầu chim sẻ ríu rần trên cành bạch đàn và mỉm cười một mình khi thấy Ôn tận dụng trồng cây trong những chiếc bình sứ miệng hoặc cái nồi hũ, vậy mà chúng vẫn nở hoa. Bất ngờ tôi nghe tiếng Ôn nhấn mạnh: "Người tu cũng giống như người tài xế, nếu người tài xế không cẩn thận hay lái xe không vững cũng giống như người đi lạc đường, nguy hiểm hơn sẽ đưa người đến cõi chết." Tôi như bừng tỉnh trước câu ví dụ mộc mạc nhưng đầy uy lực và mang nhiều ý súc tích của Ôn.

Từ ngày ấy và mãi mãi về sau, câu nói bất tử này đi theo tôi suốt cả cuộc hành trình. Tôi đã suy nghiệm nhiều trong cuộc sống tu tập - phải chăng hàng hậu học chúng tôi cũng sẽ như người tài xế kia? Nếu chúng tôi không biết ý thức trách nhiệm và bổn phận của một người xuất gia thì hậu quả khó lường sẽ dẫn đến, có khác gì người tài xế kia đâu! Và lời nhắc nhở tưởng chừng như nhẹ nhàng ấy đã in sâu vào tâm tư tôi, giúp tôi nỗ lực tinh tấn tu tập, biết cân nhắc khi làm việc gì cũng phải nghĩ đến sự an lạc, hạnh phúc cho tha nhân. Đây chẳng phải là việc dễ dàng nhưng tôi nguyện cố gắng hết lòng, để gọi là một chút đáp đền ơn giáo dưỡng của Ôn và các bậc tôn túc.



Hòa Thượng
THÍCH TRÍ NGHIỆM

Kính bạch giác linh Ôn!

Chín mươi ba năm - một cuộc đời quá đủ cho một bậc thầy đức độ, khiêm cung. Ôn đã sống thật trọn vẹn với nếp sống Thiền vô cùng đậm bạc, giản đơn, với ngôn từ bình.

Ôn ơi! Gian thất nhỏ đơn sơ ngày nào với chiếc chõng tre ngoài chái hiên đã phủ bụi đầy, một góc nhỏ ngoài hiên Ôn để dành những hạt cơm cho mấy chú thần lẩn, những con vật thân thương luôn quần quanh dưới chân Ôn khi Ôn ngồi dịch kinh như mèo, chó cùng đàn cá lượn lờ trong hồ nhỏ... Những hình ảnh gợi nhớ một bậc thầy ngày ngày cặm cụi bên án thư, miệt mài dịch kinh, đọc sách, nay đã không còn!

"Hoa đàm tuy rụng vẫn còn hương"

Ôn đã xuôi con thuyền Bát nhã ra khơi đi về cõi tịnh. Chúng con còn đây với chiếc xe nhỏ cọc cạch trên con đường phía trước lăm dốc, nhiều gai nhưng chúng con sẽ nhớ mãi lời Ôn để vượt qua chặng đường thử thách ấy.

Kính bạch giác linh Ôn!

Trời đã sắp sang xuân, con vẫn tin chắc chắc rằng:

*"Xuân lại, xuân khứ, nghi xuân tận
hoa lạc, hoa khai, chỉ thị xuân"*

(Xuân đến, xuân đi, ngờ xuân tận
Hoa tàn, hoa nở vẫn là xuân).

Đến và đi, đó là dòng chảy bất tận của cuộc đời. Nhưng có hề chi đối với những bậc chân tu, với những đại Bồ tát giữa đời thường không còn vướng bận việc "khứ lai"?

*(Thành kính đánh lễ giác linh
đại lão Hòa Thượng thượng Trí hạ Nghiêm)*

Hoa đào

Truyện Xưa Viết Lại

PHÙNG QUÂN



*"Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông."*

Đó là hai câu thơ của thi hào Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh tả cảnh lúc Kim Trọng sau nửa năm về nhà hộ tang thúc phụ tại đất Liêu Dương, khi chàng trở lại vườn Lãm Thúy tìm gặp lại Thúy Kiều để nối lời nguyện ước, thì hồi ới: *nhìn phong cảnh cũ mà nay đã khác xưa. Đây vườn cỏ mọc, lau thưa. Song trắng quanh quẽ, vách mưa rã rời.*

Dưới ngọn thần bút ấy của Nguyễn Du, có lẽ không ai có thể vẽ nên một bức tranh thể lượng âm đạm hơn như thế, giữa cái buồn, cái vắng lạnh tái tê của không gian bám đầy *rêu phong cỏ mọc*, hoang phế đến độ *xập xòe tiếng én liêng* mà còn nghe rõ mồn một từ chốn *lầu không*, thì thử hỏi còn cảnh tượng nào cô liêu và âm đạm hơn? Cái thần tình vẫn không chỉ ở chỗ thể lượng, tái tái mà chính ở nét tương phản vô can giữa cảnh trần gian hệ lụy mà cảnh đào trước ngõ vẫn vô tình cười đùa với gió đông.

"*Hoa đào năm ngoái*" là một điển tích trong văn học sử Trung Quốc. Đời nhà Đường có chàng Thôi Hộ về chốn kinh thành thi tiến sĩ, chàng du xuân dạo chơi khắp chốn và lạc vào Đào Hoa Trang, gặp một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp đang đứng dưới gốc cây đào rộ nở hoa. Hai người nhìn nhau đắm đuối, và khuôn mặt nàng ánh lên màu hoa đào. Rồi năm sau, cũng nhân ngày hội du xuân, chàng Thôi Hộ lại tìm đến Đào Hoa Trang. Cảnh cũ vẫn còn đó, nhưng người xưa đã vắng bóng. Nhìn lên thì cửa đóng then cài, chỉ có ngàn hoa đào rực rỡ vẫn đang mơn man trong gió như mỉm cười chào đón khách du xuân. Thần thơ Thôi Hộ ngâm ngùi đề thơ trước cổng:

Nguyên văn:

題都城南莊

去年今日此門中，
人面桃花相映紅；
人面不知何處去，
桃花依舊笑冬風。

Đề Đô Thành Nam Trang
(hay Đề Tích Sở Kiến Xứ)

Khứ niên kim nhật thử môn trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.
(Đề Thơ Chỗ Gặp Gỡ Ngày Trước)

*Năm ngoái ngày này vẫn cửa trong
Hoa đào mặt ngọc vương ánh hồng
Mặt hoa nay biết đi đâu vắng
Chỉ thấy hoa đào cợt gió đông.*

Chiều đến nàng thiếu nữ cùng thân phụ trở về nhà. Theo sau chân cha, nàng chợt nhìn lên cổng thấy đề bốn câu thơ, nét chữ sắc xảo ý thơ dồi dào, nàng hiểu rõ tâm tình của người khách du xuân năm ngoái. Nàng buồn bã thở dài, chợt hồi tiếc cho duyên ai vừa gặp gỡ lại đã khéo bề bàng. Rồi ngày lại qua ngày, người thiếu nữ vẫn tựa mình bên song cửa mong đợi và hy vọng gặp lại người khách hào hoa phong nhã năm xưa. Rồi kể từ hôm ấy nàng bắt đầu ốm tương tư, bỏ ăn bỏ ngủ, dung nhan tiều tụy vố vàng. Trước lúc lâm chung nàng đành thú thật tâm sự tuyệt vọng cho cha già và xin tha tội bất hiếu. Năm ấy cũng đúng tiết hoa đào, chàng trở lại Đào Hoa Trang, nghe trong nhà có tiếng khóc, chàng gọi cổng, một ông cụ bước ra mếu máo:

"Người có phải Thôi Hộ không? Con gái ta chết rồi, vì nó thương nhớ người!"

Thôi Hộ quỳ bên xác nàng khẽ gọi:

"Nàng ơi! Thôi Hộ đây, Thôi Hộ về đây."

Lạ thay nước mắt của chàng nhỏ xuống mặt nàng thiếu nữ. Người con gái bỗng bừng tỉnh và khuôn mặt lại ánh lên màu hoa đào.

Cũng vẫn trong Đoạn Trường Tân Thanh, có đoạn Nguyễn Du tả cảnh Thúy Kiều nhân lúc vắng nhà, nàng lên sang chỗ ở của Kim Trọng:

Xắn tay mở khóa động đào

Rẽ mây trông tỏ lối vào thiên thai.

"Động Đào" là động Đào Nguyên. Ở đây Thúy Kiều dùng lối thâm xưng, nhún nhường đề cao chỗ ở của tình nhân như một cõi tiên, và ví nàng như có diễm phúc lắm nên mới được lạc vào cõi tiên ấy.

Động Đào Nguyên trong điển tích còn gọi

là động Bích, là nơi tiên giới. Tương truyền đời nhà Tấn, có người thuyền chài ở huyện Vũ Lăng, một hôm chèo thuyền đi ngược ven theo bờ suối. Càng đi xa về thượng nguồn chừng nào thì càng thấy có nhiều hoa đào trôi theo dòng nước đổ xuống chừng ấy. Đến một quãng bỗng thấy hiện ra trước mắt bát ngát một rừng đào, sắc hoa đào rực rỡ làm cho chàng ngư phủ say sưa thích thú. Neo thuyền lên bờ vượt qua rừng đào đến chân một ngọn núi, thì kỳ lạ chưa: dưới chân núi có một cửa hang nhỏ hẹp chỉ vừa đủ một người chui qua, thấp thoáng bên trong có ánh sáng. Tò mò chàng lách mình vào cửa hang, cửa động lớn dần rồi cả một thế giới hiện ra với ruộng vườn tươi tốt, nhà cửa thôn ấp hiền hòa nối tiếp nhau. Trẻ già đều ung dung thanh thản, các bậc phụ lão đem vợ con ra chào mừng khách lạ, dọn cơm rượu đãi mừng. Chàng ngư phủ ăn uống lấy làm ngon lạ, mà tuy cũng là cơm rượu nhưng hương vị khác thường:

"Tổ tiên chúng tôi lánh nạn đời Tấn, trú ngụ ở đây từ đó đến nay hoàn toàn cách biệt với bên ngoài. Hiện nay chúng tôi không hề biết có nhà Hán, huống chi là nhà Ngụy và nhà Tấn? Sau khi ra khỏi chốn này xin chàng đừng cho ai biết có chúng tôi ở đây."

Từ đời Tấn đến đời Tấn thời gian cũng dễ gần 600 năm, biết mình may mắn đã gặp được tiên, khi trở về nhà, trước chàng còn dấu kín nhưng cuối cùng cũng thấu đến tai quan sở tại. Vì tính hiếu kỳ, viên quan sai người theo chàng ngư phủ tìm lại động Đào Nguyên, nhưng hai người lạc lối và không bao giờ tìm được lối trở lại chốn Thiên Thai...

Lá đào rơi rắc lối thiên thai

Suối tiễn, oanh đưa, luống ngậm ngùi.

Nửa năm tiên cảnh,

Một bước trần ai,

Ước cũ, duyên thừa, có thể thôi!

Lần này là những áng thơ trắc tuyệt trong bài Tống Biệt của thi sĩ Tản Đà. Bài thơ Tống Biệt này là lời hai nàng tiên nữ hát trong buổi tiễn chân hai chàng Lưu Nguyễn xuống núi từ biệt cõi tiên về lại chốn trần gian. Bài thơ được viết theo thể điệu Hoa Phong Lạc, một từ khúc của Trung Quốc điển tích "Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai."

Tương truyền đời Hán, Lưu Thần và Nguyễn Triệu một hôm lên núi Thiên Thai thuộc tỉnh Chiết Giang hái thuốc, gặp hai tiên nữ, bèn ở lại cõi tiên và hợp duyên cùng tiên nữ. Được nửa năm, hai chàng nhớ quê quán đòi về. Không ngờ khi về đến nơi thì quê hương đã đổi khác, chỉ có người nghe kể mang máng rằng cách nay đã mấy mươi đời có hai ông tổ lên núi hái thuốc rồi không thấy trở về. Quá thất vọng, hai chàng trở lại núi Thiên Thai

nhưng không tìm đâu ra tiên nữ!

Nói đến cảnh tiên là phải nói đến vườn đào Tây Vương Mẫu với những trái đào tiên thơm mộng thể mà cả bài thơ Tống Biệt không thấy tả hay nhắc đến một cảnh hoa đào, thì kể cũng lạ. Chỉ có lá đào rơi rắc ngậm ngùi đưa tiễn hai chàng Lưu Nguyễn trở về quê hương chốn cũ, như thể tiễn một chút duyên thừa như những chiếc lá thu rơi. Nhưng trước đó giữa chốn Thiên Thai chắc hẳn thế nào mà chẳng có những cánh rừng hoa đào bạt ngàn chào đón hai chàng trong những ngày đầu lạc chốn thần tiên hạnh ngộ ấy? Thôi thì:

Trời đất từ đây xa cách mãi

Cửa động, đầu non, đường lối cũ
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi.

Nếu hoa đào là biểu tượng của mùa xuân, là sự chuyển mình hứa hẹn của tiết mùa, là nỗi háo hức của thế gian mong được gặp lại chúa xuân thì đôi khi chính trong cái không khí tung bừng ngấm nhìn những cảnh đào khoe sắc thắm, thì một ai đó trong chúng ta bỗng chợt thấy bồi hồi xúc cảm khi ngang qua một góc phố, một vỉa hè, lòng chùng như xao xuyến một nỗi niềm hoài cổ gặm nhấm trở về: hình ảnh một Ông đồ già, bày mực tàu giấy đỏ, bên phố đông người qua nay chỉ còn là một bức tranh

mờ trong ký vãng. Nỗi niềm hoài cổ ấy thật nhẹ nhàng mà lắng lắng làm đau thắt lòng người, một nỗi thương tâm để tiếc thương cho một nền Nho học đã tàn lụi, một nỗi buồn tủi xót xa của một lớp kẻ sĩ bị thời thế chối từ.

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài

"Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay"

Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sâu

Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

Giờ đây hình ảnh ông đồ già đã vắng bóng. Nhưng cái vắng bóng ấy có thật sự đã trở thành cái thiếu vắng trong lòng mọi người mỗi dịp xuân sang? Bởi lẽ không dễ mấy ai trong chúng ta cũng có thể cảm nhận và phát hiện một thứ mất mát dù chỉ thoáng nhẹ nhàng như sương khói ấy nhưng sẽ không thể nào thay thế được. Bởi vì ở đây hay dù bất cứ nơi đâu cũng vậy, con người đâu phải chỉ luôn sống với hôm nay và ngày mai mà còn ràng buộc bao mối dây liên hệ với một quá khứ hồn thiêng của dân tộc.

Trong cội tử sinh, đây rầy đời hưng phế, như một dòng sông biến dịch, có *cuộc hí trường*, có *lối xưa xe ngựa hồn thu thảo*, để *nền cũ lâu đài bóng tịch dương* thì hình ảnh một cảnh mai vẫn tươi nở dù khi đêm xuân đã qua hết, chính là một tiếng hú dài giữa hư không đột ngột về đánh thức thế gian, như một hiện tượng cá biệt vượt ngoài qui luật sinh diệt thường tình. Đó chính là một thứ Tâm Giác Ngộ trong cội an nhiên tự tại đã vượt đến cội vĩnh hằng trong một thế giới vô thường vô cùng hạn hẹp.

Thiền sư Mãn Giác đời Lý, trong lúc lâm chung có để lại một bài kệ cáo bệnh dạy lại môn đồ:

告疾示眾
春去百花落，
春到百花開。
事逐眼前過，
老從頭上來。
莫謂春殘花落盡，
庭前昨夜一枝梅。

Cáo Tật Thị Chúng

"Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai."

*Xuân ruối, trăm hoa rụng
Xuân tới, trăm hoa cười
Trước mắt, việc đi mãi
Trên đầu, già đến rồi
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước, một cảnh mai.
(Ngô Tất Tố dịch)*

Mà ai đó nếu quả thật đã là Tâm Giác Ngộ thì đâu cứ phải là một cảnh mai vừa mới nở giữa đêm xuân tàn? Có thể chẳng vẫn là một cảnh đào muôn thuở, tươi sắc màu luôn mỉm cười trong từng ngọn gió đông?

PHÙNG QUÂN
California, Hàng Gió

lời vụn(g)

*thăng hoặc tôi là gió
quán quýt ngọn sâu đông
thăng hoặc tôi là cỏ
dan diu gót sen hồng
thăng hoặc nghe đầu ngõ
tiếng mẹ về bên sông
thăng hoặc trong mộng tưởng
cuối mùa sắc, thanh, hương
thăng hoặc trong mù sương
tôi quét lá vô thường
thăng hoặc trong hơi thở
ôi tay mẹ, cảnh dương*

*trang vàng ố, chữ lông bông
nhật lên, rơi xuống
lòng vòng ngày qua
mưa cuối năm
mẹ quê nhà
giọt dài
giọt vẫn
ngờ là chiêm bao*

*phố mừng
tượng đứng trông
mưa mừng
trời cuối đông
hoa mừng
chợt trở bông
ngày mừng tượng thông dong
đời mừng tượng hư không*

*xuân hành
nghe mộng phù du
câu xa
nhịp gầy
mịt mù lối xưa
chiều vắng lặng
phát phơ mưa
dốc dài
chân mồi
đong đưa tay gầy
đời hư huyền
mộng cao bay
bồ đề duyên khởi
sâu dày ngộ không*



thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM

NÉT VĂN HÓA PHẬT GIÁO QUA HAI TÁC PHẨM

Thiền Tông Qua Bờ Kia – tác giả Nguyên Giác
và Đạo Phật, Đất Nước, Cuộc Sống và Tâm Linh - tác giả Đào Văn Bình
 Nhà Xuất Bản Ananda Việt Foundation 2017

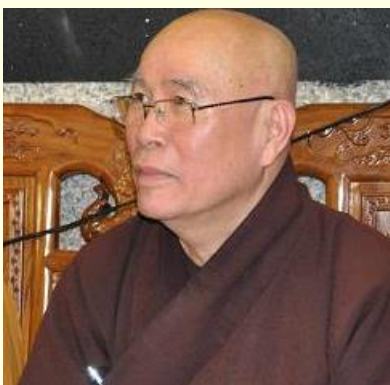
Thích Nguyên Siêu

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu
Ni Phật

Kính thưa chư vị Thức giả,
chư vị văn nghệ sĩ cùng tất cả
quý quan khách,

Nói đến Văn Hóa Phật
Giáo, chúng ta đều hiểu đó là
Văn Hóa Giác Ngộ. Một lời nói
có văn hóa. Một việc làm có văn
hóa. Một ý nghĩ có văn hóa. Ba
phạm trù thân, khẩu, ý luôn
trong sáng, luôn được phòng hộ
ấy là văn hóa tu chứng. Văn
hóa hướng thượng, văn hóa đi
trên con đường bậc thánh của
tự thân mỗi người phát nguyện hiến thân tu
tập.

Qua nội dung của hai tác phẩm: *Thiền
Tông Qua Bờ Kia* của tác giả Nguyên Giác và
Đạo Phật, Đất Nước, Cuộc Sống và Tâm Linh
của tác giả Đào Văn Bình, độc giả sẽ thấy nếp
sống văn hóa Phật Giáo luôn có mặt từ đầu đến
cuối tác phẩm. Có mặt một cách tích cực. Xây
dựng cho một nhân sinh quan lành mạnh, nếu
là ở thế gian, xã hội đời thường, và nếu là xuất
thế gian cho những ai quyết tâm hạ thủ công
phu thì tâm được định tĩnh, gặt hái quả thánh
ngay trong đời hiện tại. Những yếu tố trong
sáng, những nét văn hóa giác ngộ ấy được hiển
bày từ ý vị Thiền Tập Tĩnh Thức. Từ sự chân
thật của Tâm. Từ những lời giảng dạy của Đức
Phật. Từ những nội dung của kinh Hoa Nghiêm,
kinh Duy Ma Cát, kinh Kim Cang. Từ những
Phật học Tánh Không, Bát Nhã... Nét văn hóa
Phật Giáo ấy đã hóa thân vào làng mạc, thôn
xóm nơi đời sống của người bình dân, trẻ em
học đường, bà mẹ mang thai, hay võ thuật,
quân đội, nhà tù... ca sĩ, nghệ sĩ, tu sĩ... còn
hơn nữa, nét văn hóa Phật Giáo ấy có mặt nơi
cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà
để ngắm hoa sen Ao Thất Bảo, để nghe tiếng
chim ca lảnh tảnh già hót. Và xách giỏ hái hoa
cúng dường 10 phương chư Phật mà không trễ
giờ để về thọ dụng cơm trưa... chúng tôi chỉ xin



được thưa đôi điều, còn lại kính
mời quý độc giả thưởng lãm
những nét văn hóa Phật Giáo
được tồn trữ trong hai tác phẩm
nói trên.

Và bây giờ, chúng tôi xin thưa
cùng tác giả của *Thiền Tông Qua
Bờ Kia* rằng: Tác Phẩm mang
nhiều màu sắc của Thiền tập,
hóa thân vào xã hội để vực dậy
những gì đã đổ nát từ những tư
duy của con người. Làm sống
dậy những tâm hồn trẻ trung,
giàu lòng yêu thương, phụng sự.

Đập tắt những sự căng thẳng
của chính nó, vì cuộc sống quá nhiều mộng mị.
Hướng dẫn, giáo dục con người qua nhiều
phạm trù: Từ bản thân đến gia đình – từ xã hội
đến cộng đồng quốc tế, giải trừ những cơn
phiền muộn, nhìn thấy rõ sự chân thật trong lẽ
sống. Chỉ bày để cho con người tự thân thấy vô
thường, vô ngã, bất nhị, trung đạo, tánh
không, văn tư tu, Tam Vô Lậu Học mang tính
tự giác để giải thoát. Hay Thiền định, cũng có
nghĩa là giữ giới – bình đẳng giới để con người
nhẹ nhàng rũ bỏ mọi thứ phụ tùng chung
quanh đời sống, mà chỉ có một điều duy nhất là
đi thẳng vào lòng người, kiến tánh thành Phật.

Dưới nhiều dạng thức, qua kiến giải Phật
Pháp tác giả đã dẫn dắt độc giả qua những lãnh
vực Phật Pháp như Thiền Tĩnh Thức được giảng
dạy cho: quân đội, ca sĩ, học sinh, người mẹ
mang thai, trại tù, chính quyền, giới chức lãnh
đạo quốc gia... trong mọi lãnh vực, mọi tầng lớp
người trong xã hội. Đây là một thực tại làm
hiển lộ yếu tính độc đáo, thực tiễn của nền giáo
dục thiền định đánh thức con người cho chính
nó. Tác giả đã trải nghiệm qua nhiều tinh thần
giáo pháp dưới mọi chủ đề, ngang qua Tứ A
Hàm và Năm Bộ Nikàya. Qua tinh thần giáo
pháp Đại Thừa: Kinh Duy Ma Cát, Kinh Kim
Cang, Kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã... để giới thiệu
cho người đọc có một cái nhìn sâu sắc, thực tại
khách quan rằng, Đạo Phật là Đạo Như thật. Là



Đạo Giác Ngộ. Là Đạo tu chứng. Là Đạo Từ Bi Trí Tuệ có trong mỗi chúng ta. Đây là niềm hạnh phúc cho những ai hay chính tự thân tác giả đắm mình trong biển Phật Pháp phát sinh một niềm hỷ lạc vô biên. Do vậy, mà tác giả viết: *"Cơ duyên lớn nhất trong cõi này là được mang thân người học kinh Phật, tu thiện hạnh, tập thiền pháp... không gì đẹp hơn là được ngấm mình trong Phật Pháp, nơi từng dòng, từng chữ đều mang sức mạnh chuyển hóa, đều mang vị giải thoát từ chặng đầu cho tới chặng cuối."*

Thiền Tông Qua Bờ Kia không phải là tác phẩm dành cho mọi trình độ, căn cơ người, mà rất kén chọn, độc giả phải mang kiến thức nghiên cứu, có học Phật, tu Phật; có chịu thực tập gia trì để nếm hương vị giải thoát thì mới được hiện tại lạc trú, mới thấy được pháp lạc bây giờ và ở đây, như tác giả viết: *"Khi tu tập thực sự, sẽ thấy pháp môn nào của Ngài cũng đẹp tuyệt vời. Tập một ngày là hạnh phúc một ngày, tập một giờ là hạnh phúc một giờ, tập một phút là hạnh phúc một phút. Giải thoát là ngay ở đây và ngay bây giờ. Nhưng giải thoát cũng là thấy tức khắc rằng ngay cái ở đây và bây giờ cũng không có chỗ hiện ra trong tâm của người tỉnh thức."*

Xuyên qua 27 đề tài, từ Một Nhà Nước Tỉnh Thức đến Thân Cận với Tánh Không như theo thứ tự của mục lục, độc giả sẽ bắt kịp sự trình bày của Tác giả một cách khái lược qua các phạm trù:

Thứ nhất Kinh: Tác giả viết: *"Đơn giản đọc lại kinh Pali, có thể thấy rằng tới 90% kinh là dạy về thấy, nghe, hay, biết... dạy về sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dạy thấy tâm nơi không một pháp nào dính vào, nhìn thấy tâm nơi chỗ rỗng rang, nhìn thấy tâm nơi khởi lên và biến*

diệt, nhìn thấy tâm vô tác, vô thường... ngắn gọn, đây là dạy thấy tánh?"

Và nơi đây, chúng ta từ từ, trang trọng đọc lời tác giả đã nhẹ nhàng theo dòng tư tưởng qua đề tài Bản Lai Vô Nhất Vật:

"Tôi đã lớn lên cùng với những dòng Bát Nhã Tâm Kinh. Những lời sắc bất dị không đã nghe âm vang như tiếng mõ ban mai, như tiếng tim đập của những ngày vui và của những đêm buồn, như tiếng mưa rơi mái hiên trong những buổi chiều ngồi đọc thơ Nguyễn Du. Tương tự như thế, tôi cũng say mê kinh Pháp Bảo Đàn. Trong đó nhớ nhất là câu "Bản lai vô nhất vật - Trước giờ chưa từng có một vật. Những chữ này làm sáng rực những trang kinh, làm tràn ngập lòng tôi những niềm vui như trưa nắng sân chùa. Cho dù thú thật, ngay cả từ thời thơ trẻ, hiểu chỉ lơ mơ, và tu chỉ dò dẫm."

Trong tận cùng, sau này tôi thấy, Pháp Phật chỉ là "không để tâm dính vào bất kỳ một pháp nào" nghĩa là như kinh Kim Cang nói, ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm..."

Thứ hai giới luật: Tác giả tự hỏi:

"Tại sao giữ giới là quan trọng nhất đối với người học Phật? Nhiều thập niên trước, tôi hỏi Bồn sư là Hòa Thượng Thích Tích Chiếu, rằng Ngũ Giới nhiều quá con làm sao giữ nghiêm ngặt được. Thầy nói: con chỉ cần giữ một giới thôi đó là Bình Đẳng Giới... giữ giới Bình Đẳng là thấy tham, sân, si tức khắc là giới, định, tuệ. Thấy phiền não tức khắc là Niết Bàn..."

"Hãy hình dung một vị Thầy (bất kể học lực tới đâu, bất kể quê mùa hay thành thị) giữ giới chăm chăm, sáng trưa chiều tối đều quan sát tâm mình và muốn giữ đúng giới pháp... không cần kinh nào cao siêu, khi nhà sư đó quán sát tâm để giữ đúng giới pháp như thế tự động là Thiền, và do vậy tự động giới sẽ sinh ra định và tuệ."

Thứ ba luận giải: Tác giả đã dẫn người đọc vượt qua thế giới nhị nguyên, không đem tâm chấp trước, dính mắc pháp trần nhị biên, mà thấy đâu cũng là pháp Chân Như thường hằng - bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm... Nhất thiết pháp giai thị Phật Pháp. Tác giả viết: *"Muốn chứng Nhất Phật Thừa chớ nên chán ghét lục trần. Nhất thừa làm biệt danh của tự tâm, lục trần, lục thức, lục căn là biểu hiện của tự tâm, đâu có thể chứng nhất thừa mà ghét lục trần... phải biết, Ngộ tâm này thì lục trần tức là nhất thừa, mê tâm này thì nhất thừa tức là lục trần."* Ấy là tư tưởng Phật học được tác giả trình bày một cách sâu sắc. Qua những tư tưởng khác nhau, đề tài Những Người Phật Tử Jubu. Tác giả đã trích dẫn rất nhiều người có tên tuổi từ Hoa Kỳ đến Do Thái...

"Trong các Jubu đó có nổi bậc cũng có nữ tể tử Goldie Hawn, người sáng lập hội Hawn Foundation để dạy Pháp Thiền chánh niệm tại nhiều quốc gia trên thế giới... Như thế cho thấy sức quyến rũ mạnh mẽ của Phật giáo đối với học giới Hoa Kỳ, đặc biệt với người Mỹ gốc Do



Thái. Và rồi với nhiệt tâm tu học, nhiều vị trong đó đã trở thành các Phật tử trụ cột hoằng pháp."

Lần lượt từng bước, tác giả đã xây dựng nội dung tác phẩm thật súc tích, trù phú cho một nhân sinh quan Phật giáo mang tính cổ truyền cũng như thời đại. Tác giả nghiền ngẫm các tin tức báo chí để rồi bằng sự nghiên cứu này đã viết một đề tài là "Thiền Tập Khi Mang Thai." Báo *New York Times* trong bài viết nhan đề "The Benefits of a Mindful Prenancy" (Lợi ích Thiền Tĩnh Thức Trong Khi Mang Thai) ngày 31/05/2017 cho biết một cuộc nghiên cứu mới cho thấy rằng thiền tĩnh thức có thể giúp quý bà mang thai lần đầu đối phó với sợ hãi... Thử nghiệm với 90 thai phụ, và rồi khảo sát khi các em bé ra đời được 10 tháng cho kết luận: "Thiền tĩnh thức trong khi có thai có thể có ảnh hưởng tích cực cho tiến trình phát triển cho bé sơ sinh." Qua những lãnh vực khác: Thiền trong võ thuật, Thiền trong học đường, nhà tù, hăng xướng... cho người bệnh, cho các nhà lãnh đạo quốc gia dân tộc... Thiền tĩnh thức đã đi vào lòng người; kể cả trong niềm tin của các tôn giáo khác. Tác giả đã dày công đọc và sưu khảo các tin tức trên các trang mạng Internet để rồi làm công trình xâu kết thành một tấm thảm rực rỡ bông hoa vô cùng quý báu để làm đẹp cho đời, làm an lành tịnh lạc cho những tâm hồn người của kiếp nhân sinh. Từ thế giới thượng lưu trí thức cho đến giai tầng trung lưu dân giả, nếu ai nỗ lực tinh cần thực tập thiền định thì tất cả đều có tâm hồn tươi mát, lạc quan yêu đời. Và đây, chúng ta hãy lắng lòng nghe tác giả nói. Nói trong yếu tính giữ tâm tĩnh giác, trong ý niệm vượt thoát và dập tắt vô minh, ưu phiền khổ lụy, đầy dẫy đau thương của kiếp người. nói để thấy lòng mình thanh thản, nhẹ nhàng như dòng nước trôi sông không sóng, không gió mà êm đềm xuôi vào lòng đại dương, lời tác giả: "và hàng ngày, trong đời thường, khi ngồi đọc hàng trăm bản tin, chọn tin, dịch tin, dò lỗi, suy tính ưu tiên các bản tin – nghĩa là đủ thứ bản tin về tham sân si đời thường, từ hình sự tới đủ thứ... Trong cả những lúc gần như kiệt sức mỗi buổi chiều, hay cả những lúc ứa nước mắt khi đọc tin quê

nhà, tôi vẫn nhớ tới bản kinh trong Tương Ưng Bộ nói về tiêu chuẩn của người tu học: phải xem tâm mình có khởi lên tham sân si hay không." Quan điểm, cái nhìn của người học Phật, tu Phật là vậy đó, lao tác suốt ngày, gần như hết sức, mệt mỏi nhưng tâm tư vẫn luôn trong sáng, giữ cho lòng thanh tịnh mà không để một mây may rung động, phiền não nổi lên. Có nghĩa là giữ tâm vô tham, vô sân, vô si trong mọi thời xứ. Ấy là cái sống của người thể thường hay cái tu của người đạo học hai mặt thể tục và vô vi, tác giả đã hóa thân vào đó để chia sẻ sự đau đớn của trần gian qua lời dịch thơ của Nguyễn Lương Vỵ:

*"Rồi thôi, đôi mắt ướt ngàn châu
(chẳng cần lãng mạn quái gì đâu!)
Phổ chợ, tiếng rao khuya xót ruột
Âm rách vai, gió thốc trong đầu"*

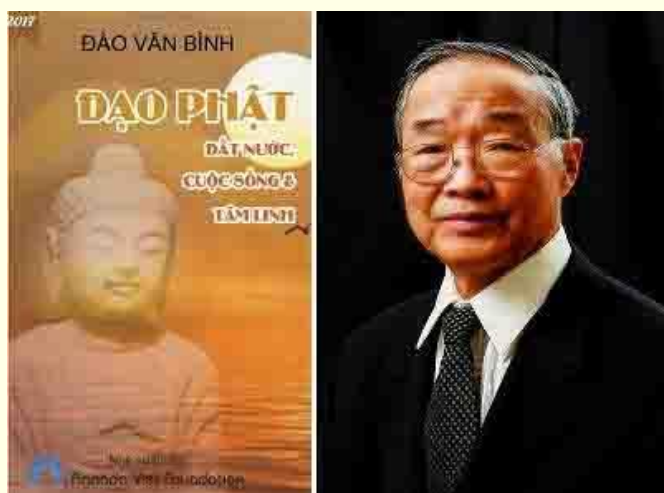
"Nhưng, chuyển trần gian đầy những đau đớn hàng ngày như thế làm sao để có thể diu nhau tới bờ giải thoát?"

Tuyệt vời cho những tư tưởng thuần khiết, được kết tinh bởi những tháng ngày âm thầm tu tỉnh, trầm mình trong cái không: "làm cho tâm trống rỗng" (making the mind empty – vô tâm). Nó thì rỗng không, nhưng vẫn có sự hành hoạt. Cái rỗng không này là cái người ta thường không hiểu, nhưng những ai đạt tới nó sẽ thấy giá trị khi nhận ra nó. Nó không phải là cái rỗng không của không có gì hết, mà nó là cái rỗng không vẫn nằm trong các thứ hiện hữu sôi động. A Taste of Freedom." Tác giả đã nội hàm một cách tuyệt vời về 5 pháp an tâm của Ngài Milarepa con người siêu việt:

*"Hãy để tâm tự nhiên như một em bé
Hãy để tâm như mặt biển không sóng gợn
Hãy để tâm trong suốt như ngọn lửa nền
Hãy để tâm không bận gì nữa y hệt một xác chết
Hãy để tâm bất động như một ngọn núi."*

Kính thưa quý vị thức giả, văn nghệ sĩ, quan khách, đôi lời vô cùng giới hạn, để muốn nói đến tác phẩm *Thiền Tông Qua Bờ Kia* mà tác giả Nguyên Giác đã trao tặng cho tất cả chúng ta món ăn tinh thần vô cùng cao quý, hiếm có giữa đời sống nhiều sự cạnh tranh để sinh tồn này. Suốt đêm đọc tác phẩm qua các đề mục cũng như nội dung, chúng tôi vô cùng cảm kích tấm lòng tu tập, phụng sự và hiến dâng của tác giả. Nếu là người diễn giảng, thuyết pháp thì đây là tập cẩm nang bỏ túi để làm tài liệu mà trao tặng đến cho thính chúng. Nếu là người đang gia tâm nghiên cứu, sưu tầm tư tưởng Phật học, thì đây là tác phẩm hàm chứa nhiều tài liệu, tư tưởng làm kim chỉ nam để hướng thân lập mệnh cho đời mình. Còn nếu như tâm hồn bị lạc lõng, chơi vơi giữa biển đời sinh tử thì đây chính là hải đảo an toàn cho những tâm hồn đó nương tựa bình an. Một tác phẩm được tập chú, gia tâm nuôi dưỡng trải qua nhiều thời gian để trưởng thành qua hai đời sống thể gian và xuất thế gian mà tác giả đã miệt mài bao công lao xây đắp để có được

một thành quả to lớn hàm tàng trong tác phẩm Thiền Tông Qua Bờ Kia. Quả thật độc giả vô cùng biết ơn và hoan hỷ khi cầm quyển sách trong tay mà thấy lòng mình ấm lại; vì đâu, vì nội dung của tác phẩm đã cho mình quá nhiều lương thực, đồ ăn, nước uống để thấy bụng mình no đủ. Nói không hết lời vì ngôn ngữ của trần gian hạn hẹp. Vậy thì, cứ mở sách mà chăm chỉ đọc; đọc một cách vui thích, đam mê sẽ thấy được hương vị thơm tho nhẹ nhàng, ấm áp của lòng. Như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Còn cá nhân chúng tôi chỉ xin được làm công việc là trao tặng tác phẩm này đến cho quý độc giả từ tác giả mà thôi. Không mang một ý nghĩa nào khác hơn, vì nội dung của tác phẩm tự nó đã nói lên tất cả, đã chuyển tải tất cả mọi ý nghĩa và giá trị mà tác giả muốn gởi gắm. Chúng tôi thầm nghĩ rằng những nhà trí thức Phật tử Việt Nam hôm nay luôn được gia tâm bồi đắp cho nền văn hoá Phật Việt một cách tích cực như qua hai tác phẩm của Nguyên Giác và Đào Văn Bình thì không gì lợi lạc hơn cho con đường hoằng pháp lâu dài để lại cho nhiều thế hệ con cháu chúng ta trong tương lai, cũng như hôm nay vô cùng lợi lạc.



Đi vào tác phẩm **Đạo Phật, Đất Nước, Cuộc Sống, và Tâm Linh** chỉ đọc tên của Tác Phẩm không thôi chúng ta thấy một khung trời cao rộng thân thương, gần gũi với chính mình. Một đạo Phật Việt Nam ngót trên 2000 năm lịch sử cùng song hành với dân tộc khi thăng, lúc trầm theo vận nước. Và nơi đó, Đạo Phật đã cho dân tộc chúng ta những gì để dựng nước, giữ nước cho đến ngày hôm nay. Rồi cũng đất nước đó, nơi chôn nhau cắt rún, của mẹ cha, của dòng tộc tổ tiên, của cuộc sống và tâm linh đầy tinh thần nhân bản, suối nguồn yêu thương, chân thật.

Tác giả xây dựng cho tác phẩm của mình qua 4 phần:

1. Thứ nhất: Niềm tin tôn giáo – Phật Giáo. Sau khi đọc quyển Đạo Phật và Dòng Sử

Việt của HT. Thích Đức Nhuận, tác giả đã khẳng định niềm tin và lập trường tín ngưỡng của mình: "Trong bối cảnh tang thương của đất nước và dân tộc như thế, tại sao "gốc Phật giáo" trong tôi không bị bứng đi mà lại có thể "gặp lại" Phật..." Tác giả tiếp tục trình bày gặp lại Phật trong hoàn cảnh nào: "Chính tại sân chùa Xá Lợi (Sài Gòn) tôi đã gặp một "báu vật" khai mở trí tuệ cho tôi đó là bài pháp của Đại Đức Narada Maha Thera." Và: "chính tại ngôi chùa Xá Lợi này, tôi nhặt được một cuốn sách nhỏ (booklet) nhan đề cốt tủy của Đạo Phật. Nội dung cuốn sách thật ngắn gọn nhưng đầy đủ và thuyết phục trong đó có một câu nói của Đức Phật "Kinh giáo của ta như ngón tay chỉ mặt trăng" vừa đọc xong câu này, tôi vội xếp cuốn sách lại và trong tôi bùng nổ một niềm sung sướng và cảm phục, "Trời ơi, sao ông Phật này chân thật quá".

Tác giả tiếp tục khẳng định niềm tin nơi Phật có lý trí, có kiến thức của một sinh viên luật khoa thời đó: "Đức Phật không "vơ vào" những gì không phải của mình. Luật vô thường không phải của Đức Phật. Sinh-lão-bệnh-tử không do Phật bày ra. Cái chết không do Phật thiết kế. Niết Bàn không phải là do đặc hữu của Phật mà bất cứ chúng sanh nào nếu chịu nương theo giáo lý của chư Phật (nương theo ngón tay) thì cũng đạt được Niết Bàn (tức thấy mặt trăng). Cuộc sống, vui buồn, sướng khổ của thế giới này không phải do Phật hóa phép mà do nghiệp lực vận chuyển từ vô thủy của chúng sanh. Trước khi Phật ra đời con chim tiếp tục ăn con sâu. Khi Đức Phật thành đạo con chim vẫn ăn con sâu. Khi Đức Phật nhập diệt con chim vẫn ăn con sâu. Tất cả đều Như Thị và Như Thị."

Quả thật niềm tin có lý trí, có nhận định, sáng suốt theo luật tất tự nhiên, theo tiến trình vận chuyển của nghiệp nhân, nghiệp quả của thế giới hữu tình, vô tình... Tác giả đã có một niềm tin trong sáng, đáng kính phục. Chúng ta thử nghe thêm một đoạn nữa mà tác giả đã viết: "Vậy thì yếu tố đầu tiên tôi đến với đạo Phật là vì thấy "ông Phật" là con người thành thật. Giáo lý của Ngài là giáo lý chân thật. Ý nghĩ của Ngài là ý nghĩ thành thật. Theo tôi, chân thật (honesty) là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất. Thiếu thành thật, xa rời sự thật, phản lại sự thật, che giấu sự thật thì mọi giá trị đều sụp đổ kể cả những gì gọi là linh thiêng, thánh thiện." Tác giả còn dằn trải nhiều tư tưởng Phật học trong tác phẩm này, và để rồi tác giả đã viết: "Bạn ơi, trong muôn ngàn điều có thể nói về Đạo Phật, chỉ xin bạn nhớ cho "Đạo Phật là Đạo của những người biết lắng nghe."

2. Trách nhiệm của đất nước.

Tác giả đã nhận định và nêu rõ lập trường của mình trong sự tương quan giữa chính quyền và người dân: "Nếu chính quyền được điều hành bởi những Phật tử thì những Phật tử đó không được nói dối. Đất nước còn nghèo còn

khó khăn thì phải nói ra cho rõ, không phóng đại tô màu cho những thành tích. Hãy dẹp bỏ và phê bình thẳng thắn nạn: "làm thì láo, báo cáo thì hay" việc nào chưa làm được cũng phải nói ra cho rõ. Chỗ nào tham nhũng, chỗ nào tham ô, cửa quyền móc ngoặc, bòn rút của công thì cũng phải can đảm nói ra để cùng nhau sửa chữa. Không đưa ra những thống kê giả tạo để tự lừa mình và dối gạt dân."

Nơi đây, tác giả đã góp thêm ý kiến: "*Một đất nước xung đột về tôn giáo khác biệt văn hóa thì không có sự kính nể của thế giới, chưa kể đất nước sẽ tan nát. Muốn đất nước thuần hóa về văn hoá thì song song với tự do tín ngưỡng phải có một dòng chính "mainstream" tức là một tôn giáo làm trụ cột cho tâm linh và bản sắc dân tộc.*"

3. Phụng sự cuộc sống: tác giả đã có một cái nhìn và sở thích không giống như phần lớn của người đời, mà tinh thần phụng sự cuộc sống tác giả đã thật quá gần gũi với tầng lớp cư dân giản dị, quen thuộc và thiên nhiên, những hình ảnh sống chân thật từ xóm làng, thôn quê mộc mạc là những hình ảnh đã in sâu, tô đậm trong tâm thức tác giả để viết thành lời: "Tôi thích lang thang trên hè phố để ngắm nhìn những em bé đang tung tăng cắp sách đến trường... những người thợ mồ hôi nhễ nhãi đang miệt mài với những công trình xây cất, họ là những thợ thầy sáng tạo, mà tôi yêu quý... những khu phố vắng vẻ trong những buổi chiều êm ả... có cả tiếng ve kêu như tiếng nhạc của hè. Những mùa thu lá đổ. Những ngày mùa đông gió thổi ù ù, lá rơi rơi... lá rơi để những ngọn đèn trong nhà sao ấm cúng là thường khi những bữa cơm buổi tối của gia đình tụ hội. Tôi thích lang thang vào cả những xóm thôn lao động để nghe tiếng bà mẹ ru con tiếng võng kéo kẹt..." Tâm hồn và hành động phụng sự cuộc sống của tác giả không chỉ là tích cực, dẫn thân trong lãnh vực xã hội của thế gian này mà tác giả còn thích và ham nhiều hơn nữa để "lang thang lên nước cực lạc của đức Phật A Di Đà để xem Ao Thất Bảo, đưa tay hứng hoa mạn đà la, hoa man thù sa... Để xem Phật A Di Đà đã thành tựu công đức trang nghiêm như thế nào. Thật lạ lùng các giống chim ở Quốc Độ này cũng biết niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Hành trang mà tôi mang theo chỉ một bộ kinh Bát Nhã. Khi nào thấy lòng xao xuyến, lo âu tôi lại niệm Lục Tự Di Đà. Tôi không còn lo sợ chi cả."

Kính thưa quý độc giả, khi đọc qua những tư tưởng, quan điểm dị thường để phụng sự cuộc sống một cách tích cực của tác giả chúng tôi thấy sức sống của tác giả, thật cao quý, ung dung hòa mình vào cuộc sống của nhà tu mà không đem tâm phân biệt, đây là cuộc sống cao sang quyền quý và kia là nếp sống thấp hèn cơ cực. Quả thật làm rung động lòng người làm cảm khái một nỗi niềm đến với độc giả khi đọc qua những trang chữ này. Những

dòng chữ này: "Đời đẹp vì có người, có mình, có ta... Vậy, thì bạn ơi! Hãy đến với tất cả mọi người... và đến bằng tâm hồn trẻ thơ." Cao quý quá! Chân thật quá! Dàn trải ra một cuộc sống như nhiên.

4. Xây Dựng Nếp Sống Đẹp Tâm Linh:

cụ thể nếp sống tâm linh thành ra những sự sinh hoạt hằng ngày. Nếp sống tâm linh đó đã hiển bày qua lời nói. Khả ái, quý kính, nhẹ nhàng, qua cử chỉ dịu dàng, thân thiện; qua việc làm yêu thương giúp đỡ.... Tác giả viết: "Giữ gìn trang nghiêm giới hạnh là thân đẹp. Ăn ở hiền hoà thủy chung là nét đẹp. Thấy người ta ngã mà nâng lên đó là cử chỉ đẹp. Thấy người ta đói cho ăn, rách cho mặc, nghèo túng mà giúp đỡ đó là tấm lòng đẹp. Phụng dưỡng cha mẹ già, chu cấp người cô quả cô độc tôn quý các bậc hiền thánh cúng dường chư Tăng ni đó là tâm hồn đẹp. Thấy người ta lâm nguy, sợ hãi mà nói lời an ủi giúp đỡ, đó là ngôn ngữ đẹp. Không một tà niệm nảy sinh đó là ý đẹp. Thấy người ta tối, không hiểu biết mà khai mở trí tuệ, cho học hành chữ nghĩa, đó là trí huệ đẹp. Phá vỡ màn vô minh hướng dẫn chúng sinh vào con đường an vui, giải thoát đó là cái đẹp tối thắng mà Trời Đế Thích phải trải hoa tán thán."

Qua một đoạn khác tác giả chậm rãi, từ từ làm sạch tâm hồn, làm tâm thanh tịnh bằng cách lược từng mẩu rác, quét từng vật dơ, để lòng thanh thản, an vui: "Sự sạch sẽ làm trang nghiêm cuộc sống và thế giới. Ngay đầu óc chúng ta cũng cần sạch sẽ. Muốn sạch sẽ thì phải quét rác. Một chiếc máy điện tử muốn tốt cũng phải "đổ rác". Đầu óc con người muốn thanh tịnh, sạch sẽ cũng phải "đổ rác", đổ bớt rác rưởi của tâm hồn. Những ý nghĩ bất tịnh, tương tranh, thù hận đố kỵ, tị hiềm, những tư tưởng loại trừ, kỳ thị, ghét bỏ đều là rác rưởi của tâm hồn. "Quét rác" và "đổ rác" là việc làm thường xuyên của người nào muốn tâm hồn thanh tịnh..."

Giản lược đôi điều trong vô số những tư tưởng hay đẹp, hướng thượng của tác phẩm *Đạo Phật, Đất Nước, Cuộc Sống Và Tâm Linh* của tác giả Đào Văn Bình, để hầu chuyện với quý độc giả hôm nay. Thật sự khi đi vào nội dung của tác phẩm độc giả sẽ thấy lòng mình trầm xuống, một thứ êm dịu của tâm hồn biết cái thiện, cái quý, cái hạnh phúc an vui trong cuộc sống đời thường. Và nếu có một đời sống tâm linh. Niềm tin yêu sâu sắc trọng Phật pháp thì nơi đây chính là điểm tựa, chỗ gối găm cho chính mình trên tiến trình tu tập. Hoàn thiện cho bản thân và an bình cho thế giới.

Kính cảm ơn tác giả đã cho đọc một Tác Phẩm thật lợi ích trong cuộc sống con người hôm nay cũng như mai sau.

Kính cảm ơn toàn thể chư liệt vị.

Thích Nguyên Siêu

ĐÂY ĐÓ MÙA XUÂN

Phải đâu!

Giữa bộn bề cuộc sống
Đời vui giấc ngủ xuân
Ta đi giữa Thực-Mộng
Mắt nhìn không phân vân.

Đời sửa soạn

Bao sắc màu diễm lệ
Đoạn trường cuộc rong chơi
Đất trời Xuân... như thế!
Tình nguyên sơ đất trời.

Đời khuya

Ký ức bộn bề đã tắt
Chợt ra, dừng cuộc chiêm bao
Nẻo về từ trong tâm mắt
Gặp ta từ buổi xuân nào.

Trong đầm

Còn trâu trằm dưới nước
Quầy đuôi hạnh phúc đời
Thong thả mồm nhai cỏ
Mùa xuân nào qua tôi!

Con Ong

Ruồi giồng tìm hương mật
Xây tổ kết mùa hương
Đi giữa đời bản chất
Kết ngàn hoa xuân phương.

Cuối trời hoàng hôn

Xuân về bên bờ cỏ
Sương qua bãi rêu còn
Đời qua bao hỷ lạc
Về cuối trời hoàng hôn.

Xuân về

Phong trần say mấy độ
Bạc phếch áo vai đời
Thu về xanh tiếng nhận
Xuân về hoa cỏ tươi.

Mặt đất

Trời mùa xuân chim gọi
Mở đường sinh loại đi
Chờ chuyên đời muôn lối
Thơm ý đạo Từ Bi.

Phật tọa

Yên bình đỉnh non cao vút
Mây chờ mùa xuân hào quang
Cho cả tâm hồn cát bụi
Đâu đâu cũng Phật, Niết Bàn.

MÙA XUÂN PHẬT HIỆN

Phật vẫn thường hằng khắp thế gian
Từ Bi vô lượng, Đức vô vàn
Là Xuân, đây với mùa xuân Phật
Khắp cả muôn loài toả Phật quang.

Phật hiện mùa xuân khắp mọi nơi
Không riêng kiều diễm cánh hoa tươi
Lệ sâu ai đã hoen đôi mắt
Và chôn lấp than có Phật rồi!

Có kẻ chưa từng mặc áo xuân
Tháng năm đầy đoạ bước phong trần
Trên vai gánh nặng màu sương gió
Nơi cõi đất bùn, kiếp thế nhân.

Trên mái đầu xanh, trong mắt xanh
Mảnh hồn còn vẹn nét tinh anh
Vẫn cam tím cả bờ môi thắm
Đi giữa đường mơ dệt mộng lành.

Những dáng thân gầy trông xác xơ
Tuổi thêm chồng chất xóa đời mơ
Chỉ nghe ngày tháng âm thầm gọi
Trên chiếc lưng còng, tóc bạc phơ.

Có những con tim mang vết thương
Tháng ngày tê tái giọt sầu tuôn
Đâu hay rộn tiếng mùa xuân tới
Nên chỉ âm thầm trong gió sương.

Nơi ấy, mùa xuân Phật hiện vào
Giữa lòng cát bụi, giữa sầu đau
Nụ cười tỉnh thức tươi lòng đất
Cho gió xuân về góp đỉnh cao.

Như thế, là trong nghĩa cuộc đời
Phật hằng sưởi ấm vạn niềm coi
Áo ai còn lắm bao hồng bụi
Đâu cũng là XUÂN có PHẬT rồi...!

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

Chùa Kỳ Viên, South Dakota

TÌM HIỂU HƯỚNG ĐI CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH PHẬT GIÁO MỸ

Huỳnh Kim Quang

Đâu là hướng đi của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ?

Trả lời đầy đủ cho câu hỏi trên cần đến công phu nghiên cứu của nhiều người. Vì thế, bài viết này xin được xem là suy nghĩ và gợi ý của một cá nhân.

Phật Giáo truyền vào Hoa Kỳ khoảng một thế kỷ rưỡi -- tính từ lúc những di dân Trung Hoa sang Mỹ làm việc và mang theo Phật Giáo vào giữa thế kỷ thứ 19 -- mà trong đó Phật Giáo Việt Nam được truyền vào hơn năm mươi năm, tính từ thời điểm Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân đến Mỹ vào năm 1966 để dạy Đại Học University of California tại thành phố Los Angeles (UCLA) và thành lập Trung Tâm Thiền cũng như xây dựng Chùa Việt Nam.

So với hai trăm rưỡi năm lập quốc của Hoa Kỳ, năm mươi năm không phải là thời gian ngắn. Nhưng để định hình hướng đi cho một tôn giáo mới truyền bá vào một đất nước có nền văn hóa và tôn giáo hoàn toàn khác biệt thì có lẽ phải cần thêm nhiều thời gian, đặc biệt là đối với Phật Giáo Việt Nam.

Tại sao? Tại vì Phật Giáo Việt Nam cần xây dựng nền tảng và phát huy nội lực tự thân để có thể đủ dưỡng tố mọc rễ sâu vào nền văn hóa bản địa và đủ hấp lực để chuyển hóa người bản xứ, tức người Mỹ không phải gốc Việt.

Như học giả Phật học Charles Prebish trả lời ký giả Linda Heuman trong loạt bài phỏng vấn đăng trên Tạp Chí Tricycle số Spring 2012

bản dịch Việt của Trí Tánh Đỗ Hữu Tài trong bài "Đi Tìm Một Phật Giáo Mỹ" được đăng trên trang nhà Thư Viện Hoa Sen, nói rằng:

"Người Mỹ thường thiếu kiên nhẫn. Chúng ta nghĩ rằng vì Phật giáo đã có mặt trên đất nước này 150 năm nên tất nhiên Phật giáo phải là hoàn toàn Mỹ rồi. Suy nghĩ này không lý đến sự kiện rằng ở Á châu, Phật giáo phải mất nhiều thế kỷ mới hoàn thành quy trình tiếp biến văn hóa (acculturation) khi tiếp cận với những vùng văn hóa khác nhau. Khi chuyển dịch từ Ấn Độ qua Trung Hoa, Phật giáo phải mất ít nhất 500 năm mới hoàn thành công trình Hán hóa. Vậy mà người Mỹ chúng ta lại mong Phật giáo sẽ trở thành Mỹ rất nhanh. Chúng ta phải chờ thôi." (1)

Tuy nhiên, trong chừng mức nào đó, chúng ta vẫn có thể dựa vào quá trình hành hoạt trong một thế kỷ rưỡi của Phật Giáo Mỹ và nửa thế kỷ của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ để tìm hiểu xem diện mạo của hướng đi đó ra sao.

Nhưng trước hết, chúng ta cần biết khái quát hướng đi của Phật Giáo Mỹ như thế nào để từ đó liên tưởng đến Phật Giáo Việt Nam.

Hướng Đi Của Phật Giáo Mỹ

Giáo Sư Carl Bielefeldt, dạy môn tôn giáo học và là Đồng Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo tại Đại Học Stanford tại Hoa Kỳ, trong bài viết "Hướng Đi của Phật Giáo Tại Mỹ Ngày Nay" (The Direction of Buddhism in America Today) đăng trên Tuần San Religion & Ethics Newsweekly được phổ biến trên trang mạng của Đài PBS ngày 6 tháng 7 năm 2001, (2) qua loạt bài phỏng vấn nhiều tác giả về hướng đi của Phật Giáo Mỹ, cho biết một số đặc điểm và hướng đi của Phật Giáo Mỹ. Xin trích dịch một số đoạn như sau.

Sau hơn một thế kỷ có mặt, từ khi được các di dân Trung Hoa và Nhật Bản mang vào Bờ Biển Miền Tây nước Mỹ, hiện nay Phật Giáo đã trở thành tôn giáo được hàng triệu người Mỹ trên khắp cả nước thực hành và được biết đến đối với hàng triệu người qua sách, báo, truyền hình và phim ảnh.



Các tiệm sách ở Mỹ tràn ngập sách về “Thiền và nghệ thuật”; Hollywood làm phim về Đức Đạt Lai Lạt Ma và Phật Giáo Tây Tạng; và tạp chí TIME đăng những câu chuyện về sự lỗi cuốn của Phật Giáo đối với người Mỹ. Tư tưởng Phật Giáo xuất hiện trong các tôn giáo Thời Đại Mới, tâm lý học, y khoa, và ngay cả trong thể thao và kinh doanh. Những giá trị của Phật Giáo được tuyên dương trong các cuộc vận động xã hội đối với nữ quyền, hòa bình, sinh thái, và quyền thú vật. Các ngôi chùa Phật Giáo mọc lên nhiều nơi, từ Hacienda Heights của California tới các cánh đồng trồng bắp của Iowa. Sự nghiên cứu Phật Giáo nở rộ tại các trường cao đẳng và đại học từ Trường Smith tới Stanford. Ngay cả Phật Giáo cũng được quảng cáo cho kem thoa mặt gọi là “Hydra-Zen,” để giúp cho da căng lán, và cho thức ăn dặm gọi là “Zen Party Mix.”

Những chữ như “Phật Giáo” và “Thiền” có mối quan hệ với những giá trị quen thuộc của người Mỹ, như tính đơn giản, tính tự nhiên, hòa bình, và hài hòa. “Phật Giáo” và “Thiền” cũng liên quan với những giá trị được ưa chuộng về sức khỏe và các kỹ nghệ thực phẩm, như sự lành mạnh, sức khỏe, và tốt đẹp.

Người Mỹ đang đổi diện không phải với một tôn giáo, mà với điều có thể được gọi là “tinh thần già cỗi” của người Mỹ -- nhiều người Mỹ (đặc biệt trong giới thượng lưu và trung lưu Mỹ da trắng) từ lâu đã không thỏa mãn với những gì họ có và muốn điều gì khác hơn. Họ muốn cái gì khác hơn là một tôn giáo tổ chức, điều gì riêng tư hơn, cá nhân hơn, tập trung hẹp hơn vào “cái tôi”.

Giáo Sư Bielefeldt nói rằng trong tất cả tôn giáo tại Mỹ, Phật Giáo dường như là tốt nhất để có thể đáp ứng với khát vọng tinh thần này -- để vượt xa tình trạng như một tôn giáo hiện nay thành nguồn cội tâm linh giải thoát không bị trói buộc với một định chế, cộng đồng, giáo điều hay lễ nghi đặc biệt nào.

Ông cho rằng với tính cởi mở như thế của Phật Giáo làm cho người Mỹ thích thú và gần gũi hơn. Chẳng hạn họ có thể cần đến Phật Giáo về tâm linh; họ có thể quảng cáo nhãn hiệu thẩm mỹ Phật Giáo; họ có thể đặt tên cho quán bar “Buddha” và ban nhạc rock có tên “Nirvana”; họ có thể vẽ hình hoạt họa về các thiền sư và ngay cả có thể đùa cợt mà không tưởng tượng rằng họ có đang báng bổ thánh thần hay không. Họ có thể chấp nhận các giá trị hay thực tập theo Phật Giáo mà không cần phải cải đạo.

Điều đó có nghĩa là Phật Giáo thực sự không phải là tôn giáo giống như Thiên Chúa Giáo hay Do Thái Giáo -- vì nó không phải là một cơ chế tổ chức với các thành viên, nhưng đơn giản chỉ là một lối trí thức, quan điểm, hay khẩu vị.

Chính vì vậy, người Mỹ có cảm giác tương đối tự do để tham gia vào các khóa tu tập hay các sự kiện trong Phật Giáo.

Phật Giáo Mỹ chia ra thành nhiều nhóm khác nhau, mỗi nhóm với cơ cấu tổ chức, giảng dạy và thực tập riêng. Không ai “nói thay” hay “đại diện” Phật Giáo trong đất nước Hoa Kỳ này.

Với hoàn cảnh như thế, chúng ta có thể phân làm 2 loại Phật Giáo Mỹ.

Trước tiên, tất cả những nhà luận giải về xã hội học của Phật Giáo Mỹ nhanh chóng chỉ ra rằng chúng ta đang đối mặt ở đây với 2 loại cộng đồng khác biệt. Một số sử dụng chữ “các Phật tử Mỹ” và “các Phật tử có tính truyền thống dân tộc,” hay ngược lại các chữ Phật tử “da trắng” và “da vàng”. Hãy gọi họ là những Phật tử “cải đạo” và “gia truyền.”

“Những Phật tử gia truyền” là hầu hết những người thuộc nhóm di dân Châu Á hay những con cái người Mỹ gốc Á Châu. Dĩ nhiên, các Phật tử đến từ Trung Hoa và Nhật Bản đã sống ở Mỹ kể từ thế kỷ thứ 19, nhưng đặc biệt kể từ sự nổi lên của các thành phần di dân Á Châu vào thập niên 1960s, số lượng và sự phong phú của Phật tử gốc Á Châu tại Mỹ đã gia tăng mạnh mẽ. Ngày nay chúng ta có nhiều đại diện từ tất cả các nền văn hóa Phật Giáo Á Châu -- Đại Hàn, Việt Nam, Cam Bốt, Thái Lan, Tây Tạng, và Mông Cổ -- cũng như các nhóm Phật tử mới tiếp tục đến từ Nhật Bản và Đài Loan. Tất nhiên, có rất nhiều loại Phật Giáo được tìm thấy trong các cộng đồng, nhưng về mặt xã hội học, họ có gốc rễ sâu xa và phản ánh các phương thức của quốc gia gốc của họ. Họ phục vụ để cung cấp không chỉ các dịch vụ tôn giáo, mà còn mang ý nghĩa của sự kế tục văn hóa và là trung tâm văn hóa có hấp lực. Và trên thực tế, chức năng của các tổ chức tôn giáo của họ thường trông giống nhau: phục vụ lễ nghi, các lễ hội giáo hội, các nhóm tuổi trẻ giáo hội, gây quỹ, và có thể là khóa học nghiên cứu về kinh điển, cũng như củng cố niềm tin của con em, chăm sóc người gặp khó khăn, và các tang lễ cho người quá cố.

Hầu hết các Phật tử thuộc loại này đều là những tín đồ Phật Giáo di dân, như tín đồ tại Châu Á, không thực tập thiền. Họ không mong trở thành giác ngộ như Đức Phật; họ chỉ muốn Đức Phật giúp họ trong cuộc đời này và có được đời sau tốt hơn. Loại Phật Giáo xưa này thường không đi vào truyền thông Mỹ và không lôi cuốn nhiều người cải đạo từ nhóm chúng tộc bên ngoài.

Có 3 dạng thức cơ bản của Phật Giáo Mỹ -- Thiền, Kim Cang Thừa, và Thiền Vipassana -- chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trong nhiều dạng thức của Phật Giáo thực sự có mặt tại Mỹ. Thực tế chúng nằm ngoài hầu hết các dạng thức mà dân số Phật tử di dân chiếm đại đa số Phật tử tại đất nước Hoa Kỳ thực hành theo. Nhưng chúng là các dạng thức có sức lôi cuốn nhất đối với những người cải đạo thành Phật tử và các cảm tình viên Phật giáo.

Trong số 3 dạng thức nói trên thì Thiền được biết đến nhiều nhất. Thiền Phật Giáo xuất

phát từ Trung Hoa và rồi được truyền bá đi khắp Đông Á tới Nhật Bản, Đại Hàn, và Việt Nam. Thiền là dạng thức cổ và thành công nhất của Phật Giáo tại Mỹ, được giới thiệu vào đầu thế kỷ 20 và bùng phát vào thập niên 1960s, được thực hành rộng rãi tại nhiều trung tâm trên khắp nước Mỹ. Thiền người Mỹ được chế ngự bởi Thiền được truyền vào từ Nhật Bản với tên gọi bằng tiếng Nhật là "Zen."

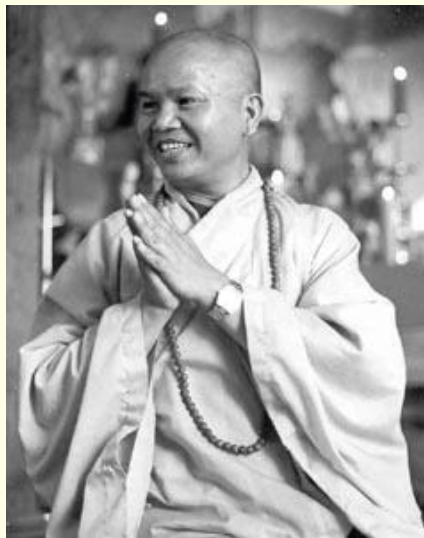
Bên phải của Thiền là Phật Giáo Kim Cang Thừa. Hình thái Phật Giáo Mỹ này được truyền bá thỉnh hành trong vòng 2 hay 3 thập niên gần đây. Kim Cang Thừa bắt nguồn từ cộng đồng người Tây Tạng, sau khi đức Đạt Lai Lạt

Ma phải lưu vong tại Ấn Độ vào năm 1959, đưa tới việc xuất hiện của các Tăng Sĩ Phật Giáo Tây Tạng tại Tây Phương. Hình thái Phật Giáo này vẫn còn giữ nguyên truyền thống Phật Giáo Tây Tạng chính gốc, nhấn mạnh nhiều đến việc thực hành lễ bái, tụng niệm, nghi thức lễ, tri liệu, và các nghi lễ quán đảnh.

Bên trái của Thiền là Vipassana. Đây là hình thái mới được truyền bá nhưng phát triển rất nhanh. Vipassana bắt nguồn từ tiếng Pali có nghĩa là "quán sát" hay "nhận biết rõ." Thiền Vipassana có từ thời Đức Phật nhưng đã bị biến mất tại Ấn Độ suốt hai ngàn năm, trong khi đó vẫn được giữ gìn và hành trì tại Miến Điện. Phong trào Vipassana hiện nay bắt nguồn từ Miến Điện vào đầu thế kỷ 20. Nó được truyền vào Mỹ không do người Miến Điện mà do người Mỹ chuyển thành phong trào, đặc biệt do Hội Insight Meditation Society. Các nhóm thực hành Vipassana không có tăng sĩ mà chỉ là những nam nữ cư sĩ Phật Giáo. Trong tất cả các hình thái Phật Giáo tại Mỹ, Vipassana gần gũi nhất không tổ chức của Phật Giáo như là một nguồn tâm linh không tôn giáo.

Cũng trong loạt bài phỏng vấn của Đài PBS về hướng đi của Phật Giáo Mỹ nói trên, Donald K. Swearer, giáo sư dạy về Tôn Giáo tại Swarthmore College, nói rằng, *"Các hình thái văn hóa đặc biệt của Phật Giáo của người di dân sẽ từ từ thay đổi và thích nghi nếu chúng còn tồn tại, nhưng những truyền thống đặc biệt này sẽ không được thay thế bởi một mẫu số chung nhất, hay một thứ Phật Giáo như 'cái giỏ đựng đủ thứ đồ mua sắm.'"*(3)

Tiến Sĩ Wendy Cadge tại phân khoa xã hội học của Đại Học Princeton thì phát biểu trong cuộc phỏng vấn của Đài PBS nói trên rằng sự phân chia giữa Á Châu và không Á Châu thường được mô tả như là một trong những đặc tính chính của Phật Giáo Mỹ. Đại đa số Phật tử gốc Á đến các chùa của người Mỹ



HT. THÍCH THIÊN ÂN
(1926—1980)

gốc Á Châu và Phật tử không phải gốc Á thì đến các trung tâm thiền. Các Phật tử gốc Á thì thường tụng kinh và cầu nguyện còn các Phật tử không phải gốc Á thì thường thực tập thiền.(4)

Phổ giáo sư dạy Phật Học tại Đại Học Indiana tại Bloomington là Jan Nattier, trong cuộc phỏng vấn của Đài PBS, thì cho rằng điều chắc chắn là Phật Giáo Mỹ sẽ tiếp tục thay đổi. Khi những người tị nạn và di dân từ Châu Á ngày càng thích nghi hơn với môi trường mới, thì chắc chắn có nhiều thay đổi trong cách thực hành Phật Giáo là điều chắc chắn xảy ra. Cũng vậy, khi các Phật tử mới già đi và bắt đầu dưỡng dục con cái, thì câu hỏi được đặt ra là có nên và

bằng cách nào để truyền lại những giá trị Phật Giáo của họ cho thế hệ con em. Sự thật là nhiều Phật tử này nhận thấy sự thực hành Phật Giáo của họ là hình thức tự chuyển hóa cá nhân hơn là như tôn giáo đã làm cho họ lưỡng lự, trong nhiều trường hợp, để trao truyền cho con em của họ bất kỳ sự giáo dục tôn giáo nào.(5)

Trong khi đó giáo sư dạy về môn tôn giáo tại Đại Học Pennsylvania State University là Charles S. Prebish, cũng trong cuộc phỏng vấn của Đài PBS, nhấn mạnh đến đặc tính dân chủ hóa trong Phật Giáo Mỹ. GS Prebish nói rằng, dân chủ hóa trong Phật Giáo Mỹ thì rõ ràng trong 3 khía cạnh chủ yếu của các cộng đồng Phật Giáo Mỹ. Thứ nhất, nó rõ ràng trong việc thay đổi các mô hình quyền lực trong những cộng đồng tăng già Phật Giáo khác nhau, được nhấn mạnh bởi một cuộc tái đánh giá về bản chất của mối quan hệ giữa cộng đồng tăng lữ và cư sĩ Phật tử. Thứ hai, nó có thể được chứng kiến trong sự thay đổi vai trò giới tính, đặc biệt trong sự nổi bật của phụ nữ trong Phật Giáo Mỹ. Sau cùng, nó có thể được nhìn thấy trong cách mà các cá nhân theo đuổi lối sống phi truyền thống, đặc biệt liên quan với các sở thích tình dục, đang tìm thấy vai trò đáng kể trong các cộng đồng Phật tử người Mỹ. Kết quả của tiến trình dân chủ hóa này là Phật Giáo Mỹ đã ra khỏi các kiểu đẳng cấp của Phật Giáo Á Châu để hướng tới sự bình đẳng để phù hợp hơn với nền dân chủ Mỹ.(6)

Kenneth K. Tanaka, vừa là tu sĩ Phật Giáo, vừa dạy tại Đại Học Musashino University ở Tokyo, Nhật Bản, trong bài viết "Dramatic Growth of American Buddhism: An Overview" đăng trong Tạp Chí Dharma World Magazine,(7) cho rằng nếu cộng chung tất cả 3 nhóm (Phật tử, Phật tử loại nightstand, tức để sách Phật đầu giường để đọc hàng đêm, và những người ảnh hưởng mạnh bởi Phật Giáo), thì con số có thể lên đến 30 triệu người theo Phật Giáo tại Mỹ.

Ông cũng nói đến các đặc tính cơ bản làm phát triển Phật Giáo Mỹ, mà có mấy điểm đáng lưu ý như sau:

- Tâm lý học (gồm tâm lý trị liệu) đã trở thành một trong những khuôn khổ chính để người Mỹ hiểu Phật Giáo, bởi vì chúng tập trung vào tâm thức và đi tìm cách giảm bớt khổ đau. Hệ quả là nhiều cố vấn và nhà điều trị đã đổi đạo theo Phật Giáo hay ứng dụng các phương pháp Phật Giáo như thiền vào các cách thực hành trị liệu chuyên môn của họ. Một lý do khác là Phật Giáo không mâu thuẫn với khoa học tự nhiên. Như thế, sự tương tác Phật Giáo với tâm lý học và khoa học tự nhiên đại biểu cho nỗ lực nâng cao yếu tố hợp lý của Phật Giáo để dung hợp với thế giới hiện đại.

- Nhiều người Mỹ tin rằng giáo lý Đạo Phật phải giúp giảm trừ các vấn đề của thế giới, như hâm nóng toàn cầu, bạo lực gia đình, nghèo khổ, kỳ thị, và tội phạm. Người Mỹ cho rằng Phật Giáo không chỉ được coi như để mang lại hạnh phúc cho cá nhân mà còn quan tâm chăm sóc tha nhân, đặc biệt đối với những người đang đau khổ. Đặc điểm này được gọi là "Phật Giáo dẫn thân."

Trong lãnh vực giáo dục, Phật Giáo Mỹ nhiều thập niên qua đã xây dựng nhiều trường trung học và đại học để góp phần vào việc giáo dục tuổi trẻ Mỹ. Theo Bách Khoa Từ Điển Mở (8), tại Hoa Kỳ hiện có các trường đại học và trung học sau đây:

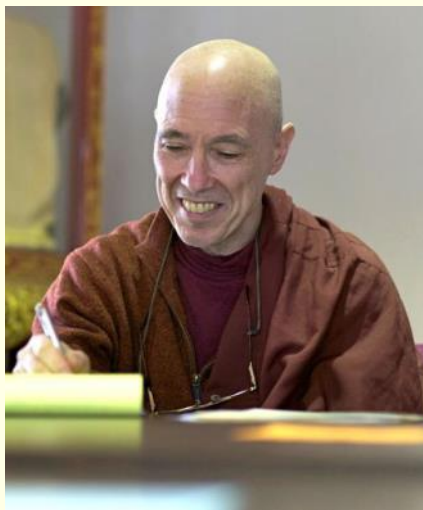
- Đại sư Tây Tạng Chögyam Trungpa đã thành lập trường cao đẳng Phật Giáo 4 năm Naropa Institute tại Boulder ở tiểu bang Colorado, vào năm 1974, và hiện trường này đã thành trường Đại Học Naropa University cấp chứng chỉ cho một số môn học không liên quan trực tiếp với Phật Giáo.

- Trường đại học University of the West được thành lập trong Chùa Tây Lai (Hsi Lai Temple) mà trước đây là trường Đại Học Hsi Lai University, tại miền Nam California.

- Trường đại học Soka University of America tại thành phố Aliso Viejo ở tiểu bang California, được tổ chức Phật Giáo Nhật Bản Soka Gaijii thành lập như là trường dạy văn hóa ngoài đời có dạy triết lý Phật Giáo.

- Trường đại học 4 năm Dharma Realm Buddhist University nằm trong City of Ten Thousand Buddhas, tức Chùa Vạn Phật Thánh Thành do Cố Hòa Thượng Thích Tuyên Hóa, người Mỹ gốc Trung Hoa, sáng lập, cơ bản dạy các bộ môn liên quan đến Phật Giáo nhưng cũng gồm một số môn có lợi ích chung.

- Viện Nghiên Cứu Phật Giáo tại thành phố Berkeley, tiểu bang California, cấp bằng thạc sĩ



BHIKKHU BODHI

Phật Học có mục đích đào tạo cán bộ của Giáo Hội Phật Giáo Mỹ và liên kết với Hiệp Hội Graduate Theological Union. Hiện trường đã dời vào Trung Tâm Jodo Shinshu Center tại thành phố Berkeley, California.

- Trường trung học Phật Giáo đầu tiên tại Hoa Kỳ là trường Developing Virtue Secondary School, được thành lập vào năm 1981 bởi Hội Dharma Realm Buddhist Association nằm trong chi nhánh của Vạn Phật Thánh Thành tại Ukiah, California.

- Vào năm 1997, trường Purple Lotus Buddhist School mở các lớp tiểu học tại thành phố Union City ở California, liên kết với

trường True Buddha School. Trường này đã mở thêm trường trung học đệ nhất cấp vào năm 1999 và trung học đệ nhị cấp vào năm 2001.

- Trường trung học Phật Giáo khác là Tinicum Art and Science mà hiện nay là trường The Lotus School of Liberal Arts kết hợp thực hành Thiền và các nghệ thuật tự do truyền thống, được mở tại thành phố Ottsville, tiểu bang Pennsylvania vào năm 1998. Trường này liên kết với Hội World Shim Gum Do Association tại thành phố Boston.

- Trường Pacific Buddhist Academy mở tại thành phố Honolulu, tiểu bang Hawaii vào năm 2003. Trường này sinh hoạt chung với trường Hongwanji Mission School, là trường tiểu học và trung học đệ nhất cấp, cả hai trường đều liên kết với Honpa Hongwanji Jodo Shinshu.

Trong bài viết "Đi Tìm Một Phật Giáo Mỹ" của tác giả Trí Tánh Đỗ Hữu Tài đăng trên trang nhà Thư Viện Hoa Sen vào mùa xuân năm 2012, khi trả lời ký giả Linda Heuman về một số vấn đề liên quan đến Phật Giáo Mỹ, học giả Charles Prebish đã gây chú ý về vấn đề tu Thiền và hành hoạt của Phật Giáo Mỹ như sau:

"Tại sao ông nghĩ rằng Phật tử Mỹ quá nhấn mạnh đến hành Thiền?"

"Khi có người nói đến thực hành Phật pháp, tôi nghĩ rằng nhiều khi họ không ý thức được rằng Phật pháp là một hệ thống tôn giáo toàn diện. Nó không chỉ có nghĩa là ngồi trên bồ đoàn và tập trung theo dõi hơi thở. Phật giáo là một sự thực hành suốt đời."

"Khi tôi quy y vào năm 1965, tôi không biết nhiều về Phật giáo, nhưng tôi biết rằng tôi muốn học ngồi Thiền. Sư phụ tôi bảo rằng 'Nếu con muốn ta dạy Thiền cho con thì con phải ngồi Thiền bốn giờ mỗi ngày, và ngồi suốt ngày chủ nhật'. Tôi bắt đầu ngồi Thiền như thế từ năm 1965, và tiếp tục cho đến năm 1974, khi tôi gặp vị Sư Tây Tạng Chögyam Trungpa Rinpoche. Tôi đã thực hành điều mà tôi nghĩ là đúng theo truyền thống Phật giáo tốt nhất tại Mỹ lúc bấy giờ. Nhưng trong buổi gặp gỡ đầu

tiên với vị Sư Tây Tạng này, chỉ trong 30 giây đầu tiên, Ngài bảo tôi rằng "Ta cần nói với con về cách hành trì của con". Cho đến nay, tôi vẫn không biết vì sao Ngài lại biết được cách hành trì của tôi, tại vì không có cách nào Ngài có thể biết được. Nhưng Ngài đã nói với tôi rằng "Ta biết rằng con đã từng ngồi Thiền bốn giờ mỗi ngày. Và ta cũng biết rằng trong bốn tiếng đồng hồ đó, con đã chủ yếu rời bỏ thế giới để trốn vào trong sự yên tĩnh của cái đầu của con, hầu vận dụng những điều mà con nghĩ là của Phật giáo. Ta muốn con đừng ngồi như thế nữa". Lời vị Sư Tây Tạng thật như một cú đá vào mông của tôi.

"Ngài giải thích rằng tôi đã đóng được rất chặt cánh cửa liên thông với thế giới. Tôi cho rằng tôi đã tỉnh thức và quán sát được hơi thở, thân thể và cảm xúc của mình. Điều này có thể đã xảy ra thật như thế, nhưng tôi đã hành trì như vậy trong một khoảng trống rỗng hoàn toàn, không có sự tham dự của con người Phật tử của tôi trong thế giới. Ngài bảo tôi hãy đem những điều tôi học được trong lúc hành trì, những giá trị của Đạo Phật, rời bỏ đoàn và bước vào cuộc sống. Và ngài nói với tôi một cách rõ ràng rằng "Thỉnh thoảng, sẽ có lúc con mất tín tâm vào Phật giáo. Những lúc đó là lúc con lại cần ngồi xuống bồ đoàn, thanh thân không vướng mắc, và tái xác quyết cam kết của con với Giáo pháp". Lời của Ngài quả thật là một bước ngoặt trong đời tôi.

"Tôi mong rằng tôi đã hiểu và thọ trì từ lâu điều mà Stephen Batchelor [4] gọi là "trì giới chính là tu tập" (precepts as practice) vì những giới căn bản của một cư sĩ Phật tử - không sát sinh, không nói dối, không trộm cắp, không dùng chất làm say, và không tà dâm - thì không phải chỉ giữ gìn trong 30 phút hay một giờ trên bồ đoàn. Đó là những giới mà ta phải giữ mọi lúc mọi nơi với tư cách là một Phật tử sống trong một nước Mỹ hiện đại. Và với những cam kết đó, khi ta đi vào đời với ý thức rằng chúng là kết quả của công phu trì giới, thì ta đã đạt được một chứng nghiệm Phật giáo quân bằng và tròn đầy mà tôi nghĩ rằng sẽ mang đến một sự trưởng thành và chuyển chú trọng vốn sống tôn giáo của đời ta. Thêm vào đó, thỉnh thoảng ta nên tham dự các nghi lễ tại các cộng đồng Phật giáo. Tôi nghĩ rằng nhiều người đã đánh giá thấp những nghi lễ. Họ không muốn dính líu gì đến các nghi lễ. Nhưng nếu ta hành lễ một cách đúng đắn, thì ta thật sự đang hành Thiền đấy. Hành lễ là bảo tồn truyền thống một cách thâm thía đến tận đáy lòng."(9)

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh, trong bài giảng "Tương Lai Đạo Bụt Ở Âu, Úc và Mỹ Châu," vào ngày 4 tháng 2 năm 2005 tại Trung Tâm Khoa Học Xã Hội tại Thành Phố Sài Gòn, đã trình bày kinh nghiệm hoằng pháp của Ngài tại Tây Phương gồm có Hoa Kỳ, như sau: (10)

"Những người Tây phương đến với chúng tôi, có nhiều người ghét cay, ghét đắng nhà

thờ, truyền thống của họ nhưng sau một thời gian thực tập, họ có thể yêu mến lại gốc rễ của họ, họ được khuyến khích trở về đạo gốc của họ, giúp làm mới lại truyền thống của họ. Trong truyền thống Do thái giáo cũng như Cơ đốc giáo ở Tây phương, tuổi trẻ đang bỏ nhà thờ, bỏ giáo đường hàng loạt, tại vì người trẻ và người trí thức không tìm thấy trong giáo lý, trong thực tập của nhà thờ những chỉ dẫn, những pháp môn thực tập để có thể giúp họ đối phó với những khổ đau trong đời sống hàng ngày của họ. Giáo hội Cơ đốc, giáo hội Tin lành đang gặp khó khăn, họ cũng muốn làm mới giáo lý và sự thực tập nhưng họ chưa thành công lắm. Vấn đề lớn nhất của giáo hội Cơ đốc giáo, giáo hội Do thái giáo là làm thế nào để đưa người trẻ trở về với giáo hội, đưa người trí thức trở về với giáo hội, họ rất lúng túng. Trong khi đó chúng tôi đã thành công tới một mức nào đó để hiện đại hóa đạo Phật, làm mới đạo Phật, đổi mới đạo Phật, để đạo Phật có thể giúp cho người trẻ tuổi, giúp cho những người trí thức Tây phương có một hướng đi tâm linh mà họ không tìm thấy được trong các truyền thống Cơ đốc giáo hay là Do thái giáo."

"Đạo Phật không phải chỉ là một tôn giáo, phần tín ngưỡng, phần sùng bái chỉ là một phần của đạo Phật thôi, trái tim của đạo Phật là tuệ giác, là thực tập. Thực tập gì? Thực tập có mặt trong giây phút hiện tại để quán chiếu, để nhìn sâu vào bản chất của khổ đau, của sự sống, của thực tại để có được tuệ giác và tuệ giác giúp giải phóng con người, giúp chuyển hóa những khổ đau, những nghi ngờ, những sợ hãi, giúp chúng ta đạt an lạc, hạnh phúc, không sợ hãi. Phần đó mới là trái tim của Phật giáo chứ không phải là phần thờ cúng, lễ lạy. Nếu chúng ta muốn truyền đạo Phật sang Tây phương dưới hình thức một tôn giáo, chúng ta sẽ không thành công, tại vì Tây phương đã có tôn giáo của họ, họ không cần thêm một tôn giáo khác, sự thực là như vậy. Nền thần học Cơ đốc giáo có khuynh hướng, có chủ trương, sự cứu rỗi chỉ có được khi người ta có đức tin. Anh có thể thực tập, anh có thể lao tác mệt nhọc, anh có thể cố gắng hết mình nhưng anh không được cứu rỗi, vì bản chất, bí quyết của sự cứu rỗi nằm ở chỗ có đức tin hay là không. Hầu hết các giáo hội Tây phương đều theo con đường chỉ có đức tin mới đem tới sự cứu rỗi."

Hình Dung Hướng Đi Của Phật Giáo Việt Nam Tại Mỹ

Những suy nghĩ và nhận định của các giáo sư, học giả và bậc thầy có nhiều kiến thức và kinh nghiệm Phật Giáo tại Mỹ ở trên cho chúng ta thấy điều gì về Phật Giáo Hoa Kỳ? Có mấy điều đáng chú ý như sau.

Phật tử Mỹ thẩm nhuần truyền thống văn hóa tôn trọng quyền tự do cá nhân và sinh hoạt dân chủ nên hình thái sinh hoạt theo truyền thống của các nước Phật Giáo Á Châu sẽ từ từ thay đổi theo hướng này trên đất Mỹ.

Phật tử Mỹ, nhất là những người Mỹ da trắng cải đạo theo Phật Giáo, không thích bị gò bó, bị đóng khung trong sinh hoạt của cơ cấu tổ chức hay hình thái tôn giáo, mà họ vì không thích đả cải đạo theo Phật Giáo để tìm cuộc sống tự do, giải thoát hơn.

Tăng Sĩ không đóng vai trò trung tâm trong sinh hoạt và phát triển Phật Giáo Mỹ, bởi vì ngày càng có nhiều nhóm Phật tử và trung tâm Thiền do chính những cư sĩ Phật tử dựng lên và điều hành để phục vụ cho mục tiêu tu học.

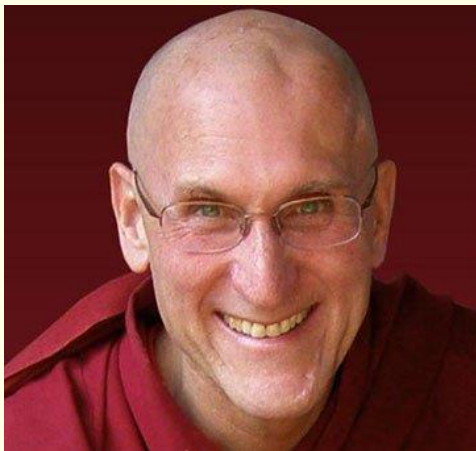
Phật Giáo Mỹ có hai khuynh hướng rõ rệt: Nhóm Phật tử di dân từ Á Châu và nhóm Phật tử Mỹ da trắng mà đa phần là những người cải đạo theo Phật Giáo. Nhóm Phật tử từ Á Châu giữ truyền thống Phật Giáo của cổ quốc thiên về phần quản trị trong các tổ chức tôn giáo và hành trì theo truyền thống tu tập gồm Thiền, Tịnh, và Mật, với phần nghi lễ rất trọng thể. Ngược lại, nhóm Phật tử Mỹ bản địa do cải đạo thì không thích sinh hoạt tổ chức hay lễ nghi tôn giáo, mà chỉ chú trọng vào việc thực hành thiền, phổ biến nhất hiện nay là thiền Vipassana.

Phật tử Việt Nam, tất nhiên, nằm trong nhóm Phật tử đến từ Á Châu. Do vậy có khuynh hướng tự hợp sinh hoạt trong các tổ chức, mà được biết đến như các giáo hội, trọng phần lễ nghi cúng tụng, và bảo vệ di sản văn hóa truyền thống của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam.

Để hiểu rõ hơn hướng đi của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ chúng ta có thể tìm hiểu sâu hơn vào các lãnh vực sau đây.

Về Tổ Chức

Nói đến các tổ chức mà đại biểu là giáo hội, Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ có rất nhiều giáo phái, giáo hội, gồm: Hội Ái Hữu Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ được Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân thành lập năm 1976; Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ do Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân thành lập vào năm 1978 và cố HT Thích Mãn Giác kế thừa lãnh đạo; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới được thành lập vào năm 1979 với sự lãnh đạo của HT Thích Tâm Châu; Hội Đồng Lãnh Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại ra đời năm 1983 với chư vị Hòa Thượng là những vị Giáo Phẩm cao cấp của GHPGVNTN trong nước như HT Thích Tâm Châu, HT Thích Tắc Phước, HT Thích Mãn Giác, HT Thích Thiên Định, HT Thích Hộ Giác, HT Thích Huyền Vi, v.v...; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập vào khoảng thập niên năm 1980s, với sự lãnh đạo của quý



DR. BARRY KERZIN

HT Thích Đức Niệm, HT Thích Trí Chơn, v.v...; Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Khất Sĩ Thế Giới được thành lập vào năm 1980 do Cố Hòa Thượng Thích Giác Nhiên làm Pháp Chủ; Giáo Hội Phật Giáo Liên Tông Tại Hoa Kỳ ra đời vào năm 1991 với sự lãnh đạo của HT Thích Thanh Cát, HT Thích Chơn Thành, v.v...; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ được thành lập vào năm 1992; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ được thành lập vào

năm 2008; Tăng Đoàn GHPGVNTN Hải Ngoại được ra đời vào năm 2014, v.v... Ngoài ra còn có các Hội Phật Giáo tại các địa phương, các tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ, các tổ chức Cư Sĩ Phật Tử, các đạo tràng từng Chùa tại nhiều tiểu bang trên toàn quốc.

Các tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ lấy cộng đồng Phật Giáo Việt Nam làm nền tảng cơ bản để hoạt động. Vì vậy, kích thích và hiệu năng hoạt động của các tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ tùy thuộc chủ yếu vào cộng đồng người Việt di dân mà trọng tâm là cộng đồng Phật tử Việt Nam di dân. Chính vì vậy, các tiểu bang nào có đông đảo người Việt thì hoạt động của các tổ chức Phật Giáo được phát triển mạnh. Ngược lại, những tiểu bang hay thành phố có ít người Việt thì các hoạt động tổ chức của Phật Giáo Việt Nam yếu kém, rời rạc. Tại Mỹ, 2 tiểu bang có đông người Việt nhất là California và Texas.

Còn một yếu tố khác sẽ quyết định đến năng lực hoạt động của các tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ là số lượng người Việt thuộc thế hệ di dân thứ nhất ngày càng giảm dần và các thế hệ con cháu được sinh ra và trưởng thành trong văn hóa Mỹ ngày càng ít quan tâm đến sinh hoạt của các tổ chức Phật Giáo mà lý do chính là ngôn ngữ bất đồng, bởi vì thế hệ con em sống ở Mỹ đa phần không giỏi tiếng Việt nên không gần bó với truyền thống văn hóa và Phật Giáo Việt Nam.

Trong hơn một thập niên trở lại đây, số lượng Tăng, Ni, đa phần là trẻ tuổi, đã di cư đến Mỹ qua diện bảo lãnh tôn giáo, du học, du lịch, rồi xin giấy tờ ở lại định cư đã lên đến con số cả ngàn vị. Đây là một hiện trạng mà trước đây hơn hai thập niên ít ai nghĩ có thể xảy ra. Hiện trạng này có điểm lợi là đáp ứng được nhu cầu Tăng, Ni ngày càng nhiều do sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ ngày càng mở rộng. Nhưng hiện trạng này cũng phô bày một thực tế là chư Tăng, Ni trẻ qua Mỹ sau này có khuynh hướng tự lập, ít tham gia vào các tổ chức, các giáo hội, như thế hệ đi trước ở Mỹ.

Còn một hiện trạng nữa cũng đang và sẽ góp phần định hình hướng đi của Phật Giáo Việt

Nam tại Mỹ trong lãnh vực tổ chức là ngày càng có nhiều nhóm Phật tử, đa phần là giới trẻ được hình thành với mục đích tự sinh hoạt tu học Phật Pháp với nhau, có thể qua một vài vị Tăng, Ni cố vấn tinh thần, hay hướng dẫn, mà không liên hệ đến các tổ chức giáo hội, các đoàn thể trong cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Các hiện trạng trên cho thấy những đặc điểm truyền thống của Phật Giáo Mỹ đang ngày càng tác động và ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Về Giáo Dục và Học Thuật

Cho đến nay dường như Phật Giáo Việt Nam chưa thành lập được một trường tiểu học và trung học nào được Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ công nhận có thẩm quyền cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh theo học.

Đối với trường đại học thì vào năm 1973, Hòa Thượng Thích Thiên Ân đã mở Đại Học Đông Phương (University of Oriental Studies) tại Los Angeles, Hoa Kỳ. Nhưng sau khi Hòa Thượng Thích Thiên Ân viên tịch vào năm 1980 thì trường này cũng đã ngưng hoạt động.

Vào năm 1979, Hòa Thượng Thích Đức Niệm đã thành lập Phật Học Viện Quốc Tế tại North Hills, California, Hoa Kỳ, để đào tạo Tăng tài. Sau khi Hòa Thượng Thích Đức Niệm viên tịch vào năm 2003 thì sinh hoạt của Phật Học Viện cũng ngưng.

Tại một số Chùa ở Mỹ nhiều Tăng Sĩ Phật Giáo Việt Nam đã cố gắng thành lập các trường dạy kèm cho các con em người Mỹ gốc Việt vào ngày cuối tuần. Trong số các chùa tổ chức thành công lớp học ngày Chủ Nhật có thể kể đến Chùa Quang Minh của Thượng Tọa Thích Minh Hạnh tại thành phố Chicago, tiểu bang Illinois, Hoa Kỳ. Theo Thượng Tọa Thích Minh Hạnh cho biết hiện nay các lớp học Chủ Nhật tại Chùa có khoảng gần 100 em.

Nhiều Chùa Việt Nam có tổ chức các lớp học Việt ngữ cho các con em Phật tử Việt Nam để giữ gìn tiếng mẹ đẻ và văn hóa Việt tại xứ người. Trong số các Chùa tổ chức lớp học Việt ngữ thành công nhất phải kể đến Chùa Đức Viên, thành phố San Jose, California, Hoa Kỳ, do Cố Sư Bà Thích Nữ Đàm Lưu khai sáng, với lớp học lên tới 500 em học sinh, gồm 12 lớp, 60 giáo viên dạy tiếng Việt vào mỗi Chủ Nhật.

Ngoài ra, còn có hệ thống Gia Đình Phật Tử Việt Nam với hàng ngàn đoàn sinh trên khắp các tiểu bang tại Hoa Kỳ sinh hoạt tu học Phật Pháp và tiếng Việt vào các ngày cuối tuần.

Các chương trình dạy tiếng Việt hay dạy kèm các môn học văn hóa cho các học sinh con em người Mỹ gốc Việt nói trên là chìa khóa quan trọng giữ gìn và phát triển tương lai của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Còn một lãnh vực học thuật góp phần chủ đạo trong việc truyền bá Phật Giáo Việt Nam

vào xã hội Mỹ trong tương lai là việc nghiên cứu, dịch thuật, và trước tác Phật Học bằng Anh ngữ. Cứ nhìn vào sức ảnh hưởng rất lớn của Phật Giáo đối với thế giới Tây Phương qua hàng trăm tác phẩm bằng Anh ngữ của Đức Đạt Lai Lạt Ma và Thiền Sư Nhất Hạnh thì thấy rõ tầm quan trọng của lãnh vực này. Trong lãnh vực này, dường như Phật Giáo Việt Nam, ngoài Thiền Sư Nhất Hạnh, vẫn chưa chuẩn bị đầy đủ.

Nhưng lãnh vực cốt lõi nhất để duy trì và phát triển nội lực và mạng mạch của Phật Pháp tại bất cứ quốc độ nào chính là việc hành trì.

Về Hành Trì

Cổ Hòa Thượng Thích Thiên Ân khi đến Mỹ hoằng pháp đã tùy thuận theo nhu cầu của Phật tử Mỹ nên đã dạy Thiền cho các đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài. Rất tiếc, Hòa Thượng đã viên tịch sớm nên chưa tạo ra được phong trào tu Thiền lớn mạnh.

Đến khi Thiền Sư Thích Nhất Hạnh khai mở pháp môn Chánh Niệm để dạy cho các Phật tử Tây Phương và Phật tử Mỹ vào thập niên năm 1960s thì phong trào tu tập Thiền Chánh Niệm lan rộng.

Chư Tăng, Ni Việt Nam trong thế hệ thứ nhất di cư đến Mỹ vào các thập niên 1980s, 1990s, đa phần đều mang pháp môn tu tập truyền thống của Phật Giáo Việt Nam là Thiền, Tịnh và Mật, hay Thiền-Tịnh song tu, để dạy cho Phật tử Việt Nam tại quê hương thứ hai này.

Pháp môn tu tập Thiền, Tịnh, Mật của truyền thống PGVN không phải là không đạt được chứng đắc. Bằng chứng là tại Việt Nam có rất nhiều vị Cao Tăng tu tập Thiền, Tịnh, Mật mà chứng đắc đạo quả ngay trong đời này, vì truyền thống PGVN ít phô trương nên ít người biết đến. Nhưng người Mỹ và người Tây Phương vốn trọng thực dụng, muốn thấy kết quả trước mắt, càng nhanh càng tốt, nên đã chuộng pháp môn Thiền, đặc biệt Thiền Vipassana, là pháp môn đưa tới thành tựu thấy liền qua việc điều trị thân và tâm bệnh. Vì vậy, pháp môn Thiền, Tịnh, Mật của Phật Giáo Việt Nam đã không thu hút được người Mỹ bản địa.

Chư Tăng, Ni Việt Nam cũng hành trì pháp môn trì tụng Kinh theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Các Chùa Việt Nam tại Mỹ, đa phần đều có các khóa tụng Kinh vào mỗi ngày hay cuối tuần. Đây là pháp môn vừa có từ thời Đức Phật, vừa mang lại nhiều lợi lạc cho việc tu tập chứng đắc.

Nói về hiệu quả chứng đắc của việc nghe pháp, tư duy Pháp qua việc tụng kinh, Cư Sĩ Nguyên Giác, trong tác phẩm "Thiền Tông Qua Bờ Kia," đã viết như sau:

"Tới đây, chúng ta có thể nêu câu hỏi: Có thể giải thoát mà không cần thiền tập? Có thể giải thoát mà chỉ cần nghe pháp? Hay chỉ cần tư duy, nghiền ngẫm về pháp nghĩa là sẽ dứt sạch phiền não và đắc thánh quả?"

"Câu hỏi trên rất quan trọng, vì trong

hoàn cảnh người Việt hiện nay, phân tán toàn cầu, việc làm nơi xa xứ có thể nặng nhọc, và nơi ở có khi không gần chùa, phương tiện tiếp cận giáo pháp hầu hết là nghe pháp qua mạng YouTube.com hay đọc kinh luận trên Internet.

"Đức Phật trả lời rằng có thể. Có thể chỉ nghe pháp, hay chỉ tư duy về pháp là đủ để giải thoát. Lời dạy này nằm trong Kinh Tăng Chi Bộ AN 5.26. Kinh này được Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch là Giải Thoát Xứ. Riêng bản Anh dịch của Piya Tan có nói thêm chi tiết, biện giải về 5 giải thoát xứ, và dẫn nhiều tham khảo thêm.

"Đức Phật dạy rằng có 5 con đường có thể xóa bỏ hoàn toàn phiền não, đạt thánh quả cao nhất:

1. Lắng nghe (hay học) Chánh pháp;
2. Giảng dạy Chánh pháp;
3. Tụng đọc Chánh pháp;
4. Tư duy ý nghĩa Chánh pháp;
5. Thiền tập." (11)

Tụng Kinh là pháp môn tu tập bao gồm hành trì cùng một lúc Giới, Định và Tuệ. Ngồi yên một chỗ chuyên chú vào việc tụng Kinh tức là không để ba nghiệp thân-khẩu-ý tạo ác nghiệp, đó là giữ giới. Ngồi thẳng lưng, để tâm vào tiếng tụng Kinh, không bị xao lãng bởi ngoại cảnh, đó là thiền định. Tai lắng nghe tiếng tụng Kinh, để tâm tư duy về ý nghĩa trong Kinh để thâm nhập Phật lý, đó là tu phát huy trí tuệ. Hơn nữa, trong lúc tụng Kinh thì vừa nghe (văn), vừa tư duy lời Phật dạy (tư), và vừa quán chiếu các pháp theo ý Kinh (tu). Nếu có thể hạ thủ công phu tu tập nghiêm túc và giữ thân khẩu ý thanh tịnh, giữ chánh niệm trước mắt không bị mất thì chắc chắn tụng Kinh có hiệu quả thấy rõ.

Có thể, một phần do Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ chưa phát huy hết diệu dụng của phương thức tu tập theo truyền thống của mình để làm cho các Phật tử Mỹ chú ý, hiểu và thực hành theo. Chẳng hạn, cần đưa ra những hướng dẫn cụ thể về cách tụng Kinh sao cho có hiệu quả nhất, gồm cách ngồi, cách thở, cách phát âm ra tiếng khi tụng Kinh, cách tư duy ý nghĩa trong Kinh, cách để tâm tĩnh giác như thế nào, cách đánh mõ, chuông, linh, khánh với âm ba lớn nhỏ, dài ngắn thiền vị thế nào để cho người hành trì cảm nhận được lợi ích tức thì sau mỗi thời tụng Kinh. Còn nữa, cần dịch Kinh sang tiếng Việt, tiếng Anh dễ hiểu nhất và cần điều chỉnh thời lượng tụng Kinh sao cho không quá dài, mà vừa phải để cho thân tâm được nhàn tịnh, an lạc, v.v...

Dĩ nhiên, con đường tu tập theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam sẽ vẫn còn được duy trì để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng Phật tử Việt di cư tại Mỹ, bởi vì người Việt thuộc thế hệ thứ nhất và một rưỡi vẫn còn nặng lòng với truyền thống văn hóa và Phật Giáo Việt Nam. Tuy nhiên, cho dù chỉ để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng Phật tử Việt thì việc điều chỉnh các kỹ thuật của phương pháp tu tập cho thích hợp



với môi trường truyền bá mới vẫn cần thiết, nhất là cho các thế hệ Phật tử Việt tương lai và người Mỹ bản xứ.

Thay lời kết, cần ghi nhận rằng, nhiều Tăng, Ni và các nhóm Phật tử trẻ Việt Nam tại Hoa Kỳ đã và đang nỗ lực vận dụng phương thức sinh hoạt và phương pháp tu tập thích ứng với bối cảnh chung của Phật Giáo Mỹ. Trong chiều hướng này, nhiều Tăng, Ni có khả năng Anh ngữ tại các Chùa trên khắp nước Mỹ đã thu hút không ít Phật Tử người Mỹ bản xứ đến tu học.

Đó cũng chính là tiến trình thay đổi của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ đã và đang diễn ra.

Chiều hướng, quy mô và tốc độ của tiến trình thay đổi đó như thế nào còn tùy thuộc vào lực tương tác hay tương phản từ cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ trong những năm tháng tới.

Chú Thích:

- 1) <https://thuvienhoasen.org/a16457/di-tim-mot-phat-giao-my>
- 2) <http://www.pbs.org/wnet/religionandethics/2001/07/06/july-6-2001-comments-on-tensions-in-american-buddhism/15941/>
- 3) Nguồn như trên.
- 4) Nguồn như trên.
- 5) Nguồn như trên.
- 6) Nguồn như trên.
- 7) https://rk-world.org/dharmaworld/dw_2011julyseptdramaticgrowth.aspx
- 8) https://en.wikipedia.org/wiki/Buddhism_in_the_United_States
- 9) <https://thuvienhoasen.org/a16457/di-tim-mot-phat-giao-my>
- 10) <https://langmai.org/tang-kinh-cac-vien-sach/giang-kinh/cho-dat-nuoc-di-len/tuong-lai-dao-but-o-au-uc-va-my-chau/>
- 11) Nguyên Giác, Thiền Tông Qua Bờ Kia, Ananda Viet Foundation xuất bản, California, Hoa Kỳ, 2017, trang 111-112, do Amazon phát hành toàn cầu.

THẺ NHẬP

nở ra trong lòng vô
bay thăm thăm trong lòng hữu
giọt cháy
kêu nghìn trùng
dậm cháy mù sương bạc
nở mùa hoa huệ
trong vàng trắng rằm tháng tám
mẹ chấp tay
giọt nguyện cầu
rơi xuống đêm u minh
kia trăng vờ.

MẸ CÒN TRĂM TUỔI. . .

mẹ còn trăm tuổi để dành
khi về cùng bóng mây quanh non thiên
từ quang soi chiếu vô minh
tuổi đeo ngũ uẩn bên thềm trăng thâu
mẹ còn trăm tuổi để chào
phù sinh cuộc lữ mai sau làm nghi
con đường rợp bóng từ bi
lời kinh tiếng kệ theo về mây xa
mẹ còn trăm tuổi để già
lửa hương một độ qua cầu phù sinh
chợt nghe một thoáng ru tình
bờ xa nẻo rộng bông bèo trắng trôi
những là duyên nợ nghĩa đời
trăm năm mãi cuộc bèo trôi mây chồng
mẹ còn trăm tuổi để không
cho mây đảo xứ cho sông về nguồn
mẹ còn trăm tuổi để buông. . .

ĐẦU THAI

sát na liên lý vụn thành khối
khối lẫn trùng trục hoá ra tơ
tơ trời tơ đất tơ người
nhân duyên biến hiện một đời oan khiên
phút thể nhập hiện tiền rún rẩy
xuyên hõm đời rực cháy vô minh
xa gần trôi nổi vọng tình
bên đường sơ ngộ thành linh gieo duyên.

HIỆN TIỀN NHƯ THỊ

hóp chén rượu đời bên xóm chợ
thịt cá tanh tao người la ó
mặc định lòng trôi như khói sương
xe cộ gầm gào mèo cắn chó
ngó.

ĐI, VỀ LÒNG NGÓNG

tôi về
ôm cả tư duy lại
siêu hình bóng bẩy chuyện hư không
kinh sách một mùa chưa tan kịp
trong lòng rộn tiếng quạ quạ sông

tôi đi
thả hết tư duy xuống
đậu kín trần gian mọi nẻo mòn
tánh không, hiện thực chen nhau nép
bên dưới hồ sen áo Phật vàng

tôi về chưa hết lại tôi đi
học chỗ xưa nay chẳng kể về
gom cả một đời chưa đủ ý
để viết cho mình trọn chữ quy

tôi đến trần gian để rồi đi?
hay đi mà chẳng rõ lối về?
đi, về lộn xộn đôi chân mỏi
kinh kệ gói đầu ngũ giác ly

trần gian rộng, chật cũng không hay
bao la trời biển rộng óc say
chật hẹp nổi niềm che kín chữ
tình, mê chen lẫn giấc mộng dài

tôi đi một nửa đời hư ảo
một nửa đời kia bỏ ven đường
tôi về gom góp bình sinh lại
vừa đủ giọng cười mới ngang con.

thơ PHÙ DU

ĐẠO TÌNH ĐIỀU VĂN TIỄN BIỆT CƯ SĨ TRẦN QUANG THUẬN



Ngày cuối năm 2017,
Tâm thiệp mừng Tân Niên chưa đọc.
Đã đọc báo tin buồn:
Cư sĩ Trần Quang Thuận vừa ra đi,
Ở miền Nam Cali, hưởng thọ 88 tuổi.
Nhẹ nhàng rũ bóng tà huy.

Hỡi ơi!

Như mây trời tụ tán, dòng đời hợp tan,
Như bốn mùa xuân hạ thu đông:
Người đi giữa chốn bụi hồng,
Từ không trở lại bờ không quay về.

Ngậm ngùi thay...

Dấu biết rằng:
Sinh là ký, tử là quy,
Mất còn như huyền mộng.
Nhưng vẫn đau lòng,
Bờ tương biệt chia ly.
Bảo thân xả bỏ,
Tương hợp khó tìm.
Sinh diệt trùng trùng xoay chuyển mãi,
Nẻo luân hồi còn gặp lại hay không?!

Nhớ linh xưa.

Người con trai xứ Huế,
Nét gia phong nề nếp, khiêm cung.
Thế hệ 1930 lửa dậy men rừng,
Nam Hải, Trường Sơn trùng trùng gió lộng.
Cũng có lúc đất bằng nổi sóng,
Cũng có thời lịch sử nghiêng chao.
Thân phận làm người trong thế hệ chiến tranh,
Gió chướng vật vờ sai một ly đi một dặm,
Phân hoá, hận thù, yêu thương... chen sống.
Chân lý và sai lầm cùng chia nửa đường ranh!
Thiếu chánh niệm non cao thành vực thăm,
Thiếu từ bi trí tuệ cũng không thành.
Ánh Đạo Vàng hoa sen trong biển lửa,
Trung đạo mà đi giữa cuộc thế ba đào.
Nhưng vũ khí thiện xảo,
Cho người Phật tử đem Đạo vào Đời,
Là diệu lý Chân Tâm:
Tâm an, tâm tàng, tâm an, tâm động...
Đóa sen ngồi an lạc biết tùy duyên.

Tân hương linh:

Tuần tú, oai nghi, mẫu mực sinh thời:
Trần Quang Thuận.
Pháp danh Tâm Đức,

Pháp tự Trí Không;
Xuất thân đệ tử ôn Đôn Hậu,
Huynh trưởng đầu đàn,
Gia Đình Phật Tử Việt Nam.
Vời đạo:

Công hạnh một đời không thối chuyển,
Nương nhờ Tam Bảo chứng thân tâm.

Vời đời:

Tiến sĩ, chuyên gia, hàm bộ trưởng,
Giáo sư, nghị sĩ, tác văn nhân.

Vời chính mình:

Nhìn lên tôn đức tâm thanh tịnh,
Ngó tới đàn em ý rạng ngời.

Và danh vị:

Danh xưa phù ảo như hoa đóm,
Nương cánh sen vàng tịnh lạc bay.

Cư sĩ Tâm Đức

Như cội bồ đề đàn chị, đàn anh,
Vẫy tay chào trên chuyến tàu hoàng hôn thế hệ.
Là niềm hân diện tuổi già,
Là bóng dáng tin yêu tuổi trẻ.
Đưa tiền người ra đi,
Nỗi thương tiếc lưu tình người ở lại,
Tâm kinh đời công hạnh vẫn còn ghi.

Nam mô,

Nhất niệm Nam mô
Trí tuệ, từ bi, uyên áo diệu kỳ...
Thay áo đưa người thể tánh hồi quy,
Một niệm tận hư không ba ngàn thế giới,
Phật, thánh chúng dẫn đường đi tới,
Sanh tử đôi bờ liễu ngạn người đi,
Và nguyện cầu bờ hoá độ bên kia.

Phút tiễn biệt chấp tay đồng niệm:

Buông xả tận cùng,
Nghiệp duyên gánh nặng.
Nương thuyền từ rỗng lặng từ bi.
Nẻo đạo người đi,
Vãng sanh Cực Lạc,
Đường thênh thang không còn chi vướng vấp,
Sen nở, mây chào tiếp độ hương linh.
Cung tiễn nhau đi một dạ chí thành:
Nam mô tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật

NGUYỄN THỌ TKĐ



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1000

Phật Lịch 2561

Số 37/HĐĐH/TT/CT

THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHNK,

Trích yếu: V/v Truy Tán Công Đức và Cầu Siêu Tưởng Niệm Cố Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch GHPGVNTNHNK,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mẫu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thư quý Cư Sĩ,

Cư Sĩ Trần Quang Thuận, Pháp Danh Tâm Đức, Pháp Tự Trí Không, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK đã xả bỏ thân ngũ ấm vào lúc 10 giờ 45 phút sáng ngày 28 tháng 12 năm 2017 (nhằm ngày 12 tháng 11 năm Đinh Dậu) tại Bệnh Viện Kaiser Fontana, Los Angeles, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 88 tuổi.

Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận là đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đi du học tại Anh Quốc và đậu bằng Tiến Sĩ. Về nước vào đầu thập niên 1960s, Ông đã đảm nhận nhiều vai trò và trọng trách đối với chính phủ VNCH như Bộ Trưởng Bộ Xã Hội, Thượng Nghị Sĩ VNCH. Nhất là trong giai đoạn của cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo và chống lại nạn kỳ thị Phật Giáo của chính quyền Nhà Ngô vào năm 1963, Cố Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận là người đã cùng đường chiếc xe hơi chở Bồ Tát Thích Quảng Đức đến nơi thực hiện cuộc tự thiêu cùng đường chư Phật tại ngã tư Đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 (chiếc xe Austin A95 Westminster mang bảng số DBA 599 hiện còn trưng bày tại Chùa Linh Mục, Huế, như di sản lịch sử của Phật Giáo Việt Nam).

Khi ra hải ngoại tị nạn sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975, Cố Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận là một trong những Cư Sĩ đầu tiên cộng tác, hỗ trợ và tận lực xây dựng và phát triển Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, đặc biệt là tiếp tục sứ mệnh thiêng liêng cao cả của GHPGVNTN đối với đạo pháp và dân tộc. Chính vì vậy, Cố Cư Sĩ đã không từ nan bất cứ Phật sự nào mà chư Tăng giao phó, từ vai trò Chủ Tịch Liên Hữu PGVN Tại Hoa Kỳ, Tổng Thư Ký Tổng Hội PGVN Tại Hoa Kỳ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch GHPGVNTNHNK-HK và tiếp tục đảm nhận vai trò Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch suốt hơn 2 nhiệm kỳ trong GHPGVNTNHNK.

Ngoài ra, Cố Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận cũng đã miệt mài nghiên cứu và sáng tác nhiều tác phẩm giá trị, đặc biệt trong lãnh vực lịch sử của Phật Giáo Thế Giới. Nhiều tác phẩm lịch sử của Ông là kho tài liệu quý báu cho các thế hệ mai sau tìm hiểu về lịch sử Phật Giáo các nước trên thế giới.

Sự ra đi của Cố Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận không chỉ là mất mát và đau buồn vô hạn cho thân bằng quyến thuộc mà cũng là sự mất mát lớn lao đối với dân tộc và Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK sẽ long trọng cử hành Lễ Truy Niệm Cố Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận vào lúc 11 giờ sáng Thứ Bảy, ngày 13 tháng 1 năm 2018 tại Peek Funeral Home. Thành tâm kính thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni và kính mời quý Cư Sĩ hoan hỷ quang lâm chứng minh và tham dự Lễ Truy Niệm để truy tán công đức của Cố Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận.

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK thành tâm khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni, quý Cư Sĩ, và các cấp GĐPTVN tại Hoa Kỳ nếu vì điều kiện không thể đến tham dự được Lễ Truy Niệm nói trên thì tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu siêu và tưởng niệm Cố Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận để cầu nguyện Chơn Linh Cố Cư Sĩ vắng sinh Cực Lạc Quốc.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật Chứng Minh Tiếp Độ

Santa Ana, ngày 30 tháng 12 năm 2017

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK

Chủ Tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Tiểu Sử Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận (1930-2017)

Cư Sĩ Trần Quang Thuận sinh ngày 02 tháng 7 năm 1930 tại Làng An Xuân, Huyện Quảng Điền, Tỉnh Thừa Thiên-Huế trong một gia đình tin Phật lâu đời.

Vào mùa thu năm 1942, Hòa Thượng Thích Đôn Hậu đến giảng Phật Pháp tại Làng An Xuân, Huyện Quảng Điền, Tỉnh Thừa Thiên-Huế. Dù mới chỉ 12 tuổi, nhưng nhờ túc duyên với Phật Pháp nhiều đời, chú bé Trần Quang Thuận đã cảm đức từ bi của vị Bốn Sư tương lai ngay lần sơ ngộ này.

Sau đó, chú bé Trần Quang Thuận cứ cách vài tháng thì đòi Mẹ cho lên Chùa Tây Thiên thăm Hòa Thượng, dù nhà cách Chùa khoảng 15 cây số và phải tự đi bộ một khoảng đường dài. Khung cảnh thanh tịnh của chốn Thiền Môn Tây Thiên đã làm cho chú bé Trần Quang Thuận ưa thích ngay từ lần đầu đến thăm. Nhìn thân tướng trang nghiêm của Hòa Thượng Bốn Sư tương lai, chú bé đã bắt đầu phát nguyện ăn chay trường và chí xuất gia ngày càng lớn mạnh. Cuối cùng chú đã xin Mẹ cho đi xuất gia với Hòa Thượng Thích Đôn Hậu. Được Hòa Thượng Bốn Sư ban cho Pháp Danh Tâm Đức và Pháp Tự Trí Không.

Sau khi xuất gia, Hòa Thượng Bốn Sư đã cử chú Trí Không về Chùa Linh Mục trông coi Chùa trong khoảng thời gian ba, bốn năm, vì lúc đó Hòa Thượng Thích Đôn Hậu vẫn còn ở Chùa Tây Thiên lo Phật sự chưa chính thức về Linh Mục, dù Hòa Thượng đã được Sơn Môn Huế cử làm Trụ Trì Quốc Tự Linh Mục.

Sau đó chú Trí Không được Hòa Thượng Bốn Sư cho vào học tại Phật Học Đường Bảo Quốc, Huế.

Năm 1949, Sa Di Trí Không được Hòa Thượng Bốn Sư cho phép và được Giáo Hội đặc cách cho đăng đàn Thọ Tỳ Kheo Giới tại Đại Giới Đàn Hộ Quốc được tổ chức tại Chùa Báo Quốc, Huế, mà Hòa Thượng Bốn Sư Thích Đôn Hậu làm Tuyên Luật Sư trong Đại Giới Đàn này.

Năm 1951, sau khi Thầy Trí Không tốt



nghiệp Đại Học Phật Giáo tại Phật Học Đường Bảo Quốc, Huế, được Hòa Thượng Bốn Sư cho ra Bắc học Luật với Hòa Thượng Thích Tuệ Tạng, Chứng Minh Đạo Sư Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, tại Chùa Quán Sứ, Hà Nội, và được mời làm giảng sư cho Hội Phật Giáo Bắc Việt.

Năm 1952, Thầy Trí Không đã được Giáo Hội gửi đi du học tại Tích Lan nhờ mối quan hệ chặt chẽ giữa Phật Giáo Việt Nam và Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới lúc bấy giờ. Cùng học tại Tích Lan với Thầy Trí Không là Cố Hòa Thượng Thích Minh Châu.

Thầy Trí Không học tại Tích Lan 2 năm thì nhận được học bổng của một trường đại học tại Thủ

Đô London, Anh Quốc nên đã sang Anh học tiếp rồi tốt nghiệp Tiến Sĩ tại đây.

Sau khi học xong ở Anh Quốc, Cố Cư Sĩ đã về nước vào cuối năm 1959.

Năm 1960, Thầy Trí Không được Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Thích Tịnh Khiết và Hòa Thượng Bốn Sư Thích Đôn Hậu cho phép xả giới Tỳ Kheo để hoàn tục. Trong Lễ Xả Giới được tổ chức tại Chùa Ấn Quang, Sài Gòn vào năm đó, có sự chứng minh của ba vị Hòa Thượng, là Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Hòa Thượng Thích Thiện Hòa, và Hòa Thượng Thích Quảng Liên.

Trong thời gian diễn ra cuộc vận động của Phật Giáo Việt Nam cho quyền bình đẳng tôn giáo và chống lại nạn kỳ thị Phật Giáo của chính quyền Nhà Ngô năm 1963, Cố Cư Sĩ đã tích cực tham gia vào công cuộc đấu tranh bảo vệ Phật Giáo.

Ngày 11 tháng 6 năm 1963, trong lúc Cố Cư Sĩ đang bị chính quyền Nhà Ngô quản thúc ở Thủ Đức, thì ở nhà phụ nhân của Ông là nữ Phật tử Tôn Nữ Túy Thiên đã đồng ý cho mượn chiếc xe Austin A95 Westminster có bảng số DBA599 để chở Bồ Tát Thích Quảng Đức đến ngã tư Đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt thực hiện đại nguyện vị Pháp thiêu thân

cúng dường chư Phật. Chiếc xe hiện vẫn còn trưng bày tại Chùa Linh Mục để làm di sản lịch sử của Phật Giáo Việt Nam.

Từ năm 1961 đến 1963, Cổ Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận đảm nhận chức vụ Tổng Thư Ký Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Khi Đại Tướng Nguyễn Khánh lập chính phủ vào tháng 2 năm 1964, Cổ Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận được mời giữ chức vụ Tổng Trưởng Bộ Xã Hội.

Sau khi chính phủ Nguyễn Khánh giải tán và Bác Sĩ Phan Huy Quát lên làm Thủ Tướng từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 5 tháng 6 năm 1965, Cổ Cư Sĩ được mời giữ chức Tổng Trưởng Xã Hội.

Năm 1965, Cổ Cư Sĩ đã được Hòa Thượng Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn, mời làm Tổng Thư Ký cho Viện Đại Học.

Từ năm 1970 đến năm 1975, Cổ Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận làm Thượng Nghị Sĩ trong Thượng Nghị Viện của Việt Nam Cộng Hòa, và đảm trách chức vụ Chủ Tịch Ủy Ban Ngoại Giao của Thượng Viện.

Cổ Cư Sĩ cũng là Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành của Liên Hữu Thanh Niên Phật Tử Thế Giới (The World Fellowship of Buddhist Youth) được ra đời vào ngày 26 tháng 5 năm 1972, nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới (The World Fellowship of Buddhists).

Cổ Cư Sĩ đã rời nước ra đi trong biển cổ 30 tháng 4 năm 1975 và định cư tại Hoa Kỳ trong năm này.

Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, Ông tiếp tục đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển Phật Giáo Việt Nam từ đó đến ngày mãn phần.

Năm 1976, Cổ Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận cùng với Hòa Thượng Thích Thiên Ân thành lập Hội Ai Hữu Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ mà về sau đổi thành Liên Hữu Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Trong tổ chức này, Hòa Thượng Thích Thiên Ân là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và Cổ Cư Sĩ làm Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành. Đây có thể được xem là tổ chức Phật Giáo Việt Nam đầu tiên tại Hoa Kỳ.

Năm 1978, Cổ Cư Sĩ cùng với chư Tôn Đức thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Trong Đại Hội Thành Lập Tổng Hội vào tháng 12 năm 1978, Cổ Cư Sĩ đã được công cử làm Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành.

Đáp ứng lời Kêu Gọi thống nhất Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại của Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Xử Lý Hội Đồng Lưỡng



Viện GHPGVNTN, gửi cho Tăng Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam hải ngoại, Cổ Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận cùng với chư tôn đức Tăng, Ni vận động thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ. Vào cuối tháng 9 năm 1992, trong Đại Hội Thành Lập GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ được tổ chức tại Thành Phố San Jose, Miền Bắc California, Hoa Kỳ, Cổ Cư Sĩ đã được Đại Hội công cử đảm nhận chức vụ Vụ Trưởng Vụ Giao Tế. Sau đó, Cổ Cư Sĩ được công cử giữ chức Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch của GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ và Văn Phòng II Viện Hóa Đạo.

Trong Đại Hội Thành Lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ vào tháng 9 năm 2008 tại Chùa Bát Nhã, Thành Phố Santa Ana, Miền Nam California, Hoa Kỳ, Cổ Cư Sĩ được công cử vào chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghiên Cứu Kế Hoạch và Ông đã đảm nhiệm trọng trách này cho đến ngày tạ thế.

Ngoài công tác Phật sự trong Giáo Hội, Cổ Cư Sĩ còn đặc biệt quan tâm đến việc duy trì và phát huy văn hóa dân tộc và Phật Giáo tại xứ người. Chính trong hoài bão này mà Cổ Cư Sĩ đã thành lập và đảm nhận chức vụ Giám Đốc Trung Tâm Học Liệu Phật Giáo có trụ sở tại California, Hoa Kỳ vào những năm đầu Thế Kỷ 21. Trung Tâm Học Liệu Phật Giáo này đã không ngừng xuất bản hàng chục tác phẩm về triết lý Phật Giáo, Khổng Giáo và lịch sử Phật Giáo Thế Giới.

Cổ Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận đã cộng tác với nhiều báo chí và trang mạng toàn cầu Phật Giáo Việt Nam như các báo Phật Giáo Việt Nam, Khai Phóng, Phật Giáo Hải Ngoại, Chân Nguyên, và các trang mạng Quảng Đức, Thư Viện Hoa Sen, Hoa Vô Ưu, v.v...

Cổ Cư Sĩ đã dày công nghiên cứu và sáng tác nhiều tác phẩm giá trị, nhất là về lịch sử Phật Giáo Thế Giới. Những tác phẩm của Cổ Cư Sĩ đã được ấn hành trong và ngoài nước gồm có:

Phật Pháp -- viết chung với quý Hòa Thượng Thích Minh Châu, Thích Thiên Ân, Thích Chơn Trí và Thích Trí Không, vào cuối thập niên 1940s, là tài liệu dạy Phật Pháp cho Gia Đình Phật Tử Việt Nam từ 7 thập niên qua trong và ngoài nước,

- ♦ Tư Tưởng Chính Trị Trong Triết Học Khổng Giáo, 1961,
- ♦ Phật Giáo và Mác Xít, Trần Quang Thuận dịch, Hòa Thượng Thích Trí Quang viết Lời Tựa, Sài Gòn, 1965,
- ♦ Phật Giáo Nga, 2000,

- ♦ Phật Giáo Mỹ (Tập I), 2000,
- ♦ Phật Giáo Mỹ (Tập II), 2000,
- ♦ Hành Trì Phật Đạo Tại Trung Quốc, 2003,
- ♦ Phật Giáo Trung Hoa Dưới Thời Mao Trạch Đông, 2003,
- ♦ Phật Giáo Tây Tạng, 2004,
- ♦ Phật Giáo Trung Á, 2004,
- ♦ Phật Giáo Tổng Quan, 2005,
- ♦ Hành Trì Phật Đạo Tại Thái Lan, 2006,
- ♦ Phật Giáo Đại Hàn, 2006,
- ♦ Thuyết Giảng - Tranh Luận - Điều Hành, 2006,
- ♦ Phật Giáo Nhật Bản, 2008,
- ♦ Phật Giáo Miền Điện, 2008,
- ♦ Phật Giáo Nam Tông Tại Đông Nam Á, 2008,
- ♦ Như Ẩng Mây Bay, 2010,
- ♦ Hành Trình Tâm Linh Đi Tìm Ý Nghĩa Cuộc Đời, 2012,
- ♦ Phật Giáo Trong Dòng Lịch Sử Tây Tạng, 2015,
- ♦ Phật Giáo Trong Dòng Lịch Sử Campuchia, 2016,
- ♦ Phật Giáo Trong Dòng Lịch Sử Lào, 2016,
- ♦ Phật Giáo Tích Lan,
- ♦ Phật Giáo Thái Lan

Cổ Cư Sĩ còn nhiều dự án nghiên cứu và sáng tác để thực hiện. Tiếc thay, Cổ Cư Sĩ đã không có thời gian để hoàn tất những dự án này để cho đất nước và Phật Giáo Việt Nam được thêm nhiều lợi lạc!

Dù mang trọng bệnh trong người trong thời gian gần đây, Cổ Cư Sĩ vẫn an nhiên tự tại. Mỗi khi bằng hữu hỏi thăm sức khỏe thì Ông chỉ tươi cười, nói như không có bệnh hoạn gì.

Nhờ liễu ngộ được Phật Pháp, Ông đã sống cuộc đời ung dung và giải thoát của người con Phật trước mọi chướng duyên và nghịch cảnh. Trầm lặng, từ tốn, bao dung và tế nhị là đức tính khó kiếm nơi một người đã từng xông pha nơi chính trường đầy phiến nhiễu của thế cuộc đảo điên. Cũng chính phẩm đức ấy mà mọi người từ thân đến sơ đều cảm mến, quý trọng Ông.

Cổ Cư Sĩ nhẹ nhàng xả bỏ thân ngũ uẩn tại Bệnh Viện Kaiser Fontana, Los Angeles, California, Hoa Kỳ, vào lúc 10 giờ 45 phút sáng ngày 28 tháng 12 năm 2017, nhằm ngày 12 tháng 11 năm Đinh Dậu, hưởng thọ 88 tuổi.

Cổ Cư Sĩ ra đi để lại hiền thê Tôn Nữ Túy Thiện, là một Phật Tử thuần thành, và 4 người con, Trần Quang Trí, Trần Quang Phước, Trần Túy Như, và Trần Túy Liên.

Sự ra đi của Cổ Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận, vì vậy, là một mất mát lớn lao không chỉ với gia đình quyến thuộc mà còn với Phật Giáo Việt Nam.

Nguyễn Cầu Chơn Linh Cổ Cư Sĩ Tâm Đức Trần Quang Thuận tiêu điều Miền Lạc Cảnh.

**Ban Tổ Chức Tang Lễ
và Gia Đình hiệp soạn**



TIỀN NGƯỜI

Thành kính tưởng niệm
GS Trần Quang Thuận
vừa từ trần tại Nam California.

*Cuối đời phôi áo ra đi
Nhẹ nhàng thanh thoát chẳng gì cưu mang
Bụi trần không bám vương mang
Phút giây từ bỏ chẳng màng sầu thương.*

*Cuộc đời tóc đã điểm sương
88 năm giấc mộng thường thoáng bay
Nhiều năm phụng sự miệt mài
Bút duyên viết lách đến ngày rời xa.*

*Sông Hương núi Ngự chảy qua
Tiếng chuông Thiên Mụ ngân nga thuở nào
Trường Tiền nổi nhịp cầu nhau
Tiền Người về với trăng sao giữa trời.*

thơ **TÁNH THIÊN**
29-12-2017

NGƯỜI ĐI, TIẾNG NÓI VẪN CÒN

Thích Từ Lực

(Tưởng niệm giáo sư Trần Quang Thuận, người cư sĩ khí khái, có tầm vóc, với tiếng nói đặc biệt ở lại trong lòng tôi)

Có những người đã qua, dù lẳng lẽ, nhưng di ngôn, phong cách sống và làm việc vẫn không khiến người đời quên lãng. Sớm nay, được tin bác Trần Quang Thuận vừa qua đời tại Bệnh viện Kaiser Fontana, Los Angeles, hưởng thọ 88 tuổi, tôi bùi ngùi nghĩ đến việc dần dà kết thúc của một thế hệ đã có những đóng góp lịch sử cho sự tồn tại và phát triển đạo pháp và giáo hội trong những thời điểm quan trọng nhất. Bác, đồng năm sinh với cha tôi, 1930, còn thuộc về một thế hệ phải chứng kiến những thăng trầm, đổi thay đáng nhớ nhất của lịch sử nước nhà, cũng như thường xuyên được thời cuộc nhắc nhở hoặc thúc đẩy về trách nhiệm và bổn phận trong phạm vi, hoàn cảnh mỗi người, để cuộc sống có thêm ý nghĩa.

Và, tôi thiên nghĩ, thế hệ bác Trần dù trong gian khó, vẫn có đầy đủ thiện chí, nghị lực và khả năng để theo đuổi việc thực hiện những ước mơ chính đáng cho bản thân, những nguyện vọng đáng ngưỡng mộ cho xã hội, cho cộng đồng mà từ đó, chúng ta hân hạnh là thế hệ, là những người tiếp nối.

Giờ đây, trước di ảnh của bác cũng là chân dung của một đời người tận tụy phục vụ cho đạo pháp, tôi muốn ôn lại một quãng đời hoằng hóa của mình, trong đó, hình ảnh bác cũng là hình ảnh chiếu bóng cả của một thế hệ bên thế hệ kế thừa. Giai đoạn đầu tiên tôi được gặp bác là ở chùa Việt Nam trong những sinh hoạt

của Tổng Hội PGVN tại Hoa Kỳ. Lúc đó, Bác giữ nhiệm vụ Tổng Thư Ký. Với trọng trách trên, và dù không còn trẻ, bác có mặt thường xuyên trong những kỳ đại hội hay Hội thảo về hoằng pháp, giáo dục thanh niên. Không ai không nhận ra nơi bác, kiến thức học Phật uyên bác, cung cách từ tốn, điềm đạm và nhất là tấm lòng phục vụ đất nước và đạo pháp rất cao trong vị trí của một Phật tử trí thức, thuần thành. Đây là điển hình của một mẫu người phục vụ cho đạo pháp, đã được thử thách, được chứng nghiệm trong những giai đoạn khó khăn nhất mà Phật giáo và dân tộc trải qua.

Ngoài ra, con người ấy còn có đức khiêm cung khiêm cố. Chuyện ghi chép rằng, trong tập Kỷ Yếu tưởng niệm ni sư Thích nữ Trí Hải, Ôn Đồng Minh có cho chúng ta biết như sau: *"Tôi không nhớ rõ vào năm 1971 hay 1972 gì đó, HT Thích Trí Quang với tư cách là Chánh Thư ký Viện Tăng thống GHPGVNTN bảo anh Trí Không (tức Trần Quang Thuận) dịch bản thông điệp của đức Tăng thống đệ nhất, Đại lão Hoà thượng Thích Tịnh Khiết từ Việt sang Anh. Anh Trí Không thưa với Hoà thượng Trí Quang: "Nếu con có dịch thì cũng phải đưa cô Trí Hải xem lại, tốt hơn là Thầy bảo cô Trí Hải dịch luôn cho tiện" câu chuyện này xảy ra tại Quảng Hương Già Lam, lúc ấy có mặt tôi"* (Kỷ yếu Tưởng niệm Ni trưởng Trí Hải, trang 77). Khi đó, Bác đã từng du học Anh, về nước với

cấp bằng tiến sĩ Xã hội học, từng đảm nhiệm Tổng Trưởng Xã Hội trong chính phủ đệ II Cộng Hoà. Đây cũng là biểu thị của thái độ trung thực của người trí thức, tinh thần tri kỷ tri bỉ (biết người biết ta) của con người công chính trong xã hội, nhất là trong hoàn cảnh nhiễu nhương và theo thiên ý, vẫn là bài học lâu dài cho mọi thời đại.

Với tôi, trong số những cư sĩ mà tôi hân hạnh được biết và làm việc chung ở Hoa Kỳ, bác Trần Quang Thuận là một trong những người tôi kính trọng và biết ơn rất nhiều. Còn nhớ, thời gian đầu tiên khi thành lập GHPGVNTN Hải ngoại tại Hoa kỳ, Bác có mặt trong tiểu ban Quy Chế. Trong những buổi họp chung, tôi ngồi yên lặng nghe những ý kiến, lập luận Bác đưa ra, rất thực tế, chứng tỏ sự am tường tình trạng sinh hoạt của Phật giáo Việt nam ở Hoa kỳ. Tôi có quan điểm riêng là, ngay từ ban đầu, cần tạo lập sự quân bình trong sinh hoạt của Giáo hội bằng việc phối trí các tổ chức Gia Đình Phật tử và cư sĩ tương ứng với các Tự viện và Tăng ni. Làm thế nào để cả 12 miền cùng đồng bộ làm việc và đóng góp trong sự phát triển các Phật sự sau này. Nhưng, sau một vài lần hội ý với Bác, tôi thấy Bác đã thành công trong việc trình bày và thuyết phục chấp thuận đề nghị đưa ra.

Thời gian sau này, Bác mở Trung tâm Học Liệu Phật giáo, soạn thảo và ấn hành các tác phẩm chuyên về việc nghiên cứu sinh hoạt của Phật giáo

Việt Nam trong nhiều nước tại hải ngoại. Tập “Phật giáo Mỹ” gồm 2 quyển, biên soạn khá công phu với những nhận xét, và đề nghị cải cách cho phù hợp với tình trạng của Phật giáo hiện nay. Phải chú trọng với giới trẻ, Bác viết, và tìm mọi cách để đưa tinh thần Phật giáo đến với thanh phần thanh thiếu niên sinh ra và lớn lên ở Mỹ. Bỏ quên hay hờ hững với thanh phần này là chúng ta sẽ mất cả tương lai và tiền đồ phát triển! Với tương lai hoằng hóa Phật giáo ở đất nước này, bác Trần Quang Thuận đã có nhận xét thật tinh tế sau đây: “*Phật giáo Mỹ mặc dầu có những khuynh hướng khác nhau, mặc dầu vẫn chưa tạo được một sắc thái hoàn toàn bản xứ, mặc dầu cách tụng niệm, nghi lễ chưa đem lại nguồn cảm hứng đặc thù, hợp với tình tự dân tộc, các thiền sư Hoa Kỳ, các nhà lãnh đạo Phật giáo Mỹ đã thấy những khuyết điểm của mình, đã vạch ra các phương thức điều chỉnh chuẩn bị bước vào ngưỡng cửa thế kỷ 21 với tất cả sức sống, uyển chuyển, linh động, đầy triển vọng*” (lời mở đầu viết vào mùa Vu lan năm 1999).

Rồi chỉ mới đây thôi, trong khóa Hội thảo Huỳnh trưởng của BHDTU Gia đình Phật tử Việt nam tại Hoa Kỳ, được tổ chức ở Trung tâm Tu học và Huấn luyện Thích Quảng Đức tại San Bernadino, California, vào cuối tháng 9 năm 2017, Bác đã dành thì giờ đến thăm. Trông Bác còn khoẻ. Bác đã nhắc lại vài kỷ niệm rất vui, thân thương vào những năm đầu của Tổ chức, rồi sau hết, Bác xác nhận lòng tin tưởng của mình và mong ước tập thể Huỳnh trưởng đạt được nhiều thành tựu trên con đường giáo dục tuổi trẻ.

Sau bữa cơm trưa, tôi có dịp ngồi nói chuyện với Bác ở hội trường. Bác cầm tay, nói với tôi, giọng nói trầm ấm, rõ ràng: “Tôi thấy Thầy dành thì giờ cho GDPT là tốt quá rồi, qua bao nhiêu năm sinh hoạt ở Mỹ, mình thấy, chỉ bằng con đường tu học, gần gũi bên

nhau để nuôi dưỡng đạo tình, kết nối thân thương với nhau mới là hiệu quả, quý báu nhất. Thầy gắng lên nghe.” Tôi lắng nghe, cảm kích vì những lời chí tình thốt ra từ người dành trọn cuộc đời cho việc truyền bá đạo từ bi.

Bao năm qua, bao lần, vẫn giọng từ tốn, tiếng trầm ấm, với cách chấm câu đặc biệt “như thế, như thế, Thầy nghe,” dội lại trong lòng như tiếng của di ngôn, của kỷ niệm không quên.

Thưa Bác,

Vậy mà hôm nay, vào những ngày cuối năm nhận tin Bác ra đi, lòng thấm buồn, dù cố gắng “giữ tâm an tĩnh” song không khỏi bồi hồi, xúc cảm. Xin mượn những hàng tâm bút này thay cho vòng hoa tưởng niệm, kính mong

bác nơi chốn linh thiêng, thành thơi về cõi Tịnh. Xin cảm tạ bác, thủy chung đã đặt lòng tin cậy nơi nhau. Những gì bác và thế hệ bác đã dày công khai phá và xây dựng, tôi nguyện xin nối gót, nguyện làm đẹp thêm cho Tổ chức màu Lam, làm lợi lạc thêm cho Đạo, cho Đời.

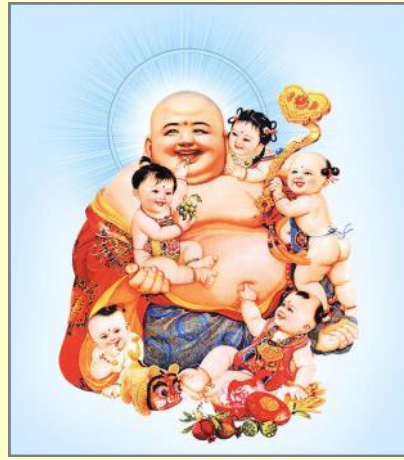
Xin thành tâm kính dâng một nén hương lòng, hướng lên Tam Bảo cầu nguyện anh linh bác Trần Quang Thuận, pháp danh Tâm Đức, sớm siêu sanh miền Lạc cảnh. Cũng có lời cầu nguyện gia đình, thân quyến còn lại được bình an.

Hayward, một chiều cuối năm 2017

Thích Từ Lực

chắp tay,

kính viết đôi lời cảm niệm



CA NGỌI BỒ ĐAI HÒA THƯỢNG

*Ung dung thanh thoát mím an nhàn
Cải bị bên mình bụng rỗng rang
Năm uân đầy to thường nhẹ tênh
Sáu căn thơ trẻ mãi thề thành thang*

*Hoa tâm hỷ xả cười vương nhẹ
Biển đức từ bi tỏa dịu dàng
Tâm Phật ma ha thuyền bát nhã
Nụ xuân vô tướng ngát sen vàng.*

thơ

HOA CÁT PHAN VĂN

ĐỜI NGƯỜI

Thích Viên Thành

(LOẠT BÀI CHÀO MỪNG NĂM MỚI - 2018 - Mậu Tuất
Viết về ĐỜI NGƯỜI và ĐỊNH HƯỚNG cho TƯƠNG LAI)

ĐỜI NGƯỜI

*Đời người trong khoảng một trăm năm
Nghèo khó giàu sang chết cũng nằm
Giành giật bao nhiêu buông xả hết
Hơn thua cho lắm chẳng ai thăm
Lậu không "biết đủ" đời khốn khổ
"Ít muốn" giúp ta ít lỗi lầm
Ý nghĩa cuộc đời nên tạo dựng
Sẽ chia đạo đức sáng trắng rằm.*

Ba tiếng khóc oa, oa, oa chào đời, báo hiệu một kiếp sống đọa đầy! Mẹ phải nhiều đòn đau, chín tháng mười ngày, mang nặng đẻ đau, ba năm cho con bú mớm, nhường ráo năm ướm, có thể tạo tội vì con và nhịn đói cho con được no... "Thương cha phải bôn ba xuôi ngược giữa dòng đời, lo cho con no ấm, yêu mẹ cũng phải tất tả gánh gồng, lặn lội thân cò nuôi con lớn khôn"... Tất cả cũng chỉ vì con, nuôi con, mong con hiển đạt với đời, rồi lo dựng vợ gả chồng cho con.

Xong nhiệm vụ làm cha, làm mẹ, tưởng rằng sẽ được an nhàn, đâu ngờ hết cháu này rồi đến chít khác chào đời. Thân già mắt lòa, tai điếc, răng long, tóc bạc, trí óc mù mờ, tay chân lọng cọng, lưng còng, gối mỏi, muốn khỏe để sống an cũng khó được, hết nhức răng, đến đau đầu, đau bụng, rồi lục phủ ngũ tạng lần lượt yếu dần, phải nhờ bác sĩ, bệnh viện điều trị... nhưng đâu được yên, phải lụm cụm trông cháu, giữ nhà...

Rồi con đau, cháu yếu, những đứa ngoan hiền, dễ thương thì phải xa cách. Nếu thiếu phước, dầu bao nhiêu cầu nguyện, đời trông cũng đành thiếu vắng, không bao giờ đạt được, mà còn lại bên cạnh, toàn những đứa nghịch ngợm, bất hiếu, làm những điều trái ý, phật lòng phải chịu nhiều sầu khổ, oán than! Trong quá trình để mưu toan cho cuộc sống, con người cũng đã tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp chướng.

Để bảo vệ "bản ngã" theo hai bản năng:

sinh tồn và hưởng thụ, con người cũng sẵn sàng tạo ra tội lỗi. Để sinh tồn, con người đã phải không ngừng chiến đấu, tìm bằng mọi cách để hơn hoặc triệt hạ đối phương, bao nhiêu danh lợi đều muốn gồm thâu về mình, ai hơn cũng không được, rồi lại có thể hãm hại người để mình được lợi, được sống, được vươn lên... Để hưởng thụ, con người cũng ngang nhiên tranh giành, những phần lợi của kẻ khác, sống xa hoa, phung phí, thoải mái trên những khổ đau của đồng loại hay của những con vật mà mình thích thưởng thức, không kể chi tội lỗi, tổn phước, mất đức, nợ nần, hay nguy hại đến sức khỏe.

Cuộc đời có rất nhiều sự ngọt ngào, cay đắng, chát chua, nhưng một sự thật hiển nhiên, mà mỗi chúng ta ít khi để ý đến, đó là: nhà ở có thể tạo tội lỗi, nghiệp chướng, để xây dựng cho rộng lớn, hoành tráng, kiên cố, đẹp để bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ là nơi ở tạm thời, đến khi chết, không mang theo được, mà chỉ đem theo những nghiệp đã gây, tạo! Cái quách sành (gỗ) mới là nhà ở vĩnh hằng của tất cả chúng ta. Thế nên, nhà rộng chẳng bằng tâm rộng, tấm lòng rộng mở, sống hết mình vì mọi người, mới có ý nghĩa và có phước đức, cái "phước đức" này mang theo được và là lực đẩy (power) để đưa ta về được cõi an lạc vậy, hoặc giúp ta được nhiều may mắn trong cuộc sống.

Khi sống ích kỷ, chỉ lo vun vén danh lợi cho riêng mình, thì không có thời gian để lo cho mọi người, không có cơ hội tạo phước, mà phần nhiều là tạo tội, tạo nợ mà thôi! Nên phải luôn nhớ rằng: *"Mình ăn thì hết, người ta ăn thì còn,"* hay *"Cho nhiều hơn nhận, thì sẽ nhận được nhiều hơn cho."*

Có lo gieo tạo, chăm sóc cho được nhiều, bên cạnh đó phải làm việc phước đức, thì mới hy vọng có ngày thu hoạch trúng mùa, trúng giá, bèn không thì chỉ trúng mùa, mà không trúng giá, thì cũng chỉ phí công, bất lợi mà thôi.

Đức Phật đã dạy: *"Sanh được làm người rất khó, nghe được Phật Pháp càng khó hơn..."* Chúng ta được thân người (loài có trí tuệ cao nhất trong các loài chúng sanh) là một phước báu rất lớn. Nếu không biết vận dụng lợi thế thù thắng này, để tu tiến lên thành Phật, thành Thánh, thành người hữu dụng, thoát kiếp, khổ đau, mà chỉ biết "hướng ngoại tìm cầu" không "quán chiếu nội tâm" để lo tu tập, hướng về Phật Pháp mà tìm đường thoát khổ, phục vụ nhân sinh, hầu có được phước đức, ý nghĩa cho cuộc sống, lợi ích cho đời, thì thật tội nghiệp cho một kiếp người, phải mãi mãi trầm luân trong luân hồi sinh tử.

Đời là bể khổ và vô thường, trải nghiệm qua cuộc sống, hãy nhận chân ra điều ấy, đó cũng là nguyên nhân Đức Phật ra đời để Khai Thị cho chúng ta, qua bài giảng đầu tiên của Ngài tại vườn Lộc Uyển, với hoài bão là muốn cho chúng sanh hiểu rõ về Tứ Diệu Đế, Ngũ Nhập Phật Tri Kiến, mà tìm đường thoát khổ.

Tết

LÊ BÍCH SƠN

Khi ký ức gọi về...

Tự nhiên thèm nghe tiếng đàn chó sủa vắng vắng trong đêm khuya, tiếng đàn gà trong xóm thay nhau gáy sáng, tiếng leng keng của những người bán hàng rong dọn hàng, tiếng chuông chùa nhẹ buông trong gió, tiếng những giọt nước mưa rơi sau mái hiên, thèm ngửi mùi ngai ngái của lá cây bông vạn thọ, thèm đi trong sương mù lạnh lạnh buổi sớm mai trên những con đường đất quê nhà...

Khi đường đời đã mỏi, ta muốn tìm về những giây phút bình yên tuổi thơ ở quê nhà. Dường như đã trôi xa và rất xa!

Atlanta – Hoa Kỳ



Được như vậy là đã phần nào giác ngộ rồi, điều còn lại là ta chọn cho mình con đường nào thích hợp, để sống an lạc và không còn sống chết!

Chúc toàn thể quý vị một năm mới nhiều sức khỏe để sống tốt, tạo nhiều lợi ích cũng như đầy ý nghĩa với đời.

Chùa Pháp Hoa-Nam Úc,
những ngày đón mừng năm 2018
Thích Viên Thành

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

NANAMOLI THERA (1905-1960)



Đại Đức Nana-moli, có tục danh là Osbert Moore, sinh tại Anh Quốc ngày 25-6-1905, tốt nghiệp học văn ở trường Exeter College, Oxford. Vào lúc xảy ra cuộc thế chiến thứ hai (1939-1945), Moore phục vụ trong quân đội hoàng gia Anh Quốc đóng tại Ý Đại Lợi (Italy). Lúc ấy, ông được gặp, kết bạn thân với Harold Musson, cũng làm việc trong quân đội. Cả hai bắt đầu ham

thích, tìm hiểu Phật Giáo, sau khi đọc được tác phẩm *"Dottrina Del Risveglio"* viết bằng tiếng Ý nói về đạo Phật của Julius Evola.

Sau khi thế chiến thứ hai kết thúc, Moore trở về Anh Quốc làm việc tại đài phát thanh B.B.C và sống chung nhà với người bạn cũ trong thời chiến là Musson.

Tại đây, cả hai người đã hợp tác cùng dịch tác phẩm Phật Giáo bằng tiếng Ý nói trên ra Anh văn mang tựa đề là *"The Doctrine of Awakening"* (*Giáo Pháp của sự Tỉnh Thức*).

Năm 1949, vì muốn tìm hiểu nghiên cứu thêm Phật Pháp, Moore và Musson cùng rủ nhau qua viếng thăm Tích Lan (Ceylon). Tại đây, họ may mắn được gặp và có dịp học hỏi giáo lý với Thượng Tọa Nyanatiloka (1878-1957), vị tăng người Đức ở Island Hermitage, Dodanduwa, miền nam Tích Lan và Thượng Tọa Pelane Vajiranama tại chùa Vajirarama,

Colombo. Cũng trong năm 1949, Moore xin xuất gia, thọ giới Sa Di với T.T. Nyanatiloka và năm sau 1950, thọ đại giới (tỳ kheo) tại chùa Vajirarama, với pháp hiệu là Nanamoli.

Năm 49 tuổi, Đại Đức chuyên học hỏi tiếng Pali, Tích Lan (Sinhalese) và Miến Điện (Burmese); và chỉ trong một thời gian ngắn, ngài đã thông thạo các ngôn ngữ này. Từ đó, Đ.Đ. Nanamoli bắt đầu nghiên cứu Phật Pháp; và trong vài năm sau, trở thành một học giả thông bác về tiếng Pali. Về phương diện tu hành, đại đức là một nhà sư đạo hạnh, sống xa lìa mọi lợi danh trần tục. Từ ngày xuất gia đến lúc viên tịch, trong suốt thời gian 11 năm, lúc nào ngài cũng chỉ quấn mặc một chiếc y vàng đơn giản và luôn luôn đi chân không, ít khi người ta thấy đại đức mang giày, dép.

Những Đóng Góp Của Đại Đức Nana-moli Cho Nền Văn Học Phật Giáo Tây Phương

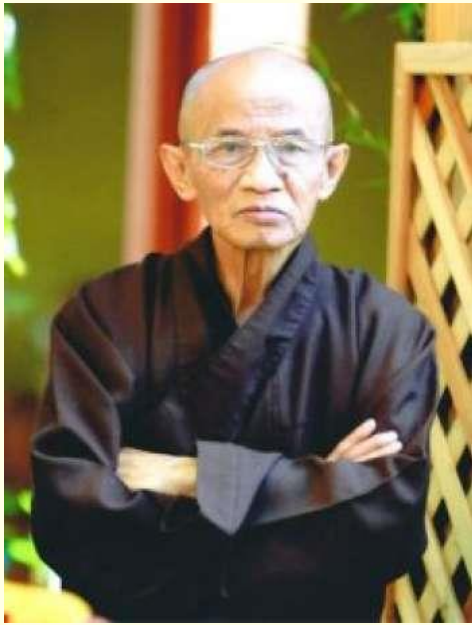
Dưới đây là những bản kinh Đại Đức Nana-moli đã dịch từ thánh ngữ Pali ra Anh văn:

- 1960: *Minor Readings (Khuddaka Pathas)*, Tiểu Tụng hay "Những bài Kinh Ngắn" trong Tiểu bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) thuộc Kinh Tạng; tái bản năm 1978.

- 1960: *The Path of Purification (Visuddhimagga)*, Thanh Tịnh Đạo của nhà đại luận sư người Ấn Buddhaghosa (Phật Minh) viết không lâu sau khi ngài sang Tích Lan hoằng pháp vào năm 430 sau tây lịch.

- 1962: *The Guide (Nettipakarana)*, tái bản năm 1977. Tập sách hướng dẫn, giải thích về các kinh tạng (*Pitakas*) mà theo truyền thuyết là do ngài Mahà Kaccàyana (Ma Ha Ca Chiên Diên), một trong các đệ tử lớn của đức Phật thuyết ra. Nhưng các học giả Tây Phương lại bảo rằng có thể cuốn này được viết ra vào khoảng đầu thế kỷ thứ nhất tây lịch, chứ không phải của ngài Mahà Kaccàyana.

- 1964: *Pitaka Disclosure (Petakopadesa)*, tái bản năm 1979: Cuốn sách chỉ dẫn, giới thiệu về các bài kinh Phật Giáo, cũng của ngài Mahà Kaccàyana. Nhưng có thuyết cho rằng tác phẩm này được viết ra vào khoảng trước



H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

thể kỷ thứ 3 sau tây lịch.

- 1982: The Path of Discrimination (*Patisambhidamagga*), Vô Ngại Giải Đạo, tập luận lý phân tích, trong Tiểu Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

Ngoài ra, Đ.Đ. Nanamoli còn dịch từ Pali ra Anh văn rất nhiều bài kinh trong Trung Bộ Kinh (*Majjhima Nikaya*) và Tương Ứng Bộ Kinh (*Samyutta Nikaya*) thuộc Kinh Tạng. Đại Đức Nanamoli cũng là bút giả tác phẩm "The Life of Buddha" (*Cuộc đời đức Phật*), xuất bản đầu tiên vào năm 1972, được tái bản lần thứ nhì năm 1978 và lần thứ ba năm 1984.

Rất tiếc Nanamoli đã viên tịch bất ngờ vì bệnh tim vào ngày 8 tháng 3 năm 1960 tại ngôi làng yên tĩnh Veheragama gần Maho ở Tích Lan, hưởng thọ chưa đầy 55 tuổi.

Sự vĩnh viễn ra đi đột ngột của Đại Đức Nanamoli đã để lại nhiều tiếc thương cho số đông Phật tử Tây Phương trí thức lẫn bình dân khắp nơi trên thế giới.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

SƠN TĂNG

*Sơn Tăng lên núi tọa thiền
Không danh lợi, chẳng muôn phiền đó đây
Bạn cùng trăng nước trời mây
Ma Ha Bát Nhã,
Thân này vốn không.*

BÌNH AN

*Hãy để mọi sự
Như Đã và Đang
Như Đi và Đến
Có gì lo toan!
Chỉ cần tỉnh giác
Nhận diện rõ ràng
Ta và đối tượng
Cảm thọ đôi dàng
Không vương, không mắc
Đường sẽ thênh thang
Bình an,
Bình an.*

NHÀ

*Hoa vàng, hoa tím chen nhau
Sư cô ơi, chỉ lối đâu về nhà?
Rằng: Nay hoa trụ Ta-bà
Tiền thân là chuyến đò qua sông Hằng.*

ĐẠO VÓN KHÔNG LỜI

*Các pháp thế gian như giấc mộng
Nương đò qua sông,
Đạo vón không lời
Phút giác ngộ, bừng soi ánh tuệ
Cái ngộ tìm ra,
Vẫn hằng hữu muôn đời.*

PHƯỚC LÀNH

*Con sâu đậu trên lá vàng
Gió đâu lồng lộng,
Lá vàng lìa cây
Lá nương gió, lá bay bay
Nhiều quanh tháp Phật, nào hay phước lành
Sâu nương lá, cũng nhiều quanh
Do tâm hoan hỷ,
Được sanh làm người
Pháp Hoa Kinh, chỉ rõ lời
Một niệm tin kính,
Đôi đời nghiệp thân.*

thơ

HUỆ TRẦN

Xuân có đi, có đến

NGUYỄN BẢO LỄ



Thật tình tôi chẳng biết Xuân có tự bao giờ để mà định nghĩa. Xuân cứ y như ngàn hoa nở mà chẳng biết hoa nào nở trước hoa nào nở muộn vì vốn tất cả đều là sự biến thiên của qui luật tự nhiên hay là tất cả là pháp, khi ẩn khi hiện như thế gian lúc dùng gọi là danh từ, lúc cho là tính từ, trạng từ? Nên, khó có thể lý giải Xuân đến lúc nào, Xuân có "ở lại cùng ta" hay "ra đi từ độ nào"? Đầu là khởi đầu, đầu là kết thúc?

Người xưa nói "vạn vật bắt đầu từ mùa xuân" (khởi ư xuân), thấy chồi đâm lá mọc là gọi ý Xuân. Thấy cái lạnh rét buốt bỏ đi thay chỗ cho cái mát mẻ trong lành thì gọi đã Xuân về. Nhận ra hiện tượng ấy mà Hồng Sơn Lạp hộ Nguyễn Du hứng khởi bộc lộ "Cỏ non xanh rợn chân trời" hay nhận thấy "Trước thềm mở tỏ nở đầy hoa" của Bạch Cư Dị nhà Đường Trung Quốc rồi để chợt có phải như là "Đêm qua chớm nở một cành hoa" (Tạc dạ nhất chi khai - Tảo mai- Sư Tề Kỷ- nhà Đường TQ) dù đã mơ màng cả đêm Xuân quên cả đất trời mặc bao nhiêu hoa nở rồi "...hoa rụng nhiều hay ít?" (Hoa lạc tri đa thiếu - Xuân hiểu - Mạnh Hạo Nhiên, TQ). Sự báo hiệu ấy theo Đỗ Phủ trong bài Giang Nam có câu "Tháng Chạp mai hé nụ" để "gheo gió đông" của Thôi Hộ rồi được đặt tên là như thế theo nghĩa tùy thuyết duyên mà vì đó nên gọi là Xuân dù "hình tượng" ấy đã có từ bao nhiêu thế kỷ trước được đóng khung trong thời gian từ tiết Xuân phân,

hay có từ hơn 6 triệu năm tiến hóa của loài người? Chỉ biết là "Xuân sang hoa nở rộn trong lòng" (Nhất Xuân tâm tại bách hoa trung - Xuân văn - Trần Nhân Tông), theo cảm nhận hể thấy Bắc về Nôm đi cảnh mai nầy lộc là đứng trước ngưỡng cửa nhà Xuân vậy thôi!

Cứ Xuân đến là mơ ước, "mực tàu giấy đỏ, bên phố đông người qua" (Ông Đồ già- Vũ Đình Liên) cũng là dịp để thù tạc tán thán nhau và mong cầu sao đời được thái bình an lạc, làm ăn được mùa "Tháng Giêng trồng đậu, Tháng Hai trồng cà, Tháng Ba cây vớ ruộng ra..." (Ca dao VN), mong sao đất trời an hòa để người không lâm vào cảnh tang thương lụt lội hạn hán, gác bỏ hận thù như dáng dấp ý nghĩa Olympic khởi thủy thời Huy Lạp cổ đại. Đến nỗi phải "Hãy yêu nhau đi khi mùa Xuân tới" (Hãy yêu nhau đi - Trịnh Công Sơn). Xuân thì gần gũi vui tươi lên đi, phải đợi đến Xuân mới tỏ bày nỗi lòng yêu thương chờ che, còn mấy mùa khác thì ghét bỏ chối từ? Hay Xuân chỉ là một cái cố, một cái duyên trong cuộc sống tranh đấu lắm bon chen? Tìm Xuân có cần phải đợi đến sau ngày Đông chí trong lúc trái đất đang trở chứng mưa nắng khắc nghiệt thất thường như rét nằng Bần, nên khiến Sư Tề Kỷ từ xưa lòng đã định ninh "Sang năm có theo như luật thời tiết hay không?" (Minh niên như ưng luật - Tảo mai) và cũng có thể Sư nhận rõ được sự vô thường của vạn pháp, sự thay đổi ngay từng sát na đến mức không phân biệt được thời điểm nào là quá khứ, là hiện tại, sự vật vừa đến đã thoát đi qua như một hình ảnh chuyển động của 24 khung hình/s hay đến 10.000 khung hình/s? Có thật Xuân đến lúc nào chẳng hay chẳng biết, đột ngột bất ngờ như ngồi xem hoa nở, như "Khách vắng đường hoa chưa vội quét" (Hoa kính bất tằng duyên khách tảo - Khách chí - Đỗ Phủ)?

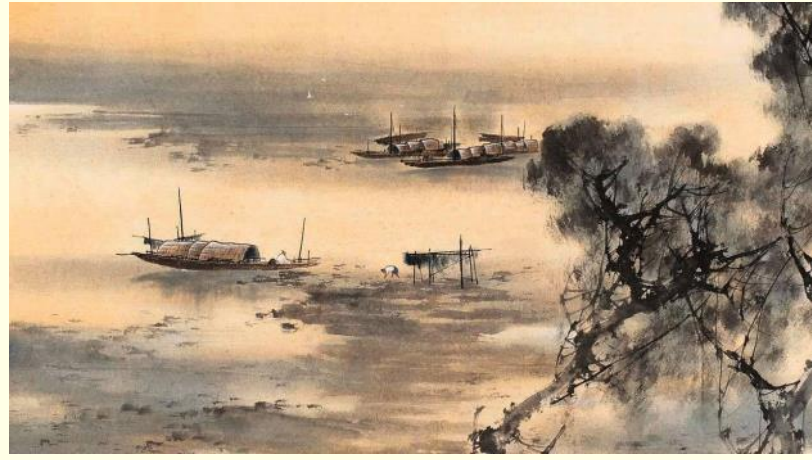
Thật tình, tôi không biết Xuân đến hay Xuân đi. Kể câu chuyện thời còn ỉ tờ để chòm, được ba mẹ dẫn xem phim (ciné) dù hình ảnh chỉ trắng đen cũng là nhất, lúc cái kịch tưởng cái lương bắt đầu có đối thủ cạnh tranh mỗi trong mỗi trường văn hóa xem-nghe. Tết đến nườm nượp bọn trẻ cả xóm đi xem. Thương "thằng vai chính" oai hùng mà bị đánh bầm dập. Mai rập không chiều, hỏi ra mới biết "thằng vai chính" bệnh nên không đóng phim nữa... vài bữa "nó" đóng lại nhưng đóng vai



phụ thôi!? Thế đó, đời như thật như giả, vui đó buồn đó, còn đó mất đó, mới thấy đã đi, vô thường vô phạt, giữ lại chẳng trong lòng là hình ảnh Xuân xưa ngô nghê nhưng lắm hồn nhiên thật thà với lối đi hàng ngàn hoa vô rừng đỏ bờ sông bát ngát. Còn nhớ như in thuở nhỏ nhìn ra cửa toa tàu xe lửa thấy cảnh vật như chạy lùi ra sau cứ như mình ngồi một chỗ. Tâm động hay cảnh động? Tất cả đều động hay bất động? Thế thì ngồi lại bên hiên nhà thấy bóng đổ của tôi và hàng cây thu ngắn dài rồi tự hỏi tôi và cảnh tĩnh hay động, ánh nắng có từ bao giờ, tiếng khóc cười có từ bao giờ? Rồi hỏi thêm lần nữa, tại trái đất quay động. Trái đất quay động hay đứng yên trong hệ thái dương, trong vũ trụ hàng tỉ tỉ hệ? Và rồi lớn lên, lắm lúc cũng tự hỏi: Xuân chỉ là khái niệm hay chỉ là lý thuyết của cuộc sống với bộ mặt hình tướng của thiên nhiên như cây cỏ thụ với lắm cặp mắt nhận xét chung quanh, như tiếng "Om" vang vọng từ dòng sông trong câu chuyện của nhà văn Hermann Hess (*Đức*).

Kể cũng lạ, cần gì nhau câu chúc phải đợi đến Xuân? Thế mới thấy rõ cuộc đời này vốn cứ lẩn tròn trong khổ đau khổ nên cứ mãi mong cầu. Tâm yên bình sẽ được thân yên bình, ấy thế mà không chịu hiểu. Cuộc sống chống chọi đối đãi nhau giữa cái bằng lòng và không bằng lòng khiến cho than vãn trách móc tủi phận đổ kỵ hờn căm "thời phải thế thế thời phải thế" (*Ngô Thì Nhậm*) nên "Xuân về những nhớ cùng thương" (Xuân về nhớ cổ hương - *Nguyễn Bính*) và với cái kết đắng ngắt cái kết cục sự đời "Thịnh suy như giọt sương đầu ngọn cỏ" (*Thịnh suy như lộ thảo đầu phôi*) - *Thiền sư Vạn Hạnh*).

Có người khuyên sống sao hãy được tâm an ý tịnh; xem mọi vật có như không có, nhìn sự vật bên ngoài không là sự thật, không bền lâu để tâm được yên với trạng thái xả ly tịch cực, không chạy theo ảo vọng vô minh, chuyển mê thành giác, thấu hiểu như thuyết Duyên sinh nhà Phật mới hiểu thấu thế nào là Xuân (chuyện làm người quá dễ phải không?). Nếu như thế cũng nhận ra phần nào Xuân nên cứ an nhiên để mọi sự đến rồi cũng đi là lẽ thường tình, tồn tại rồi hủy hoại là lẽ thường tình... chẳng so đo tính toán căng thẳng phiền lòng. Thư thái mà rời khỏi cái sự vật thường tình, mây may không bận lòng chuyện thế thái nhân tình, mấy khi được như vua Trần Nhân Tông - một nhà văn hóa của dân tộc, Tổ Thiền phái Trúc Lâm: "Khách vào chẳng hỏi chuyện nhân thế" (*Khách lai bất vấn nhân gian sự* - Xuân cảnh) khi đã hiểu lẽ Sắc-Không, tìm ra chân tướng của cái Không từ kinh văn Bát Nhã, hay "Xin đừng nói gì chỉ biết theo thôi" (*Tận tại đình châm bất ngữ thì* - Xuân nhật tức sự - *Huyền Quang thiền sư*)... Nói thì nói thế, sống thường tình làm người thường tình trong cõi ta bà này làm sao tránh khỏi mong cầu đổ kỵ. Cái nhu cầu nhỏ cho mình, cái nhu cầu lớn hơn cho người, từ tự độ cho đến độ tha, chấp tay thanh



tĩnh niệm Nam mô cho gia đình may mắn lợi đây hay cầu cho quốc thái dân an là đang tìm Xuân, một cái Xuân tình thường mà huyền diệu vô cùng. Làm sao trong lòng ai ai cũng nguyện "chứng nào thế gian không còn nước mắt" để nhận ra ông Phật trong mình? Thế thì góp nhặt những gì hay ho tốt đẹp nhất tổng hòa lại để được có chung một "gọi là" Xuân chắc thật, những gì "làm khổ nhau" thì vứt bỏ tha thứ xả buông.

Mà thôi, xem như "Hoa rụng hoa nở vẫn là xuân" (*Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân* - *Vương Hải Thiêm, TQ*) cho "ngàn hoa mai chợt nở" (*Kim triêu hốt kiến sổ hoa khai* - Xuân nữ oán - *Tưởng Duy Hận, TQ*) thế mà hay. Xuân như thật như huyền, thấy được nhưng không nắm bắt được nên tôi không thể tâm sự cùng Xuân. Xuân đứng bên lề ván cờ nhân sinh mà ngẫm suy đời người luân chuyển thiên biến vạn hóa bao nghiệp chướng nặng nề không thể tả nổi - nan tư nghị. Nếu biết nghĩ suy thì Xuân không lấy làm hổ thẹn vì mỗi lần đến rồi đi gánh theo biết bao nhiêu khóc cười thành bại mất còn. Cứ mỗi độ chuyển sang mùa cuối năm, cây cối đâm chồi nảy lộc, vạn vật cứ sinh sôi cho thêm cuộc sống mới từ loài vô cơ đến hữu cơ, từ loài có lý trí tình cảm cho đến loài vốn đã thế vô tư trong luật sống còn của tự nhiên. Cũng chẳng biết phải vậy không, lòng người cứ cần đo đong đo đếm lấy cảnh làm điểm tựa cho tâm mà tỏ bày "Ngàn dâu xanh ngắt một màu, Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?" (Chinh Phụ ngâm khúc - *Đặng Trần Côn*), giữa một màu xanh lục bao la hơi thở mát lạnh mà vẫn buồn cũng lạ, dù Xuân kia có tươi vui bao nhiêu chẳng nữa mà lòng héo hắt khó mà cảm thông vì tâm ý bất an, chưa tịnh, buồn kia mênh mông biết chừng nào! Thật khác với câu thơ Kiều của Nguyễn Du đã đề cập trên. Đó có phải do tâm cảm nhận từ hiện tượng sự vật bên ngoài mà sinh ra vui buồn hay "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?" (Kiều - *Nguyễn Du*). Vui đó buồn đó... cũng đều do mình cả thôi!

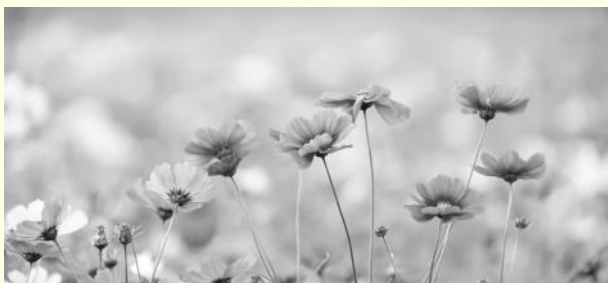
Cứ cho lòng được vui, thanh thản, chẳng vướng bận tiếc nuối muộn phiền là thấy biết được Xuân. Không nghĩ ác, không làm ác (*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành* - *Ô Sào*

Thiền sư) là cảm nhận được Xuân. Xuân hiền lành, tri kỷ, giàu lòng vị tha, bình đẳng, không hề phân biệt và ẩn hiện tựa như nàng Tiên trong huyền thoại.

Xuân về kia, đất trời với người là một, tam tài đồng hành Thiên-Địa-Nhân là một. Xuân bước đến khoan thai nhẹ nhàng như tiếng mõ công phu, thỉnh thoảng là âm vang của đại hồng chung lên lời vào từng ngõ ngách lòng người. Có hay chăng vui buồn cũng do tâm mình nhận rõ. Xuân đâu có bận lòng gì tâm trạng con người vì Xuân vốn đã là Xuân... và cũng chẳng hỏi trái đất quay quanh mặt trời hay mặt trời quay quanh trái đất? Có gọi Xuân là "nàng" đồng đành gieo cầu tìm duyên chi nữa để thêm chút mỹ miều yếu điệu thực nữ thì đó cũng chỉ là một khái niệm không-thời gian, một phạm trù của duyên lý hợp- hợp lý duyên cho nên chỉ cảm nhận mà suốt hành trình làm người không bao giờ nắm giữ như một sản phẩm vật chất hoặc giả chỉ là tấm gương soi lòng mình, một chỗ tựa nhả nhủ tâm sự với bao nỗi vui buồn nối tiếp nhau của cuộc đời, ví như "Buồn thay nhẽ, xuân về hoa ở. Mối sầu riêng ai gỡ cho xong?" (Ai Tư Vãn - Lê Ngọc Hân).

Xuân lại về vì mắc nợ trần gian hay chỉ thay hình đổi dạng như có từ muôn ngàn kiếp trước? Tôi tung tăng bông bột lang bạt kỷ hồ - tôi mỗi một dừng chân tư lự cũng là tôi. Dù sao đi nữa cũng cảm ơn Xuân cũng mang lại ý đẹp tình thơm, một cảm giác cho đời tựa câu thơ "Chẳng nghĩ suy, chẳng một lời. Tôi chỉ biết tình yêu kia vô tận" (*Je ne parlerai pas, je ne senserai rien : Mais l'amour infini me montera dans l'âme* - Sensation -Arthur Rimbaud- Pháp) tựa như chàng thi sĩ đang yêu thốt lên câu "gặp nàng cười là đã thấy Xuân rồi." Thế thì, đã nói đến Xuân là nói đến những gì tích cực nhất trong cuộc sống mắc chi lấy đó là cơ sở muộn phiền tục lụy?

Xin mao muội mượn ý câu thơ của Khổng Minh Gia Cát Lượng thời Tam Quốc TQ: "Lều tranh giãc Xuân đầy" (Thảo đường Xuân thuy túc - Vô đề) để trở thành "Lều Xuân giãc mộng đầy" kết thúc bài viết này vậy!



TẾT Ở QUÊ NGƯỜI

*Tết ở quê người không én lượn
Giao thừa Xuân chẳng đến thăm ta
Mộng ước cũng chôn chân gỏi mối
Ngày dài cao ngát nỗi chia xa...*

*Ta đứng bên này bờ biên giới
Lòng buồn quận thất đến xương da
Ngủ trông có quận ôi buồn quá
Chôn chặt niềm đau nỗi nhớ nhà.*

*Lưu lạc phương nào ta cũng nghĩ
Bạn bè thân thiết mãi bên ta
Chỉ một vãn thơ thôi cũng đủ
Ấm lòng cho kẻ đã đi xa.*

*Ta về phương đó theo tiếng gọi
Bỏ lại đằng sau những bạn bè
Trên chuyên xe đời trong bão táp
Bụi đường mưa nắng đất trời che.*

thơ NGUYỄN THANH HUY

PHẢI HỌC PHẬT NHƯ THẾ NÀO?

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Đạo Phật là đạo hướng dẫn con người để sống chứ không nhằm trao truyền cho hành giả một kiến thức tuyệt vời.

Chỉ có sống đạo, tu đạo, hành đạo mới thâm nhập được sự lý có viển vông, không thể nói hết được, suy tư hết được. Có ăn, có tiêu hóa thức ăn, con người mới no khỏe được. Không thể ngồi bàn luận về thức ăn, về thực phẩm mà qua cơn đói lại dưỡng thù được. Mỗi người phải tự mình lên đường và tự mình vén bức màn vô minh để thấy được bản chất thường còn là tánh Phật mà rõ suốt chân lý. Chính Phật dạy "ai ăn nấy no, ai tu nấy chứng." Bởi vậy sở hành cũng tùy căn cơ môi trường sai khác. Không có một mô thức cố sẵn nào được đem ra áp đặt cho kẻ này người khác. Sự bình đẳng tuyệt đối của nhà Phật là ở chỗ này vậy. Cho nên để giải đáp vấn nạn "Phải học Phật học như thế nào?" Sư Pháp Diễn vào thế kỷ thứ XI ở Trung Quốc đáp rằng: "Phải học Phật như học đạo chích."

Tên đạo chích (ăn trộm), có đứa con trai. Một hôm chú con trai nghĩ bụng nay cha đã già, sức đã yếu đuối có đủ lạnh lẽo nhậy bén và sức khỏe để tiếp tục hành nghề nguy hiểm này. Để đảm bảo cuộc sống cho cả gia đình mình học nghề ngay từ bây giờ mới được. Nó đem ý nghĩ đó bàn với cha và được cha chấp thuận.

Một đêm kia để bắt đầu bài học vỡ lòng cho đứa con trai, ông dẫn con đến một ngôi nhà đồ sộ. Bẻ rào, khoét vách vào nhà mở khóa một chiếc rương lớn, bảo thằng con chun vào, rách lành gì thu hết. Thằng con vừa chun vào rương xong, ông vội khóa rương lại

rồi ra sân đập phá âm ỉ đánh thức cả nhà dậy rồi lặng lẽ chun lỗ rào ra về. Khổ chủ náo loạn cả lên. Thắp đèn tìm khắp nơi, nhưng lũ trộm cao chạy xa bay. Khổ thằng nhỏ nằm trong rương hận cha già đã nhẫn tâm hại con. Một ý nghĩ lóe ra trong óc nó. Nó đưa tay cào nhẹ nhẹ vào rương y như tiếng chuột gặm. Người nhà gọi chị ở đốt đèn coi lại cái rương. Chị ở vừa mở khóa bật nắp rương ra. Nó đứng bật dậy thổi đèn xô chị ở thoát ra ngoài. Người nhà ùn ùn đuổi theo. Thấy bên đường có cái giếng nó rình cục đá bự bên thành giếng ném xuống đánh âm một tiếng. Trong bóng đêm người ta ngỡ rằng nó vấp ngã xuống giếng. Lấy đồ dậy giếng lại, thắp đèn đuốc lên, chắc mẫm thằng ăn trộm ba đầu sáu tay cũng không thể thoát được.

Trong khi ấy thằng ăn trộm con thông dong về nhà. Bước vào sân, nó thấy nhà mở cửa. Cha nó đang rung đùi ngồi uống nước trà. Nó

bước vào trách cha thậm tệ. Ông ta phớt lờ đi và nói:

- Khoan trách cha, con hãy kể cha nghe con thoát thân như thế nào?

Người con thuật lại tình tiết mọi việc đã xảy ra. Lão phá lên cười mà rằng: "Tốt quá, con tôi đã thành nghề rồi."

Thật vậy, nếu ta đoạn tuyệt với thế giới hiện tượng bên ngoài như con lão chích nằm trong rương, ta có thể tìm ra phương tiện để thoát ra khỏi thế giới hiện tượng như con lão chích đã ra khỏi chiếc rương quái nghịch. Phải vứt bỏ căn thâm duyên kết với trần cảnh không luyến tiếc do nghiệp lực kết buộc như con lão chích đã ném tảng đá xuống giếng thay cho thân mạng thì được về nhà cha an toàn như con lão chích đã về với lão vậy.

Hãy cố gắng, tự thả đuốc lên mà đi.

(trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ* của Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi)





ĐẠI CƯƠNG PHẬT PHÁP

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

I/ DẪN NHẬP:

Sau khi thành đạo, đức Thế Tôn nhận thấy các nguồn tư tưởng cũng như sự hiện diện của các tôn giáo đương thời đã không giải quyết được gì cho con người và xã hội. Ngài muốn đem giáo pháp mà Ngài đã chứng ngộ khai thị cho chúng sanh, đưa chúng sanh thoát khỏi khổ đau, đi đến an vui hạnh phúc thật sự.

Nhưng giáo lý của Ngài quá thâm sâu, căn cơ chúng sanh cũng khó tiếp nhận, song rồi Ngài cũng quyết định hoằng hóa cứu độ chúng sanh.

Đầu tiên Ngài đến rừng Lộc Uyển thuyết pháp cho 5 anh em ông Kiều Trần Như, trước đây Ngài đã có lần cùng tu với các vị này nhưng sau đó Ngài thấy cách tu ấy không thể nào đưa đến giải thoát khổ đau. Sau khi nghe pháp 5 anh em đều Giác Ngộ. Rồi suốt 49 năm không những Ngài đi khắp các miền Ấn Độ để thuyết pháp giáo hóa mà còn thuyết giảng cho hàng Chư Thiên nữa. Những lời chỉ dạy của Đức Phật đại cương như sau.

II/ ĐẠI CƯƠNG PHẬT PHÁP:

Nói đến giáo lý (tức là Phật Pháp) thì rất là nhiều, đến tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vì khi đức Phật tại thế, ngài tùy trình độ, tùy căn cơ của chúng sanh để thuyết giảng. Giáo lý ấy gồm 3 tạng kinh điển :KINH (những lời Đức Phật Thích Ca đã nói khi còn tại thế), LUẬT (những giới còn tại thế mà Đức Phật đã chế ra cho các hàng Phật tử xuất gia và tại gia tu tập), LUẬN (do các đệ tử của Phật-các vị tổ làm ra để bàn giải rõ ràng những nghĩa lý màu nhiệm).

Ba tạng kinh điển đó lại

nằm trong hai Đại tạng: Đại tạng Bắc tông (quen gọi là Đại Thừa) và Đại Tạng Nam Tông Về sau người ta còn phân ra Đại Thừa và Tiểu Thừa. Đại Thừa có nghĩa là cỗ xe Lớn chở được nhiều người. Tiểu Thừa là cỗ xe Nhỏ chỉ chở được một người. Sở dĩ chia như vậy vì căn cơ nguyên vọng của chúng sanh không đồng nhau. Những người nào nhận thấy mình chỉ đủ sức giải thoát riêng cho mình thì đi cỗ xe nhỏ. Những người nào nhận thấy có thể tự giải thoát cho mình mà còn có thể giải thoát, cứu độ cho nhiều người khác và có hạnh nguyện lợi tha thì dùng cỗ xe lớn.

Phật pháp tuy nhiều như vậy nhưng chủ yếu là: cho ta thấy rõ sự khổ đau của cuộc đời, nhưng không phải để bị quan chán nản, thất vọng mà để tìm cho ra nguyên nhân khổ đau.

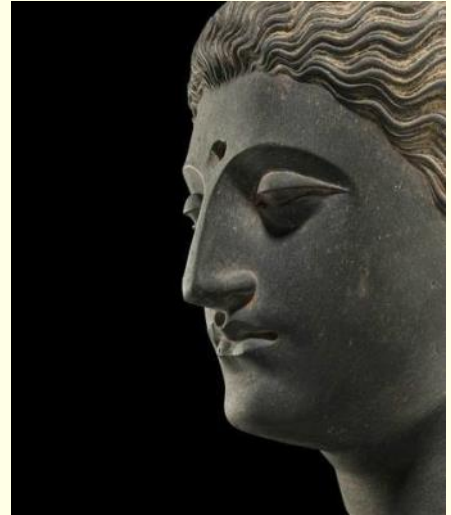
Sau khi Phật pháp đã cho ta thấy được nguyên nhân của khổ đau thì Phật pháp lại giới thiệu cho ta cái cảnh giới an vui tự tại. Nhưng không phải để van xin sự cứu rỗi của Thượng Đế hay một vị thần linh nào cho ta tới cảnh giới an vui mà Phật pháp chỉ cho ta con đường đi đến đó. Hay nói cách khác hơn, là những biện pháp để đi đến an vui giải thoát.

Không ai cứu rỗi được chúng ta mà phải tự mình cứu lấy mình.

Biện pháp chính có tám điều (sẽ học kỹ trong bài Bát Chánh Đạo):

- Thuộc về nhận thức, về trí tuệ:

1. Hiểu biết đúng đắn.
2. Suy nghĩ đúng đắn.



- Thuộc về đạo đức, luân lý, về lời nói, việc làm:

3. Nói lời đúng đắn.
4. Hành động đúng đắn.
5. Làm ăn sinh sống đúng đắn.
6. Siêng năng, phấn đấu khắc phục khó khăn một cách đúng đắn.

- Thuộc về định tâm:

7. Chú ý, chú tâm tưởng niệm đúng đắn.
8. Tập trung tư tưởng đúng đắn.

Tám cách, nói đúng hơn là con đường có tám ngành để đi đến an vui giải thoát này có thể nhóm lại thành ba nhóm:

Giới: Đạo đức, luân lý, thực hành qua lời nói, hành động

Định: Định tâm, thực hành qua phép quán tưởng thiền định.

Huệ: Nhận thức, trí tuệ.

Ba nhóm này hỗ tương lẫn nhau, có trí tuệ nhận thức đúng đắn mới thấy được Giới luật là cần thiết, mới nghiêm trì giới luật.

Có nghiêm trì giới luật thì tâm không buông lung, việc định tâm mới dễ dàng. Cố định tâm thì trí tuệ mới phát chiếu (ví dụ: khi định tâm thì học bài mau thuộc dễ nhớ, còn khi để tâm buông lung thì học bài khó nhớ, lâu thuộc).

Phật pháp còn cho ta thấy rõ sự biến đổi vô thường của vạn vật (trong đó có cả con người): Vô thường.

Đạo Phật cũng nêu rõ một vũ trụ quan "Duyên sinh": Mọi sự mọi vật, mọi hiện tượng (nói rộng ra là cả vũ trụ) đều do nhiều yếu tố tương quan với nhau mà thành chứ không thể tự nhiên mà có và cũng không phải do một ai sinh ra, nếu một nhân hay một duyên nào thay đổi thì sự vật, hiện tượng đó thay đổi.

Và một nhân sinh quan "Nghiệp báo": con người không phải chết là hết mà là sự chuyển biến để rồi trở lại sống một kiếp khác. Sinh tử chỉ là những giai đoạn chuyển biến của một chuỗi dài luân hồi. Như thế, mọi hành động có ý thức (nghiệp) đều là nhân và là những gì ta nhận lấy trong kiếp sống của mình là quả và cứ thế nhân quả trùng trùng. Vậy cuộc đời chúng ta do nghiệp nhân của chúng ta tạo ra chứ không có một đấng thần linh nào ban ơn giáng họa. Muốn an vui ta không phải cầu xin mà có, mà ta phải tạo lấy những nghiệp nhân "Thiện" để hưởng quả lành. Chúng ta không bao giờ buông xuôi tay cho số phận, trái lại cuộc đời chúng ta do chúng ta quyết định.

III/ KẾT LUẬN:

Qua bài này, chúng ta đã có một cái nhìn tổng thể toàn bộ giáo lý của đạo Phật, nắm được những nét rất đại cương. Trong chương trình tu học của Huỳnh trưởng, chúng ta sẽ đi sâu vào từng vấn đề một để tìm hiểu tường tận hơn.

(tài liệu huấn luyện của Huỳnh Trưởng Bậc Kiên)

MỘT ĐÓA SEN HỒNG CHÓM NỞ

(Kính tặng tân ni cô Hạnh Từ)

*Mới hôm nào cô bé xinh xắn, giỏi giang
Vời giọng ca thỏ thẻ oanh vàng
Trước mắt tương lai tươi sáng
Em lớn lên cùng những ước mơ
Tương lai rộng mở
Rồi đột nhiên em trở thành ni cô
Bao nhiêu người ngỡ ngơ
Cõi nhân thiên hớn hở mừng vui
Em đã về nhà
Là con gái Phật
Tắt cả nhẹ nhàng buông xả
Bao buộc ràng phá bỏ hết từ đây
Đường mây rộng thênh thang
Thoải nhè từ đây phấn son, điểm trang bỏ lại
Khoác cà sa
Nối tiếp bước Như Lai
Thoải nhè từ đây bỏ lại mộng mị những đêm dài
Ngày đã lên ánh sáng soi tuệ giác
Em đã bước ra khỏi vũng bùn ngũ dục
Giữa đầm lầy nở một đóa sen hồng
Đời hay đạo cũng nhiều chông gai thử thách
Mong ni cô dũng mãnh vượt qua
Một người xuất gia
Phước cả nhà, phước cho tất cả
Người con gái Phật bước lên đường giải thoát
Tự độ mình, sau lợi lạc chúng sinh*

...

thơ

ĐỒNG THIÊN

Điều Trì, 7/7/2017



Xuân đã đầy cảnh

NHƯ ĐỨC

Một thiền sư Ni đời Đường bút hiệu Mai Hoa Ni viết một bài thơ. Sư nói mình đi tìm xuân, lội khắp đầu non, giày cỏ vương mây khắp chốn. Tìm mùa Xuân hay tìm một cảnh mai, hay tìm một cái gì đó rất đẹp, rất trọn vẹn.

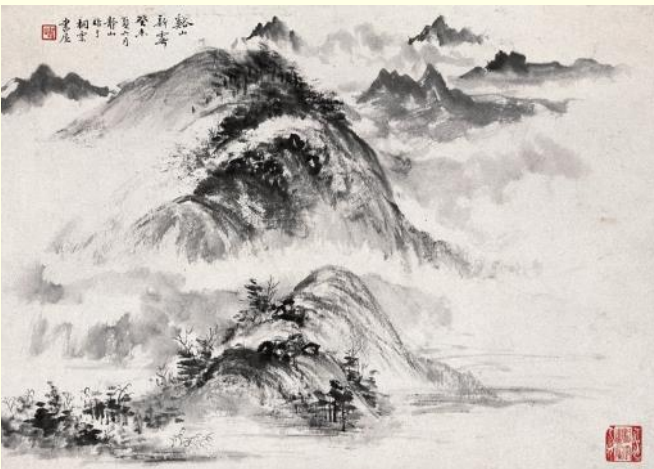
Tìm đã đời không ra, quay trở về chợt mỉm cười, té ra cây mai trước sân đã nở đầy. Sư mỉm cười hay nụ mai đang cười giấu cốt sư? Bài thơ không nói rõ vì thơ vốn ít lời, chúng ta chỉ tự hiểu.

*Tận nhứt tâm xuân bất kiến xuân
Mang hài đạp biển lãnh đầu vân
Quy lai tiểu niễn mai hoa xú
Xuân tại chi đầu dĩ thập phân.*
(Mai Hoa Ni)

Tạm dịch:
*Trọn buổi tìm xuân chẳng thấy đâu
Giày gai đạp nát đỉnh mây cao
Trở về cười ngất hương mai rộ
Xuân ở đầu cành rõ biết bao.*

Các thiền sư Ni cũng ít nhiều thích trồng hoa. Xem việc chăm sóc hoa kiểng như một công phu học đạo, rất chí tình, rất khổ công. Để đáp lại, xem sư được gì:

*Thổ lai kiêm quán thủy lai tài
Điền đảo công phu nhậm ngã tai
Mãn viện xuân phong hoa tự ngữ
Bất tương nhan sắc hướng nhân khai.*
(Siêu Nhứt Tử)



Siêu Nhứt Tử có thể chỉ là biệt danh. Sư là con gái họ Ân, góa chồng sớm, đóng cửa học đạo. Ba năm sau, sư ngồi tịch. Bài thơ trên là một trong những thi phẩm để lại. Ba năm học đạo, sư nhận ra rằng những khổ công của mình rốt cuộc không thành vấn đề gì cả. Nếu có một cái gì để chờ đợi thì làm sao thanh thản ra đi.

*Bao phen gánh nước vun trồng,
Nhọc công chăm sóc mặc tình đào điền.
Gió xuân thổi mát đầy hiên,
Hoa cười nhả nhũ: Chẳng riêng vì người.*

Hoa có tư cách riêng của hoa, khi muốn nở thì dù giữa núi rừng hay trong chốn nhân gian cũng tự nhiên khoe sắc. Không thích nở hoa thì dù ở vương cung trong thượng uyển, lệnh vua nghiêm ngặt cũng cứ khép cánh. Một ngày mùa đông, Võ Tắc Thiên muốn ngự giá thăm hoa, vua ra lệnh cho tất cả hoa trong vườn ngày mai phải nở. Tất cả đều y lệnh, chỉ có Mẫu đơn lạnh lùng không chào đón, vua ra lệnh đầy hoa xuống Giang Nam.

Đó là chuyện theo các cụ xưa kể lại, chúng ta có thể nghĩ rằng lúc ấy, Võ Tắc Thiên thương Mẫu đơn chịu không nổi cái lạnh miền Bắc cho nên đưa xuống Giang Nam khí hậu ấm hơn. Hào ý của nhà vua có thể bị hiểu lệch đi. Xưa nay vẫn thế, việc gì được lòng thiên hạ thì đều được tán thưởng, việc gì thiên hạ không ưa thì hoa cũng bị đưa vào cuộc.

Trần Thánh Tông, ngày xuân đi qua vườn cũ trong cung, có thể đó là một nơi đã lâu không người qua lại nên rêu phong cổ kính, và giữa cái u trầm tịch mịch của một ngày đáng lẽ phải rộn ràng, những cảnh hoa xuân cứ chum chim mừng xuân, bất kể là có người hay không có người.

Cung viên xuân nhứt ức cựu
*Cung môn bán yếm kính sinh đài
Bạch trú trầm trầm thiếu vắng lại
Vạn tử thiên hồng không lạn mạn
Hoa xuân như hứa vị thủy khai?*
(Trần Thánh Tông)

Ngày xuân trong vườn ngự nhớ người cũ

*Cửa cung nửa khép, đường rêu phủ,
Ngày lặng đi hiu vắng bóng người.*

*Muôn tía nghìn hồng đua rực rỡ,
Hoa xuân đường ấy nở vì ai?
(Nam Trân dịch)*

Chuyện của con người muôn thuở là rắc rối, hãy bắt chước như hoa chẳng để tâm. Ni Chánh Giác người Triết Giang. Sự trải qua cuộc đời thiếu nữ quý tộc, kết hôn với một học giả trẻ tuổi, rồi sớm làm Ni trong tu viện Pháp Âm. Thân thể phù du như mưa mùa Xuân, hoa buổi sớm, đến đến đi đi cứ mặc tình. Khi thâm ngộ chỗ an bình xưa nay thì cứ để mọi sự trôi qua thanh thản.

*Xuân triêu hồ thượng phong kiêu vũ
Thế sự như hoa lạc hữu khai
Thối tình bể môn chân lạc xứ
Nhàn vân chung nhật khứ hồi lai.
(Chánh Giác)*

*Sáng xuân hồ gợn gió mưa rơi
Thế sự như hoa - rụng - này chồi
Đóng cửa lặng lui miền chân lạc
Mây trời lướt thướt một ngày trôi.*

Đi suốt mùa Xuân, với những cành hoa nở rộ, rồi một mùa qua, hoa gợi lời tạm biệt. Những bài thơ tâm sự theo hoa chỉ là một chút văn chương trong cõi tạm.



THƠ TỐC HÀNH

(gửi em Nguyễn Lương Nhựt)

*Em phóng thơ tốc hành bằng trái tim ngoại thế
Của con-điên-hài-nhi-quỷ-dị-thánh-thần
Con phân liệt nghe đất trời cầu xé
Nghe các bậc tiên hiền thở nhẹ dưới bàn chân*

*Anh em mình có một thời mất máu
Một thời cùng đỉnh mất máu cuộc đời
Thân lơ lảo mà hồn thì ngùn lửa
Giác ly hương mơ mờ mã ông bà*

*Anh em mình có một thời rất cổ
Gào thiên thu, tru vạn kiếp sao đành
Những người mẹ những người cha thống khổ
Những bờ tre những bụi cỏ điêu linh*

*Em điên ư?! Sao em còn giọt lệ
Em khóc ư?! Hay tiếng khóc đất trời
Hay nghiệp chướng trần gian hay có lẽ
Phía sau lưng, niềm bí mật kinh người*

*Thơ tốc hành xuyên ngang qua tim ta
Trái tim đỏ của một người trần tục
Ta tỉnh ư?! Sao ta ngời đắm ngục
Ta tỉnh ư?! Sao ta lại khóc òa*

*Thơ tốc hành không dành riêng cho em
Bởi thời đại Người Ma đầy mặt đất
Bởi sống chết không là gì sắt
Cõi bờ kia trắng lũng bóng qua thềm...*

thơ NGUYỄN LƯƠNG VY

KHI THIỀN SƯ VÀO BẠCH ỐC

Nguyễn Giác

Một Thiền sư giữ chức Tổng Thống Hoa Kỳ? Làm thế nào một người tử tế, chân thành, chỉ biết nói thực và không dính chuyện đưa tay quơ lung tung lại có thể thắng phiếu TT Trump vào năm 2020?

Hoa Kỳ sẽ có một Tổng Thống Phật Tử? Tổng Thống này trong bài diễn văn nhậm chức sẽ mời gọi toàn dân Hoa Kỳ thực tập Thiền Tĩnh Thức? Và những ngày Chủ Nhật tại Bạch Ốc sẽ là những buổi thiền tập do đích thân Tổng Thống trong bộ áo tràng lam hướng dẫn?

Chưa, chưa tới ngày như thế. Nhưng đã có một nhà thơ từng nêu lên nhu cầu như thế, qua một bài thơ dài được in thành sách có minh họa và đã lưu hành trên Amazon, nơi bạn có thể tìm khi gõ nhóm chữ "America Needs a Buddhist President"...

Tuy nhiên, chuyện gì cũng có thể xảy ra trên đời này... Đó là những dòng thơ có thể nhiều người đang chờ đợi:

*America needs a Buddhist President
whose mind is free from desire...*

Và nơi đây, chúng ta thử dịch vài câu từ bài thơ trường thiên này sang tiếng Việt:

*Hoa Kỳ cần một Tổng Thống Phật tử
người có tâm xa lìa tham dục...*

*Hoa Kỳ cần một Tổng Thống Phật tử
tranh luận với đối thủ
bằng các công án
Thiền...*

*Hoa Kỳ cần một Tổng
Thống có đầu cạo trọc
không bận tâm gì về bề
ngoài
biết tất cả chỉ là huyễn
ảo...*

*một kẻ ăn mày
ôm bình bát đi xuyên
Quốc hội
để làm no bụng toàn
dân Hoa Kỳ...*

Thi phẩm trường thiên
"America Needs a Buddhist
President" đã lưu hành từ

năm 2004. Tác giả là nhà thơ Brett Bevel, mỗi đoạn thơ là một tranh do họa sĩ Eben Dodd minh họa.

Thực tế chính trường Mỹ sẽ rất khó để một Phật tử đắc cử Tổng Thống. May ra cao nhất sẽ là một chức Thượng nghị sĩ. Tuy nhiên, chúng ta có thể nghĩ tới một vị Tổng Thống tuy là đi nhà thờ Cơ Đốc nhưng vẫn là một người hoằng pháp Thiền...

Điều đó có thể xảy ra, nếu Tim Ryan đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ trong kỳ tuyển cử năm 2020.

Các bản tin trên báo Washington Examiner và The Columbus Dispatch trong tuần qua ghi nhận rằng nhiều Dân biểu Dân Chủ đang nói về khả năng Dân biểu Tim Ryan (Dân Chủ, tiểu bang Ohio) ra tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 2020.

Câu chuyện là thế này. Lúc đó, DB Tim Ryan đang đứng nơi bậc thềm tòa nhà Quốc hội, nói chuyện với một phóng viên, thì chợt nghe tiếng gọi.

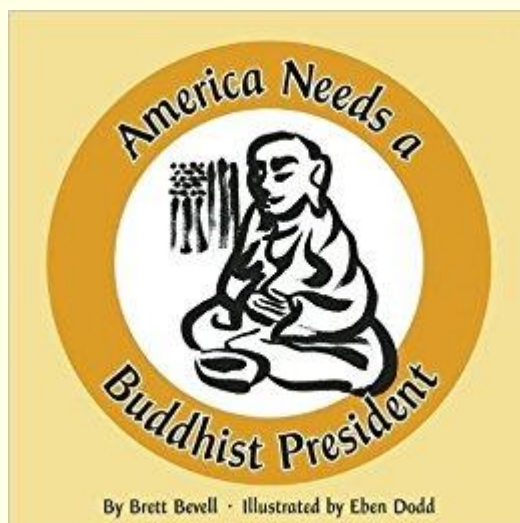
Đó là lời DB Gregory Meeks bất chợt nói, "Thưa ngài Tổng Thống!" khi phóng lên các bậc thềm cao nhất, nơi mặt phía đông tòa nhà Quốc hội, chỉ vài bước cách đó. DB Meeks nằm vai DB Ryan và cười rạng rỡ.

Như dường vừa sợ ý làm lộ ra một hồ sơ mật, DB Meeks nói với phóng viên, "Ồ, giữ bí mật nhé. Đừng nói ai hết, chỗ nói ra với bất kỳ ai."

Nhưng chuyện này đã trở thành một bí mật được nhiều người nói với nhau. Đó cũng là lần thứ nhì DB Ryan được gọi là "Thưa ngài Tổng Thống" nơi tòa nhà Hạ Viện bởi một Dân biểu Dân Chủ.

Không phải ai cũng được gọi như thế đâu. Hãy hình dung rằng, trước khi Donald Trump đắc cử Tổng Thống trong tháng 11/2016, chỗ hề có Dân biểu Mỹ nào gọi Trump là "Thưa ngài Tổng Thống" nơi bậc thềm tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ.

Tim Ryan là một Thiền sư, từng viết sách về Thiền -



tác phẩm có nhan đề “A Mindful Nation” (Một Đất Nước Chánh Niệm Tỉnh Thức)... Sách này lưu hành từ tháng 3/2013.

Bạn muốn biết DB Tim Ryan dạy Thiền thế nào? Đó là pháp Thiền Tỉnh Thức thường gọi là MBSR, một phương pháp đã gỡ bỏ yếu tố Phật giáo để chỉ thuần giúp tăng sức khỏe thân tâm cho người tập, và pháp này đang ứng dụng tại nhiều bệnh viện và trường học Hoa Kỳ.

Phương pháp MBSR sáng lập bởi Giáo sư Jon Kabat-Zinn, người từng là học trò của nhiều vị Thầy, từng tham học nơi Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Thiền sư Seung Sahn (Nam Hàn), và rồi sáng lập trung tâm Thiền tập Cambridge Zen Center.

Bạn có thể tìm thấy trên YouTube nhiều băng hình Dân biểu Tim Ryan dạy Thiền cho chiến binh, cho sinh viên Luật khoa, và những cuộc phỏng vấn truyền hình: Vào YouTube.com và gõ “Tim Ryan mindfulness”...

DB Tim Ryan, 44 tuổi, hiện nay đang tránh né các câu hỏi về cái mà chúng ta có thể gọi là “ý đồ mở Thiền thất trong Bạch Ốc,” nhưng để hé cánh cửa ứng cử chức vụ dân cử cao nhất Hoa Kỳ.

Trước tiên là cảm xúc bất đồng với TT Trump. Sau khi thấy Trump thắng cử Tổng Thống, Ryan nghĩ ngay tới việc giữ chức lãnh đạo Dân chủ trong Hạ Viện: Ryan ra thách thức ghế lãnh đạo Dân chủ của Dân biểu Nancy Pelosi, người nắm chức lãnh đạo Dân chủ nơi đây từ 2007.

Khi bỏ phiếu trong hàng ngũ Dân chủ, Pelosi thắng Ryan với tỷ lệ 134-63 phiếu. Tuy nhiên, con số 63 phiếu cũng đủ để các ống kính truyền hình Hoa Kỳ đưa hình ảnh Ryan vào vị trí có thể trở thành người lãnh đạo tương lai cho Đảng Dân Chủ.

Và bây giờ, các Dân biểu Dân Chủ nói về Ryan như một khuôn mặt có thể được Dân Chủ đưa ra tranh cử và thắng cử chức Tổng Thống Hoa Kỳ năm 2020.

Dân biểu Matt Doyle, Dân Chủ-Pa. nói với báo Washington Examiner rằng Tim Ryan nói chuyện được với nhiều đảng viên Dân Chủ về tương lai với một thông điệp cao đẹp.

Dĩ nhiên, trong nội bộ Đảng Dân Chủ, Tim Ryan còn phải tranh sơ bộ với nhiều đối thủ. Trong đó có những chính khách thế lực lớn như các Thượng nghị sĩ Bernie Sanders từ Vermont, Elizabeth Warren từ Massachusetts, Kirsten Gillibrand từ New York, Kamala Harris từ California, và Cory Booker từ New Jersey.

Thế lực của Tim Ryan ở đâu? Từ các Thiền sinh rải rác nhiều năm qua ở nhiều tiểu bang? Xin nhớ rằng, những người cứ ngồi lim dim sẽ không đưa ai vào Bạch Ốc được. Bởi vậy, phải nói đúng lòng của toàn dân...

DB Doyle đưa ra nhận định thuần túy về chính trị, về số lượng phiếu bầu truyền thống ở các nơi mà kiểu của Tim Ryan có thể kiếm phiếu được: đó là các tiểu bang mà Dân Chủ (bà Clinton) đã thua Cộng Hòa (ông Trump)



như Pennsylvania, Ohio, Michigan, Wisconsin — những nơi Doyle nghĩ là Ryan lời cuốn cử tri được.

Từ thị trấn Youngstown của Ohio, DB Ryan được nhiều người xem là có thể giành phiếu trong năm 2020 từ những cử tri đã bầu cho Trump năm 2016: thành phần lao động da trắng.

Có một cuộc tranh luận giữa người Dân Chủ về những cách thắng phiếu cho năm 2020. Thành phần cấp tiến muốn rằng Đảng Dân Chủ phải giữ các thông điệp truyền thống, ưu tiên tranh đấu cho người lao động nghèo, phụ nữ... và phải dẹp bỏ kiểu trung dung, kiểu đứng lưng chừng nhằm hốt phiếu cả Cộng Hòa và Dân Chủ.

Doyle nhận định rằng Đảng Dân Chủ cần cả hai tiếng nói để vừa trung dung và để vừa cấp tiến. Trung dung là để kiếm phiếu từ những người từng bầu cho Trump và bây giờ thất vọng, và từ những người Dân Chủ truyền thống. Nghĩa là, theo Doyle, nếu Ryan không ra với vị trí tranh cử Tổng Thống, hẳn là vị trí Phó Tổng Thống trong liên danh sẽ dễ dàng đánh bại Cộng Hòa.

Về phần Ryan, đã nói với đài MSNBC hồi tháng 9/2017 rằng ông chưa biết chắc sẽ tranh cử Tổng Thống 2020 hay không, nhưng tiếng đồng trong nội bộ Dân Chủ đang râm ran.

Một Dân biểu Dân chủ phân tích với các phóng viên rằng trong hai phía của Dân Chủ, phía chủ trương trung dung (New Democrat Coalition) và phía bảo thủ Dân Chủ (Blue Dogs) đều nhìn thấy và gọi Ryan là, “chúng tôi gọi Ryan là anh chàng da trắng thì thầm.” Chữ “white male whisperer” có ý chỉ một người có khả năng lôi cuốn. Thí dụ, biết cách dạy ngựa hoang thành ngựa nhà.

Khi phóng viên hỏi Ryan về cách các bạn đồng viện gọi ông là “kẻ có khả năng thì thầm,” Ryan nói đó là cách đưa ra nghị trình làm việc

để "lôi cuốn người lao động và có nhiều người lao động trong các cộng đồng Mỹ da đen chưa nghe về sự liên kết cảm xúc của Dân Chủ với họ."

Trong những cuộc nói chuyện khác, Ryan nói về nghị trình tăng lương, bảo đảm hưu bổng, mời gọi đầu tư quốc tế vào Mỹ...

Có một yếu tố nhiều người Dân Chủ tin rằng Tim Ryan có sức hấp dẫn. Trong cuộc bầu cử 2016, Ryan giữ ghế Dân biểu với 68% phiếu, nơi đất nhà của Ryan (quận Mahoning County ở tiểu bang Ohio), nơi này TT Barack Obama thắng với 62% phiếu trong năm 2008 và với 63% phiếu trong năm 2012 – nghĩa là, đất nhà của Ryan vẫn là Dân Chủ.

Tuy nhiên, tại nơi đó, ứng cử viên Tổng Thống Hillary Clinton chỉ có 49.8% phiếu (trong quận Mahoning). Nghĩa là, bà Clinton không lôi cuốn như Obama.

Và Trump thắng trọn tiểu bang Ohio. Chỉ là nhờ Trump xài các thông điệp từ xưa của Dân Chủ: NAFTA làm dân Mỹ mất việc, Trung Quốc lợi dụng Hoa Kỳ, và chính sách thương mại Hoa Kỳ làm hại thành phần lao động. Thế là, qua hứa hẹn của Trump, Đảng Cộng Hòa bỗng dưng trở thành đảng của người lao động, của dân nghèo...

Ryan nói rằng Trump chỉ nói những gì cử tri muốn nghe, và "Trump nói dối để kiếm phiếu."

Dĩ nhiên, Ryan nổi tiếng là lương thiện... theo mắt nhìn báo chí. Vấn đề là, không nói dối, có thể kiếm phiếu được không?

Tạp chí Time trong ấn bản ngày 30/11/2016 đã gọi Tim Ryan là chính khách tuyệt hảo trong thời đại của ưu sầu lo lắng – đó là bài viết "Tim Ryan Is the Perfect Politician for the Age of Anxiety" của học giả Justin Talbot-Zorn tại viện nghiên cứu Truman National Security Fellow.

Talbot-Zorn cũng nhắc đọc giả rằng, là một người quảng bá pháp Thiền Tĩnh Thức, Ryan trong nhiều năm đã nỗ lực làm cho [các chính khách] Washington lắng tâm xuống, từng mời các Thiền sư vào thăm Quốc hội, từng dạy Thiền trong vùng thủ đô, và đã thành lập một nhóm gọi là "Tụ họp tĩnh tâm" để mời các dân cử và viên chức Quốc hội tập thiền thư giãn.

Vấn đề là, cơ may trở thành Tổng Thống còn rất xa... Nhưng ai biết đâu được.

Dân biểu Tim Ryan nhiều năm qua đã mời mọi người ngồi Thiền với ông nơi sân cỏ trước tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ. Và biết đâu được, sau lễ đăng quang Tổng Thống Hoa Kỳ vào tháng 1/2021, Tổng Thống tân cử Tim Ryan sẽ mời mọi người vào sân cỏ Bạch Ốc ngồi Thiền với ông.

Khi đó, ông sẽ đọc lại mấy câu thơ của Bevel thay cho bài kinh nhật tụng:

...một kẻ ăn mày

ôm bình bát đi xuyên Quốc hội

để làm no bụng toàn dân Hoa Kỳ...



LÊN CHÙA

*Nắng nghiêng chênh chếch sau chùa
Dừng chân miệng đếm chuông vừa ngân vang
Khói nhà trừ toả xanh lam
Chúng sinh chợt nhớ chưa ăn nửa ngày...*

*Già lam tịch mịch đứng đây
Xác còn nặng nợ, hồn bay phiêu bồng
Mây còn lững thững trời đông
Tà dương đang trốn vào lòng núi Tây*

*Nhớ xưa vắng vắng lời thầy
"Yêu là đau khổ, Đời đây bi ai"
Mà sao đại cứ yêu hoài
Để con tìm nhỏ dăm chồi nảy hoa?*

*Dùng dằng bậc cấp bước qua
Tiếng chuông vọng cõi Ta Bà gọi tên
Tan bay trần trở kim tiền
Chập chờn khoảnh khắc nhớ quên nợ trần*

*Hướng về chánh điện phân vân
Phải mình chơi với đang cần dựa nương?
Đã quen với lẽ vô thường
Thì thôi gánh chịu vui buồn ghét yêu*

*Giờn đùa chi với cao siêu
Trở về phố thị mà liêu cuộc chơi
Chuông ngân tiền khách xa rồi
Hỏi đâu thấy một nụ cười nhẹ tênh...*

thơ

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

GIÁ XÀO ĐẬU PHỤ

Nguyên liệu:

- 1-2 bìa đậu phụ chiên sẵn
- 300g giá
- Hành lá, rau mùi, muối, hạt nêm, tiêu, nước mắm
- Hành khô.

Thực hiện:

- Giá rửa qua nhiều lần sạch, nhặt bỏ rễ giá (nếu muốn), để giá lên ráo cho ráo nước.



- Hành lá, rau mùi, rửa sạch, thái nhỏ.



- Đậu phụ chiên sẵn thái lát vừa ăn.



- Đun nóng chảo, đổ dầu vào, phi hành khô thơm, cho đậu phụ vào đảo nhẹ tay để đậu không bị nát.
- Tiếp theo nêm vào chảo hai thìa nhỏ nước mắm, nửa thìa nhỏ hạt nêm, một thìa nhỏ muối, đảo đều.



- Sau đó cho giá vào xào nhanh tay lửa lớn, nếu bạn muốn ăn giá vẫn còn giòn thì xào tầm 3 – 4 phút, đảo đều, nêm nếm lại tùy theo khẩu vị của bạn, tắt bếp.



- Rắc hành lá, rau mùi và một ít hạt tiêu, đảo đều, múc ra đĩa dùng làm món xào ăn với cơm.



BIỆN HỘ CHO VIỆC DỊCH THƠ

Phan Quỳnh Trâm

Liên quan đến vấn đề dịch thuật, có một câu hỏi được một số người một cách trực tiếp hay gián tiếp đặt ra: liệu dịch thơ có thực sự cần thiết?

Xin lưu ý là người ta chỉ đặt vấn đề với thơ chứ không phải với văn học nói chung bởi vì trong văn học, các thể loại văn xuôi, tử truyện đến ký và nghị luận đều cần được dịch và có thể dịch thật hay. Trong cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết*, nhà văn Nhất Linh cho các nhà văn nên viết một cách trung tính và vô ngã, không có dấu ấn riêng, để có thể dễ dịch và khi dịch, dễ giữ được cái hay của nguyên tác. Ông cho đó là một trong những điều kiện để các tác phẩm có thể “vượt không gian”, đi từ nước này qua nước khác và từ nền văn hoá này qua nền văn hoá khác. Có thể nói sự cần thiết của dịch thuật trong các thể loại văn xuôi rất hiển nhiên, không có ai hoài nghi cả. Người ta chỉ hoài nghi về việc dịch thơ.

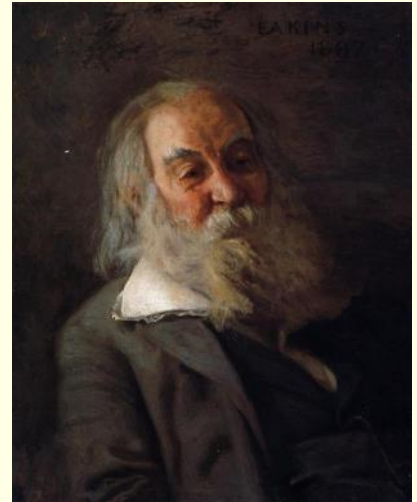
Lý do để hoài nghi như thế là vì trong thơ không phải chỉ có từ ngữ mà còn có vần điệu, nhịp điệu riêng vốn là những gì không thể dịch được. Hơn nữa, ngay trong phạm vi từ ngữ cũng không có sự đối xứng một-một giữa ngôn ngữ này và ngôn ngữ khác để người ta có thể an tâm khi dịch. Từ ngữ trong thơ có tính chất liên văn bản vốn gắn liền với từng ngôn ngữ không thể dễ dàng chuyển dịch. Vì thế không hiếm người cho là dịch thơ là một điều bất khả.

Tuy nhiên, kết luận như thế bị xem là khá cực đoan. Trên phạm vi thế giới, các nhà phê bình thường cho các bản dịch thơ của Walt Whitman đã có ảnh hưởng sâu đậm trên nhiều cây bút lớn, từ Jorge Luis Borges đến Octavio Paz, từ Vinícius de Moraes đến Federico García Lorca và Pablo Neruda. Cả Neruda và Lorca đều có hai bài thơ “Tụng ca Walt Whitman” (*Oda a Walt Whitman*). Pablo Neruda nói trong một cuộc phỏng vấn: “Walt Whitman là bạn đồng hành thường trực của tôi. Tôi không có chất Whitman trong bút pháp của tôi, nhưng tôi mang nặng chất Whitman ở những thông điệp quan yếu, sự chấp nhận, cách đón nhận thế giới, cuộc đời, nhân loại và thiên nhiên”. (1). Còn Jorge Luis Borges thì phát biểu: “Có một thời gian, tôi nghĩ Whitman không chỉ là một nhà thơ vĩ đại, mà còn lại một nhà thơ duy nhất. Thật ra, tôi đã nghĩ là tất cả các nhà thơ trên thế giới đã dẫn đến Whitman cho đến năm 1855 [năm xuất bản tập *Leaves of Grass*], và

việc không bắt chước ông chỉ là một bằng chứng của sự dốt nát”.

Ở Mỹ, ngoài Walt Whitman, còn có nhiều nhà thơ nổi tiếng như Elizabeth Bishop, Robert Bly, M.S. Merwin, William Carlos Williams, Charles Simic, Richard Howard... những người được ghi nhận là có công đổi mới thơ Mỹ, cũng đồng thời là những dịch giả thơ có uy tín, đặc biệt từ tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Có thể nói, qua việc đọc và dịch thơ Nam Mỹ, các nhà thơ Mỹ tự đổi mới phong cách và kỹ thuật sáng tác của chính họ. Trong cuốn *Why Translation Matters*, Edith Grossman nêu lên trường hợp của Nicanor Parra, nhà thơ Chile từng có thời gian sống tại Anh và Mỹ, chịu ảnh hưởng rõ ràng của các nhà thơ trong phong trào Beat và thơ của ông, khi được dịch ra tiếng Anh, cũng ảnh hưởng ngược lại các nhà thơ Beat (3). Trong cuốn *The Ecco Anthology of International Poetry*, Ilya Kaminsky cho, thơ của Garcia Lorca và Anna Akhmatova, ngay cả trong bản dịch tiếng Anh, đã ảnh hưởng sâu sắc đến thơ Mỹ trong thế kỷ 20 (4). Theo lời kể của W.S. Merwin, ngay từ đầu thế kỷ 20, hiểu rõ tầm quan trọng của dịch thuật, Ezra Pound có lần khuyên các nhà thơ nên học một ngoại ngữ và cố gắng tập dịch, qua đó, phát triển kỹ năng làm thơ của mình. Cũng theo Ezra Pound: “văn học bằng tiếng Anh sống bằng dịch thuật, và được nuôi dưỡng bởi dịch thuật, mọi sự mới mẻ, mọi sự bùng phát được kích thích bởi dịch thuật, mỗi thời đại được cho là tuyệt vời bao giờ cũng đồng thời là một thời đại của dịch thuật”. (5)

Riêng trong văn học Việt Nam, đừng quên là chúng ta có một số bài thơ dịch rất xuất sắc, được mọi nhà phê bình và nghiên cứu đồng



WALT WHITMAN (1819-1892)

thanh cho là kiệt tác. Trong số này, đáng kể đầu tiên chắc chắn là bản dịch Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm (một số người cho là của Phan Huy Ích) mà người ta cho là hay hơn hẳn nguyên tác bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn. Kế tiếp là bản dịch Tỳ bà hành của Bạch Cư Dị. Dịch giả bản dịch này có người cho là Phan Huy Thực; có người khác cho là Phan Huy Vịnh. Có lẽ chúng ta không nên chọn bản dịch hay hơn nguyên tác, tuy nhiên, từ lỗi tai của người Việt Nam, bản dịch tiếng Việt mở đầu bằng hai câu “Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách / Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu” thiết tha và thân thuộc hơn hẳn. Nhà thơ Nguyễn Khuyến cũng là trường hợp rất thú vị. Nhiều lúc ông làm thơ bằng chữ Hán rồi sau đó tự dịch ra chữ Nôm. Trong những trường hợp đó, bản chữ Nôm bao giờ cũng gần gũi và tài hoa hơn các bản chữ Hán. Cũng liên quan đến việc thành công trong dịch thuật, chúng ta không thể không nhắc đến Tản Đà, một người dịch rất nhiều thơ Đường, trong đó có một số bài, ví dụ bài Hoàng Hạc Lâu, được người đọc ghi nhớ như một bài thơ độc lập và rất hay.



JEAN DE LA FONTAINE
(1621—1695)

số nhà phê bình nhắc đến là trường hợp Nguyễn Văn Vĩnh dịch thơ La Fontaine, tiêu biểu nhất là bài “Ve và kiến”:

*Ve sầu kêu ve ve
Suốt mùa hè
Đến kỳ gió bắc thổi
Nguồn cơn thật bối rối
Một miếng cũng chẳng còn
Ruồi bọ không một con
Vác miệng chịu khúm núm
Sang chị Kiến hàng xóm
Xin cùng chị cho vay
Dăm ba hạt qua ngày...*

Theo nhà phê bình Hoài Thanh, trong cuốn Thi nhân Việt Nam, trước khi bài “Tình già” của Phan Khôi ra đời, các bản dịch thơ tự do và

phóng khoáng của Nguyễn Văn Vĩnh đã gợi cảm hứng cho các nhà thơ Việt Nam trong tiến trình làm mới thơ ca của đất nước. Đó là một trong những lý do chính làm xuất hiện phong trào Thơ Mới trong thập niên 1930 với những tài thơ kiệt xuất như Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử, v.v...



HÀN MẶC TỬ
(1912 — 1940)

Sau này, chúng ta không thể tìm ra một ví dụ nào tương tự để chứng minh lợi ích của việc dịch thơ, tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là việc dịch thơ không hữu dụng và cần thiết. Theo tôi, việc dịch thơ có mấy ích lợi chính:

Thứ nhất, nó giúp người đọc hiểu rõ hơn một nền văn học khác thuộc một nền văn hoá khác. Các tác phẩm văn xuôi cũng có thể đáp ứng nhu cầu này, nhưng dù sao thơ vẫn đi xa và sâu hơn vì thơ là tiếng nói xuất phát trực tiếp từ tâm hồn con người.

Thứ hai, nó giúp người đọc làm quen với một kiểu thi pháp khác. Ví dụ cụ thể nhất ở đây là sự thịnh phát của thơ tự do. Phần lớn người Việt Nam đều quen thuộc với thơ cách luật và nhiều người trong số đó, xem chỉ có thơ cách luật với các yếu tố quen thuộc như vần và nhịp, mới thực sự là thơ. Các bản dịch thơ Tây phương đương đại, ngược lại, giống như trong nguyên tác, đa số là thơ tự do. Mới đọc, người ta dễ cho là không hay, tuy nhiên, đọc nhiều, dần dần người ta cảm nhận cái hay trong thơ tự do, do đó, khi sáng tác, người ta cũng dễ có khuynh hướng làm thơ tự do. Việc làm thơ tự do phổ biến tại Việt Nam hiện nay không chừng là hệ quả của sự tiếp xúc với thơ đương đại Tây phương, chủ yếu qua các bản dịch. Điều đó cũng có thể áp dụng cho thơ văn xuôi.

Thứ ba, nó giúp người đọc làm quen với một thứ mỹ học khác. Thơ truyền thống Việt Nam kể từ đầu thế kỷ 20 chủ yếu là thơ lãng mạn. Với nhiều người Việt Nam, thơ phải có tình cảm tràn trề mới có thể được gọi là hay. Thơ dịch từ Tây phương đương đại giới thiệu một thứ mỹ học khác hẳn: nó thiên về nhận thức và những trải nghiệm có tính chất duy lý. Ở góc cạnh này, có thể nói thơ dịch góp phần tẩy rửa những ảnh hưởng của thơ lãng mạn ngày trước. Người ta có thể thấy thơ Việt Nam đương đại bây giờ sẵn sù, góc cạnh và với một số nhà thơ, có vẻ “khô” hơn, hạn chế những câu thơ “sướt mướt”, đầy tính chất tình cảm chủ nghĩa. Chính vì thế những người bảo thủ một cách cực đoan thường cho thơ của các nhà



Nhà văn - nhà báo Phan Khôi, ảnh chụp năm 1928 do gia đình cung cấp

thơ cách tân lâu nay, từ Thanh Tâm Tuyền ngày trước đến Nguyễn Quang Thiều sau này, là thơ... dịch. Tuy vậy, họ không thể phủ nhận những nhà thơ ấy là những nhà thơ thực sự tài hoa.

Thứ tư, nó giúp người đọc từ từ trở nên quen thuộc với những cách diễn tả khác, rồi từ đó sử

dụng những cách diễn tả mới đó khi họ sáng tác thơ. Mấy chục năm trước, cách diễn tả của Xuân Diệu: "Hơn một loài hoa đã rụng cành" trong bài Đây Mùa Thu Tới, ở thời điểm đó, có thể gặp những lời dị nghị, mà ngay cả bây giờ tôi thỉnh thoảng vẫn còn gặp, theo kiểu: "Người Việt không nói như thế". Rõ ràng Xuân Diệu đã chịu ảnh hưởng của những nhà thơ Pháp như Appolinaire, Baudelaire, Verlaine. Và cũng rõ ràng, sau mấy chục năm, người ta đã quen dần với cách diễn tả đó, và còn thấy nó hay. Chỉ có điều là trong quãng thời gian người ta quen thuộc với những cách diễn tả đó, và vẫn tiếp tục dùng nó, thì nền thơ ca trên thế giới đã đi trước bao nhiêu thập niên rồi.

Thứ năm, nó giúp người đọc và người sáng tác quen dần với những trò chơi mới trong thơ. Ví dụ, những thủ pháp như giễu nhại, collage, thơ cụ thể... đều là do ảnh hưởng của thơ Tây Phương đương đại.

Những lợi ích kể trên có thể chỉ diễn ra một cách âm thầm và lâu dài nhưng không phải không có. Trên thế giới, hầu như nền văn học lớn nào cũng có một nền dịch thuật phong phú và rất đa dạng. Riêng trong nền văn học Việt Nam hiện nay, để thực sự thay đổi và khởi sắc, theo tôi, dịch thuật đóng một vai trò rất quan trọng.

Phan Quỳnh Trâm
Sydney, tháng 8, 2017.

- 1) <http://docs.lib.purdue.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1122&context=clweb>
- 2) Alan Shucard (1990), American Poetry: The Puritans through Walt Whitman, University of Massachusetts Press, tr. 179.
- 3) Edith Grossman (2010), Why Translation Matters, Yale University Press, tr. 102-4.
- 4) Ilya Kaminsky và Susan Harris (biên tập) (2010), The Ecco Anthology of International Poetry, HarperCollins Publishers, tr. xl.
- 5) Trích từ "Ezra Pound in Context", do Ira B. Nadel biên tập, Cambridge University Press xuất bản năm 2010.

THƠ XUÂN GỢI BẠN

(gợi Hà Mai Khuê)

*Bạn ngồi đây, mình kể chuyện đời
Phòng Văn thấp nền cho lãng mạn
Hiền nội đun nước pha trà mới
Đãi bạn chồng, ngày Xuân, ghé thăm*

*Gởi lại nụ cười tươi roi rói
Hai tách trà giữ náu thảo thơm
Xin mời bạn nhấp hương đồng nội
Trà quê nhà đó! Bạn hiền ơi!*

*Chỗ ta sương giá Hiền Trăng lạnh
Phòng Văn không thấy dáng Mai, Đào
Hương Xuân gởi lại trời cô quận
Nơi này, đất khách, chỉ qua loa*

*Bạn đến cùng ta chia nỗi nhớ
Nửa phương lưu lạc, nửa quê nhà
Trăng đêm tâm sự mừng Xuân mới
Giật mình nghe thoáng tiếng gà xa...*

*Bỗng thấy tình Xuân nồng ấm lại
Ngỡ như còn ở chốn quê xưa
Tiếng gà lạc lõng trời phương lạ
Hai ta lạc bước nẻo phong trần!...*

thơ **TRẦN HUY SAO**



PHÉP THIỀN ĐỊNH CÓ THỂ NGĂN NGỪA BỆNH KÉM TRÍ NHỚ ALZHEIMER

Tạp chí **Le Point**, ký giả **ANNE JEANBLANC**
Hoang Phong chuyển ngữ

Lời giới thiệu của người chuyển ngữ:

Viện nghiên cứu Y khoa và sức khỏe (INSERM) của chính phủ Pháp vừa công bố các kết quả thật khích lệ về các hiệu ứng tích cực của phép luyện tập thiền định của Phật giáo đối với việc ngăn ngừa bệnh kém trí nhớ Alzheimer và làm giảm bớt quá trình lão hóa của não bộ những người lớn tuổi. Hầu hết các nhật báo và tạp chí cùng các tập san khoa học tại Pháp và trên thế giới đồng loạt đưa tin này. Dưới đây là phần chuyển ngữ một trong các bản tin trên đây đăng trong tạp chí **Le Point** của Pháp ngày 07/12/2017. Độc giả có thể xem bản gốc trên trang mạng:

http://www.lepoint.fr/editos-du-point/anne-jeanblanc/mediter-pour-prevenir-la-maladie-d-alzheimer-07-12-2017-2177934_57.php

Luyện tập thiền định có thể làm giảm tình trạng căng thẳng tâm thần, các xúc cảm tiêu cực và cải thiện giấc ngủ, các hiệu ứng này có thể tạo ra các tác động tích cực đối với quá trình lão hóa của não bộ.

(Ảnh: Hu Jianhuan/Sipa Asia)

Một số kết quả mang lại từ một cuộc khảo cứu khá lạ lùng vừa được Viện Quốc Gia về Sức Khỏe và Khảo Cứu Y Khoa (INSERME/Institut national de la Santé et de la Recherche médicale) công bố hôm 7 tháng 12, 2017 trong tập san Khoa học *Scientific Reports*. Cuộc khảo cứu này chủ yếu được dựa vào sự đối chiếu giữa các hình ảnh ghi nhận bằng máy móc y khoa về sự vận hành của não bộ của 73 người [bình thường không thiền định] ở lứa tuổi trung bình là 65 và 6 người hành thiền "lão luyện" đã từng luyện tập ít nhất từ 15.000 đến 30.000 giờ. Việc đối chiếu này cho thấy nhiều khác biệt rõ rệt liên quan đến một số vùng trong não bộ [giữa hai nhóm người trên đây]. Nếu nói theo nhà tâm thần học nổi tiếng Christophe André (bác sĩ trong một bệnh viện lớn về tâm thần tại Paris, tác giả của nhiều sách về thiền định) thì phép luyện tập thiền định là một "phương pháp giữ gìn vệ sinh trong cuộc sống", và đối với các khảo cứu gia đưa ra các kết quả trên đây thì thiền định lại là một "phương tiện cải thiện quá trình lão hóa".

Việc khám nghiệm và xác định các triệu chứng lão hóa trên phương diện tổng quát cũng không có gì là rắc rối lắm: càng lớn tuổi não bộ càng teo nhỏ và sự chuyển hóa (métabolism) chất đường glucose cũng suy giảm, khiến khả



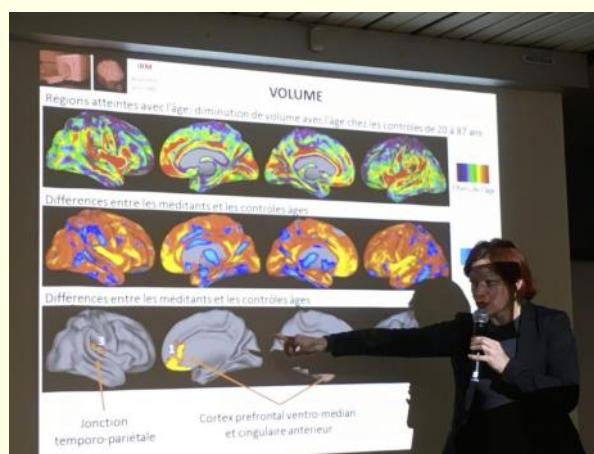
năng nhận thức theo đó cũng suy yếu. Các triệu chứng căng thẳng thần kinh (stress) và tình trạng mất ngủ được xem là hai yếu tố đưa đến bệnh kém trí nhớ Alzheimer, thế nhưng các yếu tố này cũng là các nguyên nhân làm gia tăng nhanh chóng các biến đổi sinh lý trên đây (*tức não bộ bị teo nhỏ và khả năng chuyển hóa chất đường glucose bị suy giảm*). Do đó điều hết sức quan trọng là phải tìm một phương pháp hữu hiệu ngăn chặn các yếu tố này (*căng thẳng tâm thần và mất ngủ*). Và đó cũng là mục đích khảo cứu của hai nhóm khoa học gia của cơ quan INSERM tại hai thành phố Cean và Lyon, nhằm theo dõi các hiệu ứng tích cực mang lại bởi phép thiền định. Nhằm cụ thể hóa các hiệu ứng này bằng hình ảnh, hai nhóm khoa học gia trên đây đã sử dụng các kỹ thuật tạo hình IRM/MRI (Imagerie par Résonance Magnétique/Magnetic Resonance Imaging) và TEP/PET (Tomographie par Émission de Positons/Positron Emission Tomography) thiết đặt tại trung tâm nghiên cứu về hình ảnh sinh học y khoa Cyseron tại thành phố Cean.

Khảo cứu gia Gaël Chételat trong nhóm 1237 chuyên về "các bệnh lý sinh học và các hình ảnh não bộ liên quan đến các bệnh thần kinh" tại thành phố Cean và cũng là người hướng dẫn công cuộc khảo cứu trên đây, cho biết là sáu người hành thiền "lão luyện" được chọn để thử nghiệm là những người tu tập Phật giáo theo nhiều tông phái khác nhau, sự chọn lựa mở rộng này là nhằm mang lại một ý niệm bao quát và tiêu biểu hơn về phép thiền định nói chung. Sự vận hành não bộ của sáu người này được đối chiếu với sự vận hành não bộ của 67 người đối chứng cùng tuổi tác nhưng chưa bao giờ biết hành thiền là gì. Hơn nữa các kết quả này cũng đã được đối chiếu thêm với một nhóm đối chứng khác đông đảo hơn, gồm 186 người ở tuổi từ 20 đến 67, nhằm xác định chính xác hơn các sự khác biệt giữa não bộ được cải thiện của những người hành thiền và não bộ bị lão hóa một cách tự nhiên theo tuổi tác của những người không hành thiền.

Thiền định có thể tạo ra các hiệu ứng tích cực chống lại sự lão hóa não bộ

Khảo cứu gia Gaël Chételat đã đưa ra các bằng chứng cho thấy những sự khác biệt rõ rệt về dung tích chất xám của não bộ và khả năng chuyển hóa chất đường glucose [giữa những người hành thiền và không hành thiền]. "Một số vùng trong não bộ của những người hành thiền cho thấy dung tích chất xám cao hơn bình thường và sự chuyển hóa chất đường glucose cũng quan trọng hơn, và các vùng này thì lại là các vùng giữ các chức năng chủ yếu trong việc ngăn chặn quá trình lão hóa của não bộ vì tuổi tác". Đối với những người không hành thiền thì thật hết sức rõ ràng các dấu hiệu làm gia tăng quá trình lão hóa cũng tập trung đúng vào các vùng được cải thiện trong não bộ của những người luyện tập thiền định.

Nhóm khoa học gia trên đây đã đưa ra kết luận như sau: "Các kết quả tiên khởi trên đây cho thấy phép thiền định có thể mang lại các hiệu ứng tích cực đối với tình trạng lão hóa não bộ, bằng cách làm giảm bớt các triệu chứng căng thẳng thần kinh, sự lo âu, các xúc cảm tiêu cực và mất ngủ, và đây cũng là các triệu chứng thường gia tăng với tuổi tác". Vì thận trọng, các khảo cứu gia trên đây cho biết thêm là việc khảo cứu này sẽ còn được đẩy xa hơn nữa bằng cách đối chiếu với một số người đông đảo hơn. Việc này không gây ra khó khăn nào bởi vì Ủy ban tài trợ Âu Châu vừa cấp cho họ 6 triệu euros trong một dự án thật quý mô "Khảo cứu về Sức khỏe ở tuổi Bạc" (Silver Health Study) với mục đích tìm cách cải thiện quá trình lão hóa [đối với những người lớn tuổi]. Các kết quả đầu tiên sẽ được công bố trong năm 2019 tới đây.



1



2

H.1: Khảo cứu gia Gaël Chételat đang giải thích về các hiệu ứng tích cực của phép luyện tập thiền định qua các hình ảnh ghi nhận được bởi máy móc y khoa.

H.2: Nữ ký giả Anne Jeanblanc, chuyên về các vấn đề sức khỏe và y khoa của tạp chí Le Point và một số đài phát thanh và truyền hình tại Pháp, và là tác giả của bài báo trên đây.

Vài lời ghi chú của người chuyển ngữ

Điểm đáng lưu ý trước hết là bài báo trên đây đã nói lên sự quan tâm và tình trạng phát triển khá "rầm rộ" của phép thiền định của Phật giáo trong thế giới Tây Phương ngày nay. Thế nhưng nếu nhìn gần hơn thì các khảo cứu

trên đây và phong trào luyện tập thiền định ở Âu châu cũng chỉ là một cách đưa Giáo Huấn của Đức Phật vào một cuộc "phiêu lưu" rất xa và rất thấp. Thật vậy Giáo Huấn của Đức Phật không nhằm vào chủ đích làm gia tăng dung tích chất xám và khả năng chuyển hóa chất đường glucose trong não bộ, mà đúng hơn là đạt được sự Giác Ngộ. Thiền định nếu hiểu theo các khoa học gia trên đây là một "*phương pháp giữ gìn vệ sinh trong cuộc sống*" hay một "*phương tiện cải thiện quá trình lão hóa*" thì quả là một điều đáng buồn và cũng thật đáng tiếc.

Bất cứ một phong trào "rầm rộ" nào - kể cả trong các lãnh vực khoa học và sức khỏe - cũng đều đưa đến các hình thức lệch lạc. Thiền định là một phương pháp nội quán do đó thật khó kiểm chứng, vì thế lại càng dễ bị lợi dụng hơn. Trong thế giới Tây Phương có nhiều nhà sư, triết gia và học giả Phật giáo thật chân chính và uyên bác, nhưng cũng có một số tha hồ khai thác và lợi dụng phong trào mới mẻ này với mục đích bán sách hay mua danh. Dầu sao vấn đề này cũng không liên hệ gì đến các kết quả mang lại từ cuộc khảo cứu khoa học tuy không sâu sắc nhưng thật nghiêm chỉnh trên đây, điều quan trọng hơn là những người tu tập Phật giáo phải thận trọng và cảnh giác, không nên chỉ biết hy vọng dung tích chất xám và các sự chuyển hóa chất đường glucose trong não bộ mình gia tăng, mà phải hướng sự chú tâm vào các thể dạng vận hành thật sâu kín của tâm thức phía sau não bộ của mình hầu tinh khiết hóa chúng.

Điểm đáng lưu ý thứ hai là dường như có một vài người than thở là phép luyện tập thiền định quá khó đối với họ, vì thế họ đành phải chọn phương pháp tu tập dễ dàng hơn của Tịnh Độ. Điều này hoàn toàn sai bởi vì trong việc tu tập Phật giáo không có gì dễ dàng hơn là thiền định. Sở dĩ mình cho rằng thiền định quá khó là vì trước hết mình tưởng tượng thiền định là một thứ gì đó thật siêu phàm, dành cho những người có nhiều khả năng hơn mình, và sau đó là vì mình đã quen tụng niệm và cầu xin, nay phải luyện tập thêm một phương pháp khác thì mình hơi nản, không muốn cố gắng thêm.

Thế nhưng thiền định lại là một thứ gì đó thật tự nhiên và giản dị, tương tự như đi đứng, hít thở, ngắm nhìn và lắng nghe những gì hiện lên chung quanh mình và bên trong tâm thức mình. Nói một cách tổng quát hơn thì thiền định cũng chỉ đơn giản là sự "chú tâm" và "trở về": "chú tâm" có nghĩa là hướng sự tập trung tâm thần vào những gì đúng đắn và đáng để chú tâm; "trở về" có nghĩa là quay nhìn vào bên trong chính mình để tìm hiểu mình, khi nào hiểu được mình là gì thì đấy là sự giác ngộ.

Thí dụ như sáng sớm thức dậy nếu nghĩ đến hôm nay mình sẽ đi siêu thị nào, mua sắm những thứ gì thì đấy không phải là thiền định, thế nhưng nếu bước ra sân trông thấy một con sâu bé tí xíu đang gặm một chiếc lá non hay

những tia nắng sớm óng ả ở chân trời thì đấy là thiền định. Hoặc sau một ngày cực nhọc lắng nghe văng vẳng tiếng chuông và tiếng mõ của một người hàng xóm đang tụng niệm vào thời kinh buổi tối thì đấy là thiền định, trái lại nếu mở máy truyền hình xem phim Hàn quốc: cô này "yêu" cậu kia, cậu kia "yêu" cô khác, hoặc nghe một nam ca sĩ gân cổ hát nhạc rock, người lắc lư, chân đạp đạp, mồ hôi nhễ nhại thì không phải là thiền định. Hoặc trong bữa ăn nhai một miếng thịt thơm ngon mang lại cho mình sự thích thú thì không phải là thiền định, nhưng nếu ý thức được là mình đang hít vào và thở ra và trong khi đó thì con vật cho mình miếng thịt mà mình đang nhai không còn thở nữa, thì đấy là thiền định.

Những bước đầu thật tự nhiên và dễ dàng đó sẽ giúp mình dần dần đi xa hơn, mang lại cho mình những hiểu biết sâu sắc hơn và biến mình thành một con người khác hẳn. Con người khác hẳn đó không còn quan tâm đến khối lượng chất xám cũng như tình trạng chuyển hóa chất đường glucose trong não bộ mình, cũng không quan tâm đến "*phương pháp giữ gìn vệ sinh trong cuộc sống*" hay tìm cách "*cải thiện quá trình lão hóa*" của não bộ mình.

Bures-Sur-Yvette, 14.12.17
Hoang Phong chuyển ngữ





CẦU NGUYỆN TRONG ĐẠO PHẬT

Thích Nữ Hằng Như

Phần lớn chúng ta đều cầu nguyện. Dù tin vào hiệu lực của cầu nguyện hay không, khi đối mặt với những tình huống khó khăn vượt ngoài khả năng của mình, chúng ta cứ lâm râm cầu nguyện. Đối với người học Phật, cầu nguyện dường như đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh. Người Phật tử nào cũng biết cầu nguyện cho mình, cầu nguyện cho người thân và cầu nguyện cho cả bá tánh chúng sanh. Vậy cầu nguyện trong đạo Phật có ý nghĩa thế nào, cần được hiểu ra sao và cách thực hành cầu nguyện đúng pháp là gì... là một số vấn đề cần bàn được bàn đến trong bài viết này.

Cầu nguyện cho ai?

Với tâm lý thường tình, hầu hết chúng ta đều mong những điều tốt lành đến với những người thân yêu và bạn thân mình, cầu nguyện cho người quá cố lẫn người hiện tại. Đối với

người quá cố, có ba lý do chính khiến người ta cầu nguyện. Một là nhu cầu tâm lý gắn bó giữa kẻ ở và người đi và ta muốn che chở, giúp đỡ cho họ. Khi còn sống bên nhau, ta có thể làm nhiều thứ cho người thân yêu của mình. Một khi người thân mất đi, ta bất lực. Do đó, nhiều người tin rằng, nhờ cầu nguyện, chúng ta "gởi gắm" người thân của mình để nhờ một đấng thiêng liêng nào đó giúp đỡ! Với cách này, người cầu nguyện cảm thấy tâm lý nhẹ nhàng hơn, yên tâm hơn khi có cảm giác có thể tiếp tục ở bên cạnh và hỗ trợ cho người thân đã mất. Hai là tâm lý muốn được che chở bởi người quá cố. Chính vì không hiểu được những gì đang xảy ra với người thân đã mất, chúng ta thường tưởng tượng rằng họ có một năng lực đặc biệt hơn người còn sống, nên chúng ta cầu nguyện họ che chở, phù hộ cho mình được mạnh khỏe, thành công và bình an trong cuộc sống. Lúc này, người thân đã mất trở thành đối

tượng để ta cầu xin. Ba là, thoát nghe rất nghịch lý, đó là cầu nguyện vì sợ người thân quá cố trở về quấy nhiễu làm xáo trộn cuộc sống của mình mà nhờ thế lực siêu nhiên can thiệp để vô hiệu hóa điều này nhằm giữ cho cuộc sống chúng ta được bình yên.

Đối với bản thân mình và người thân còn sống, chúng ta có thể kể đến hai lý do khiến người ta cầu nguyện. Một là mong ước có cuộc sống hạnh phúc và hai là sợ hãi và tránh né khổ đau. Thực ra hai lý do này chỉ là hai mặt của một vấn đề. Mong có được điều này, hạnh phúc chẳng hạn, cũng hàm nghĩa là chúng ta sợ phải đối mặt với một thực tế ngược lại với điều chúng ta mong đợi là khổ đau. Sợ và muốn tránh né khổ đau cũng đồng nghĩa với việc chúng ta đang mong một điều ngược lại là hạnh phúc. Nằm sâu trong tiềm thức, khi cầu nguyện là lúc ta thể hiện tâm lý bất lực, không tự chủ và bất an khi cả điều chúng ta mong đợi và sợ hãi đều nằm ngoài tầm tay của mình.

Sao lại cầu nguyện?

Cuộc sống vô thường này là bất toàn và vạn vật luôn thay đổi không lường được ở mọi phương diện, mọi mức độ đã tạo nên nỗi bất an, lo âu và căng thẳng thường trực đối với mỗi người chúng ta. Những gì đến với bản thân mình và người thân yêu ngoài tầm kiểm soát và can thiệp của bản thân, nên chúng ta bất lực trong đau khổ với những đổi thay không theo ý muốn của mình. Để tự trấn an và mong ước những gì tốt đẹp nhất, con người nghĩ đến sự có mặt thật sự của thế giới vô hình và chúng ta hướng về để cầu xin được che chở, được bảo an. Trong thế giới đó, chúng ta tin là có một hay nhiều đấng linh thiêng, có thể là đức Phật, là Chúa, là Thượng đế, là thánh Allah. Những đấng thần linh này luôn sẵn sàng che chở, đem điềm lành tới hay ít ra là gia hộ cho chúng ta thành tựu sở nguyện khi chúng ta thành tâm hướng về chư vị mà cầu. Chúng ta tin là các vị sẽ ra tay can thiệp khi chúng ta cần và lên tiếng, miễn là chúng ta có niềm tin sâu sắc nơi quý Ngài. Trong giới Phật tử Việt Nam, cầu nguyện sự gia hộ của bồ-tát Quán Thế Âm là một trường hợp rất phổ biến, đến mức rất nhiều Phật tử thờ bồ-tát Quán Âm và gọi là Phật mà không hề thờ tôn tượng của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, một đức Phật lịch sử mà họ tự nhận làm "Thầy" và xem mình là "đệ tử"!

Vấn đề tiếp theo là tại sao khi bất an, người ta lại hướng đến một thế lực bên ngoài để cầu nguyện? Người ta thường mong ngóng, tìm cầu sự đoạn tận khổ đau từ bên ngoài vì hầu hết chúng ta nhằm tưởng các yếu tố đem lại khổ đau cho mình nằm ở bên ngoài. Do đó, mọi rắc rối, phiền muộn và khổ đau đều được giải quyết nhờ sự can thiệp của các đấng linh thiêng mà họ tôn sùng, quy ngưỡng. Thậm chí, nhiều người "khoán trắng" vận mạng của mình cho các đấng thần linh. Với suy nghĩ hạnh phúc và khổ đau do người khác đem lại, khi một việc

gì đó xảy ra, ta thường quy trách nhiệm tại người này, do kẻ kia, bị hoàn cảnh nọ... mà không hề nhận thấy trách nhiệm cá nhân của mình. Trong khi đó, nhiều lần đức Phật đã nhắc nhở "Tự mình làm điều ác, Tự mình làm nhiễm ô, Tự mình không làm ác, Tự mình làm thanh tịnh, Tịnh không tịnh tự mình, Không ai thanh tịnh ai" (Pháp cú, 165).

Cầu được ước thấy?

Chúng ta thấy rằng khuynh hướng chủ đạo có tính bản năng của con người là cầu nguyện mỗi khi mình cần điều gì đó trong cuộc sống hay khi mình lâm vào tình cảnh khó giải quyết. Thực tế, hầu hết những người cầu nguyện không tự hỏi mình có nên hay không nên làm việc này, họ cứ làm mà không hề thắc mắc. Việc này chúng ta có thể thấy rất rõ nét nhất vào những ngày đầu năm mới trong dịp Tết cổ truyền ở Việt Nam.

Có một xu hướng có thể dễ dàng nhận ra là chúng ta ít khi làm những điều được học và thường làm những điều mà chúng ta không hề được học! Thông qua sự ảnh hưởng mang tính xã hội, do "vô thức đám đông" mà con người có tâm lý hòa theo một cách mù quáng không cần suy xét; cầu nguyện là một ví dụ. Thật là một nghịch lý khi tử tế, không ai dạy chúng ta cầu mong thế lực vô hình nào đó giải quyết vấn đề rắc rối cho mình đâu. Ấy thế mà khi lớn lên, nhiều người trong chúng ta thường xuyên cầu nguyện! Con người ta chỉ cầu nguyện và nghĩ đến việc cầu nguyện khi bản thân mình bất lực không thể tự xoay sở để giải quyết được những vấn đề khó khăn trong cuộc sống mà mình vấp phải. Khi những va đập bắt đầu có vẻ quá sức chịu đựng và những nguy cơ, rủi ro cứ rập rình nằm ngoài khả năng giải quyết của con người, người ta mới thấy cần sự giúp đỡ từ bên ngoài. Cầu nguyện là khẩn khoản cầu xin những đấng có năng lực hơn để vị ấy can thiệp vào trong những rắc rối mình đang gặp phải, hoặc ít ra cũng hướng dẫn cho mình cách giải quyết vấn đề sáng suốt nhằm giúp mình vượt qua dễ dàng hơn. Khi vật chất, tri thức và trải nghiệm mà chúng ta ra công tích góp không thể giúp để vượt qua những thử thách của cuộc đời, chúng ta mới nghĩ đến một nguồn lực mới trong cuộc sống. Lúc này, cầu nguyện thường xuất hiện như là một trong các nguồn lực đó. Thế là chúng ta bắt đầu cầu nguyện.

Câu hỏi tiếp theo là liệu cầu nguyện, dù được thực hiện với sự thành tâm đến từng tế bào, từng mạch máu, thì hiệu lực có cao không? Thực tế là những sự kiện, biến cố trong cuộc sống của mỗi người cứ dập dềnh nhau theo hình "sin" như trên người, như an ủi, như "thả thính" những tia sáng hy vọng cuối đường hầm với những vui buồn lẫn lộn, hạnh phúc và khổ đau đan xen hoặc tiếp nối nhau không theo một quy luật nào cả. Vậy thì, phải chăng những gì đến với mình là kết quả của sự cầu nguyện và các đấng có năng lực hơn người đó đã đáp

ứng lời cầu nguyện của mình? Thế thì những điều không như ý xảy ra với chúng ta là do các đấng thần linh “bỏ sót” phần việc đáp ứng mong cầu của mình hay sao? Nếu dùng lý trí để suy xét, ta thấy vô lý và thiếu cơ sở khi tin rằng, mọi điều tốt đẹp đều do cầu nguyện mà thành. Thế thì những lần khác cầu không toại nguyện thì sao?

Nếu “cầu được ước thấy” thì ai muốn được hạnh phúc, đơn giản chỉ cần cầu nguyện các thế lực bên ngoài, cứ “khoán trắng” cho các đấng thần linh cao cả, việc gì phải khổ nhọc học tập và nỗ lực làm việc để đạt được điều mình muốn? Ngược lại, nếu cầu chẳng được, ước chẳng thấy, thì hà cớ gì phải cầu nguyện cho một tâm nhọc tâm mà không có kết quả?

Bấn khoản, thắc mắc và nghi ngờ về hiệu lực của cầu nguyện một hoặc nhiều đấng linh thiêng nào đó đủ bao dung và kiên nhẫn theo suốt từng bước chân chúng ta để cứu giúp là điều cần thiết của một người học Phật đúng nghĩa!

Đá nổi dầu chìm?

Những người thầy tâm linh chân chánh và gương mẫu có khuyên các Phật tử hướng đến một đức Phật, bồ-tát nào đó để cầu nguyện nhờ gia hộ không? Rõ ràng, đạo Phật không khuyên chúng ta nên cầu nguyện. Thay vào đó, đạo Phật dạy cách thực tập để có thể xoay sở giải quyết vấn đề thay cho việc hướng ngoại tìm cầu sự che chở và giúp đỡ. Thế nhưng, không thể chối cãi một sự thật là sự cầu nguyện đức Phật và chư bồ-tát gia hộ vẫn còn phổ biến trong quần chúng Phật tử. Hiện trạng này có vẻ trái với triết lý “tự mình làm nên đền cho chính mình” (Trường bộ kinh số 16: Đại bát Niết-bàn; Tương ưng bộ kinh, tập III, chương I, phẩm V, kinh Tự mình làm hòn đảo; Tương ưng Bộ Kinh, tập V, chương III, phẩm I, kinh Bệnh) trong nhà Phật. Triết lý Phật giáo đề cao việc tự thân thực hành pháp để chuyển hoá chính mình để được thăng hoa và hạnh phúc thay vì cầu xin chư Phật hay chư Bồ tát “chuyển” phần may mắn, những điều tốt đẹp và mang hạnh phúc đến cho mình.

Vào thời đức Phật, thói quen cầu nguyện của người Ấn Độ chẳng khác chúng ta bây giờ. Có một lần có một người Bà-la-môn, tên Asibandhakaputta (Tương ưng bộ kinh, tập IV, chương VIII, mục 6: Kinh người đất phương tây), đến hỏi đức Phật rằng Ngài có thể làm cho một người sau khi chết được sanh lên cõi thiện lành hay không. Đức Phật hỏi lại Asibandhakaputta rằng, giả như có một người khi sống thì hay giết hại sinh mạng, ăn trộm ăn cắp, nói láo nói gạt, nhận thức sai lầm và làm nhiều điều ác, khi chết đi, nhiều người tụ tập lại để cầu cho người đó được sanh lên cõi thiện lành, vậy thì người đó có sanh lên cõi thiện lành nhờ được cầu nguyện hay không? Rõ ràng là không.

Đức Phật còn minh họa ý kinh này bằng



một ví dụ rất hình tượng và dễ nhớ. Nếu chúng ta thả tảng đá xuống hồ nước, dù chúng ta ra sức cầu cho tảng đá nổi, nó vẫn chìm. Cũng như vậy, người sống làm ác, chết sẽ không sanh lên cõi thiện lành được. Ngược lại, chúng ta đổ dầu xuống nước và cầu cho dầu chìm, cầu đến chết dầu cũng không chìm. Cũng như vậy, người sống làm thiện, chết sẽ sanh lên cõi thiện lành, dù không cần cầu.

Trên tinh thần của cuộc đối thoại giữa đức Phật và Asibandhakaputta, cầu nguyện là trái với quy luật nhân quả. Chính vì vậy, với người có nhận thức đúng đắn, cầu nguyện sự giúp đỡ từ các đấng thần linh thường được xếp vào dạng mê tín dị đoan. Thoát khổ bằng phương pháp cầu nguyện suông chưa từng được đức Phật xác lập. Ngài nêu rõ quan điểm của Ngài trên lập trường nhân quả rằng, chúng ta tự quyết định hạnh phúc cũng như đau khổ của chính mình trong cuộc sống này. Dài xa hơn, chính chúng ta, không ai khác, là người chọn chốn đi về của mình sau khi giã từ cõi sống này thông qua những gì ta thể hiện qua hành động, lời nói và suy nghĩ chứ không thể nhờ vào năng lực cầu nguyện. Không có một thế lực nào, quyền uy nào có thể cầu nguyện để cho đá nổi lên và bơ dầu chìm xuống đáy hồ cả. Nếu cầu được, ước thấy thì giáo lý nhân quả, một giáo lý nền tảng nhất của đạo Phật, sẽ không có chỗ đứng và như thế là giáo lý đạo Phật không nhất quán mà đầy mâu thuẫn. Nói cách khác, nếu chấp nhận giáo lý nhân quả thì không thể chấp nhận cầu nguyện suông trong đạo Phật. Như vậy, van xin thế lực bên ngoài để gánh nặng khổ đau rơi rụng và trả lại cho ta tinh thần thanh thản, an vui, hạnh phúc là điều hoang tưởng!

Nguyện mà không cầu!

Đức Phật luôn dạy chúng ta, trên con đường tu tập, tự lực là chính. Điều này có nghĩa là ta phải tự lo lấy phận việc của mình, chịu trách nhiệm vận mạng cùng những sướng khổ trong cuộc sống, chứ không thể phó thác cho ai. Thiên về cầu nguyện là lãng quên khả năng giác ngộ của mình, tự sa mạc hóa nguồn năng lượng tự lực của bản thân vốn rất dồi dào trong tâm.

Nguyên là mong ước, hoạch định lớn lao cần thực hiện cho bản thân trong một giai đoạn nhất định của cuộc sống. Để “nguyện” được thành tựu, không đơn giản “cầu” mà đấng, mà phải tự thân vận động một cách có phương pháp và nghệ thuật. Điển hình về việc thực hiện những mong ước một đời sống an lành, hạnh phúc là những gì đức Phật dạy trong Maha mangala sutta (kinh Điem lành tối thượng; còn gọi là kinh Phước đức, kinh Hạnh phúc) trong Kinh Tập (thuộc Tiểu bộ kinh). Bấy giờ, một vị chư thiên đến hỏi đức Phật, người và trời đều mong được bình an, vậy làm thế nào để có được bình an. Đây là duyên khởi để đức Phật dạy 38 pháp hành cho những ai muốn có được hạnh phúc, bình an. Đây là một bài kinh cầu nguyện theo hướng tích cực và đúng pháp. Mong cầu được đời sống an lành, hạnh phúc thì chúng ta cần thực hành các điều kiện cần thiết về có sự tiến bộ thực sự trong đời sống gia đình, xã hội, kinh tế và đời sống tâm linh. Điều này rất khoa học và thực tế, cụ thể và rõ ràng, trong khả năng làm được của tất cả chúng ta.

Người thực hành pháp nghiêm túc thì có nguyện mà không có cầu, hay nói cách khác, đó là “tâm nguyện” chứ không phải “cầu nguyện”. “Tâm nguyện” là phác họa ra, đồ đậm và khắc sâu nhiều lần một ý muốn sâu sắc trong tâm theo phương pháp tâm lý “tự kỷ ám thị” có ý thức. Đây là quá trình tự tâm niệm, nhắc đi nhắc lại điều cần thực hiện (ước muốn) trong tâm và tự khích lệ bản thân. Nhờ đó, tâm ta tạo nên một nguồn năng lượng để thực hiện điều mình mong muốn để biến ý tưởng thành hiện thực. Nguyện mà không cầu là sự đánh dấu mốc để nỗ lực, để nhắc tâm, nên tự lực vẫn mang tính chủ đạo, chứ không phải “bán cái” cho thế lực bên ngoài mà được. Trong tinh thần này, những gì chúng ta “mong” thì hãy coi đó như là mục tiêu để phấn đấu, là đích cần phải đạt đến để có phương cách thực hiện hiệu quả.

Chuyển cầu nguyện cho tự thân thành hành trì

Trong số các vị đạo sư đương thời, đức Phật là hiện thân của một vị Thầy vĩ đại, luôn áp dụng phương pháp giảng dạy khoa học, bàn thẳng vào sự thật và có khả năng chỉ ra kết quả rõ ràng có thể kiểm chứng được trong mỗi tương quan biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả. Trong hệ thống kinh luật, chúng ta không hề thấy có biểu hiện nào của sự cầu xin van vái mong một đức quyền năng có năng lực bí ẩn nào đó che chở hộ trì qua việc thực hành các nghi lễ hình thức rườm rà như các tôn giáo thời ấy. Theo lời dạy của Ngài, một người muốn sống trong an ổn phải thực hành những điều thiện về thân, khẩu và ý mà bài kinh “Điem lành tối thượng” là một điển hình được trưng dẫn ở trên.

Một cách cụ thể, để “tâm nguyện” được

thành tựu và có hiệu quả tốt nhất, sự hỗ trợ của thiền định là vô cùng cần thiết với người sống theo lời Phật dạy. Thiền định là quá trình lắng trong nguồn tâm thức để tuệ giác phát sinh, soi sáng và định hướng trên mọi bước đi trong đời. Thiền định và tâm nguyện liên hệ với nhau giống như việc sạc pin. Thực hành thiền là nạp điện năng vào bình điện, còn chuyển tâm nguyện thành hiện thực là phát huy khả năng phát sáng của bình điện. Thiền định là nuôi dưỡng, nung nấu một nguồn sức mạnh tâm linh để lấy đó làm chất liệu định hướng và vận hành cuộc sống đến đích tốt đẹp và an lành. Ánh sáng mờ không đủ để thực hiện chức năng soi sáng, nên càng thiền định, nguyện của chúng ta nhanh chóng thành hiện thực. Tâm không định tĩnh thì năng lực phát triển tâm nguyện sẽ kém tác dụng.

Hòa thượng Saddhatissa Mahanayaka nhận xét rất chính xác trong cuốn “Facets of Buddhism” (World Buddhist Foundation, London, 1991), trang 269, rằng “Thiền định được coi là cốt tủy của giáo lý Phật giáo. Thiền định có thể được sánh với sự cầu nguyện ở các tôn giáo khác. Hầu hết những thực hành của Phật giáo đều là hình thức này hay hình thức khác của thiền định” (Meditation is considered to be the centre of the Buddhist doctrine. It may be compared to prayer in other religions. Almost all Buddhist practices are nothing else but some form of meditation).

Chuyển cầu nguyện cho tha nhân thành hồi hướng

Mục đích của việc cầu nguyện cho người khác, cả người thân lẫn người không thân, là mong ước những điều tốt lành nhất đến với họ và tránh xa những điều rủi ro, rắc rối, cao và sâu hơn là cầu nguyện cho tất cả thành tựu đạo quả giác ngộ bồ đề. Điều này thể hiện tình thương yêu rộng lớn của mình đối với tha nhân. Thể hiện tình thương yêu đến người khác là một điều đáng làm, đáng tán thán và khuyến khích. Thế nhưng, bằng cách thành tâm van vái, lay xin các thế lực bên ngoài để có được hạnh phúc, tránh đi đau khổ là cách làm không phù hợp vì không hiệu quả. Theo lời Phật dạy, cách thiết thực nhất để thể hiện tâm từ bi của mình với tha nhân là trải tâm lành hướng đến tất cả theo phương thức hồi hướng chia phước.

Hồi hướng công đức là một phương pháp thực hành pháp chứ không phải đọc tụng suông “nguyện đem công đức này, hồi hướng cho tất cả...”. Khi có nhu cầu gửi tâm niệm lành chuyên chở yêu thương đến người khác, thay vì chúng ta chỉ biết cầu và cầu, chúng ta nên làm những việc lành và hồi hướng công đức lành làm được đó đến đối tượng mà chúng ta hướng đến. Hiệu lực của việc hồi hướng tùy vào mức độ và chất lượng việc lành của mình, tình thương yêu không mang tính đối chác so đo, mức độ an tịnh của tâm khi hồi hướng và phước đức của người mình hướng đến. Đức Phật đã hướng dẫn



rất nhiều người làm như vậy và việc làm này đã trở nên một truyền thống rất hay trong Phật giáo. Làm lành là làm như thế nào? Việc làm cụ thể thì nhiều, nhưng chủ yếu là hai hoạt động chính là giúp đỡ người khác và phát triển cộng đồng.

Có một câu chuyện về hồi hướng thế này. Có lần, Vua Bimbisara (Tần-bà-sa-la) cúng dường thức ăn lên đức Phật, nhưng không hồi hướng công đức cho các thần hồn. Tối hôm đó, các thần hồn vào cung vua gây ồn quấy phá. Vua đem chuyện kể lại cho đức Phật nghe, Ngài khuyên vua cúng dường lại và nhớ hồi hướng công đức cho các thần hồn. Vua làm theo và đúng như vậy, các thần hồn không vào cung quấy phá nữa (Chú giải Ngạ quỷ sự, chương I, kinh số 5: Ngoại hộ quỷ sự).

Cách thức hồi hướng (từ người thân đến người oán), các đối tượng hồi hướng (tất cả các chủng loại, các hình thức sống ở tất cả các môi trường với hình thù và kích thước khác nhau) được đức Phật cụ thể hóa trong bài Metta sutta (kinh Từ bi- Kinh Tập, Tiểu bộ kinh). Đức Phật dạy bài kinh này cho nhóm 500 vị tỳ-kheo về cách rải tâm từ đến những chư thiên từng quấy phá các thầy tỳ-kheo đến mất ăn mất ngủ, bệnh tật và sợ hãi đến mức không dám ở tại khu rừng ấy tu tập trong mùa an cư. Nhờ hồi hướng đúng cách, chư thiên cảm nhận được tâm từ của các đệ tử Phật, họ hoan hỷ nên không còn quấy phá các thầy nữa. Từ đó, các thầy tỳ-kheo sống yên ổn tu hành, tinh tấn hành thiền và đều đắc quả sau mùa an cư năm đó. Trên cơ sở bài kinh này, về sau, các nhà sư hướng dẫn tu thiền soạn thành một tài liệu chỉ dẫn thực hành thiền rải tâm từ một cách có hệ thống và cụ thể dành cho những hành giả tu thiền.

Phương pháp hồi hướng công đức trong đạo Phật rất đơn giản. Người làm việc lành, với tâm từ bi rộng mở, phát tâm và mong cầu cho người khác (hoặc tất cả chúng sanh) cũng được hưởng phần công đức từ việc lành mình vừa làm được. Hồi hướng công đức căn bản là hoạt động của tâm. Tâm lành này có thể được diễn đạt thành lời hoặc chỉ khởi niệm trong tâm, tùy người hồi hướng và ngữ cảnh. Sự thể hiện bên ngoài của hồi hướng có tác dụng về mặt ngữ cảnh hơn là hiệu lực của chính việc cầu nguyện. Có sự chứng kiến của người khác hay

không, không thành vấn đề. Người được hồi hướng biết hay không, điều đó không quan trọng lắm. Điều quan trọng là năng lượng lành đó phải có nơi người thực hành, và cái ý chí, lòng thương yêu, lòng ưu ái đó phải có, và tất cả những năng lượng đó đã được gửi đi. Hay nói cách khác, người được hồi hướng thọ hưởng được phần phước công đức hay không tùy thuộc vào hình thức (cách diễn đạt) mà tùy thuộc vào nội dung hồi hướng (tấm lòng). Tất nhiên, để thực hiện việc hồi hướng, hành động thiện lành của thân là cần thiết. Như vậy, để hoàn thành một 'chu trình' hồi hướng, người hồi hướng cần phải nỗ lực làm lành cả ba phương diện: ý hành, ngữ hành và thân hành.

Thay lời kết

Ngày nay, đạo đức con người có những dấu hiệu của suy đồi do tâm tham chi phối và điều động nên không sống thuận theo các nguyên tắc vận hành của luật nhân quả. Do đó, vì nội tâm không có chút tử lượng nào nên con người càng cảm thấy bất an và có khuynh hướng tìm đến một đấng thiêng liêng nào đó để cầu nguyện ngày càng nhiều hơn. Người theo tôn giáo nào thì biến giáo chủ của tôn giáo mình thành một vị thần có quyền năng ban ơn giáng phước cho tín đồ đệ tử. Đức Phật của chúng ta, vô hình trung cũng thành một vị thần trong cách nghĩ của những người không thấu hiểu giáo lý đạo Phật một cách rõ ràng. Thật ra, Ngài nào có phải là một Đấng sáng tạo, có quyền thưởng phạt? Ngài là một vị Đạo sư tuyệt vời chỉ ra con đường sáng cho quần sanh thoát khỏi lối mê để không còn đau khổ nữa mà thôi.

Cầu nguyện tích cực và đúng pháp là đánh thức khả năng thanh thiện trong con người của mình. Đó là sự nỗ lực, cần mẫn thực hiện tâm nguyện của mình bằng cách đưa thân, khẩu và ý vào quỹ đạo sống thiện lành để có kết quả an vui và hạnh phúc cho bản thân mà thiền định là một yếu tố hỗ trợ hiệu quả nhất. Đó là sự chia sẻ năng lượng lành chúng ta tích tạo được đến người khác trong tình yêu thương rộng lớn. Như vậy, trong đạo Phật không có cầu nguyện van xin, mà chỉ có hành trì (cầu nguyện cho bản thân) và hồi hướng (cầu nguyện cho tha nhân). Muốn toại nguyện trong cuộc sống, con đường chắc chắn từ ngàn xưa cho đến ngàn sau là chánh niệm tu tập trau sửa thân, khẩu và ý hướng về con đường thiện lành mà đức Phật đã vạch ra cách đây 26 thế kỷ. Cụ thể hóa lộ trình cầu nguyện đúng pháp là thực hành Bát chánh đạo – tám phương diện bao hàm tất cả hoạt động của con người, là kim chỉ nam trên lộ trình tu tập mà Ngài khuyên đi nhắc lại nhiều lần trong hầu hết các bài kinh, thậm chí nhiều lần trong cùng một bài kinh.

(Nguồn: thuvienhoasen.org)

NĂM CON CHÓ - MỪNG XUÂN MẬU TUẤT 2018

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

Theo vận hành 12 con giáp của vũ trụ càn khôn, năm con chó – Mậu Tuất 2018 đang bắt đầu. Năm chó nên xin được nói chuyện về chó.

Chó là một loài vật gần gũi với con người vì trung thành, có ích, tinh khôn và đảm nhiệm một việc quan trọng là vệ sĩ trông coi nhà cửa cho chủ. Theo quan điểm nhà Phật, chó là loài có tánh linh cao, hạnh tốt, đáng được tin tưởng trông cậy trong những lúc khó khăn, khôn hơn các loài mèo, heo, gà, dê, bò... Do vậy, người hiểu đạo Phật không ăn thịt chó hay thịt các loài vật khác và chôn cất tử tế khi chúng qua đời. Người Phật tử khi đã ăn chay thì tránh ăn bất cứ loại thịt nào, chứ không chỉ tránh một loài riêng biệt như Hindu giáo không ăn thịt bò hay heo và Hồi giáo không ăn thịt heo. Nhiều chuyện thực tế trong đời sống cho thấy chó rất được tán dương như một người bạn hữu sát cánh với chủ, để xóa tan nỗi cô đơn, chia sẻ vui buồn cùng chủ, như người đầy tớ trung thành, vẫy đuôi trước tiên chào mừng chủ về nhà, cho nên chó được cưng như người. Ở nhiều nước phát triển như Châu Âu, Châu Mỹ, Dubai... chó có bệnh viện và bác sĩ thú y (*Veterinary Hospital*), cảnh sát (*Pet Cop*) và nghĩa trang riêng (*Pet Cemetery*) cho các loài chó mèo. Có một số người thích sống với chó hay mèo trong nhà hơn là cưới chồng hay vợ. Vì chó không có lời qua tiếng lại cãi nhau như con người và không có tranh giành quyền lợi như con người.

Nhiều youtube chiếu về các câu chuyện cảm động trong đời thực về tán dương các đức tánh đáng yêu, dễ thương và trung thành của loài chó như một chú chó đã xông vào lửa cứu bạn mèo nhỏ của mình, cứu chủ nhân, cứu trẻ nhỏ trong lửa, chó biết phân biệt ai gian ai thật, biết giữ của cải của chủ, không cho khách đụng vào, chó biết dẫn người mù qua đường, nếu được luyện, chó có thể biết khám phá ra thuốc phiện, bom gài hay các nạn nhân hoặc xác chết kẹt trong các trận động đất, sóng thần. Chó mạnh thì có thể khuân vác đồ đạc cho chủ, dù đi lạc hay bị bắt cả 50 cây số, nó vẫn tự biết đi bộ tìm về chủ cũ (như chó của chùa Hương Sen dù chủ cũ nghèo hơn chủ mới, dù đói nghèo nó vẫn theo chủ cũ, đi lạc ở đâu cũng tự tìm đường về) và đặc biệt nó biết khóc

khi chủ chết và trung thành, buồn bã nằm kể bên xác chủ và chết theo chủ.



Đệ tử Dog nhí mới chào đời đã được Ni Sư Giới Hương xuống Quy y Tam Bảo

Theo âm Hán Việt, chó được gọi là "cẩu" (狗) hoặc "khuyển" (犬). Chó con nhỏ được gọi là "cún". Vì giống con cầy nên chó cũng được gọi là "cầy". Có rất nhiều loài chó như chó sói, chó đốm, chó mực, chó chăn cừu, chó săn, chó trinh thám... Chó là loài động vật có bốn chân như bò, trâu, sư tử, gấu, voi, hươu, nai, bò tót mọc sừng, lừa, lạc đà, khỉ, vượn, rùng rọc, đười ươi, cọp, beo, báo, sói, thỏ, rùa (con đỏ), nhím, chồn, cáo, ngựa, heo, dê, mèo, chuột, tắc kè, thằn lằn, kỳ nhông, thạch sùng, rắn mối, kỳ đà, hoang, rái nước, heo rừng, tê giác, trâu nước, nhái, cóc, ếch, chẳng hieu...

Kinh Phật dạy (1): "Nhất thiết duy tâm tạo" hay "Mang lông đội sừng hay thành Phật làm tổ cũng chỉ do tâm ta". Loài vật bốn chân như chó cũng bấm ngũ hành (2), cũng ngâm tứ tượng (3) cũng biết đau ngứa, no đói, cũng yêu ghét sợ hãi, nơm nớp sợ chết, lo lắng tham sống, tránh khổ cầu an như tâm ta, như tâm con người. Chúng ta nỡ nào ăn thịt chó, giết chó chỉ để ngon miệng trong chốc lát nơi tắc lưỡi, trong khi thịt đó chỉ nuốt xuống cuống họng là hết mùi vị. Đặt mỗi lập mưu, khiến chim, chó, thú

sa lưới mắc bẫy, thật là độc ác, tàn nhẫn. Lại nói 'thiếu tiền của ta, làm thú trả ta' hoặc 'ta hưởng lộc trời' hoặc 'vật dưỡng nhân' 'chết là hết, tha hồ ăn, không sợ gì', do những tà kiến này mà cứ thế mà luân chuyển oán thù, cùng nhau đi mãi trên đường đau khổ.

Nhà nho nói: Thấy con thú đương sống, chẳng nỡ thấy nó chết. Nghe tiếng nó sợ hãi kêu la, chẳng nỡ ăn thịt. Cho nên, đã là quần tử đâu có sát sanh. Nhà nho còn nói thế, huống chi chúng ta là Phật tử, con nhà họ Thích, tránh sát sanh là giới thứ nhất, tha mạng sống cho các loài. Bởi vì tất cả đều có Phật tánh, nên tất cả loài noãn, thai, thấp, hoá đều là chư Phật vị lai. Bởi vì cùng nhau ở trong vòng luân hồi, nên tất cả các loài bay, chạy, bơi, lội, hay chó có thể đều đã từng là cha mẹ quyến thuộc lẫn nhau với ta. Phải có lòng tin kiên cố với điều này thì chúng ta sẽ có sự chuyển đổi ở cách nhìn và cách sống trân trọng loài thú.

Thấy mũi tên, con vượn hồn bay phách vía. Thấy giương cung, con nai rơi mật. Nổi chua cay nát óc, bể đầu, niềm đau khổ chạy suốt lưng qua bụng. Dùng tim gan thú vật, để ngon miệng mình trong khoảnh khắc. Mai đây chịu rừng đao núi kiếm, cả trăm ngàn kiếp trong địa ngục. Còn dư báo lên làm thân, heo, gà, chó để chịu mổ, đâm, quay nướng, mang yền ngâm sắt ngựa lửa, tội tử phạm chó, cây bừa thân trâu...

Luật Sa-di kể chuyện rằng có một vị Tam tạng pháp sư lên chánh điện, thấy một lão tăng tụng kinh, liền nói đùa: "Sư tụng kinh giọng ồ ồ như chó sủa". Vì lời khinh mạn bông đùa ấy, vị sư phải chịu 500 đời làm thân chó. Đời cuối cùng, con chó ăn vụng thịt, bị chủ chặt cả bốn chân, vút xuống hố.

Ngài Xá Lợi Phất đi qua thấy tội, nên cho chó ăn cơm, thuyết pháp và chúc nguyện. Con chó chết, đầu thai làm con một trưởng giả tên Quân Đề. Quân Đề mới lên bảy tuổi đang chơi ngoài cửa, thấy Xá lợi phất khất thực đi qua liền xin cha cho xuất gia. Sau khi xuất gia, dưới sự hướng dẫn của tôn giả Xá lợi phất, Quân Đề đã chứng A la hán.

Thế đó, một lời nói bông đùa mà nguy hại phải 500 đời làm chó. Nếu không phải là vị Tam tạng pháp sư có công phụ tu hành thì làm sao gặp được thánh tăng để chấm dứt con đường đọa lạc. Kinh Địa tạng dạy: Chúng sanh trong cõi diêm phù, cất chân dây niệm đã phạm tội. Gặp việc thiện thì dễ thoái tâm. Gặp ác duyên lại càng thêm mạnh. Nếu không gặp thiện tri thức chỉ đường dẫn lối giải thoát sẽ khổ mãi không cùng.

Tóm lại, từ bản lai thanh tịnh, một niệm bất giác sinh sở năng đối đãi bất nhị (4) mà có y báo, chánh báo, có sinh vật xuất hiện, rồi sau đó động vật chính thức ra đời có tâm thức phức tạp, có tạo nghiệp nhân để thọ quả báo. Ai đã làm thành, tạo thành động vật có tâm thức để cho động vật đó phải lăn lóc đấu tranh vì sự sống một cách cực khổ? Chính những tâm thức

của chúng ta tạo ra. Trong sự đấu tranh để sinh tồn đó, các động vật khi thì giúp đỡ lẫn nhau (thiện), khi thì xâu xé lẫn nhau (ác) tạo thành vô số nghiệp thiện và ác lẫn lộn đưa đẩy chúng sanh trôi lăn trong luân hồi không bao giờ dứt.

Trong cuốn *Sa Di luật giải* của Hòa Thượng Phước Bình có kể một câu chuyện rằng: "Trên đường khất thực vừa xong, một tỳ kheo thấy một bọm nhậu ôm một con chó, con chó bị cột mõm cố gắng sức kêu la cầu cứu. Anh ta mắng con chó chó làm ồn về đến nhà là anh sẽ làm thịt ngay. Nghe thế vị tỳ kheo ngăn anh lại xin anh tha cho con chó, tỳ kheo sẵn sàng nhường bữa cơm trong bình bát cho anh, nhưng anh không chịu. Thầy tỳ kheo nài nỉ thế thì anh hãy cho con chó ăn phần cơm này rồi anh đem về nhà làm thịt cũng không muộn. Anh ta chịu. Vị tỳ kheo chú nguyện vào thức ăn. thức ăn ấy đã biến thành pháp thực, ngài vuốt ve khai thị đời trước làm bao chuyện chẳng lành hãy thành tâm sám hối và ăn hết bát cơm.

Khi bị giết, chó liền thác sanh vào nhà một đại trưởng giả giàu có. 12 năm sau vị tỳ kheo tình cờ có duyên sự đi ngang qua nhà vị trưởng giả. như có linh tính trước cậu bé chạy ra ngỡ đành lễ nhắc lại chuyện xưa và xin đi xuất gia. Vị Trưởng lão ứng thuận và không bao lâu cả hai thầy trò đều chứng quả A La Hán lậu tận. Như vậy, loài súc sanh như chó biết nhận lỗi, biết nhất tâm sám hối, thì tội chương tiêu trừ tức đắc vãng sanh vào loài người biết tu tập và gặt quả tốt. Như vậy, trong chuyện này, chó cũng có tánh linh và tánh biết như con người và gần với con người.

Trong nhà Phật cũng có câu chuyện về "Con chó đói" như: Thuở Đức Phật còn tại thế, có một ông vua rất hung ác, nghe Phật đến thuyết pháp trong nước mình, ông liền ngự giá đến chỗ Phật ở và xin Ngài kể một câu chuyện gì đã vui lại hữu ích nữa. Đức Phật liền kể chuyện con "Con Chó Đói" như sau:

Thuở xưa, có một vị quốc vương rất bạo ngược, hà khắc với dân lành, nhân dân đều oán



trách. Ông Đế Thích thấy vậy liền hiện xuống trần dắt theo một con quỳ rất dữ. Ông Đế Thích hóa mình thành một người thợ săn, còn con quỳ thì biến thành một con chó cao lớn. Người thợ săn dẫn con chó vào cung của vị quốc vương để yết kiến. Bỗng con chó vùng tru lên dữ dội, làm cho lâu đài cung điện đều rung rinh... Vị quốc vương thất kinh, liền đòi người thợ săn đến trước ngai vàng mà hỏi rằng:

- Gã kia, vì cớ gì mà con chó tru lên dữ vậy?

Người thợ săn thưa:

- Tàu Bê hạ, vì đói nên nó tru.

Vị quốc vương liền ra lệnh đem cơm cho chó ăn. Nhưng một điều không ngờ là đem bao nhiêu thì con chó ăn hết bấy nhiêu, tất cả thực vật trong kho đã hết sạch mà nó vẫn chưa no, nên nó càng tru lên dữ dội hơn nữa, mà ác hại thay, mỗi lần nó tru thì cung điện đều dài của quốc vương lung lay hình như muốn sụp đổ...

Vị quốc vương không biết tính thế nào, mới hỏi người thợ săn:

- Lấy cái gì cho nó ăn để nó nín?

Người thợ săn đáp:

- Tàu Bê hạ, lấy thịt của người nó ghét cho nó ăn nó hết tru.

Quốc vương hỏi:

- Nó ghét kẻ nào?

Người thợ săn thưa:

- Nó ghét những kẻ bất công hãm hại dân nghèo. Ngày nào trong nước không có dân đói khổ nữa, ngày đó nó mới nín...

Vị quốc vương liền nhớ tới những việc ác của mình làm thì hết sức hối hận, từ đó mới ăn năn sửa cái, chịu nghe những lời công bình chánh trực."

Đức Phật kể dứt câu chuyện này thì mặt vua tái ngắt. Đức Phật dịu dàng dẫn với nhà vua rằng: "Ngày nào bệ hạ nghe tiếng chó tru thì bệ hạ hãy nhớ đến câu chuyện ta kể. Bệ hạ có thể làm cho con chó nín được".

Như vậy, trong chuyện này chó như một minh quân, công thần liêm khiết, diệt tà xiển thiện. Qua hình ảnh chó đói đó, vị quốc vương bắt đầu tin tưởng Phật pháp, dùng phương pháp chánh trực đạo đức trị dân và nguyện một lòng phụng sự Tam Bảo.

Chúng ta thường biết nguyên nhân đầu thai làm loài chó là do quá khứ gieo nhân các ác hạnh như tâm hỗn láo, ích kỷ, bòn sẻn, bo bo giữ của cho là "sở ngã" của mình như câu chuyện "Phật Độ Chó Dữ" sau đây đã minh họa:

Khi Phật còn tại thế, có ông trưởng giả nuôi con chó rất khôn, nhưng tánh nó rất hung dữ, thấy ai vô nhà thì đều muốn cắn. Thế nên khi ai muốn vô nhà ông thì phải đứng ngoài gõ kêu người trong nhà đưa vô thì mới khỏi bị cắn. Nếu không biết mà cứ đi vô thì bị chó cắn. Ông trưởng giả thương con chó lắm. Ăn thì cho ăn các thức ngon. Ngủ thì cho ngủ trên ván có nệm ấm. Mỗi khi ông đi đâu về thì nó mừng quần quít.



XUÂN MẬU TUẤT 2018

Mậu Tuất xuân lai chúc thái bình

Nhân ư chí thiện đắc tâm linh

Gia gia hiếu để gia gia thuận

Xứ xứ phong thuần xứ xứ minh.

Chúc cảnh đoàn viên đầy hạnh phúc

Chúc người trường thọ lại khương ninh

Chúc con hiền đạt tròn trung hiếu

Chúc cây trồng vào đảng chí linh.

thơ **TÂM CHỈNH**

Một hôm, ông đi khỏi, đức Phật khát thực ngang nhà ông. Con chó chạy ra sủa, muốn cắn trước và mắng rằng, "Nhà người kiếp trước tham lam, keo kiệt lại nham hiểm độc ác, tiếm của, nên phải đọa làm thân chó. Mà không biết ăn năn, hối cải, lại còn sân hận, hung dữ. Sau khi bỏ thân chó, phải bị đọa địa ngục, chịu khổ lâu dài." Chó nghe nói và nhớ lại kiếp trước của mình, nên liền chạy vô ván nằm, nhắm mắt, im lìm, thiêm thiếp. Ông trưởng giả về, không thấy con chó ra mừng, ông hỏi người nhà sao nay không thấy chó ra mừng. Người nhà nói, "Khi sáng có ông Sa môn Cù Đàm đi ngang, chó ra sủa. Sa Môn Cù Đàm nói gì với nó mà nó buồn ăn, bỏ uống, nằm thiêm thiếp." Ông trưởng giả nghe nói nổi giận, liền đi đến Phật để hỏi ra lẽ. Khi đến chốn Phật, ông nói, "Này, Sa môn Cù Đàm, ông dùng thủ thuật gì làm cho con chó của tôi bệnh, bỏ ăn? Nếu nó có hề gì, ông phải chịu trách nhiệm."

Phật nói, "Trưởng giả, ông hãy bình tĩnh, ngồi xuống đây nghe ta nói. Ông không biết con chó ấy chính là cha ông. Vì cha ông, khi

sinh tiền, không biết tu phước, tham lam, keo kiệt, và tiếc của nên phải đọa là chó.”

Khi nghe lời nói này thì ông trưởng giả lại càng nổi giận hơn. Ông nói, “Sa môn Cù Đàm căn cứ ở đâu mà nói như thế?”

Phật nói, “Nếu ông không tin, ông hãy về ngồi bên con chó mà nói “Này, cha thân, của cái cha chôn dấu ở đâu, cha chỉ cho con để con lấy lên làm phước và cầu siêu độ cho cha.”

Khi ông trưởng giả về nhà và làm như vậy, con chó vùng dậy, chạy ra sau nhà, đến gốc cây khế, lấy hai chân bươi đất lên. Ông trưởng giả chọ người đào lên, quả thật có một hũ vàng. Ông nửa mừng nửa tủi, đem số vàng đó cúng dường Phật và bố thí. Con chó, sau bảy ngày, thoát kiếp chó, sanh làm người. Ông trưởng giả và cả nhà quy y, kính tín ngôi Tam Bảo.

*Lỡ làm việc ác mất rồi
Chớ nên tiếp tục cuộc đời lầm sai.
Chớ vui với việc ác này
Tâm hay chứa ác có ngày khổ đau.*

Như vậy trong vòng luân hồi vô tận này, giữa chúng ta và các loài cho đến chúng sanh bảy loài (cõi trời, a-tu-la, cõi tiên, cõi người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục) đều có mối tương duyên tương quan lẫn nhau, vì thế chúng ta phải thương yêu và có trách nhiệm lẫn nhau, giữ giới không sát sanh đọa lạc, tránh ác làm lành để mình cùng các loài hạnh phúc. Ngoài việc bảo vệ nhân quyền, chúng ta còn phải bảo vệ nhân thú (quyền sống của thú vật) bởi lẽ duy trì mạng sống loài vật tức cũng là duy trì mạng sống của mình. Nếu chưa ăn chay được mà phải ăn mặn (non-veg), nên ăn theo ngũ tịnh nhục (*nghĩa không thấy, không nghe, không nghi và không bảo giết loài vật cho mình ăn thịt mà chết tự nhiên*), nên tránh luộc sống tôm cua ghe, nên tránh trực tiếp cắt cổ chó heo gà... vì như vậy là tâm lý các con vật rất khủng hoảng khi phải chết một cách đau đớn bởi sự hành hạ kéo dài (merciless killing) và từ đó, lòng hận thù thâm hiểm vào thịt, nếu chúng ta ăn thì tăng trưởng thêm lòng hận thù và giết dần mòn lòng từ bi thương yêu thú vật



Đệ tử Dog nhí và xâu chuỗi Bồ đề của Chùa Hương Sen

của mình.

Qua các kỹ thuật internet hiện đại hiện này, chúng ta đã thấy bằng mắt hầu hết súc vật đều có hệ thần kinh xúc giác và bộ não như con người. Chúng cũng biết nóng lạnh, biết vui buồn sợ hãi, tham sống và sợ chết. Khi sợ hãi, nhịp tim của chúng đập mạnh, áp suất máu lên cao, hơi thở hỗn hển, thậm chí nhiều con chó, con bò chảy nước mắt khi con người ý mạnh dùng dụng cụ cướp mạng sống loài kém phước yếu đuối của chúng. Con bò, con trâu, con chó đã biết quỳ gối, chảy nước mắt khi biết mình sắp bị giết thịt. Ăn thịt những loài động vật như chó mèo trâu bò có tình cảm và tánh linh giống con người sẽ khiến ta bị ảnh hưởng về cả tinh thần và thể chất và quả báo vô cùng đau thương, chúng sẽ theo ta đòi nợ hoài. Vô số các câu chuyện thực tế hàng ngày trong đời về hậu quả của các anh đồ tể heo, chó, trâu, bò, ngựa... là gương sáng cảnh tỉnh cho chúng ta.

Truyện Pháp Cú kể rằng thời Đức Phật còn tại thế, gần tinh xá có người đồ tể tên là Cunda sống bằng nghề mổ lợn. Mỗi lần giết lợn, ông ta trói thật chặt con vật vào cột và nện nó bằng một cây chày vuông, rồi banh hàm và rót nước sôi vào họng, kể đến đổ nước sôi lên lưng, làm tuột lớp da và thui lớp lông cứng bằng một bó đuốc. Cuối cùng, Cunda cắt đầu lợn bằng một thanh kiếm nhọn rồi xẻ thịt, lột da. Cunda đã sống bằng nghề mổ và bán thịt như thế gần hai mươi năm.

Vào cuối đời, Cunda mắc bệnh kỳ lạ, kêu eng éc, bò bằng hai tay và đầu gối. Người nhà kinh khiếp tìm mọi cách bịt miệng, chặn các cửa và nhốt ông ở trong nhà. Sau bảy ngày chịu sự đau khổ, kêu eng éc như lợn, Cunda qua đời. Ngay khi sống, cực hình địa ngục đã hiện ra với Cunda. Đức Phật nói sau khi chết, ông ta bị đọa vào địa ngục A Tỳ. Vì chút tiền bạc, vì chút cảm giác mỹ vị nơi miếng ăn mà Cunda đã tạo ác hạnh và bị ác quả.

Trong Kinh Mười Điều Lành, Đức Phật dạy rằng ai tha mạng sống cho loài vật và không phạm giới sát sanh thì trong hiện đời sẽ có mười điều lợi ích như:

*Được mọi người kính mến
Lòng từ bi mở rộng
Trừ được thói giận hờn
Luôn luôn mạnh khỏe
Tuổi thọ lâu dài
Thường được người tốt giúp đỡ
Ngủ ngon giấc và không gặp ác mộng
Trừ được các mối thù oán
Khỏi bị đọa vào ba đường ác
Sau khi chết được sinh lên cõi Trời.*

Có chuyện kể một bà già Tây Tạng sau khi trải qua bão tuyết mấy ngày trời liên tục, nhà đã hết lương khô, bà chống gậy lần xuống núi để mua thực phẩm. Dọc sườn núi, các nông trại, vườn rau, đồng lúa đều một màu trắng lạnh tang tóc không có sức sống. Quá đói và

mệt, bà ngồi xuống tảng băng để nghỉ chân và lúi trong giỏ khúc bánh mì khô cuối cùng ra để gặm. Chợt ngó lên, bà thấy một con chó đói đang lết bò đến gần bà. Nó lạnh run lập cập, lông của nó không đủ cho nó ấm. Bụng của nó xẹp lép vì quá đói, có ai ở đây đâu mà cho nó ăn. Bà vội cởi bớt một tấm vải choàng cũ trùm nó lại và khúc bánh mì, bà bẻ hai, chia đều để trước miệng nó một phần, bà một phần. Rồi cả bà già và con chó cùng nhau mỉm cười ăn ngon lành.

Câu chuyện chỉ đơn giản như vậy, nhưng ý nghĩa thật sâu sắc. Bà già thấy được mình và chó bình đẳng như nhau, nên dù đang đói, khúc bánh mì cũng sẵn sàng chia đôi, manh áo sẵn sàng bớt một cái. Nếu như tâm lý bình thường của mình, có thể chúng ta cho vị trí của con chó hay loài vật là thấp kém, nên dù có thương, cho nó ăn thì ta chỉ bẻ khúc đuôi và bẻ một ít thôi vì còn dành ngày mai mình ăn nữa chứ... Như thế lòng từ chúng ta có giới hạn, quá nhỏ nhen không? Cho nên, hãy tập như tâm hạnh của bà già này, thì trí tuệ giác tỉnh lý tánh của chúng ta sẽ đi một bước khá xa qua hạnh bố thí này.

Năm mới, Năm Chó-Mừng Xuân Mậu Tuất 2018, nguyện tình thương của chúng ta lan toả đến các loài bằng sanh đang có mặt trên khắp hành tinh này. Nguyện theo gương nhân-quả-hạnh của loài chó mà tử bộ ác hạnh, gieo trồng thiện hạnh, để hoa tánh thiện hiển bày. Nguyện các loài chó cùng pháp giới chúng sanh sớm thành Phật đạo.

Nam Mô Sanh Hỷ Địa Bồ Tát ma ha tát tác đại chứng minh.

Chùa Hương Sen, Cali,
ngày 01/01/2018

Thích Nữ Giới Hương

(huongsentemple@gmail.com)

- 1) Xem Vòng Luân Hồi, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức. 208, trang 6-29.
- 2) Ngũ hành là Đất, nước, gió, lửa và hư không.
- 3) Tứ tượng là Âm, dương, tinh thần và vật chất.
- 4) Xin xem cuốn Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm, TN Giới Hương, chương 5, trang 69-81.

MÔNG MỘT

*Ba mươi còn giấu câu mừng
Sáng nay mông một thơm lừng thiệp hoa
Bước chân về với mẹ cha
Con đường ấm chiếc nôi nhà, mẹ ơi...*

MÔNG BA

*Cẩn đôi hạt chữ nên lời
a,b,c... dẫn một đời. Bước đi
Một ngàn con chữ theo vì
Mùa xuân kết cỏ xin ghi. Thưa Thầy.*

* Có câu, Mông Một Tết Cha, Mông ba tết Thầy

BƯỚC XUÂN

*Ngày mọc thơm một nụ hồng
Này trời non một chồi xuân...*

*... Hình như ai đến vườn ta đây
Ngọn cỏ im hơi, bước đã gần...*

TRỜI ĐẤT THÁNG GIÊNG

*So dây trời đất, khây
Nảy một nhịp xuân tràn
Ô, tháng Giêng nào vậy.*

*Dọn lòng đi mới mẻ
Theo vòng quay đất trời
Ô tháng Giêng trắng lệ!*

*Trời nghiêng và đất mở
Chậm thôi đừng bồn chồn
Kéo võ tháng Giêng non*

*Nhẹ thôi đừng bồi rối
Gỡ từng phút giây tơ
Đi vào lòng nắng mới*

*Dọn lòng đi chan hòa
Đem nụ cười xuống phố
Chào nhau, tháng Giêng hoa.*

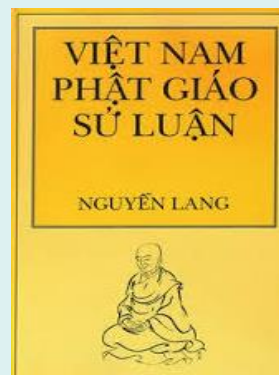


NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

THIỀN SƯ HƯƠNG HẢI

(Chương XXI, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



TỪ THIỀN TỈNH VIỆN ĐẾN ĐẠO TRÀNG NGUYỆT ĐƯỜNG

Trong lúc Chân Nguyên thiền sư đang chủ trì đạo tràng ở Long Động và Quỳnh Lâm thì tại lưu vực sông Xích Đằng tỉnh Hưng Yên, thiền sư Hương Hải cũng đang chủ trì một đạo tràng lớn: đó là đạo tràng của chùa Nguyệt Đường. Thiền sư Hương Hải vốn xuất gia tu học ở Đàng Trong, nhưng vì có sự hiểu lầm hờn giữa ông và chúa Nguyễn Phúc Tần nên ông đã lấy thuyền đi ra Đàng Ngoài để hành đạo.

Tài liệu về Hương Hải phần lớn được lấy từ trong sách *Kiến Văn Tiểu Lục* của Lê Quý Đôn. Hương Hải vốn là người làng Ang Độ huyện Chân Phúc (sau đổi là Chân Lộc rồi Nghi Lộc) tỉnh Nghệ An. Ông tổ bốn đời của thiền sư là Trung Lộc Hầu đã theo Doãn Quốc Công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ miền Nam từ giữa thế kỷ thứ mười sáu. Hương Hải sinh năm 1627 (*); ông vốn là người thông minh, năm mười tám tuổi đã đậu cử nhân và được tuyển vào làm trong phủ chúa Nguyễn. Sau đó ông được bổ đi làm tri phủ Triệu Phong, Quảng Trị. Năm hai mươi lăm tuổi ông được làm quen với một vị thiền sư Trung Hoa tên là Viên Cảnh lúc bấy giờ đang hành đạo tại Quảng Trị, và bắt đầu để thì giờ học hỏi về đạo Phật với thiền sư này. Ba năm sau, tức là năm 1655, ông từ quan xuất gia với Viên Cảnh, được thiền sư này đặt cho pháp danh là Huyền Cơ Thiện Giác, pháp tự là Minh Châu Hương Hải. Hương Hải còn được học Phật với một vị du tăng Trung Hoa khác tên là Đại Thâm Viên Khoan.

Sau đó ông lấy thuyền ra đảo Tiêm Bút La (tức là cù lao Đại Lãnh) ở biển Nam Hải, cắt tranh chặt tre làm một cái am ba gian để tu thiền. Ông ở đây được tám tháng; sau đó vì có những chướng ngại địa phương nên ông bỏ Tiêm Bút La; trở vào lục địa, về quê cũ là làng Bình An Thượng, phủ Thăng Hoa, định cất am tu ở đây. Nhưng dân chúng ở đảo Tiêm Bút La đã phái người đi tìm ông, thỉnh ông trở về đảo. Hương Hải và các đệ tử lại trở ra đảo, và trụ trì ở đây được tám năm, đạo hạnh được nghe biết khắp nơi. Quan trấn thủ Thuận quận công thỉnh ông về đất liền để tụng kinh cầu an cho phu nhân và để cho cả gia đình được quy y. Lễ quy

y xong ông lại trở ra đảo. Năm 1665, quan tổng thái giám Hoa Lễ Hầu lại cho thuyền ra thỉnh ông về đất liền để làm đàn tràng sám hối, cầu cho hết bệnh lao mà ông mắc phải trong ba năm. Chúa Nguyễn Phúc Tần nghe tiếng Hương Hải liền cho người đi đón. Lúc ông đến phủ, chúa ra đón vào, hỏi thăm, ủy lạo rồi truyền lập một thiền viện trên núi Quy Kính để ông ở, tên là Thiền Tĩnh Viện. Quốc Thái phu nhân và ba công tử là Phúc Mỹ, Hiệp Đức và Phúc Tộ đều đến quy y học đạo với ông. Các quan trong triều, nhân dân các tỉnh và những người trong quân ngũ đến xin quy y rất đông cả thảy hơn 1.300 người. Thiền Tĩnh Viện trở nên một trung tâm Phật Giáo nổi tiếng ở Đàng Trong.

Trong số những người đến quy y học Phật tại Thiền Tĩnh Viện có quan thị nội giám Gia quận công. Ông này vốn là người Đàng Ngoài, theo quân Trịnh vào Nam bị chúa Nguyễn Phúc Tần bắt, nhưng được chúa tha cho và cho vào dạy học trong phủ chúa. Ông đến Thiền Tĩnh Viện rất đều để nghe thuyết pháp. Có người ghét ông mới vu cáo cho ông là đang cùng thiền sư Hương Hải âm mưu trốn về Bắc. Chúa Nguyễn Phúc Tần nghi ngờ liền đem Hương Hải ra tra khảo, nhưng tra khảo không ra. Chúa bèn đưa ông vào Quảng Nam, cách Thuận Hóa ba ngày đường.

Vì sự đối đãi ấy của chúa Nguyễn, thiền sư Hương Hải mới quyết định ra Bắc thực. Năm 1682, ông chuẩn bị một chiếc thuyền cùng năm người đệ tử vượt bể ra Bắc. Thuyền ông ghé bến, ông đến trình diện ở đồn Trấn Lao với Yên quận công Trịnh Gia (*). Yên quận công báo về triều. Chúa Trịnh (có lẽ là Trịnh Căn mới lên thay Trịnh Tạc) cho Đường quận công mang thuyền vào đón hết thầy trò về kinh sư. Điều tra lý lịch của Hương Hải xong, Chúa Trịnh cho thầy trò ông tạm ở dinh trấn thủ Sơn Tây tám tháng, rồi đưa ông về dinh trấn thủ Sơn Nam. Chúa sai quan trấn thủ Sơn Nam lấy ba mẫu đất làm chùa cho Hương Hải. Đó là vào năm 1683, lúc ông đã được năm mươi sáu tuổi.

Những năm sống gió đã trôi qua, bây giờ có chỗ ở yên mới, Hương Hải mới nỗ lực tọa thiền. Suốt mười bảy năm ông chuyên tu và sáng tác. Ông chú giải các kinh, dịch và sáng tác bằng

tiếng Nôm hơn ba mươi tác phẩm truyền cho đời (65). Nhiều tác phẩm của ông chưa tìm lại được. Trong số những tác phẩm của ông, có những đề mục sau đây:

- *Giải Pháp Hoa Kinh*
- *Giải Kim Cương Kinh Lý Nghĩa*
- *Giải Sa Di Giới Luật*
- *Giải Phật Tổ Tam Kinh*
- *Giải A Di Đà Kinh*
- *Giải Vô Lượng Thọ Kinh*
- *Giải Địa Tạng Kinh*
- *Giải Tâm Kinh Đại Viên*
- *Giải Tâm Kinh Ngũ Chỉ*
- *Giải Chân Tâm Trực Thu-*

yết

- *Giải Pháp Bảo Đàn Kinh*
- *Quán Vô Lượng Thọ Kinh*

Quốc Ngữ

- *Phổ Khuyến Tu Hành*
- *Bảng Điều Nhất thiên*
- *Cơ duyên Vấn Đáp Tịnh*

Giải

- *Sự Lý Dung Thông, thơ*

Một số thơ kệ và thiền ngữ của ông được ghi lại trong chương *Thiền Dật* của sách *Kiến Văn Tiểu Lục*.

Năm 1700, Thiền sư Hương Hải rời chùa trấn thủ Sơn Nam về mở đạo tràng ở chùa Nguyệt Đường, tổng An Tảo, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Người bốn phương đi về cầu đạo không ngớt. Vua Lê Dụ Tông có lần đón ông về kinh, vời vào nội điện để lập đàn cầu tự và thuyết pháp. Vua rất tôn kính ông, thường hỏi ông về phương pháp tu đạo.

Năm 1714, chúa Trịnh Căn (*) có vào chùa Nguyệt Đường và cúng dường. Chúa có ngự đề bài thơ sau đây tại chùa Nguyệt Đường:

*Danh lam từng trái đã hay danh
Trình độ này ầu hợp chốn trình
Pháp giớioai chăm chăm tuyên diệu pháp
Kinh lâu rờ rở diễn chân kinh
Công nhiều nhà có công vô lượng
Thế thuận vậy lên thế hữu tình
Ngán tục chẳng hề mùi tục lụy
Lòng thiền tu cần chốn thiền quynh (66).*

Đệ tử xuất gia đặc pháp với Hương Hải rất đông. Thượng túc đệ tử là thiền sư Viên Thông, pháp tự là Chân Lý Đề Mật. Những người đệ tử cùng mang pháp tự có chữ *Chân* đứng đầu như Chân Lý Đề Mật có cả thầy là ba mươi người, có người được phong chức Tăng Thống. Đó là những pháp tử của ông. Còn những đệ tử thuộc hàng cháu, pháp đệ, mang pháp tự có chữ *Tính* thì không kể xiết.

Năm Ất mùi (1715), sáng ngày 13 tháng 5, sau khi tắm, thiền sư Hương Hải khoác y, đội mũ, đeo tràng hạt, ngồi kiết già, mà tịch, thọ 88 tuổi (*): Thiền sư Phương Trượng xây bảo tháp ba tầng để thờ ông.

Năm 1724, chúa Trịnh Cương truyền mở

rộng phạm vi chùa Nguyệt Đường vì cơ sở hành đạo này đã trở nên chật hẹp. Lúc bấy giờ thiền sư Như Nguyệt, pháp tử của Hương Hải, đứng ra chủ trương sự xây cất, Chúa Trịnh Cương cho đo đất xung quanh chùa, thêm vào hơn năm mươi mẫu. Công tác xây dựng kéo dài trong nhiều năm mới hoàn tất.

CON NGƯỜI CỦA HƯƠNG HẢI

Hương Hải có căn bản Nho học trước khi xuất gia, vì vậy ông vẫn thường nói đến Nho giáo như là một nền học bổ túc được cho Phật Giáo về phương diện trị thế:

Lên tận nguồn Nho trông bát ngát

Vào sâu biển pháp thấy minh mông

(Nho nguyên đấng đấng đấng đi khoáng

Pháp hải trùng trùng nhập chuyển thâm)

Ông ra đời năm mười tám tuổi, xuất gia năm hai mươi tám tuổi mà mãi đến năm năm mươi sáu tuổi mới có chỗ yên thân để thực hiện sự tu tập. Chính từ năm 1683 đời ông mới hết sóng gió, và ông rất biết ơn đất Đàng Ngoài đã cho ông khung cảnh thanh tịnh để tu học:

Sư tử nằm hang sư tử

Cây trầm mọc trong rừng trầm

Một thân nhờ có càn khôn rộng

Ngày dài tháng rộng đã an tâm.

(Sư tử quật trung sư tử

Chiên đàn lâm lý chiên đàn

Nhất thân hữu lại càn khôn khoáng

Vạn sự vô ưu nhật nguyệt trường)

Tuy vậy, ông vẫn có khi nhớ nhà, nhớ làng, nhớ nơi mình sinh trưởng và lớn lên, nghĩ rằng nhiều kẻ đã không hiểu được sự ra đi của mình:

Là thị là phi ai có biết

Rằng xuôi rằng ngược lẽ trời hay

Chá cô khúc ấy (67) ca đầy núi

Tướng nhạc người Hồ mười tám giây.

(Hoặc thị hoặc phi nhân mạc thức

Thuận hành nghịch hành thiên mạc trắc

Mãn sơn nhân xứng Chá cô từ

Thác nhận Hồ gia thập bát phápch)

Bồ Đàng Trong ra Đàng Ngoài lại còn bị chúa Trịnh bắt về địa hình sông núi Thuận Quảng, Hương Hải nghĩ rằng sẽ có một số người chê trách. Ông cho rằng người quân tử có thể hiểu mình còn kẻ tiểu nhân có thể không hiểu mình. Người ta không hiểu mình, càng chê bai cộng kích mình thì đức độ mình càng thêm dày. Ông viết trong *Sự Lý Dung Thông*:

Cao nhân chi có nở hiềm

Thanh trần hủy sự càng thêm đức dày.

Tuy vậy, niềm vui của sự bình an vẫn lớn. Ông cho sự trở về Đàng Ngoài của ông với các đệ tử như là một cuộc đoàn viên:

*Bể lâu lâu trời thanh nguyệt sáng
Hội muôn thiêng một áng đoàn viên
Tổ lòng Đông độ, tẩy thiên
Gần xa đầm âm, hương thiền nức xông.
(Sư Lý Dung Thông)*

và khi mùa xuân đầu tiên ở đất Bắc về, ông đã không ngần ngại ca tụng cảnh thịnh trị ở Đàng Ngoài (68).

Thơ ngâm vịnh và thù tạc của thiền sư Hương Hải với các nhà chính trị không phải là phần xuất sắc trong sáng tác của ông. Có lẽ lòng của thiền sư không mấy thiết tha đến những chuyện ngâm vịnh thù tạc ấy. Ông đi tu vì đã chán cảnh quan quyền, cho nên đi lại với quan quyền là chuyện bất đắc dĩ. Thời gian ông đi tu là thời gian mà nhiều chuyện lộn xộn bạo động xấu xa xảy ra trong phủ chúa Nguyễn. Phu nhân của vị trấn thủ Quảng Nam Nguyễn Phúc Kỳ là Tống thị, sau khi chồng mất, đã đem nhan sắc mê hoặc hai người em chồng là chúa Nguyễn Phúc Lan và chú ông Nguyễn Phúc Trung. Tống thị lợi dụng thế lực chúa, bóc lột dân đem về làm của riêng, tích trữ tiền của như núi, làm các bậc công khanh đều tức giận. Chúa lại hay giận dữ, hiểu sát; từng sai chém nhiều người bỏ thây giữa chợ, không cho tra hỏi; kẻ chết oan rất nhiều. Chú ông Nguyễn Phúc Trung sau khi chúa Nguyễn Phúc Lan chết, lại nghe lời Tống thị âm mưu đảo chính, giết chúa Nguyễn Phúc Tần. Cơ mưu bị vỡ lở, biết bao người bị liên lụy. Tình trạng đó đã ăn sâu vào trí óc của viên tri phủ trẻ tuổi; thêm vào đó sự nghi kỵ và đối xử tệ bạc của chúa Nguyễn Phúc Tần đối với vị cao tăng mà trong triều, ngoài nội, thiên hạ từng quý y hàng ngàn người, đã khiến cho Hương Hải mất hẳn tình cảm với chế độ Đàng Trong.

(còn tiếp)

(*)*Kiến văn tiểu lục* cho biết năm Giáp ngo (1714) niên hiệu Vĩnh Thịnh, Hương Hải thiền sư 87 tuổi. Theo cách tính tuổi ta thì ông phải sinh năm Mậu thìn (1628) niên hiệu Vĩnh Tộ thứ mười đời Lê Thần Tông (**N.H.C**)

(*)*Hương Hải thiền sư ngữ lục* (VHv. 2379) và *Đại Việt sử ký tục biên* (bản dịch của Ngô Thế Long và Nguyễn Kim hưng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991) đều ghi tên là Trịnh Liễu. Còn *Việt sử thông giám cương mục* là Trịnh Diễm, và *Kiến văn tiểu lục* là Trịnh Na (**N.H.C.**)

(65) Theo *Kiến Văn Tiểu Lục*. Theo Thích Trí Hiếu, thì số tác phẩm của Hương Hải là hai mươi cuốn (*Đuốc Tuệ*, số 7, ra ngày 21.1.1936, Hà Nội).

(*) Thực ra, Trịnh Căn đã chết từ năm 1709. Vì thế người đến thăm chùa Nguyệt Đường phải là Trịnh Cương, lên năm phủ Chúa trong những năm 1709-1729 (**N.H.C**)

(66) Bài thơ do Thiền sư Thích Trí Hiếu, trú trì chùa Xích Đằng Nguyệt Đường cho đăng

trong *Đuốc Tuệ* số 7, ra ngày 21.1.1936, Hà Nội).

(*) Theo *Kiến văn tiểu lục*, Hương Hải Thiền sư chết ngày 12 tháng năm năm Ất mùi (1715) (**N.H.C**).

(67) *Chá Cô Khúc* là một điệu hát vui giọng Nam ở Cổ Nhạc Phủ, khiến người miền Nam ở đất khách mỗi khi nghĩ lòng nhớ nhà. Thơ Hoàng Đình Kiên có câu:

Trong nhà có khách Giang Nam viếng
Đừng hát Chá Cô theo gió xuân.

(*Tọa thượng nhược hữu Giang Nam Khách
Mạc hướng xuân phong xướng Chá cô*)

(68) Thích Trí Hiếu có cho in trong tập san *Đuốc Tuệ* số 7, ra ngày 21.1.1936, hai bài thơ của Hương Hải, một bài ngâm vịnh cảnh xuân, một bài đề tặng quan trấn thủ Sơn Tây.

Sau đây là hai bài ấy, không thấy chép trong *Kiến Văn Tiểu Lục*:

*1. Tam dương khai thái chuyển hồng quân
Cửu thập thiểu quang sắc sắc tân
Đại tính thanh phong chiêu ngọc lộ
Nhật tinh thụ khí ái tử vân*

*Sơn cao lâm thụ hy kỳ mỹ
Bình địa viên hoa phúc úc huân
Xử xử nghênh trường ca vạn thọ
Nhân nhân hòa mục vinh thiên xuân.*

*2. Hướng minh quy mệnh sự quân vương
Yết kiến tôn công khánh thọ đường
Tài dụng kinh luân kim đức hạnh
Ân thi lễ nghĩa quý văn chương*

*Ngoại trừ đạo tặc bình dân ái
Nội dưỡng chính liêm sĩ tốt cường.
Quyền trấn Nam giao danh tứ hải.
Khuông phủ quốc chính lạc quần phương.*



TÌM PHẬT

Ngọc Bảo



Kể từ khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo đã thốt lên rằng: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”... biết bao người đã nguyện đi theo con đường của Ngài, cầu thành Phật đạo để giải thoát cho mình và cho người. Bao nhiêu kinh sách để lại, dù khác hình thức nhưng nội dung tựu trung cũng xoay quanh ý chính là, trong con người phàm phu của chúng ta đã có sẵn tính Phật, và làm sao khai triển và ngộ nhập được tính Phật ấy. Vậy thế nào là Phật? Người ta thường định nghĩa Phật như là người đã giác ngộ, có đầy đủ đức hạnh và trí tuệ thâm sâu, đã xa lìa mọi ác nghiệp phiền não, không còn phải trôi lăn trong luân hồi sinh tử v.v... Nhưng khi đi tìm Phật của chính mình thì thật là mỏng lung, như lạc vào một cõi mơ hồ không có ranh giới, không có gì xác định rõ ràng. Bởi vì tâm là cái gì biến động không ngừng, như giòng nước mãi mãi lưu chuyển, như bầu trời linh chợt nắng chợt mưa. “Tâm tức là Phật”, câu nói bất hủ của cổ đức từ ngàn xưa để lại: “Tức Tâm Tức Phật” – nhưng làm sao nhận ra Phật trong tâm, khi muôn ngàn ma chướng vẫn còn vây bủa trong những vọng niệm trùng trùng, khi những cảm tính phan duyên còn bị lôi kéo trong sự quyền rũ của sắc thanh hương vị xúc pháp?

Việc chính của người tu là giác ngộ tánh Phật có sẵn, để có thể tự độ độ tha, tự giác giác tha. Nhưng thật khó mà đoán biết được thế nào là giác ngộ thực sự, bởi vì đó là điều không thể nghĩ bàn, không lời nào có thể diễn tả, không lý lẽ nào có thể luận ra được. Làm sao định nghĩa được cái không hình không tướng, không thanh không sắc, lúc ẩn lúc hiện? Tuy nhiên, dù kinh nghiệm giác ngộ có thể khác nhau, nhưng bản chất con người về thể chất cũng như tinh thần đều được cấu tạo như nhau, vì vậy, từ xưa người ta thường tìm đến những bậc cao tăng đạt đạo để xin khai thị, hoặc ẩn chứng cho sự giác ngộ của mình. Những lời nói trao đổi danh tiếng giữa các bậc thiền sư và đệ tử đã được lưu truyền lại cho đến ngày nay, những câu hỏi vượt giòng thời gian có vẻ như ngây ngô, và câu trả lời dường như cũng vô nghĩa không kém, là một thách đố khiến cho kẻ hậu học phải miệt mài suy nghĩ, nghiền ngẫm những câu đó trong tâm, sống với chúng như bóng với hình, để rồi đến một ngày nào đó, khi duyên tới, mọi sự chợt hoá nhiên sáng tỏ...

Gần đây, có người gởi cho tôi bài thơ với

những lời chú thích mang tính Thiền, và nhờ giải thích ý nghĩa đạo Phật trong những lời chú thích đó. Xin được ghi lại nơi đây, và những ý kiến thô thiển mạn bàn ở dưới để cùng chia xé.

Ngọc Bảo

Đạo:

*Thân mang ngọc báu nào hay,
Khắp nơi khổ sở loay hoay kiếm tìm.*

Cóc cuối tuần:

飲月

雲逃玉兔展妍容,
一隻漁舟水上衝。
老鷺恹恹尋暮鼓,
殘燈苦苦望晨鐘。

庭前樹折人亡蔭,
火裏冰消佛隱蹤。
酌酒盲翁三盞喫,
不知飲月自杯中。
陳文良

Âm Hán Việt:

Âm Nguyệt

Vân đào, ngọc thỏ triển nghiên dung,
Nhất chỉch ngư châu thủy thượng xung.
Lão vụ không không tầm mộ cổ,
Tàn đăng khổ khổ vọng thần chung.
Đình tiền thụ chiết, nhân vong ẩm,
Hỏa lý băng tiêu, Phật ẩn tung.
Chước tửu, mạnh ông tam trản khiết,
Bất tri âm nguyệt tự bôi trung.
Trần Văn Lương

Dịch nghĩa:

Uông Trăng

Mây chạy trốn, con thỏ ngọc (trăng) bày ra khuôn mặt đẹp dễ,
Một chiếc thuyền câu xông pha trên nước.
Con vịt trời già ngu ngơ tìm (tiếng) trống chiều,
Ngọn đèn tàn buồn bã trông đợi (tiếng) chuông sớm.
Cái cây trước sân (bị) đổ, người mất bóng mát, (1)
Cục nước đá trong (lò) lửa (bị) tan, Phật

ẩn giấu tung tích. (2)

Rót rượu, ông lão mù uống (luôn) ba chén, (3)

Chẳng biết rằng (mình) đang uống trắng từ trong chén.

Chú thích:

Thụ (1) *Vô Môn Quan*, tấc 37: Đình Tiền Bách

Cử:

Một ông tăng hỏi Thiền Sư Triệu Châu:

- Y Tổ sư từ Tây sang là gì? (**Hán văn:**

Như hà thị Tổ sư Tây lai ý)

Triệu Châu đáp:

- Cây bách trước sân. (**Hán văn:** Đình tiền bách thụ tử)

Lời Bình của Vô Môn Huệ Khai:

Nếu thấy rõ được chỗ trả lời của Triệu Châu thì trước không có Thích Ca, sau không có Di Lặc.

Bài Tụng của Vô Môn Huệ Khai:

Ngôn vô triển sự,

Ngữ bất đầu cơ.

Thừa ngôn giả táng,

Trê cú giả mệ.

Trần Tuấn Mẫn dịch:

Lời không tả chuyện,

Tiếng chẳng hợp duyên.

Đeo lời mất mạng,

Vướng câu tối lòng.

(2) *Pháp Bảo Chư Tổ*, Thượng Tọa Thích Minh Nhật biên soạn (http://www.thuongson.net/phap_baochuto.htm):

Bài tụng của Trường Khánh Huệ Lăng:

Vạn tượng chi trung độc lộ thân

Duy nhân tự khẳng nãi vi thân

Tích thời mậu hướng đồ trung mịch

Kim nhật khản như **hỏa lý băng**

Bài dịch của TT Minh Nhật:

Chính nơi tâm thức bày một thân

Chỉ người tự nhận mới là gần

Lúc xưa lằm hướng ngoài đường kiếm

Giống tờ băng trong lửa cháy rần.

Lời Luận của TT Minh Nhật:

Muốn an lành hãy quay về tâm thức và thật lắng lòng. Muốn lắng lòng thì đừng hướng ngoại tìm kiếm sự an lành. Hướng ngoại tìm an lành nếu có, sẽ mất nhanh ngay, giống như nước đá đưa vào lửa sẽ tan biến mất.

(3) *Vô Môn Quan*, tấc 10: Thanh Thoát Cô Bần

Cử:

Ông tăng thưa với Hòa thượng Tào Sơn:

- Thanh Thoát nghèo đói, xin Sư giúp đỡ.

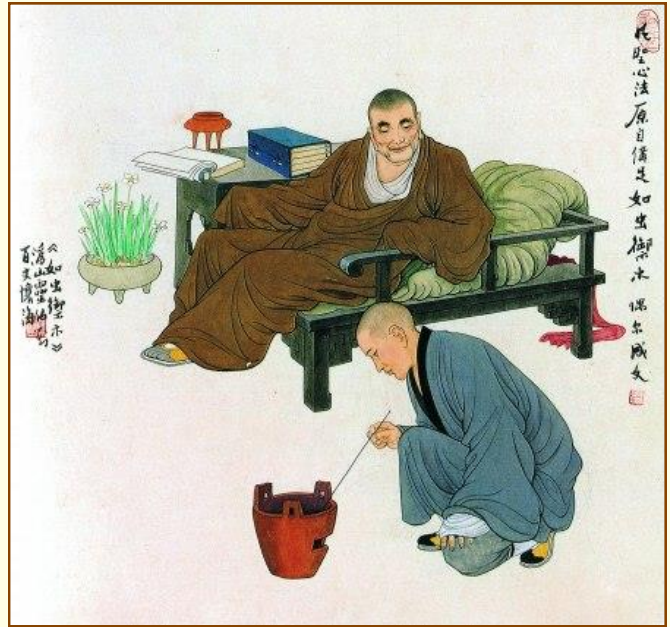
Tào Sơn gọi:

- Thầy Thoát!

Tăng đáp:

- Dạ.

Tào Sơn bảo:



- Rượu nhà họ Bạch ở Thanh Nguyên, uống xong ba chén mà sao còn bảo chưa dính môi?

Lời Bình của Vô Môn Huệ Khai:

Thanh Thoát trình cơ như vậy, tâm ý là sao? Tào Sơn sáng mắt, biết ngay thâm ý. Tuy nhiên như vậy, đâu là chỗ thầy Thoát uống rượu?

Phỏng dịch thơ:

Uống Trắng

Trắng thu rở rở tổng mây bay,

Một bóng thuyền câu nhỏ quắt quay.

Vịt nhỏ trống chiều, day dứt kiếm,

Đền mong chuông sớm, ngheen ngào lay.

Trước sân cây đổ, tâm không hiện,

Trong lửa tuyết tan, Phật chẳng bày.

Ông lão mù luôn tay cạn chén,

Vô tình nuốt vện mảnh trắng say.

(Trần Văn Lương - Cali, 5/2017)

Lời bàn của Phi Dã Thiền Sư :

Đừng trách ông lão mù uống trắng mà không biết. Hầu hết chúng sanh nào có khác gì! Ai cũng mang châu báu vô giá trong mình mà không biết để phải chịu cơ khổ rách rưới. (*)

Hỡi ơi! Bính Đình đồng tử đến xin lửa! (**)

Ghi chú:

(*) *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* (gọi tắt là *Pháp Hoa*), quyển 4, phẩm thứ 8: Ngũ Bá Đề Tử Thọ Kỳ (Bản dịch của Tỳ kheo Thích Trí Tịnh):

8. Bấy giờ, năm trăm vị A-la-hán ở trước Phật được thọ ký xong, vui mừng hơn hờ liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật, đầu mặt lay chân Phật ăn năn lỗi của mình mà tự trách : Thế-Tôn ! Chúng con thường nghĩ như vậy, tự cho mình đã được rốt ráo diệt độ, nay mới biết đó là như người vô trí. Vì sao? Chúng con đáng

được trí huệ của Như-Lai mà bèn tự lấy trí nhỏ cho là đủ.

Thế-Tôn! Thí như có người đến nhà bạn thân say rượu mà nằm, lúc đó người bạn thân có việc quan phải đi, lấy châu báu vô giá cột trong áo của gã say, cho nó rồi đi. Gã đó say mềm đều không hay biết, sau khi dậy bèn dạo đi đến nước khác, vì việc ăn mặc mà phải gắng sức cầu tìm rất là khổ nhọc, nếu có được chút ít bèn cho là đủ.

Lúc sau người bạn thân gặp gỡ thấy gã bèn bảo rằng: "Lạ thay! Anh này sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này. Ta lúc trước muốn cho anh được an vui tha hồ thụ năm món dục, ở ngày tháng năm đó, đem châu báu vô giá cột vào trong áo anh nay vẫn còn đó mà anh không biết, lại đi nhọc nhằn sầu khổ để cầu tự nuôi sống thực là khổ lắm; nay anh nên đem ngọc báu đó đổi chắc lấy đồ cần dùng thì thường được vừa ý không chỗ thiếu thốn.

(**) *Bích Nham Lục*, tấc 7: Huệ Siêu Văn Phật

Trích lời Bình của Viên Ngộ Khắc Cần:
(Bản dịch của Thiền Sư Thích Mãn Giác)

... Cũng như ông tăng giám viện Tắc tuy ở trong chúng hội của Pháp Nhãn song chưa từng xin nhập thất. Một hôm Pháp Nhãn hỏi ông ta, "Tại sao viện chủ không nhập thất?" Tắc đáp, "Hòa thượng không biết là hội ở với Thanh Lâm đệ tử có chứng được đôi chút sao?" Pháp Nhãn nói, "Ông thử kể lại cho tôi nghe xem." Tắc nói, "Đệ tử hỏi Phật là gì?" Thanh Lâm nói "Bính Đình đồng tử đến xin lửa." Pháp Nhãn nói, "Lời hay lắm song tôi e rằng ông hiểu lầm. Thử nói gì nữa xem sao." Tắc nói, "Bính Đình là lửa, lấy lửa mà đi tìm lửa. Cũng như đệ tử đã là Phật rồi lại còn đi tìm Phật". Pháp Nhãn nói, "Quả nhiên là giám viện hiểu lầm rồi." Tắc không vui mới thu dọn hành trang bỏ qua sông. Pháp Nhãn nói: "Người này nếu trở lại thì còn cứu được, nếu không trở lại thì không cứu được nữa." Đến giữa đường Tắc tự suy gẫm: "người này là bậc thiện tri thức của năm trăm người, chẳng lẽ ông ta lại lừa mình sao?" Bèn trở lại, vào tham kiến Pháp Nhãn. Pháp Nhãn nói, "Ông cứ hỏi đi, tôi sẽ trả lời cho." Tắc hỏi, "Phật là gì?" Pháp Nhãn nói, "Bính Đình đồng tử đến xin lửa." Nghe lời ấy Tắc bèn đại ngộ.

Câu hỏi: Xin cho biết ý nghĩa Phật giáo qua những chú thích.

Mạn bàn:

Những bài thơ này dùng ngôn ngữ Thiền, lấy từ điển tích các công án Thiền. Ngôn ngữ Thiền là một ngôn ngữ đặc biệt, không thể lấy lý lẽ ra suy luận được. Vì đó là những lời nói khai thị, từ tâm truyền qua tâm giữa thầy và trò chứ không phải những lời nói bình thường. Trong pháp môn Thiền của đạo Phật có pháp tu



"quán công án". Công án là tuyển tập những câu đối đáp nổi tiếng giữa thầy trò các vị đã đắc đạo ngày xưa với mục đích khai ngộ. Một câu nói mà khai ngộ được, tức là "trò" đã trải qua bao nhiêu công phu tu tập rồi, như ấm nước sắp sôi, chỉ chờ thêm tí lửa là sôi. Tâm của trò lúc đó cũng gần ngang với thầy, cùng tần số với nhau nên lời nói chỉ là phương tiện, tùy duyên lúc đó mà nói, như thấy cây tùng thì chỉ cây tùng, đang ôm bao gạo thì chỉ bao gạo vậy thôi. Người học đạo sau này tham cứu công án để học kinh nghiệm của người xưa, may ra cũng được khai ngộ phần nào - dĩ nhiên cũng phải qua một quá trình tham thiền lâu dài mới được. Bộ công án nổi tiếng nhất là "Bích Nham Lục" (100 công án) và Vô Môn Quan (48 tấc).

Muốn hiểu ý chính của Thiền và công án, ta phải hiểu ý chính của đạo Phật. Đạo Phật lập ra là vì Đức Phật đã tìm được con đường thoát ly khỏi những cái khổ của kiếp người trong vòng luân hồi sinh diệt, sinh lão bệnh tử. Làm sao có thể tự giải thoát được cho mình? Bằng cách nhận ra "tánh Phật" vốn luôn thường trú nơi mình, không có khởi đầu không có chấm dứt, không sinh không diệt. Tánh Phật ấy không có tướng, như hư không, không thể thấy được, cũng không thể dùng lý luận suy nghĩ mà đoán ra được, chỉ có thể cảm nhận bằng trực giác. Sự nhận ra tánh Phật bằng trực giác ấy gọi là "giác ngộ". Sở dĩ mình có tính Phật mà không biết, hay không nhận ra được vì đầu óc lúc nào cũng suy nghĩ lung tung, vọng tưởng đủ thứ, lúc nào cũng bị lôi cuốn theo cảnh, theo những điều ham muốn v.v.. Vì tất cả những thứ đó che lấp nên không thấy được tánh Phật của mình, gọi là "vô minh". Không thấy nên gọi là "mù" nhưng có mù thật không? Chỉ vì bị che lấp mà không thấy thôi, chứ khả năng thấy vẫn có đó. Nên ví như "ông già mù uống trắng mà không biết".

Trong kinh Liên Hoa nói đến gã cùng tử con nhà giàu mà không biết mình giàu, có ngọc trong túi áo mà đi lang thang khắp nơi xin ăn. Ngọc trong túi áo dụ cho tánh Phật, gã cùng tử dụ cho phàm nhân chúng ta lang thang khắp

sáu nẻo luân hồi mà không biết mình đã có Phật sẵn ở trong. Vì sao gọi là ngọc báu? Vì khi giác ngộ tánh Phật rồi, ta sẽ có trí tuệ bao la rộng lớn (trí bát nhã ba la mật) thấy rõ mọi sự thực hư mà xa rời ác nghiệp, đoạn trừ phiền não, tự tại sinh tử. Không có tiền bạc châu báu nào trên thế giới này có thể mua được điều ấy. Có giàu nhất thế giới cũng vẫn không thoát được cái khổ của con người. Cho nên tánh Phật còn hơn cả ngọc báu - và tất cả mọi người chúng ta đều có sẵn ngọc báu, nhưng một khi còn chưa nhận ra được tánh Phật của mình thì vẫn còn nghèo, còn khổ rách áo ôm như gã cùng tử. Các thiền sư thường tự nhận mình là nghèo, nhưng đó không có ý nghĩa là nghèo vật chất. Một khi vẫn còn nghèo, vẫn còn "mù", tâm còn chướng ngại thì không thể tự coi mình đã là Phật. Phải qua một quá trình tu tập đến lúc "chín muồi" thì chỉ cần một câu nói khai thị đúng lúc là giác ngộ được. Cho nên cùng một câu nói, mà lúc Thanh Lâm nói "Lửa (bính đỉnh) đến xin lửa," ông tăng giám viện Tắc không hiểu, cho mình đã là Phật mà còn đi tìm Phật là sai, nhưng sau này Pháp Nhãn cũng dùng đúng câu nói ấy lại khai thị được.

Giác ngộ tánh Phật tuy không dễ, nhưng không phải là điều không thể được, vì tánh Phật vẫn luôn luôn ở đó, không được không mất. Muốn thấy Tánh trước hết phải tập nhìn thấy tâm. Cho nên ngôn ngữ Thiền dù nói lung tung những điều khó hiểu, nhưng cũng không ra ngoài ý nghĩa "giác ngộ tánh Phật" (trước chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật). Người nào đã uống nước mới biết nước nóng hay lạnh, còn không thì dù nói gì cũng không biết nước nóng hay lạnh ra sao. Những người đã trải qua cùng kinh nghiệm, không cần phải nói gì nhiều vẫn có thể hiểu nhau được. Sự ấn chứng giác ngộ là thế.

Nhưng nếu không Thiền, có thể nào giác ngộ được không? Đạo Phật có muôn vàn pháp tu, tất cả mọi con đường đều đi đến một cứu cánh. Niệm Phật tới nhất tâm bất loạn là thiền. Tâm thiền là gì? Là tâm Không, không bị vọng tưởng điên đảo làm chướng ngại, dù ở ngay trong niệm vẫn là vô niệm. Giác ngộ tánh Phật chính là giác ngộ tánh Không vậy.

Vài lời mạn bàn, tuy thô thiển nhưng hi vọng cho thấy một cái nhìn thoáng qua về những nét linh động trong sự tu tập thiền, qua sự lý giải những điều thâm diệu khó thể lý giải, ở ngay trong những sinh hoạt đời sống hàng ngày.

NB



ĐẦU MÙA XUÂN MỘT MÌNH RONG CHƠI THẤY CHIỀU TÀN, CHỢT NHỚ THỜI CŨ

*chiều ngồi lặng trên đồi
trông mây bay viễn xứ
trời đất đang vào xuân
lá hoa tung bừng nở*

*đời qua như mây bay
hoa rơi hồng lối nhỏ
khơi vọng sắc năm xưa
thảng thốt lòng thương nhớ*

*trầm vang lời cổ thi
chiều như thơ Yên Đỗ
đàn ngỗng nào về qua
hoa vàng bên giậu cũ*

*trông vời phương trời xa
chiều tan cùng bóng tối
khói sóng mờ trên hồ
đường về mù mịt lối*

*nghe ngao khúc sầu ca
bóng dài nghiêng hè phố
lời hát thừa nào xưa
thoáng về trong tiếng gió*

*dừng chân góc đường này
nhìn trời nhòa sương bay
vàng sao xưa mù khuất
bàng hoàng lòng như say.*

thơ

BUI NGOC TUAN

TẠI SAO TỤNG THẤT GIÁC CHI ĐỂ CHỮA BỆNH, CẦU AN?

Chúc Phú

Theo lời Phật dạy, người xuất gia không những giúp nhau trong cuộc sống đời thường mà còn phải lần mẫn khi bệnh tật, ốm đau (1). Sự kiện Đức Phật cùng chúng tăng thăm tỷ-kheo đang lâm bệnh và sau đó thuyết giảng, cầu nguyện cho vị này thường xuất hiện trong nhiều bản kinh. Ba bản kinh đều mang tên kinh *Bệnh* trong *Tương Ưng Bộ* là những ví dụ tiêu biểu.

1. Từ ba bản kinh *Bệnh* trong *Tương Ưng Bộ*.

Trong kinh *Tương Ưng Bộ*, có ba bản kinh nằm trong chương *Tương Ưng Giác Chi* đều mang tên kinh *Bệnh*, với số hiệu S.v,79; S.v,80; S.v,81 (2). Bài kinh thứ nhất liên quan đến tôn giả Mahā Kassapa, bài kinh thứ hai dành cho tôn giả Mahā Moggallāna và bài kinh thứ ba liên quan đến Đức Phật và tôn giả Mahā Cunda. Để tiện việc khảo sát, chúng tôi xin dẫn nguyên văn bài kinh thứ nhất.

Bệnh (1) (S.v,79)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, rừng Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahā Kassapa trú ở hang Pipphalī, bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh.

3) Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahā Kassapa; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

4) Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahā Kassapa :

- Này Kassapa, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiểu, không có tăng trưởng?

- Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu. Có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu.

5) - Này Kassapa, bảy giác chi này do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến

thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Xả giác chi, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Bảy giác chi này, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

- Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiện Thệ, chúng là giác chi.

6) Thế Tôn thuyết như vậy, Tôn giả Mahā Kassapa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Và Tôn giả Mahā Kassapa được thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Tôn giả Mahā Kassapa được đoạn tận như vậy.

Về bài kinh *Bệnh* thứ ba (S.v,81), theo kinh *Tương Ưng* thuộc văn hệ Nikāya, khi Đức Phật bị bệnh, đã nghe tôn giả Mahā Cunda đã thuyết thất giác chi (*satta bojjhaṅgā*), sau khi nghe xong thì Đức Phật đã lành bệnh.

Trong bài kinh thứ ba này, sau khi khảo chứng và đối chiếu bản kinh tương đương trong Hán tạng (3), chúng tôi đã chứng minh điều ngược lại. Tức tôn giả Mahā Cunda bệnh, Đức Phật ghé thăm và dạy tôn giả Mahā Cunda tự mình thuyết thất giác chi, sau khi nghe xong, tôn giả Mahā Cunda đã lành bệnh (4).

Do vì ba bản kinh trên đều chuyên chở cùng một nội dung mang tính công thức: *bị bệnh -> nghe thất giác chi -> lành bệnh* nên đã được một số truyền thống Phật giáo Nam truyền, xem ba kinh này như những bản kinh mang tính cầu an cho những người bệnh tật. Đặc biệt, dựa vào chi tiết Đức Phật cũng lành bệnh nhờ nghe thất giác chi ở bản kinh *Bệnh* thứ ba (S.v,81) trong kinh *Tương Ưng Bộ*, nên cả ba bản kinh này được các nhà biên tập kinh tạng Nikāya tinh tuyền vào nhóm 24 *Hộ kinh* (Paritta Sutta) với chức năng đem đến bình an, bảo hộ sức khỏe (5).

Như vậy, với Phật giáo nói chung, phải chăng mỗi khi bệnh tật thì chỉ cần trì tụng ba bản kinh có nội dung thất giác chi này, hay cần phải vận dụng nhiều phương cách trị liệu khác?

Khảo sát kho tàng kinh điển và luật tạng cho thấy, ngoài việc trì tụng thất giác chi trong khi bệnh tật, Đức Phật đã mở ra

những phương cách điều trị bệnh tật mang hiệu quả thiết thực, và vẫn còn giá trị ứng dụng trong thời đại hôm nay.

2. Các điều kiện trị liệu bệnh tật trong kinh điển Phật giáo.

Từ những giáo huấn của Đức Phật liên quan đến vấn đề bệnh tật và sức khỏe đã cho thấy, Đức Phật là bậc y vương đứng nghĩa của từ nguyên. Khảo sát về các điều kiện, liệu trình điều trị bệnh tật trong kinh điển và luật tạng đã chứng tỏ điều này.

2.1 Ba điều kiện để điều trị bệnh tật.

Theo kinh *Tăng Chi* (A.i,120), để điều trị bệnh tật thành công, cần phải hội đủ ba điều kiện. Thứ nhất là dược liệu (*Bhesajja*). Thứ hai là thức ăn (*Bhojana*). Thứ ba là người điều trị, chăm sóc (*Upaṭṭhāka*) (6). Yêu cầu quan trọng là cả ba yếu tố này phải phù hợp (*Sappāyā*) với bệnh tình, thể tạng, hoàn cảnh cụ thể của bệnh nhân. Trong khi thăm bệnh, Đức Phật cũng như các vị tăng thăm bệnh thường quan tâm đến ba việc này. Trường hợp ngài Sāriputta thăm bệnh tôn giả Channa (S.iv,55) là một ví dụ tiêu biểu (7). Ở đây, trong ba điều kiện này, thì điều kiện về người điều trị, chăm sóc có một vai trò quan trọng.

Cũng theo kinh *Tăng Chi* (A.iii, 144) (8), một người chăm sóc và điều trị bệnh (*upaṭṭhāka*) cần phải hội đủ năm yếu tố. Thứ nhất, có thẩm quyền về dược lý (*bhesajjam samvidhātum*). Thứ hai, có thể chỉ định liệu trình điều trị phù hợp (*sappāyāsappāyam*). Thứ ba, chăm sóc bệnh nhân không vì lợi lộc vật chất (*no āmisantaro*), mà với tâm thương yêu cao cả (*mettacitta*). Thứ tư, không nhem gớm (*ajegucchi*) các chất thải và phụ phẩm của bệnh nhân. Thứ năm, có năng lực giải thích, thuyết phục (*sandassetum samādapetum*); thỉnh thoảng thăm hỏi, động viên khiến cho bệnh nhân hoan hỷ (*sampahamsetum*).

Ba điều kiện để trị bệnh cũng như năm tiêu chuẩn của một người chăm sóc bệnh theo kinh *Tăng Chi*, có thể tìm thấy trong quy trình điều trị cũng như trong tiêu chuẩn lý tưởng của người thầy thuốc ngày nay. Điều đó cho thấy tính tiên phong của Đức Phật trong lãnh vực y khoa nói chung, và giải pháp điều trị bệnh tật nói riêng.

2.2. Hai liệu pháp điều trị thân, tâm.

Cơ thể của con người là sự tổng hòa những yếu tố vật chất và tinh thần, gọi chung là năm uẩn (*Pañca-khandha*). Khi năm uẩn hòa hợp thì con người khỏe mạnh, khi năm uẩn bất hòa thì tạo ra bệnh tật, khổ đau.

Xét về phương diện tổng quát, thân thể vật chất có ít nhất 32 thành phần và trong mỗi thành phần đó do những yếu tố khác nhau tạo thành (9). Về phương diện tinh thần, có rất nhiều yếu tố tâm lý với cơ cấu vận hành rất phức tạp. Theo *Pāli Abhidhamma*, có tất cả là 89 Tâm vương, 54 Dục giới tâm,



Đức Phật thăm Tỳ kheo đang bệnh

15 Sắc giới tâm, 12 Vô sắc giới tâm và 8 Siêu thế tâm (10). Khảo sát sơ bộ cho thấy, để giữ cho các yếu tố vật chất và tinh thần này phát triển hài hòa, không xung đột trong một chỉnh thể thống nhất là việc không giản đơn. Chính vì vậy, trong kinh *Tương Ưng* (S.iii,1) Đức Phật đã khẳng định: *Ai mang tấm thân này, tự cho là không bệnh, dầu chỉ trong giây lát, gọi đó là kẻ ngu!* (11)

Do vì thân ngũ uẩn là sự tổng hòa những yếu tố vật chất và tinh thần, thế nên khi thân ngũ uẩn bệnh tật, thì tùy theo bệnh nguyên mà lựa chọn một liệu pháp điều trị tương ứng. Theo khảo sát, có hai liệu pháp điều trị thường được sử dụng.

Thứ nhất, liệu pháp dược liệu.

Trong tu viện thời Phật đã có bệnh xá (*Gilānasālā*) để điều trị bệnh tật cho Đức Phật và chúng tăng (S.iv, 210) (12). Điều đó cho thấy Đức Phật quan tâm đến vấn đề y tế, sức khỏe. Tu viện ở suối nước nóng Tapodārāma (Ôn-tuyền-lâm-viên) cũng là một trong những nơi tịnh dưỡng tối ưu mà Đức Phật và các vị thánh đệ tử từng lưu trú (S.i,8) (13). Ngay như bản thân Ngài, do được cầu thành từ tử đại, thế nên thân thể của Thế Tôn cũng héo hắt và bất hòa khi gặp phải chương duyên. Để trị bệnh cho Ngài, ngự y Jīvaka đã dùng dược liệu tương ứng với bệnh trạng. Cụ thể, khi đức Thế Tôn bị sinh bụng, Ngài muốn uống thuốc xổ, ngự y Jīvaka đã bào chế một loại thuốc xổ tinh tế mà nhờ đó Đức Phật khỏi bệnh (14).

Chương *Dược phẩm* (*Bhesajjakhandhakam*) trong *Mahāvagga* 2 đã liệt kê những thứ bệnh mà chúng tăng thường gặp phải như: bệnh ở mắt, bệnh nóng đầu, bệnh gió, bệnh phong, bệnh tay chân nứt nẻ, bệnh mụn nhọt, bệnh trĩ, bệnh vàng da... và đề xuất những phương cách trị liệu như thuốc mỡ, thuốc bôi, thuốc sắc bằng nước lá... tương ứng với mỗi loại bệnh (15).

Đặc biệt, ngoài việc điều trị bằng dược liệu, với một số bệnh trạng, Đức Phật còn



khuyến khích bệnh nhân bổ sung những thực phẩm đặc thù. Thuật ngữ y học ngày nay gọi đó là nhóm thực phẩm chức năng (*functional foods*). Māhāvagga ghi:

Này các tỳ khưu, ta đây đã khởi ý điều này: "Năm loại được phẩm này như là bơ lỏng (sappi), bơ đặc (navanīṭam), dầu ăn (telam), mật ong (madhu), đường mía (phāṇitam) là các loại được phẩm tuy đã được quy định là được phẩm và được dùng theo mục đích của thức ăn cho cơ thể, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ ta nên cho phép các tỳ khưu được thọ lãnh năm loại được phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?" (16)

Như vậy, với những căn bệnh liên quan đến yếu tố vật chất, Đức Phật cho phép sử dụng những dược liệu tương ứng để điều trị. Với những bệnh tật liên quan đến yếu tố tinh thần, Ngài đã chỉ định phương cách điều trị tâm lý.

Thứ hai, liệu pháp tâm lý.

Liệu pháp tâm lý thường được sử dụng song song với liệu pháp dược liệu. Kinh điển ghi nhận rằng, trong khi thăm hỏi các tỳ-kheo bệnh tật, Đức Phật cũng như chúng tăng thường thuyết pháp an ủi với những nội dung như: an trú chánh niệm (S.iv,302), thực hành tứ niệm xứ (S.v,176; S.v,178), không chấp thủ (*na upādiyissāmi*) (17), hành trì thất giác chi (*satta bojjhaṅgā*)...

Liệu pháp tâm lý có mục đích làm cho thân thể tuy đau đớn, nhưng tâm của bệnh nhân không bị khổ não dày vò. Trong kinh *Tương Ưng* (S.iv,207) (18), Đức Phật đã đưa ra hình ảnh người lâm bệnh về thân giống như bị bắn bởi một mũi tên. Một khi thân đau khổ, sẽ kéo theo tâm đau khổ, trạng huống ấy giống như bị bắn bởi mũi tên thứ hai. Theo Đức Phật, các phương cách trị liệu về tâm có chức năng ngăn ngừa người bệnh trúng phải mũi tên thứ hai.

Liệu pháp này đã được Đức Phật giảng dạy cho cư sĩ Nakulapitā (S.iii,1): *Thân của gia chủ, này gia chủ, là bệnh hoạn, ốm đau, bị nhiễm ô che đậy. Ai mang cái thân này, này gia chủ, lại tự cho là không bệnh, dầu chỉ*

trong một giây phút; người ấy phải là người ngu! Do vậy, này gia chủ, gia chủ cần phải học tập như sau: "Dầu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh". Như vậy, này gia chủ, gia chủ cần phải học tập (19).

Một khi thân bệnh, nhưng để tâm không bị khổ não dày vò, thì có nhiều liệu pháp để thực hiện, và một trong số chúng, chính là an trú vào Tứ niệm xứ. Đây cũng là câu trả lời của tôn giả Anuruddha dành cho số đồng các vị tỳ-kheo: *Thưa chư hiền, do tôi trú với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ, nên các khổ thọ về thân khởi lên không có ảnh hưởng đến tâm.* (S.v,302) (20)

Trong thư tịch Hán tạng, cụ thể là trong Đại tạng kinh Đại chính tân tu có tác phẩm *Trị thiền bệnh bí yếu pháp* (21) do cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh dịch vào năm Hiếu Kiến thứ hai (455) (22), đã đề xuất 72 pháp trị bệnh loạn tâm ở chốn A-lan-nhã (23). Trong 72 pháp này ngoài những liệu pháp liên quan đến ẩm thực và dược liệu, còn bao gồm cả liệu pháp tâm lý như quán tưởng, thiền định. Đặc thù nhất trong 72 liệu pháp này chính là các pháp quán tưởng về tôn dung của Đức Phật, quán các yếu tố trong cơ thể, quán bất tịnh, quán minh châu, quán ao A-nậu-đạt... thành tựu quán tưởng theo sự hướng dẫn trong kinh thì bệnh sẽ lành.

Tương tự, trong kinh *Tăng Chi* (A.v,108), khi tôn giả Girimānanda bị bệnh, Đức Phật dạy quán 10 tướng sau, thì bệnh sẽ thuyên giảm. Mười tướng đó là: *Tướng vô thường, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng nguy hại, tướng đoạn tận, tướng tử bỏ, tướng đoạn diệt, tướng nhàm chán đối với tất cả thế giới, tướng vô thường trong tất cả hành, tướng niệm hơi thở vô hơi thở ra* (24).

Như vậy, bên cạnh những phương cách điều trị bằng thức ăn, dược liệu thì người bệnh cũng cần được chăm sóc về phương diện tinh thần. Những pháp an ủi như quán thập tướng, quán số tức, hành pháp thất giác chi... là những liệu pháp điều trị về phương diện tinh thần. Ở đây, việc tìm hiểu vì sao thất giác chi như được vận dụng như một liệu pháp trị bệnh, cũng là một yêu cầu cần làm sáng tỏ.

3. Tại sao thất giác chi được sử dụng như một liệu pháp điều trị?

Đã là chúng sanh thì không một ai tránh khỏi bệnh tật, hoặc về thân, hoặc về tâm, ở thời điểm này hay thời điểm khác. Giáo pháp của Đức Phật như những phương thang có công năng chữa lành bệnh tật chúng sanh. Trong những phương thang từ giáo pháp, thì thất giác chi được xem như một phương thang đặc hiệu. Khảo về tính chất cũng như các khía cạnh của thất giác chi đã minh chứng điều này.

3.1. Thất giác chi là một pháp có nhiều tác dụng.

Thứ nhất, là pháp có thể đoạn diệt các

pháp có khả năng sanh kiết sử (S.v,88). Kiết sử là phiền não, là trói buộc. Đức Phật đã giải thích nghĩa trói buộc của kiết sử trong kinh *Tương Ưng*: *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp có khả năng sanh kiết sử? Mắt, này các Tỷ-kheo, là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở đây, khởi lên các tham trước (ajjhosaṇā), sai sử, trói buộc (samyojanavinibandhā) ... Ý là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở đây, khởi lên các tham trước, sai sử, trói buộc (25).*

Thứ hai, là pháp có thể đem đến bảy lợi ích (S.v,67). Một trong những lợi ích, chính là biết được giờ chết của mình (*patihacca*). Kinh ghi: *Này các Tỷ-kheo, bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, thời bảy quả, bảy lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích? Ngay trong hiện tại, lập tức (patihacca) thành tựu được chánh trí; nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí (26).*

Thứ ba, là pháp có thể dọn dẹp năm cấu uế của tâm (S.v,92). Theo Đức Phật, các kim loại như sắt, đồng, thiếc, chì, bạc... đều có những cấu uế, làm cho chúng không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn (*pabhangu*), và không chân chánh chịu sử dụng (27). Đối với tâm, có năm cấu uế, đó là tham, sân, hôn trầm, thùy miên, trạo hối, nghi. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm cấu uế của tâm. Chính do những cấu uế ấy, tâm không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chân chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc (28).

Thứ tư, là pháp tạo nên kinh an thân tâm (S.v,126). Vương tử Vô Úy (Abhaya) là người mộ Phật, đã tự mình leo lên núi Linh Thứu cầu học Phật pháp. Tại đây, sau khi nghe thất giác chi, vương tử đã trình với Đức Phật một trải nghiệm kinh an rất khó tả: *Bạch Thế Tôn, sự mệt nhọc về thân và mệt nhọc về tâm khi con leo lên núi Linh Thứu đã được kinh an, nhẹ nhàng và pháp đã được con hoàn toàn chứng đắc (29).*

Thứ năm, sau khi nghe thất giác chi, tôn giả Mahā Kassa, tôn giả Mahā Moggallāna đã lành bệnh (S.v,79; S.v,80). Kinh ghi: *Thế Tôn thuyết như vậy, Tôn giả Mahā Kassa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Và Tôn giả Mahā Kassapa được thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Tôn giả Mahā Kassapa được đoạn tận như vậy (30).*

Ngoài năm tác dụng cơ bản nêu trên, thất giác chi còn có khả năng đưa đến quả minh và giải thoát (S.v,121); hàng phục ma quân (S.v,99); đưa đến lạc trú ((S.v,76); đoạn trừ kiêu mạn (S.v,98); xuôi về Niết-bàn (S.v,134)...

3.2. Những đặc tính của thất giác chi liên quan đến sức khỏe thân, tâm.

Theo Đức Phật, bảy giác chi mặc dù có sự liên quan đến nhau, tuy nhiên, tùy theo tình

hình cụ thể của tâm và bối cảnh cụ thể của thân mà có thể linh động tu tập từng giác chitương ứng. Theo kinh *Tương Ưng* (S.v,112), khi tâm dao động, thì có thể tu tập các chi như *khinh an, định* và *xả*. Khi tâm thụ động, thì có thể tu tập *trạch pháp, tinh tấn* và *hỷ*. Riêng đối với giác chi *niệm*, thì luôn có mặt trong mọi lúc (31).

Tu tập các giác chi đúng thời (*Samaya*) được Đức Phật mô tả như cách nhen nhúm cũng như dập tắt một ngọn lửa (*Aggi*). Nhen nhúm phải biết cách, biết sử dụng vật liệu và dập tắt lửa cũng vậy. Ở đây, việc khéo léo vận dụng thất giác chi đúng thời điểm và đối tượng, mới có thể điều phục thân, tâm.

Trước hết, về giác chi *niệm*. *Niệm* (*Sāti*) là tưởng niệm hay tùy niệm (*anussati*) vì nó khởi lên luôn luôn; hoặc niệm thích hợp (*anurūpa*) cho một thiện gia nam tử xuất gia vì lòng tin, niệm có mặt trong những trường hợp cần thiết gọi là tùy niệm (32). Ý thức về thân bệnh thường xuyên, cũng có thể được xem là thân hành niệm theo ngài Buddhaghosa (33).

Thứ hai, trạch pháp (*Dhammaviccaya*). Trạch pháp là suy tư, thẩm sát các pháp. Đức Phật luôn xem trọng yếu tố này, những lời dạy của Đức Phật trong kinh *Các vị ở Kesaputta* (A.i,188) (34), cũng như khuyên bảo gia chủ Upālī trong kinh *Trung Bộ* (35) chính là đề cao yếu tố trạch pháp. Trong khi bệnh tật, thẩm sát tính chất vô thường, vô ngã của thân ngũ uẩn cũng là một phương cách buông bỏ khổ đau.

Thứ ba, tinh tấn (*Viriya*). Tinh tấn là sự cố gắng tiến tới, siêng năng liên tục. Tinh tấn được xem như hành động một người anh hùng (*vīrāṇaṃ bhāvo kammaṃ*). Với sức mạnh tin tấn, thì dù nhỏ nhoi và yếu ớt như một cọng râu lúa mì, cũng có thể xuyên thủng nhiều thứ vững chắc (A.i,8) (36). Với bệnh tật và khổ đau, thì *tinh tấn vượt đau khổ* (Sn.31) (37). Chính vì vậy, Đức Phật khẳng định rằng, Pháp của ngài chỉ dành cho người tinh tấn (A.iv,228) (38).

Thứ tư, hỷ (*Pīti*). Theo Thanh Tịnh Đạo, hỷ (*Pīti*) có đặc tính (thể) làm ưa thích (*sampiyyayana*). Nhiệm vụ (dụng) của nó là thẩm nhuần (cả mình rờn ớn). Tướng của nó là hoan hỷ cao hứng. Nhưng hỷ có 5 cấp bậc từ thấp lên cao: tiểu hỷ, hỷ như chớp nhoáng, hỷ như mưa rào, hỷ nâng người lên và hỷ sung mãn. Tiểu hỷ chỉ có thể là dụng lông tóc trong mình mà thôi. Hỷ như chớp nhoáng thỉnh thoảng loé lên. Hỷ như mưa rào nổi trên cơ thể liên tục, như sóng vỗ vào bờ bể. Hỷ nâng người có thể làm cho thân thể mất trọng lượng và bay bổng lên (39). Năm loại hỷ này khi chín muồi sẽ thành tựu hai thứ, đó là thân khinh an và tâm khinh an (40).

(xem tiếp trang 127)

CON DAO TRONG TÂM

Ở bên Ấn Độ thuở xưa
Nơi thành Xá Vệ, buổi trưa một ngày
Gia đình kia thật duyên may
Phật thương hóa độ, dừng ngay tại nhà,
Tiếc thay chồng vợ tỏ ra
Tham lam, độc ác, xấu xa, hung tàn.
Hóa thành một vị đạo nhân
Phật đi khát thực dừng chân trước thềm
Ôm bình bát, đứng trang nghiêm,
Anh chồng đi vắng, vợ liền nhẩy ra
Tay xua đuổi, miệng hét la
Tục tằn chửi bới thật là dữ hung.
Đạo nhân nói, giọng ung dung:
"Ta mong gia chủ mở lòng ra cho
Chút lương thực giúp người tu,
Cớ sao thô lỗ đuổi xua nặng lời?"

Chợt anh chồng về tới nơi
Thấy người khát thực tức thời nổi cơn
Bao nhiêu giận giữ trào tuôn
Sẵn dao bén nhọn giắt luôn bên mình
Rút ra định chém người lành
Dù cho là kẻ tu hành chẳng nương.

*

Bỗng đâu có một bức tường
Hiện lên bao bọc đạo nhân mọi bề
Tường kiên cố, bằng pha lê
Cửa vào không có, ngại gì gươm đao.
Anh chồng bức bối kêu gào:
"Này ông hãy mở tôi vào mau đi!"
Đạo nhân nói: "Chẳng khó gì!
Hãy quăng dao bén ta thì mở cho!"
Anh chồng tự nghĩ: "Chẳng lo
Thân ta vạm vỡ lớn to hơn người
Tay không cũng đủ giết rồi
Dao dù bén nhọn ta thời cần chi!"
Nghĩ xong quăng vội dao đi
Lạ thay tường vẫn phẳng lì, còn nguyên.
Anh chồng tức giận hét lên:
"Dao kia tôi đã quăng liền rồi đây
Sao ông không mở ra ngay?"
Đạo nhân: "Dao bén trong tay sá gì



Dao trong Tâm mới hiểm nguy
Mau quăng dao đó tức thì gần ta!"
Thấy người thấu hiểu rõ ra
Bao nhiêu tâm địa xấu xa của mình
Anh chồng bắt chợt hoảng kinh
Thật thà hối lỗi, chân thành ăn năn
Muru mô độc ác tiêu tan
Khẩu đầu lay tạ đạo nhân hết lời.

*

Ngẩng lên nào thấy bóng Người
Bức tường chia cách đồng thời lùi xa
Đạo nhân giờ mới hiện ra
Dáng hình Đức Phật thật là uy nghiêm
Hào quang rạng rỡ một miền,
Nhân từ Phật thuyết pháp liền cho nghe,
Vợ chồng hoan hỉ mọi bề
Đạo vàng hóa độ, quay về đường ngay.

(thi hóa, phỏng theo Truyện Cổ Phật Giáo)

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

CHÚC NHAU TRĂM TUỔI ĐỀU LÀ TUỔI XUÂN

Nguyễn Minh



Những lời chúc tốt đẹp đầu xuân là điều hầu như không thể thiếu được ở bất cứ nơi đâu trên thế giới, và lại càng không thể thiếu được trong những xã hội Á Đông, nơi vốn có truyền thống xem trọng những giá trị tinh thần hơn là vật chất.

Thật vậy, ngay cả khi ta đang sống giữa bộn bề những khó khăn vất vả, chỉ cần nghe được những lời chúc xuân của người thân và bè bạn là cứ tưởng như mình rồi sẽ lập tức vượt qua được tất cả mọi khó khăn, và cũng tin tưởng rằng trong năm mới mọi thứ đều sẽ mới, sẽ tốt đẹp hơn và hoàn hảo hơn rất nhiều so với năm cũ!

Nhiều người cho rằng những lời chúc quá tốt đẹp dành cho nhau trong dịp xuân về thường là sáo rỗng vì không hợp với thực tế và thường có đến chín phần mười là không thể đạt được! Nào là sống lâu trăm tuổi, vạn sự như ý, an khang thịnh vượng, phát tài phát lộc... Thôi thì đủ cả mọi điều tốt đẹp, cứ như mặt đất này phút chốc đã biến thành thiên đường với toàn những điều mà ai ai cũng luôn mơ ước! Biết là không thể có được mà vẫn cứ nói ra, vẫn cứ chúc cho nhau, vẫn cứ hy vọng hão, như vậy chẳng phải chỉ là những lời sáo rỗng đó sao?

Tuy nhiên, mọi truyền thống đều có những ý nghĩa tốt đẹp nhất định của chúng. Chỉ sợ rằng chúng ta không hiểu được thâm ý của người xưa nên đôi khi vô tình đánh mất đi những ý nghĩa sâu xa trong đó mà thôi.

Những lời chúc tốt đẹp mà chúng ta dành cho nhau, xét cho cùng chính là sự biểu lộ mối quan tâm đến nhau và sự khao khát vươn đến mọi điều tốt đẹp hơn trong cuộc sống. Vì thế, điều quan trọng ở đây là chúng ta nên hiểu về ý nghĩa của chúng như thế nào, và thể hiện chúng theo cách nào để phù hợp với những ý nghĩa đích thực đó. Nếu bạn cầu chúc cho một người nào đó với mức độ tình cảm dành cho người ấy được đo bằng số không, thì chắc chắn lời chúc ấy cho dù có văn hoa, tốt đẹp đến đâu cũng sẽ chỉ là những lời sáo rỗng! Nhưng nếu bạn thực sự gửi gắm tình cảm chân thành của mình dành cho ai đó trong lời cầu chúc của mình, thì điều chắc chắn là cho dù bạn có thể hiện một cách vụng về đến đâu

đi chăng nữa, những lời cầu chúc ấy vẫn sẽ được trân trọng.

Vì thế, cho dù chúng ta luôn sẵn có rất nhiều lời chúc xuân hết sức tốt đẹp để chọn lựa và gửi đến cho những người thân quen của mình, nhưng có hai điều mà tự thân bạn nhất thiết phải có được để mang lại giá trị chân thật cho những lời chúc tốt đẹp ấy.

Điều thứ nhất muốn nói đến ở đây chính là tình cảm chân thật. Khi xuất phát từ tình cảm chân thật, mọi lời cầu chúc đều có thể xem là tốt đẹp, không chỉ vì nội dung tốt đẹp hàm chứa trong từng câu chữ, mà chính là do nơi tình cảm chân thành được gửi gắm vào trong đó.

Trong mối quan hệ đa dạng với nhiều người khác nhau trong xã hội, điều tất nhiên là chúng ta không bao giờ có thể dành cho tất cả mọi người một tình cảm đồng đều như nhau. Ngay cả với những thành viên trong cùng một gia đình thì sự khác biệt về mức độ tình cảm mà chúng ta dành cho mỗi người cũng vẫn có những khác biệt nhất định nào đó. Tuy nhiên, tình cảm chân thật không phụ thuộc vào mức độ tình cảm mà chúng ta dành cho mỗi người. Điều quan trọng nhất là, cho dù trong tình yêu, tình bạn hay tình gia tộc, những tình cảm mà chúng ta dành cho nhau phải hết sức chân thật, được xuất phát từ chính những cảm xúc thật có trong lòng ta mà không phải gượng ép tạo ra bởi một lý do hay động lực nào khác.

Trong thực tế, bất cứ quan hệ giao tiếp nào trong xã hội cũng đều bao gồm hai yếu tố: một là nhu cầu giao tiếp thuần túy và hai là tình cảm nảy sinh trong quá trình giao tiếp. Lấy ví dụ thật đơn giản như khi bạn ghé vào hiệu sách để chọn mua một quyển sách chẳng hạn. Điều tất nhiên là bạn cần có sự giao tiếp với một nhân viên bán hàng. Người ấy sẽ giới thiệu với bạn về những tựa sách hiện có trong nhà sách, sẽ gợi ý với bạn về những cuốn sách hay đang được nhiều người ưa chuộng, hướng dẫn bạn trong việc tìm kiếm cuốn sách mà bạn cần... Bạn đang có nhu cầu mua sách và nhân viên bán hàng có trách nhiệm bán sách. Vì thế, giữa hai bên nảy sinh một quan hệ giao tiếp thuần túy. Tuy nhiên, trong quá trình giao

tiếp, có thể là sự tinh tế và chu đáo với nụ cười duyên dáng đầy thiện cảm của cô bán hàng sẽ làm nảy sinh nơi bạn một mức độ tình cảm nhất định. Đồng thời, phong cách giao tiếp lịch sự, cử chỉ nhã nhặn của bạn cũng làm nảy sinh nơi cô bán hàng một tình cảm tích cực nào đó. Do yếu tố tình cảm nảy sinh này, đôi bên có thể sẽ tiếp tục trao đổi thêm một vài vấn đề nào đó ngoài quan hệ thuần túy của việc mua bán, cũng có thể sẽ mời nhau một ly nước giải khát hoặc thậm chí một bữa cơm làm quen...

Nhưng ngược lại, nếu bạn bắt gặp một khuôn mặt khó khăn và luôn cau có, chỉ trả lời từng tiếng một nhát gừng, thì có lẽ số đo của yếu tố tình cảm nảy sinh sẽ chỉ là số không, hoặc thậm chí có thể xem là số âm nếu như nó đủ để làm cho bạn bức bối rời khỏi cửa hàng ấy ngay tức khắc!

Suy rộng ra một cách tương tự thì tất cả mọi quan hệ khác cũng đều như thế. Quan hệ giữa người bán hàng và người mua hàng, giữa người chủ thuê và người làm công, thậm chí cho đến giữa vợ chồng với nhau cũng đều như thế.

Chính vì thế mà luôn có những người bán hàng dành được tình cảm của người mua, có được những khách hàng sẵn sàng ủng hộ lâu dài cho họ. Hoặc có những người làm công vẫn chấp nhận gắn bó với chủ thuê ngay trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, cho dù có thể dẫn đến sự thiệt thòi về vật chất. Bởi vì giữa họ với nhau không chỉ có thuần túy mối quan hệ giao tiếp qua công việc, mà còn có sự nảy sinh những tình cảm chân thật.

Tương tự như vậy, khi hai người kết hôn với nhau, quyết định cùng nhau chung sống để tạo dựng một gia đình, họ sẽ ràng buộc với nhau trước hết bởi yếu tố thuần túy là mục đích tạo dựng gia đình. Nhưng trong quá trình giao tiếp và chung sống, chính sự quan tâm lẫn nhau, giúp đỡ và hy sinh cho nhau sẽ ngày càng làm nảy sinh giữa đôi bên những tình cảm gắn bó thâm thiết bền vững. Ngược lại, cho dù đã chung sống với nhau đến mười năm, hai mươi năm, nhưng nếu không có sự quan tâm lo lắng cho nhau, không cùng nhau chia sẻ những buồn vui, sướng khổ, thì yếu tố tình cảm chắc chắn sẽ không thể được nuôi dưỡng đủ để gắn kết đôi bên trong hạnh phúc.

Khi chúng ta biết phân biệt giữa nhu cầu giao tiếp thuần túy và yếu tố tình cảm nảy sinh, chúng ta sẽ dễ dàng hiểu được thế nào là tình cảm chân thật. Đó chính là sự tách rời khỏi nhu cầu công việc, được thể hiện bởi những cảm xúc thật có trong lòng ta mà không do bất cứ một sự tính toán lợi dụng hay áp lực nào từ bên ngoài. Chẳng hạn, khi bạn mua một món quà cho sếp với hy vọng là những ngày làm việc sắp tới ở văn phòng sẽ được “dễ thở” hơn, thì điều đó hoàn toàn không thể xem là tình cảm chân thật. Điều này thật dễ hiểu,

bởi vì trong trường hợp này thì chỉ cần sắp chuyển công tác sang một bộ phận khác không trực tiếp chi phối công việc của bạn, chắc chắn bạn sẽ quên ngay cả tên gọi của sếp, nói gì đến chuyện quà biếu! Ngược lại, nếu bạn thực sự biết ơn vì những quan tâm giúp đỡ tận tình của sếp trong suốt thời gian qua, đã giúp bạn vượt qua được nhiều khó khăn trong công việc, thì sự thể hiện tình cảm của bạn là chân thật. Trong trường hợp này, cho dù sếp có chuyển công tác đi nơi khác, chắc chắn bạn cũng sẽ không ngại bỏ công tìm đến cơ quan mới của sếp để bày tỏ tình cảm của mình. Trước khi bạn gửi lời chúc xuân đến với ai đó, hãy chắc chắn là bạn đã có được tình cảm chân thật với người đó. Như đã nói, không cần thiết phải đạt đến mức độ “đồng sinh cộng tử” hay “chia ngọt sẻ bùi” với nhau mới gọi là có tình cảm chân thật. Cho dù chỉ là những tình cảm vừa nảy sinh qua sự giao tiếp ngắn ngủi, nhưng nếu thực sự là những cảm xúc thật có trong lòng bạn, được nảy sinh một cách hoàn toàn tự nhiên mà không có bất cứ sự tính toán lợi dụng nào, thì đó chính là những tình cảm rất chân thật!

Bạn có thể phân vân rằng khi đặt ra tiêu chí này phải chăng có thể sẽ giới hạn số lượng những người mà bạn muốn chúc xuân? Điều này thật ra không hẳn thế. Tình cảm chân thật của chúng ta không phải là một kiểu “tài nguyên” có giới hạn, vì thế mà cho dù bạn có dành tình cảm chân thật của mình cho bao nhiêu người cũng không hề sợ... thiếu.

Vấn đề đối với hầu hết chúng ta là, khi tập thành thói quen bày tỏ tình cảm với người khác một cách không chân thật, chúng ta không chỉ đang dối gạt người khác mà còn là đang dối gạt chính bản thân mình. Những cách nói “xã giao” thân mật một cách giả tạo không phải là “vô thường vô phạt” như nhiều người lầm tưởng, mà thực sự là một thói quen tai hại có thể làm chai lỳ những cảm xúc chân thật trong lòng ta. Vì thế, để có được mối quan hệ giao tiếp tốt với tất cả mọi người, trước hết chúng ta cần phải biết chân thật với chính mình.

Khi chúng ta chân thật với chính mình, chúng ta sẽ nhận ra rằng không cần thiết và không nên thể hiện tình cảm một cách giả tạo, không chân thật với bất cứ ai. Tuy nhiên, điều đó hoàn toàn không có nghĩa là giới hạn những đối tượng tình cảm của chúng ta, mà có nghĩa là hãy cố gắng tập thói quen luôn quan tâm đến người khác một cách chân thật. Khi ta quan tâm đến người khác một cách chân thật, ta sẽ luôn dễ dàng tìm thấy những điểm đáng yêu, dễ mến ở bất cứ ai, và điều đó giúp ta nảy sinh tình cảm chân thật, không giả tạo.

Hãy mở rộng tình cảm chân thật của bạn đến với tất cả mọi người trong cuộc sống này bất cứ khi nào có dịp, bởi vì cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi ta có được mọi người quanh ta

để thương yêu và được thương yêu. Tuy nhiên, hãy tập thói quen chỉ bày tỏ tình cảm của bạn một cách thật lòng. Sự chân thật sẽ được đáp lại bằng chân thật, và vì thế mà cuộc sống của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa, thực sự là một mái nhà chung ấm áp cho tất cả mọi người chứ không phải là một “đấu trường” mà trong đó ai ai cũng luôn phải hoài nghi, dò xét lẫn nhau.

Khi bạn đã có được tình cảm chân thật với một người, lời cầu chúc của bạn sẽ không bao giờ có thể bị xem là sáo rỗng, bởi vì nó luôn được xuất phát từ tình cảm chân thật ấy. Hơn thế nữa, tình cảm chân thật bao giờ cũng dẫn đến sự quan tâm lẫn nhau, nhờ đó chúng ta sẽ có thể hiểu được nhiều điều về mức sống cũng như hoàn cảnh hiện thời của người kia. Vì thế mà bất cứ lời chúc nào khi được chọn gửi đến cho người khác đều sẽ không chỉ là những nội dung sáo rỗng.

Điều cần thiết thứ hai để mang lại giá trị chân thật cho lời cầu chúc của bạn là những giá trị thật có của chính bản thân bạn. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Cũng giống như khi bạn dẫn đường cho một ai đó, bạn nhất thiết phải tự mình thông thạo đường đi thì những chỉ dẫn của bạn mới thực sự có giá trị. Nếu chúng ta thực lòng mong muốn cho những lời chúc tốt đẹp của mình trong dịp xuân về sẽ trở thành hiện thực, thì nhất thiết bản thân ta phải thực sự có được những giá trị nhất định nào đó.

Bạn không thể cầu chúc, mong muốn cho người khác được an vui hạnh phúc nếu như bản thân bạn chưa từng trải nghiệm một cuộc sống an vui hạnh phúc hoặc ít ra cũng là đang hướng đến một đời sống như thế. Bạn không thể cầu chúc, mong muốn cho người khác dồi dào tiền của nếu như bản thân bạn không có bất cứ biểu hiện nào của sự siêng năng cần mẫn, tích cực trong công việc.

Bạn cũng không thể cầu chúc, mong muốn cho người khác được dồi dào sức khỏe nếu như bản thân bạn không biết tự giữ gìn sức khỏe, rơi vào cảnh nghiện ngập, rượu chè be bét...

Những điều đó nghe qua có vẻ như chẳng liên quan gì đến nhau, nhưng thực ra lại là những giá trị luôn gắn bó mật thiết. Một lời cầu chúc chân thành không chỉ đơn thuần là sự bày tỏ niềm mong ước của bạn về những điều tốt đẹp cho ai đó. Trong thực tế, nó còn có một sức mạnh động viên, khích lệ, có thể giúp cho người nhận được lời cầu chúc đó tăng thêm sức mạnh, niềm tin và nghị lực để hướng đến những thành quả tốt đẹp thực sự. Và vì thế mà nhân cách và những giá trị tinh thần của mỗi người luôn là nền tảng để tạo ra giá trị đích thực cho lời cầu chúc mà họ đưa ra.

Bạn có thể tự mình nhận ra điều này bằng cách phân tích những cảm xúc của chính bản thân khi nhận được một lời cầu

chúc từ ai đó. Bạn sẽ dễ dàng nhận ra sự khác biệt giữa lời chúc xuân của một người này khi so với một người khác. Điều gì đã tạo ra sự khác biệt đó? Chính là sự khác biệt về nhân cách của họ, là những giá trị tinh thần mà mỗi người đã tạo ra trong đời sống. Điều này giải thích một tập tục có từ rất xa xưa của người Việt, mỗi dịp xuân về luôn mong muốn sẽ được một vị đạo cao đức trọng trong thôn xóm, hoặc một người có những đức tính như hiền hậu, siêng năng, tử tế... đến viếng thăm nhà mình trước tiên để chúc Tết. Ý nghĩa tích cực này đã bị rất nhiều người hiểu sai, để rồi đâm ra phê phán cho đó là một sự mê tín, hủ tục.

Thật ra, không chỉ là những lời chúc xuân, mà ngay cả những lời khuyên bảo hoặc an ủi thường ngày trong cuộc sống của chúng ta cũng luôn gắn liền với giá trị tự thân của người đưa ra những lời khuyên bảo hoặc an ủi đó. Có những người chỉ cần nói ra một lời động viên khuyến khích là đã khiến cho người nghe như được tăng thêm sức mạnh bội phần, nhưng ngược lại cũng có những người mà cho dù có nói ra toàn những lời văn hoa tốt đẹp cũng chỉ bị người khác xem như gió thoảng, không một chút lưu tâm! Khi thấy được sự khác biệt này là có thật, chúng ta sẽ dễ dàng hiểu được vì sao người xưa rất xem trọng những ai sẽ đến chúc Tết cho gia đình mình.

Nói một cách khác, nếu chúng ta thực sự muốn cầu chúc những điều tốt đẹp cho người khác, thì điều trước tiên là chúng ta phải hiểu và trân trọng những giá trị tốt đẹp đó, cũng như tự mình có được những nỗ lực hoàn thiện bản thân để hướng đến chính những điều tốt đẹp đó.

Khi bạn thực sự có tình cảm chân thành với ai đó và tự xét mình có được những giá trị tự thân nhất định, thì lời chúc xuân mà bạn dành cho người ấy chắc chắn sẽ luôn có những giá trị tích cực mà không chỉ là những lời mang tính xã giao, sáo rỗng.

Trong chu kỳ vận chuyển của thiên nhiên, mùa xuân luôn mang đến nguồn sinh lực lớn lao cho hết thảy muôn loài. Cho dù không hề biết đến việc chúc xuân nhưng muôn loài vẫn đua nhau sinh sôi nảy nở, vẫn náo nức hân hoan khi khởi đầu một chu kỳ mới với những điều kiện ưu ái mà thiên nhiên ban tặng trong dịp xuân về. Con người chúng ta không chỉ nhận được nguồn sinh lực tự nhiên từ thiên nhiên, mà còn muốn tạo ra và dành cho nhau những nguồn sức mạnh tinh thần khác trong dịp xuân về để cùng hướng đến những điều tốt đẹp hơn trong năm mới.

Việc dành cho nhau những lời chúc xuân là một phong tục tốt đẹp và mang nhiều ý nghĩa tích cực. Khi chúng ta có thể hiểu đúng những ý nghĩa này, chúng ta không chỉ mang đến nguồn động lực tích cực cho người khác mà còn là tạo ra được khuynh hướng tốt đẹp cho chính bản thân mình. Vì thế, xét cho cùng thì

những sự cầu mong, những niềm mơ ước lúc xuân về thực sự là những nỗ lực tích cực để cùng nhau vươn lên hoàn thiện. Trong ý nghĩa đó, những sự tốt đẹp trong cuộc sống thực sự đang được chúng ta chủ động tạo ra mỗi ngày chứ không phải là sự mong chờ dựa vào nội dung của những lời cầu chúc.

Khi hiểu theo ý nghĩa này, chúng ta sẽ thấy những nỗi khát khao, những niềm mơ ước được thể hiện qua lời chúc xuân của mọi người trong dịp xuân về không phải là những nội dung được cường điệu đến mức hào huyền, mà chỉ đơn giản là một sự biểu hiện của tinh thần lạc quan, luôn cố gắng vươn đến những điều tốt đẹp hơn trong cuộc sống. Bởi vậy, cho dù biết chắc là tất cả đều sẽ già suy theo thời gian nhưng chúng ta vẫn không hề thiếu sự chân thành khi cầu chúc cho nhau một tuổi xuân mãi mãi tồn tại:

Xuân là xuân khắp mọi nhà,

Chúc nhau trăm tuổi vẫn là tuổi xuân!

Và thật ra thì cái tuổi xuân khi trăm tuổi ấy vẫn là một điều hoàn toàn có thể đạt được!

Nguyễn Minh

Chuyện chiếc lá

THỰC ĐỘ

Giữa rừng, có cây cổ thụ bên dòng suối. Mỗi mùa sang, lá cứ rụng nhiều, thay vào đó những cành non tơ vươn dài che mát cả một vùng. Trên cây, một chiếc lá đã già cỗi vàng ủa chưa chịu rời cành vì vương vấn mãi tiếng hót của bầy chim, thương nhớ nhịp đập vào thân cây của chim gõ kiến, thích ngắm hoài bầu trời xanh mây trắng, làm sao quên được vị ngọt của giọt mưa đầu mùa bên cô bạn nằm kể xanh mơn mơn xuân thì...

Một buổi chiều, khi ánh tà dương chập choạng, Lá thờ dài lão đảo, mệt mỏi buông cành. Lá không như những người hàng xóm đặt mình dưới gốc cây hay vút xa ở một nơi nào đó theo ý của gió đưa, nó lại đặt mình nhẹ nhàng lên mặt nước. Lá khoan khoái tắm rửa, bơi lặn trong sóng dập dềnh của từng thoảng gió qua.

Lá ngẫm: "Vì ở mãi trên cao kia nên không hề biết rừng này có bao nhiêu điều mới lạ..." rồi nó lại ngẫm: "Nước suối này đâu nuôi mình xanh mãi, có chỗ nào cho mình bám víu... thật tội cho thân này."

Qua gương nước, Lá thấy mình tội nghiệp và càng tiếc rẻ những ngày cường tráng cứng cáp vẫy vùng bám cành dù bao mưa gió bão bùng nắng chang thiêu đốt. Tưởng lại ngày nào, Lá uốn ngực thách đố số phận khi bên cạnh những người quen co queo trả mình về đất.

Bỗng dưng, Lá cựa mình, động đậy trong nước, thấy mát lạnh, cái vị ngọt quen quen thấm dần vào da thịt rồi lan dần vào đến xương tủy. Cái vị ấy chưa chịu buông tha Lá vì Lá cũng chẳng muốn buông tha. Nó thích thú lấy những đam mê mà đời may mắn trao cho, này mắt này môi, này lời dịu dàng nịnh nọt tăng bốc nuông chiều. Nó thấy nhớ nhiều hơn về những ngày vũng vàng chảnh chọe ghế cao chống vọng, xem thường những chiếc lá khác uốn ẹo tạt nguyên hay khép mình vào bóng râm những khi mùa gió chướng về.

Và Lá nghiêng mình. Bóng Lá hiện ra dưới đáy suối. Lá sửng sờ "thân tôi đâu phải như vậy, ảnh ảo thôi mà, đừng tin vào mắt... tôi vẫn trẻ trung hào nhoáng như ngày nào..." Chút gió qua, Lá lão đảo, bóng Lá cũng chao theo... "Thật nhưng không thật." Lá khóc ròng trong nhận biết. Nước mắt làm Lá cần thêm. Chiếc áo vàng sậm dần, mỏng manh đang bề mực rửa vỡ toang chẳng chút thấy đau. Lá lịm dần, lịm dần...

... Trăng lên.. Gió rì rào ru rừng vào giấc ngủ. Trăng lung linh mộng mỵ che lấp mọi vật khoe khoang dưới nắng ban ngày. Một tia sáng lọt vào nơi Lá nằm làm nó giật mình, ngộ ra "À, ta vẫn còn sống, mọi việc xảy ra y như chiêm bao." Lá nhìn xuống đáy dòng suối chẳng thấy bóng mình đâu. Gió đã đưa Lá trôi ngược về đầu nguồn và Lá mắc lại bên gờ viên đá cuội với bộ xương không manh áo.



MAI TA VỀ PHỐ

1.
Con bão rồi cũng tràn ra lời nguyên
rũa cuối cùng
Mưa cũng sẽ nhỏ những giọt nước
mắt cuối cùng
Giữ lại trên môi nụ cười
Ta đưa em vào xuân

2.
Lời phủ dụ có thể cháy vàng trong
mùa hạ
Rồi úa bầm trong mùa đông
Mai ta về lại phố
Thế nào cũng tìm nhau

3.
Con bác non đã già
Sớm muộn gì cũng lặng
Gã tiên tri già vẫn gọi đi lời hò hẹn
Thế nào mai cũng nắng

4.
Mai ta về lại phố
Hoa có đủ từ những ven hàng rào
Áo cô vẫn xanh như lần hẹn trước
Thời gian vẫn thông thả đi và gặp gỡ
nhau như những chiếc kim đồng hồ
con lắc vẫn bận bịu rung như trái tim
trong lồng ngực

5.
Không thể nào bận bịu và kiên trì hơn
một trái tim
Không cuộc cần lao nào bất tuyệt như
những chiếc kim đồng hồ
Mai ta về lại phố
Mình lại nồng nàn yêu nhau như thế

BUỔI MAI EM VÀ BUỔI CHIỀU TÔI

bê một câu chuyện vĩa hè vào salon văn nghệ
bán tấm lòng cho chủ đề pô
chợ cuối năm rao mình khăn cổ
may mà còn đây một em bé ăn mày

chiều gió bắc ngồi chia nhau một cơn say
âm lòng với nỗi buồn còn lại
sáu mươi năm chẳng biết ngắn dài
cứ thềm đi xuyên qua mùa mưa bão

cứ chờ một bàn tay người vẫy
chiếc ba lô đã sẵn dưới chân rồi
gió hiu hắt
hay là ai gọi tôi
chợ sắp vãn chờ chi chiều tháng chạp

cứ đến những ngày này cứ như người âm
đi thấp hương quanh làng khắp xóm
nói chuyện mã mồ
nói chuyện tri ân
trăm ngọn cỏ làm nên chiếc áo
đắp phong phanh trên những mộ phần

này ngồi lại gần đây cô bé
em mờ mịt một ban mai
ta ủ dột buổi chiều
hai nỗi buồn ủ ấm nhau
mưa ngoài kia đã quá cơ cầu

ủ vào đây hai bàn tay lạnh
những salon không phải chỗ chúng mình
trời còn tưởng một hè phố nhỏ
một mùa đông
một nụ cười mưu sinh

ta dắt nhau đi qua mùa đông này
mầm vẫn nằm chờ trong từng nách lá
ủ ấm thâm một mùa xanh
mây ủ mặt trời cho ngày nắng ấm
phía chân trời vượt cạn một mùa xuân.

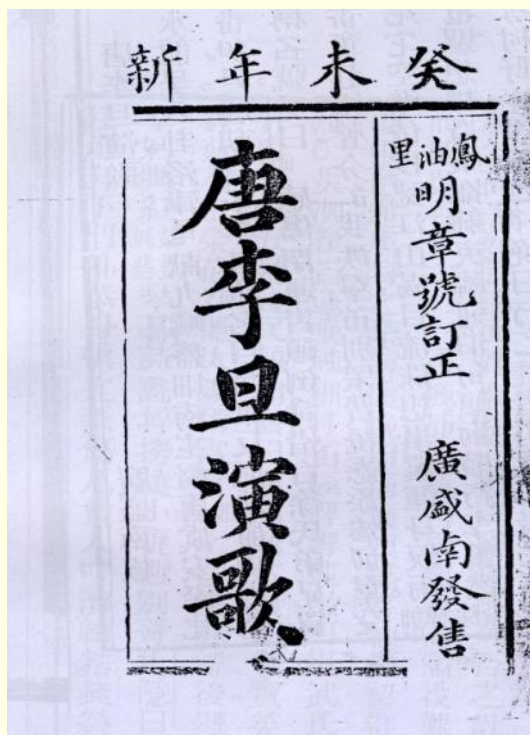
thơ

TRẦN THIÊN THỊ

GIỚI THIỆU TUỒNG HÁT BỘI XƯA (1883)

Nguyễn Văn Sâm

Kho tuồng hát bội của Việt Nam tương đối nhiều, chỉ có điều là sự sưu tập để quảng bá đến số đông quần chúng chưa được bao nhiêu vì lý do binh lửa tiêu hao, vì hình thức chữ Nôm của bản in, bản viết, vì sự khó phổ cập đến quần chúng của thể loại trình diễn này, một thể loại đã làm trọn vai trò văn hóa và lịch sử của nó. Thêm nữa, vấn đề thực tế của xã hội: có được bản Nôm đã khó, phiên âm với mức độ chính xác cao lại càng khó hơn, giới thiệu được với quần chúng độc giả lại là chuyện gần như không tưởng. May tôi được vài phần nhỏ trong ba điều đó. Bởi vậy cố gắng đi vào phần gia tài văn hóa đã bị bỏ quên này.



Việc phiên âm ai cũng có chỗ mạnh chỗ yếu. Các công trình phiên âm của học giả Trương Vĩnh Ký xưa, của nhà văn hóa Đào Duy Anh gần đây đã có người vạch ra những chỗ sai lầm. Sai lầm hay sơ sót hay gì khác để đọc một chữ Nôm không thiết đúng với âm của nó... là chuyện thường có, không hẳn là quan trọng lắm. Người đọc đi sau thấy chuyện đó, nhưng không phải vì vậy mà toàn bộ sự

nghiệp phiên âm hay một phiên bản nào đó của các vị này bị phủ nhận hoàn toàn. Sự đóng góp của người đi trước, dầu không hoàn mỹ cũng là những viên gạch lót đường cần thiết và rất tốt cho kẻ hậu học, không phải chỉ để phiên lại cho hoàn hảo hơn một tác phẩm mà còn là một thứ hành trang để phiên âm những bản chưa từng được giới thiệu. Một người trong giới Nôm học nói với tôi: *"Ta phải thông cảm với các cụ, làm việc một mình, không ai giúp sức, phương tiện thiếu thốn, những kiến thức về liên ngành thời trước không được tiến bộ như ngày nay. Sự sơ xuất chắc chắn sẽ có. Những viên sỏi đường nhiên được tìm thấy..."*

Tôi phiên âm tuy có bạn bè và thầy học để hỏi han, nhưng cũng cảm thấy nhiều trường hợp sự giải mã của mình sẽ gây tranh luận. Nhiều chữ đọc sai đã được chỉ giáo, nếu còn lại lỗi nào đó là trách nhiệm của người phiên âm. Nhân đây tôi kính gửi lời cảm ơn thầy học, cụ Nguyễn Khắc Kham, đã cho mượn nhiều bản Nôm, đã có công xem lại các bản phiên âm và đã góp nhiều ý rất đáng trân trọng. Các bạn bè xa gần, những bậc đàn anh, hay những học giả đi sau đã sẽ góp ý trong quá khứ hay tương lai. Chữ Nôm là loại chữ học không bao giờ biết hết, sự giúp đỡ của thầy cũ và anh em bầu bạn khắp nơi là điều tối cần. Một lần nữa xin trân trọng cảm ơn những ai đã giúp tôi về mặt chữ Nôm, cách này hay cách khác.

Tuồng Phụng Kiều - Lý Đán 鳳嬌李旦 in ra lưu thế đã được 115 năm rồi. Thời gian được viết ra phải là trước nữa. Hơn một thế kỷ, bao nhiêu biến thiên của cuộc đời, bao nhiêu thay đổi trong văn chương, bao nhiêu là quan cảm mới trong sự thưởng ngoạn. Nhân vật hoàng tử đã đi ra ngoài câu chuyện, thế vào là *một người bình thường* nào đó lắm khi còn không cần cả một cái tên. Vị quan to, ông vua già, cái ngai vàng mục nát cũng đã đi ra khỏi bối cảnh của những gì nhà văn viết ra cả hơn nửa thế kỷ nay rồi. Sự tranh chấp về quyền lực dưới danh nghĩa chánh thống và tiềm quyền của hai dòng họ, cũng là những điều gì xa lạ với quần chúng – ngoài các tuồng cải lương hay những bộ phim trắng gang đại hải du nhập từ phương Bắc. Càng xa lạ hơn nữa là *cách nói* nửa Hán nửa Việt trong tuồng. Càng gây ngạc nhiên là nhân vật nói về mình, than vãn hay diễn tả một điều về cảm xúc, về nội tâm lại được nói ra bằng những câu thuần Hán. Tác giả tuồng *không viết*

về hành động, không mô tả cử chỉ của bất cứ nhân vật nào mà gói ghém hành động và cử chỉ bằng lời nói của chính nhân vật đó hay một nhân vật khác. Tuồng là như vậy. Đó là sản phẩm của thời đại nó ra đời, thời đại đó tuồng đã làm vui thích chúng ta và khán giả lúc đó. Tuồng nói chung đã cung cấp cho họ khoái cảm thưởng ngoạn nghệ thuật để làm tròn vai trò văn hóa của mình. Ta lạ lẫm với tuồng vì thời gian xa cách giữa ta và tuồng quá lớn, và vì như đã nói, tuồng đã xong vai trò và bây giờ nó đang tan biến dần bất cứ sự cố gắng vực dậy nào. Cũng vậy, những điều nhà văn viết hôm nay thế kỷ sau người đọc sẽ thấy có rất nhiều điều xa lạ. Tuy nhiên lẫn trong những lạ lẫm đó có một cái không đổi là *tâm hồn của con người* hay là tâm hồn chung của nhân loại mà thời nào cũng có. Đọc tác phẩm của văn hào Geoffrey Chaucer, *Câu Chuyện Khi Đi Đến Thành Canterbury*, Canterbury Tales, viết cách nay hơn sáu trăm năm ở nước Anh xa xôi ta vẫn thấy hình ảnh con người với những ham muốn, lừa đảo, ngoại tình, thái độ của vợ đối với chồng, không khác với bất kỳ xã hội nào hiện giờ. Cũng vậy, tuồng có biết bao nhiêu là điều giống ta hôm nay. Đừng chú ý đến hình ảnh hay danh xưng ông vua, vị hoàng tử, cô công chúa, bà hoàng hậu, bà thứ phi, nàng quận chúa, ông thừa tướng, ngài quan văn, bậc quan võ, viên thái giám, nàng cung nữ... mà cứ coi đó là những người bình thường như chúng ta trong xã hội này ta sẽ thấy được *cái tâm lý hằng cửu của con người* qua họ. Những ham muốn, đồ kỵ, tính toán, tranh danh đoạt lợi, ghét ghen, thương cảm, yêu đương, tình bạn hữu, tình cha con, nghĩa vợ chồng... không thiếu gì hết.

Đi vào chi tiết, có thể những tình tự ngày nay không còn nữa như tình chủ tớ, nghĩa vua tôi, nhưng xét cho cùng những thứ tình này không khác mấy với nghĩa của người mang ơn với kẻ ra ơn hay bốn phận người dân đối với tổ quốc, với công vụ. Những cái chết ta gọi là vô lý, ngu trung nhìn ở mặt ngoài sẽ là những cái chết rất bình thường của con người biết ơn nghĩa, biết trách nhiệm. Tuồng hát bội nhìn trong mặt đó là truyện ngắn, là kịch nói, là tuồng cải lương bây giờ. Đọc tuồng ta thấy tâm lý con người không thay đổi bao nhiêu với thời gian, chỉ có *lối sống của xã hội là thay đổi thôi*. Nội dung của ngôn ngữ tuồng và nội dung của những gì nhà văn bây giờ viết ra cũng vậy thôi, chỉ có cách nói là khác. Hiểu được cách nói, ta sẽ thú vị hơn khi đọc bản văn. Nằm được nét chính của tuồng, ta sẽ hiểu rõ hơn tâm lý của người xưa. Đọc nhiều tuồng, làm



quen với ngôn ngữ tuồng, ta sẽ thấy được những gì tuồng chứa trong đó, thấy được sự biến thiên của ngôn ngữ ta sẽ ngạc nhiên về bước chân bảy dặm của ngôn ngữ Việt. Tuồng là một thể loại văn học đã hoàn chỉnh rồi vậy mà dân tộc Việt Nam không sử dụng nữa. Bỏ đi. Đi tìm những thể loại mới, những cách nói mới phù hợp với trào lưu hơn, và đã thành công. Phiên âm tuồng, ngoài những mục tiêu khác còn là muốn giới thiệu với học giới tâm hồn Việt và ngôn ngữ Việt vào giai đoạn xuất hiện tuồng. Đó là mắt xích mà ta không thể bỏ qua khi muốn hiểu về tình trạng văn hóa, văn chương của người Việt.

Phụng Kiều Lý Đán?

Nguyên bản chữ Nôm có tựa là *Đường Lý Đán Diễn Ca* 唐李旦演歌, có nghĩa là truyện Lý Đán đời Đường. Cái tựa không hay trong khi truyện thơ bình dân cũng lấy tích này nhưng có cái tựa hay hơn là *Phụng Kiều Lý Đán* 鳳嬌李旦. Người xưa thường nhắc đến tên hai nhân vật này coi như điển hình cho mối tình chung thủy và hiểu nhau của trai tài gái sắc. Nguyên bản tuồng chỉ nói một phần nhỏ về Lý Đán, trong đó phần lớn là cuộc gặp gỡ với người đẹp Phụng Kiều cho nên tôi nghĩ cái tựa Phụng Kiều Lý Đán chính hơn.

Hoàng tử Lý Đán 李旦 lạc quần thần của mình khi chạy loạn. Cũng như những anh hùng gặp nạn khác, anh tạm đi hành khất để độ nhật. Giấu thân phận mình, anh trá xưng Mã Ẩn 馬隱. Mã Ẩn được phú hộ Hồ Phát 胡發 thuê dụng để coi việc sổ sách, tính toán và cho đổi tên lại là Tiến Hưng 進興. Dùng thì dùng vậy nhưng vợ chồng họ Hồ vẫn coi Tiến Hưng là kẻ bán hèn, hạ đẳng, nhất là vợ con Hồ Phát và những người dây mơ rễ má với họ. Trong nhà còn có gia đình bà An Nhơn 安仁 tạm trú. Chồng mất, bà đến đây nương dựa em chồng, nhưng bà và đứa con gái không được ông em chồng đối đãi tử tế như người thân trong gia tộc mà bị coi như một thứ ăn nhờ ở đậu, gây tổn kém cho gia chủ. An Nhơn có mắt tình đời, biết Tiến Hưng là viên ngọc trong đá nên khi thấy anh rách rưới đói lạnh bèn có lòng lân mẫn. Khi Tiến Hưng nghe cảm được tiếng đàn của con gái bà là Phụng Kiều 鳳嬌 thì lòng thương cảm càng tăng lên. Bà có ý muốn gả Phụng Kiều cho. Trong một giấc mộng, bà được thần nhơn mách bảo rằng hai người này có duyên tiền định chồng vợ. Tin tưởng ở giấc mộng, bà quyết định cho hai trẻ thành hôn. Để

tỏ lòng ngay thẳng và tin tưởng bên vợ, Lý Đán giao cho vợ viên ngọc minh châu gia bảo của dòng họ mình nhưng vẫn không bộc lộ thân phận cho bên vợ biết. An Nhơ và Phụng Kiều tuy có lý do để nghi ngờ rằng Tiến Hưng là hoàng tử Lý Đán ở trong thời tiềm long nhưng không làm sao biết được chân xác vì không có chứng cứ nào rõ ràng.

Cuộc đời ở trọ giúp việc chủ ăn cơm trừ của Lý Đán có những đắng cay khi bị khinh rẻ nghèo nàn, có những ngọt ngào khi được quý trọng lân tài. Trong trường hợp nào anh cũng chấp nhận, không hờ môi vì không thể tin cậy bất kỳ ai. Sơ lậu thân thể có thể nguy đến tính mạng và hư hỏng đại cuộc phục quốc nếu bị tố giác với tân trào.

Rồi người ủng hộ cựu trào tìm được hoàng tử. Lý Đán từ giả gia đình vợ và thân hữu lên đường phục nghiệp, thác là lên đường về nơi chú mình trấn nhậm. Cuộc chia tay bịn rịn và cảm động với những dặn dò và hứa hẹn thề thốt mà bất cứ gia đình nào khi chia ly cũng đều có...

Câu chuyện tình tiết thì như vậy, nhưng chúng ta ngày nay không tha thiết mấy về những sự kiện cấu thành câu chuyện khổ cực của hoàng tử như ông bà ta ngày xưa nữa. Chúng ta chú ý hơn đến tình cảm, lời nói, cách thể phản ứng của từng nhân vật. Chúng ta học ở họ tâm lý người đời, cách nói, cách ứng xử trong từng trường hợp. Chúng ta thấy kẻ xấu người tốt, không phải để khen chê, ghét thương hay để học hỏi như là gương luân lý mà để biết rằng *cuộc đời có muôn mặt*, đời nào cũng bao nhiêu chuyện bi hài đó. Hãy nghe lời nói của một bà vợ khi nghe chồng đem một người lạ về nhà cho ở làm công nuôi cơm: *"Ái thôi! Khéo làm điều hao phí, nghe nói bổng trãi tai! Nghĩ trong nhà đã vắng vẻ không ai hay miễn rằng, cho nên ra ngoài chợ rước về cho đông mặt? Hay là cơm thiêu đã đổ chắt, mắm thúi lại để đầy đó phải nên mới đem về kẻ ăn mày, đừng ăn chơi kéo uống đó thôi!"* Hãy nghe lý luận của người chủ trương phân cách kẻ giàu người nghèo, kẻ thành đạt người không thành đạt: *"Vậy thời Giải Nguyên hà tự thân khinh thị đi trọng hạ tiện chi nhơn. Hễ là kỳ lân giả sanh lân, phượng hoàng hề sanh phượng. Ai đi hoàng tự tôn trọng giá cả tiểu nhơn mà miễn chi! Xưa nay đường lang khởi cảm đương viên, cầu đầu yên năng sanh giác choặng?..."*

Những đoạn giá trị tâm lý và ngôn ngữ như vậy thật nhiều, kể hết thì nhàm đi mất hứng thú cho người đọc, xin mời quý vị đi vào chính văn để có được sự sáng khoái khám phá những điều cần khám phá.

Cũng xin nói thêm một điều đã cũ: Tác phẩm Việt Nam xưa, dầu viết bằng chữ Nôm, cũng bắt chước theo thói Tàu, viết từ trên xuống dưới, từ trái qua mặt, không xuống hàng phân cách lời nói của những nhân vật, càng *không có sự phân cảnh*. Để tiện cho người đọc thời nay, chúng tôi trình bày lại cho rõ

ràng, dễ hiểu, kể cả thêm sự phân cảnh và vài chữ nói đại ý mỗi cảnh.

Hơn ba mươi trang Nôm, đủ để diễn chừng hai giờ trong một buổi diễn tuồng, được có thể chia làm mười cảnh.

Hoàng tử Lý Đán lánh nạn vào giúp việc nhà Hồ Phát.

Cảm tiếng đàn của Phụng Kiều, Tiến Hưng tìm xem mặt ngọc.

Thần, người tác hợp duyên Phụng Kiều Lý Đán.

Nhà Hồ Phát đãi tiệc, mẹ con Phụng Kiều bị cấm vắng lai sảnh đường.

Đồng Giao thành, Tiến Hưng so tài bắn cung.

Xấu hổ vì cháu rể bị thua tỉ tiền, Hồ Phát hành hạ Tiến Hưng.

Sau trận đòn hằn, Tiến Hưng ngoại bệnh.

Thông Châu thành, Tào Bưu hội ngộ Tử hoàng.

Giã từ thân nhơn, hoàng tử Lý Đán lên Thục Vân sơn.

Hoàng tử Lý Đán hội ngộ tướng sĩ, sửa soạn phục quốc.

Vậy thì diễn tiến của đoạn này nhất quán, dễ hiểu. Ban đầu là lưu lạc, rồi gặp nhân duyên, gặp nạn, nhưng cuối cùng rồi cũng thấy được ánh sáng cuối đường hầm.

Sự trích đoạn kiểu này như vậy hợp lý, người viết tuồng không có tham vọng đi hết quyển truyện Thuyết Đường nên đã không viết trọn một chương của nguyên bản mà viết một sự kiện nào đó mình ưng ý và nghĩ là khán giả sẽ thích. Cách này nay gọi là *trích đoạn* người xưa thường làm đối với tuồng dài mà *Tam Cổ Mao Lữ, Tứ Thứ Qui Tào, Đường Dương Trường Bản, Hán Sở Tranh Hùng* là những thí dụ...

Bản Nôm hiện chúng tôi có là *bản khắc mới năm Quý Mùi* 癸未年新刊 chúng ta có nhiều lý do chắc chắn rằng đó là năm 1883. Nguyên bản học giới trong nước chưa bao giờ nhắc đến, các thư viện lớn ngoại quốc thường lưu trữ các bản văn Việt Nam không thấy ghi trong danh sách những tác phẩm Hán Nôm của họ. Do đó tôi nghĩ là chuyện in lại và phiên âm Phụng Kiều Lý Đán này là chuyện cần thiết.

Ông Minh Chương 明章 là một người Minh Hương, cùng với một vài người Minh Hương khác làm chuyện san định sách Nôm ở xóm Phụng Du Lý 鳳油里 ngày xưa thời người Pháp mới ngấp nghé đất Nam Kỳ. Ta không biết được ông làm việc khắc in này vì tư lợi hay vì thương thích văn chương của cái xứ ông trú ngụ, nhưng biết chắc rằng việc làm của ông hơn thế kỷ trước đã cứu sống nhiều tác phẩm của Việt Nam. Ta trân trọng ghi công đức đó, nhứt là sự kiện dòng máu Việt, chắc chắn không có trong ông.

Nguyễn Văn Sâm

THÁNG GIÊNG TRĂY HỘI MÙA XUÂN

Em về trẩy hội mùa xuân
Đất trời một sớm thanh tân lạ thường
Vui sao ở giữa con đường
Rộn ràng xe ngựa sắc hương ngọt ngào
Người ta hoan hỷ nói chào
Áo hồng em mặc má đào hây hây
Thì thùng lân múa địa say
Mùa xuân mở lại tháng ngày cũ hoen
Ô hay lục biếc hồng chen
Lòng lâng lâng tựa hơi men rượu nồng
Quê nhà cổ quận còn trông
Một trời phương ngoại giữa giòng thiết tha
Thiên nhiên một cõi sơn hà
Bể dâu mấy cuộc nên đà cách ngăn
Lòng người khôn khó dãi dằng
Mặc mùa xuân vẫn vĩnh hằng phi phong
Tuyết rơi trắng ở ngoài đồng
Nghệ tây rực rỡ em trông năm xưa
Về thành phố thị đón đưa
Phấn son trang điểm cho vừa mắt ai
Thanh thanh vóc hạc trang đài
Mùa xuân hải ngoại tháng ngày nhớ nhau
Tình dù đẹp vẫn thương đau
Mắt xanh biếc đượm sắc màu trăm năm
Đêm xuân nguyệt hiện hôm rằm
Lên chùa lễ Phật khỏi trầm phát phơ
Chạnh lòng giây phút ngẩn ngơ
Tâm thành lay động vọng về cố hương
Xuân qua quá nửa con đường
Mình rong chơi giữa vô thường bướm hoa
Rập rờn cánh mỏng thiết tha
Mà lay động cả giang hà nước non
Mùa xuân hỷ hội hây còn
Một phương trời mộng nửa hồn nhớ thương
Mình ngoài vạn lý trùng dương
Mà trong cổ quận dễ thường quên sao
Tháng ngày chồng chất biết bao
Mà nay ta lại đón chào nguyên xuân
Rằng đây đang cuộc phong trần
Nửa hoan hỷ nửa tân ngân nhớ quê.

thơ DU TÂM LÃNG TỬ
Ất lãng thành, cuối đông 2017



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ANH QUỐC: Triển lãm lịch sử nổi bật của tín ngưỡng Phật giáo tại Leeds

Một bộ sưu tập hấp dẫn gồm các hiện vật đã được trưng bày tại Leeds như một phần của cuộc triển lãm mới để tìm hiểu lịch sử cổ xưa của tín ngưỡng Phật giáo. Triển lãm khai mạc vào ngày 7-12-2107 tại phòng trưng bày Tiếng nói châu Á của Bảo tàng Thành phố Leeds, với sự tham dự của các nhà sư người Thái tử hạt Headingley.

Các hiện vật bao gồm tranh thangka vẽ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ Nepal, các tràng hạt, cối kinh cầm tay, chuông, biểu tượng Kim cương chữ, các bình bát và nhang, một tượng Đức Phật Thích Ca đầu thế kỷ 20 từ Miến Điện, 2 văn bản mẫu thiêng liêng tượng trưng cho bài giảng pháp của Đức Phật và một bảo tháp sơn màu kiểu Nepal.

Các hiện vật này được trưng bày là một phần của một dự án đang diễn ra dành cho các cộng đồng tín ngưỡng khác nhau của thành phố Leeds.

Cùng với phần trưng bày là một bộ phim được ủy quyền đặc biệt về Phật giáo ở Leeds, do Trung tâm Phật giáo Jamyang tại Leeds và chùa Thái Buddharam mới tại Headingley thực hiện.

(yorkshireeveningpost.co.uk – December 8, 2017)



Các tăng sĩ Thái viếng phòng trưng bày hiện vật Phật giáo tại Bảo tàng thành phố Leeds, Anh quốc—Photo: Tony Johnson

ẤN ĐỘ: Chư tăng tham dự nghi lễ Phật giáo Quốc tế 10-ngày tại Bồ đề Đạo tràng

Gaya, Bihar – Trong trang phục truyền thống, hàng ngàn nhà sư và tín đồ từ khắp nơi trên thế giới đã viếng chùa Đại Giác ở Bồ đề Đạo tràng để tham dự nghi lễ Phật giáo Tụng niệm Tam tạng kinh Quốc tế lần thứ 12, diễn ra từ ngày 5 đến 14-12-2017.

Chư tăng và tín đồ từ khoảng 15 quốc gia đã hát những bài đạo ca cho hòa bình thế giới tại chùa Đại Giác.

Trong 10 ngày lễ nói trên, các tu sĩ Phật giáo tụng niệm những lời dạy của Đức Phật dưới cây Bồ đề linh thiêng.

Lễ cầu nguyện hàng năm này được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2006, với khoảng 250 tín đồ tham dự.

(ANI – December 11, 2017)



Chư tăng tham dự nghi lễ Phật giáo Quốc tế 10-ngày tại Bồ đề Đạo tràng—Photo: ANI

TRUNG QUỐC: Ngôi chùa gỗ cao nhất châu Á bị thiêu rụi trong một trận hỏa hoạn

Miền Trúc, Tứ Xuyên – Ngày 10-12-2017, ngôi chùa gỗ độc đáo cao 16 tầng và chánh điện của khu chùa Linh Quang tại thị xã Miền Trúc đã bị phá hủy bởi một vụ cháy lớn kéo dài trong 4 tiếng đồng hồ.

Nhà chức trách nói không có ai bị thương trong vụ hỏa hoạn.

Khu chùa Linh Quang nguyên thủy được xây vào thời nhà Minh (1368-1644) nhưng nó đã bị phá hủy trong trận động đất năm 2008.

Sau đó, các nhà xây dựng đã khôi phục lại khu chùa này. Nhưng ngôi chùa tháp bằng gỗ

nói trên đang trong tiến trình xây dựng lại thì bị hỏa hoạn thiêu rụi.

Nguyên nhân vụ cháy chưa xác định và một cuộc điều tra đang được tiến hành.

(9news.com.au – December 11, 2017)



Vị trí ngôi chùa gỗ trước khi bị cháy



*Ngôi chùa gỗ 16 tầng bốc cháy
Photos: Buddhistdoor Global*



NGA: Lạt ma Telo Tulku Rinpoche giảng pháp tại Moscow

Telo Tulku Rinpoche - đại diện danh dự của Đức Đạt lai Lạt ma tại Nga, Mông Cổ, và là hội viên của khối Thịnh vượng chung của các Quốc gia Độc lập – đã có buổi pháp thoại tại Moscow vào ngày 10-12-2017.

Sự kiện này được tổ chức bởi Hiệp hội Thanh niên Phật giáo Moscow với sự ủng hộ của Tổ chức "Cứu Tây Tạng", vốn thúc đẩy việc bảo tồn các truyền thống văn hóa và triết học của Phật giáo Tây Tạng.

Là trưởng lạt ma của người Kalmyk, Telo Tulku Rinpoche giữ chức chủ tịch của một số tổ chức quan trọng tại Kalmykia, Mông Cổ, Latvia và Nga. Ngoài ra, ông cũng hướng dẫn việc điều hành các trang web tiếng Nga và Mông Cổ của Đức Đạt lai Lạt ma.

(Buddhistdoor Global – December 13, 2017)



Lạt ma Telo Tulku (bên trái) giảng pháp tại Moscow, Nga—Photo: Renat Alyaudinov

ẤN ĐỘ: Phái đoàn Phật giáo Nhật Bản thăm Thống đốc bang Manipur

Imphal, Manipur – Ngày 13-12-2017, một phái đoàn Phật giáo Nhật Bản gồm 10 người do Thượng tọa Gyomo Nakamura dẫn đầu đã đến thăm Thống đốc bang Manipur, Tiến sĩ Najma Heptulla, tại dinh thự của bà ở thủ phủ Imphal. Chia sẻ những trải nghiệm của mình từ các chuyến thăm các nước Á châu, Thống đốc Najma Heptulla đã đàm đạo với đoàn đại biểu và thảo luận về mối quan hệ đặc biệt giữa bang Manipur và Nhật Bản.

Thượng tọa Nakamura nói rằng mục đích chính của chuyến thăm Manipur này là cầu nguyện cho các nạn nhân chiến tranh của Quân đội Nhật Bản, Quân đội Ấn Độ và những Công dân đã chết trong Thế chiến thứ 2 – đặc biệt là cuộc chiến Nhật-Imphal-Ladakh. Thượng tọa Nakamura nói thêm rằng người Nhật muốn kết nối với nhân dân vùng Đông Bắc Ấn Độ, và ông đã yêu cầu Thống đốc Manipur thúc đẩy chính quyền bang cung cấp sự kết nối tốt để Du lịch Nhật Bản có thể tham quan bang này và có thể quảng bá ngành du lịch Manipur.

(Kangla Online – December 13, 2017)



Thống đốc bang Manipur, Tiến sĩ Najma Haptulla, tiếp kiến phái đoàn Phật giáo Nhật Bản
Photos: kanglaonline.com



ẤN ĐỘ: Hội Liên hiệp Phật giáo Quốc tế bầu Tổng thư ký mới

Tu sĩ Phật giáo Dhammapiya từ bang Tripura của Ấn Độ đã được bầu làm Tổng thư ký mới của Hội Liên hiệp Phật giáo Quốc tế (IBC). Ông được bầu vào chức vụ này tại cuộc họp hội đồng quản trị lần thứ hai của IBC, diễn ra tại New Delhi.

IBC là một diễn đàn Phật giáo toàn cầu để bảo tồn và phát triển các di sản của Phật giáo tại Ấn Độ và các nơi khác trên thế giới.

Hơn 150 đại biểu quốc tế - trong số đó có khoảng 80 đại biểu từ Ấn Độ - đã họp để bầu tổng thư ký và các thành viên của các hội đồng quản trị IBC mới.

Nhân dịp này, Đức Đạt lai Lạt ma đã gửi một thông điệp đến IBC qua video, và Bộ trưởng Liên bang Kiren Rijiju đã có một bài phát biểu quan trọng.

Một ủy ban điều hành cũng được bầu với các đại biểu đến từ Mông Cổ, Úc Đại Lợi, Bhutan, Uganda và các nước khác.

(tipitaka.net – December 15, 2017)



Tăng sĩ Dhammapiya (người đứng giữa) - tổng thư ký mới của IBC—Photo: PTI

THÁI LAN: Ngôi 'Chùa Rồng' độc đáo ở Samphan

Du khách đến Thái Lan rất ngạc nhiên trước ngôi chùa Wat Samphan độc đáo và lạ thường – một ngôi chùa Phật giáo màu hồng tươi, cao sừng sững 80 mét (263 feet) và có một con rồng xanh cuộn quanh 17 tầng bên ngoài tòa nhà này, đầu rồng ngẩng lên kiêu hãnh bên trên mái nhà.

Tọa lạc tại quận Samphan của tỉnh Nakhon Pathom, chùa Wat Samphan là một trong những ngôi chùa Phật giáo ngoạn mục nhất của đất nước Thái Lan. Chùa là một kiệt tác màu hồng cao chót vót - ở độ cao 80 mét, là tượng trưng cho sự tôn kính số năm mà Đức Phật tại thế.

(NewsNow – December 15, 2017)



Chùa Wat Samphan với rồng xanh quấn quanh—Photos:Google

ANH QUỐC: Nghệ thuật Phật giáo Amaravati được trưng bày trọng tại Bảo tàng Anh Quốc

Trong nhiều thập kỷ, các tác phẩm điêu khắc Amaravati – một bộ sưu tập kỳ diệu của nghệ thuật Phật giáo thời kỳ đầu được xem là một trong những bảo vật tuyệt vời nhất của Bảo tàng Anh Quốc – từng bị thiếu ánh sáng và khó cho khách tham quan đến gần để chiêm

ngưỡng.

Các tác phẩm điêu khắc bằng đá này có niên đại từ thế kỷ thứ nhất đến thứ ba sau Công nguyên, từng trang trí một hàng rào chung quanh Đền thờ Lớn của Amaravati – một trong những di tích Phật giáo quan trọng nhất trên thế giới. Đây là nhóm lớn nhất của tác phẩm điêu khắc Ấn Độ thời kỳ đầu bên ngoài châu Á.

Từ ngày 12-12-2017, các tác phẩm Amaravati nói trên sẽ được trưng bày thật trang trọng, khi Bảo tàng Anh Quốc ở trung tâm Luân Đôn mở cửa lại phòng triển lãm lớn nhất của viện cho công chúng sau 2 năm cải tạo.

Phòng triển lãm Sir Joseph Hotung về Trung Hoa và Nam Á mới được cải tạo này của Bảo tàng Anh Quốc là phòng dài nhất tại đây. Nó dài 115 mét, với một số hiện vật được trưng bày lần đầu tiên. Ý tưởng của sự cải tiến là tạo sự dễ chịu hơn và dễ tiếp cận hơn.

(tipitaka.net – December 17, 2017)



Phòng triển lãm Sir Joseph Hotung, Bảo tàng Anh Quốc



*Phù điêu 2 mặt bằng đá vôi từ Đền thờ Lớn của Amaravati
Photos: tipitaka.net*

ẤN ĐỘ: Nhạc hội của tụng niệm Phật giáo, âm nhạc Sufi và Siberia

Hyderabad, Ấn Độ - Thật là một cảnh tượng gây tò mò: một nhóm nhà sư Tây Tạng,

các nhạc sĩ Hồi giáo Sufi từ bang Rajasthan (Ấn Độ) và 2 nhạc sĩ Siberia (Nga) cùng một lúc hội ngộ trên sân khấu tại Taramati Baradari ở thành phố Hyderabad, bang Telangana.

Nhạc hội này có tựa đề "Khi Những trái tim Kết nối", diễn ra vào tối 17-12-2017, là tác phẩm Ấn-Nga kết hợp tụng niệm Phật giáo của các nhà sư Tây Tạng đến từ Tu viện Drepung (bang Karnataka), các bài hát Hồi giáo của Bulleh Shah và các giai điệu Siberia.

Đó thực sự là một đêm trình diễn tuyệt vời dành cho khoảng 800 khán giả được xa rời sự nhộn nhịp hối hả của thành phố.

(TNN – December 19, 2017)



*Đêm nhạc hội "Khi Những trái tim Kết nối"—
Photo: TNN*

TRUNG QUỐC: Trưng bày các bản in 3-D ba tượng Phật từ Hang động Vân Cương (Yungang)

Ngày 16-12-2017, phòng Triển lãm Nghệ thuật Hang động Vân Cương ở Thanh Đảo (Sơn Đông) đã mở cửa cho công chúng, triển lãm 3 tượng Phật được tạo nên bằng cách sử dụng công nghệ in 3-D. Các mô hình này là bản sao của các tượng Phật được khắc vào vách đá sa thạch tại Hang động Vân Cương, một Di sản Thế giới UNESCO ở thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây.

Các mô hình này được thực hiện theo một dự án chung của Viện Nghiên cứu Hang động Vân Cương, Đại học Chiết Giang và Tập đoàn Xuất bản Thanh Đảo.

Các nhà nghiên cứu đã chụp được hơn 10,000 bức ảnh của những pho tượng nguyên bản này tại Hang Vân Cương, tạo ra các mô hình trên máy tính, và cuối cùng là in các mô hình bằng cách dùng sa thạch địa phương và 20 máy in.

Một mô hình cao khoảng 10 mét, trong khi 2 bức kia cao gần 6 mét.

(inquisitor.com – December 20, 2017)



*Các bản in 3-D ba tượng Phật từ Hang động Vân Cương (Yungang)
Photo: Chinanews.com*

NHẬT BẢN: Hoàn thành việc tu sửa 1,000 pho tượng Phật nổi tiếng tại Kyoto

Công tác bảo quản và tu sửa 1,000 pho tượng thiên thủ Quán Thế Âm Bồ Tát tại Phật điện Sanjusangendo ở Kyoto, phía tây Nhật Bản, đã hoàn thành.

Ngày 22-12-2017, trải qua đợt tu sửa hoàn toàn, bộ tượng cuối cùng của số tượng này đã được tôn trí tại Phật điện Sanjusangendo - một điểm tham quan nổi tiếng.

Phải mất 45 năm để tu sửa các pho tượng được xem là tài sản văn hóa quan trọng này, với từng tượng một được lần lượt đem ra khỏi Phật điện.

Công tác bảo quản và tu sửa bắt đầu vào năm tài chính 1973. Ban đầu tốc độ công việc hàng năm là từ 15 đến 30 tượng, và kể từ năm 2013 mỗi năm đã sửa được khoảng 40 tượng.

Công việc chủ yếu là làm sạch bụi và ngăn chặn lớp vàng lá không bị rơi khỏi các pho tượng. Những tượng cổ xưa nhất trong số đó có niên đại từ cuối thời Heian (từ 794 đến khoảng 1185).

(Jiji Press - December 22, 2017)



Các tượng Quán Thế Âm được đưa về lại điện Sanjusangendo sau khi tu sửa—Photo: Kenta Sujino

TÍCH LAN – NEPAL: Đại sứ quán Tích Lan và Hiệp hội Tu viện Phật giáo Lalipur (Nepal) tổ chức chương trình đối thoại đặc biệt để kỷ niệm 60 năm thành lập quan hệ ngoại giao

Để kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Tích Lan và Nepal, Đại sứ quán Tích Lan tại Nepal cùng với Hiệp hội Tu viện Phật giáo của quận Lalipur (Nepal) đã tổ chức một Chương trình Đặc biệt với các Diễn giả (Chương trình Đối thoại Đặc biệt) tại Khách sạn Hi Mã Lạp Sơn vào ngày 19-12-2017.

Khách mời chính của chương trình là Phó tổng thống Nepal, ông Nanda Bahadur Pun.

Các diễn giả Phật giáo là Hòa thượng Maitri Thero, Chủ tịch Hiệp hội Tăng sĩ Toàn Nepal, Naresh Man Badracharya, Phó Hiệu trưởng trường Đại học Phật giáo Lâm Tì Ni và Pushpa Rathna Shakya, Chủ tịch Hiệp hội Tu viện Phật giáo Lalipur cùng với một số quan chức khác đã có phần thuyết trình của mình.

Trên 150 khách mời, bao gồm các quan chức Bộ Ngoại giao, các thành viên Ngoại giao đoàn, hội viên hàn lâm viện, học giả Phật giáo, đại diện các tổ chức quốc tế, các nhà báo, doanh nhân và thành viên của cộng đồng Tích Lan đã tham dự chương trình.

(NEWS.LK - December 24, 2017)



Chương trình Đối thoại Đặc biệt để kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Tích Lan và Nepal—Photo: news.lk

NEPAL: Đức Pháp vương Gyalwang Drukpa dẫn đầu cuộc Hành hương bằng Xe đạp lần thứ 5 của "chư ni Kung Fu" để nâng cao nhận thức về nạn buôn người

Ngày 24-12-2017, dưới sự dẫn dắt của Đức Pháp vương Gyalwang Drukpa thứ 12, khoảng 200 ni cô đã đạp xe để khởi động cuộc hành hương một-tháng qua Nepal và Ấn Độ. Chư ni dự định vượt qua một lộ trình khoảng 3,000 km từ ni viện của họ ở Kathmadu đến New Delhi và sau đó đến Darjeeling, nhằm nâng cao nhận thức về nạn buôn người và bình đẳng giới tính.

Trong suốt hành trình, các ni cô - phần lớn là những người sống và tu tập tại ni viện

Druk A Di Đà Sơn ở Kathmandu – cũng sẽ biểu diễn kung fu và gặp gỡ các lãnh đạo cộng đồng địa phương để thảo luận về các sáng kiến bình đẳng giới.

(Buddhistdoor Global – December 27, 2017)



Đức Pháp vương Gyalwang Drukpa



Các ni cô kung fu khởi hành từ Ni viện Druk A Di Đà Sơn của họ ở Kathmandu (Nepal)



Chư ni trên hành trình 3,000 km từ Nepal đến Ấn Độ

Photos: Kung Fu Nuns Facebook

NHẬT BẢN: Chư tăng tập dượt đánh quả chuông khổng lồ ở Kyoto

Kyoto, Nhật Bản - Ngày 27-12-2017 tại chùa Chionin ở Phường Higashiyama, 17 nhà sư đã nâng cây dùi gỗ lớn bằng gỗ để đánh quả chuông khổng lồ trong một buổi tập dượt cho đêm Giao thừa 31 tháng 12.

Một tăng sĩ trong số họ treo ngựa mặt dưới quả chuông, tay giữ sợi dây thừng lớn nhất trong khi các tăng sĩ kia kéo các dây thừng khác để kiểm soát dùi chuông.

Chuông chùa Chionin sẽ được đánh 108 lần, bắt đầu từ khoảng 10:40 p.m. vào lúc Giao thừa, để đón mừng năm mới.

Quả chuông này được đúc vào năm 1636, cao 3.3 mét với đường kính 2.8 mét.

(asahi.com – December 28, 2017)



Chư tăng tập dượt đánh quả chuông khổng lồ ở Kyoto



Photos: The Asahi Shimbun

NHẬT BẢN: Triển lãm 3 tượng Phật giáo nổi tiếng của chùa Kofukuji tại Paris

Nara, Nhật Bản – Ba kiệt tác tượng Phật giáo của chùa Kofukuji thuộc thành phố Nara sẽ được trưng bày tại triển lãm văn hóa ở Pháp. Đây là lần đầu tiên các tượng này được triển lãm bên ngoài Nhật Bản.

Triển lãm mang tên "Tính cách Nhật Bản 2018: những tâm hồn hòa hợp", giới thiệu các

nghệ thuật truyền thống, văn hóa thiểu dân Nhật Bản và các xu hướng văn hóa khác. Triển lãm sẽ bắt đầu vào tháng 7 tại các địa điểm ở Paris và các nơi khác.

Ba pho tượng Phật giáo nói trên sẽ được trưng bày tại một cuộc triển lãm chính thức tại Bảo tàng Guimet ở Paris do chính quyền tỉnh Nara và bảo tàng của Pháp tổ chức. Đó là hai tượng hộ pháp Agyo và Ungyo (bảo vật quốc gia) và tượng bồ tát Jizo (tài sản văn hóa quan trọng).

(asahi.com – January 2, 2018)



Tượng hộ pháp Agyo



Tượng hộ pháp Ungyo



Tượng bồ tát Jizo



Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



DÍNH MẮC

Cuộc hội thảo rất sôi nổi, đại biểu các trường phái tranh luận và ai cũng cho mình là đúng. Một người nói:

- Nam Tông ngày ăn một bữa nhưng cá, thịt không thừa; xem ra từ bi chưa đủ!

Người theo phái khác liền đáp:

- Bắc Tông tuy chay tịnh nhưng ăn phi thời, mâm cỗ linh đình, dính chặt vào việc này!

Thầy bảo:

- Các vị vừa đúng vừa sai.

Nhiều người lao xao:

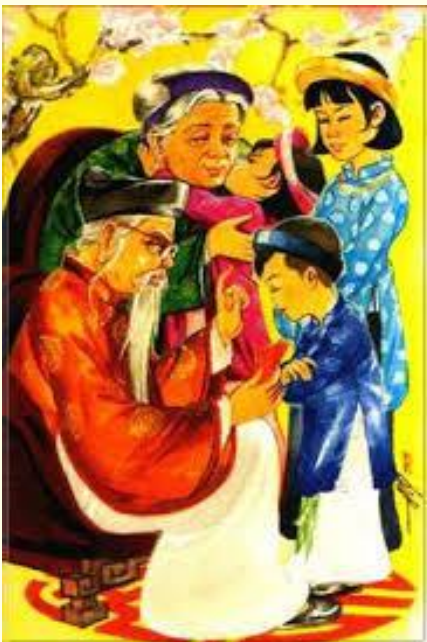
- Thế nào là vừa đúng vừa sai?

- Cả hai đều chấp, không thấy trung đạo, không biết thế nào là khế cơ khế lý!

Giảng đường vang tiếng vỗ tay rào rào.

PHẬN MÌNH CHƯA XONG

Cuối tuần cả nhà đi chơi trượt băng, vào sân trơn láng quá. Con bé lóng nga lóng ngóng vài bước thì té ạch



xuống và kêu:

- Ba ơi, chơi thế nào, giúp con đứng lên được không?

Lúc ấy bà vợ cũng vừa ngã ra, quỳnh quáng hét lên:

- Anh ơi, đỡ em đứng dậy, giúp em trượt với!

Người chồng toan đến thì cũng ngã chổng chơ nhưng ráng cười gượng:

- Ta cũng chưa đứng lên được thì giúp sao đây?

Có người khách đứng coi nói trống trơ:

- Thương nhau tha thiết cũng chẳng giúp gì nhau được khi phận mình còn chưa đứng lên!

TẾT TA TẾT TÂY

Năm rồi quan đề nghị bỏ tết ta đi để hội nhập và phát triển. Giới sĩ phu mỉa mai:

- Phát triển hay không là ở cái tài, cái tầm lãnh đạo chứ nào phải ở cái tết!

Dân chúng rần rần phản đối:

- Tết ta không chỉ sum họp gia đình, tưởng nhớ tổ tiên mà còn là mừng xuân Di Lạc... Nhất định không thể bỏ!

Quan lý sự:

- Người Nhật nhờ bỏ tết âm lịch mà phát triển đấy!

Nhân sĩ trí thức vặn lại:

- Nhật khác với ta, phát triển mà quên nguồn cội, dân chúng bất an thì phát triển có ích gì?

GIÁ MÀ HỌ BIẾT

Bên trong bốn bức tường, dưới ánh đèn nhợt nhạt. Công nhân quần quật suốt ngày, ấy thế mà bọn đốc công nịnh chủ luôn đe nẹt họ, tìm cách cắt xén quyền lợi, thêm việc, thêm giờ làm... Ai ai cũng giận nhưng không làm gì được, chỉ than vãn hoặc chửi thề:

- Công việc cực nhọc lại đối xử tệ bạc. Họ giàu có cũng nhờ sức lực công nhân!

Chủ Tư bảo:

- Tệ thật, nhưng cũng nhờ có họ mà ta có công ăn việc làm. Giá mà họ biết câu: "Lợi hoà đồng quân" thì xã hội này bớt bất công và loạn động.

GÀ TRỒNG

Vốn lịch lãm giang hồ, nổi tiếng văn hoa và ga lăng, cũng từng gáy vang khắp trong ngoài châu quận Đông-Tây. Dân ta mê tíu thờ lờ, hể cái gì có dính líu đến đều cho tuyệt cả:

- Bà đầm, áo đầm, nháy đầm... nhất thiên hạ!

Thậm chí có người còn bảo:

- Đồ Tây đầm thì có bao giờ sai!

Gà trống nhiều lần tranh ngôi vị bá chủ của liên minh nhưng bị đại bàng bên kia biển dùng sức mạnh và tiền bạc đè bẹp nên hậm hực lắm:

- Bọn trọc phú tiền bạc nhiều chứ văn hoá, chữ nghĩa có bao nhiêu.

ĐỒ CÀ QUỲNH

Năm xưa khi cổ quận loạn lạc, gã râu xồm bên tây sang phò cho bọn đầu lãnh nhà y nên y cảm kích lắm. Năm rồi y nổi hứng sang thăm và rủ rê:

- Thế giới bất an lắm! Tổ với cậu thay nhau làm sen đầm nhé! Tổ thức thì cậu ngủ và ngược lại!

Hai người đồng ý, ôm hôn thăm thiết, vỗ lưng bồm bộp. Nào ngờ chẳng bao lâu râu xồm ngoắc tay với bọn thù địch rồi lăn quay ra chết bỏ bạn ôm cột một mình. Y tên tò lằm bằm chửi:

- Đồ cà quỳnh, thế này thế chết ông rồi!

Đời đã xanh rêu

TN. HẠNH TÂM

Những cơn mưa cuối mùa rồi cũng dứt, những tờ lịch cuối ngày sẽ phải lật qua. Năm tháng cứ mãi miết trôi. Cuộc sống đời người vẫn luân chuyển theo những chuyển đồ ngược xuôi muôn lối.

Ngày cuối năm... tôi có dịp về miền Tây sông nước, hội tụ nhiều chị em bạn đạo vốn đã lâu năm không gặp. Những người bạn đồng liêu vừa gặp nhau đã vui vẻ chuyện trò, chia sẻ về chuyện tu niệm, về những khó khăn khi trở lại quê nhà hành đạo hóa duyên. Câu chuyện hàn huyên lần hồi quay trở lại với dòng ký ức xa xưa, hồi tưởng những tháng năm tu học chan hòa dưới mái Tổ đình Ni viện. Mọi người đang bận theo đuổi dòng suy nghĩ của mình thì một cô chợt lên tiếng:

- Thầm thoát mà cô Ng. Hồng mất đã hai mươi năm rồi. Nhanh thật chứ. Nghe nói giờ năm rồi... cô Thảo về nước tổ chức hỷ kỵ rồi đưa linh cốt cô về an trí tại ngôi chùa của người mẹ đang tu ở tận tỉnh vùng ven.

Thời gian đã lâu xa. Câu chuyện cũ đã chôn dần vào dĩ vãng. Ấy vậy mà, mọi người vẫn nhớ, vẫn nhắc lại để cùng hoài niệm tưởng nhớ đến một người đã từ già cõi đời vừa tròn hai thập kỷ. Hai mươi năm ngỡ như chớp mắt ấy cũng đã có biết bao sự kiện xảy ra, nhiều cuộc thay đổi khiến người ta chỉ biết nhanh chân tiến về phía trước thì mấy ai còn tâm sức để quay nhìn lại những gì đã thuộc về quá khứ xa xăm. Hai mươi năm... ngày bạn ra đi, đứa cháu nhỏ con ông anh của bạn mới chào đời nay đã trưởng

thành khôn lớn. Người mẹ già cũng nhẹ gánh ưu tư, phát tâm xuất gia, ngày đêm tinh tấn tu hành hướng cầu giải thoát... Tôi và bạn đã có gần hai mươi năm quen biết khi cùng trải qua nhiều môi trường tu học.

Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau là vào mùa an cư tại ngôi chùa ở nội ô thành phố. Trong số những cô đệ tử nhỏ tuổi nhất nhưng nhanh nhẹn hoạt bát hơn cả. Sau mùa hạ, những cánh chim nhỏ bay đi và phải gần mười năm sau tôi mới có dịp gặp lại bạn tại trường Trung cấp Phật học Đại Tổng Lâm. Ng. Hồng lưu trú ở vùng này nhưng bạn còn phải lo cho mẹ già đơn chiếc nên chỉ đăng ký học ngoại trú. Cô đệ tử năm nào giờ đã chững chạc song tánh hiếu động thì vẫn như xưa.

Rời trường Phật học, tôi về thành phố xin vào chùa Kim Sơn thì bất ngờ lại gặp

Ng. Hồng cũng đang nhập chúng tại đây. Cùng lưu trú nên chúng tôi cũng trở nên thân tình và hiểu về nhau hơn. Bạn học Giảng sư, Anh ngữ nhưng lại thích làm thơ. Bạn yêu nghệ thuật sáng tạo, biết hội họa và chữ viết thuộc loại rồng bay phượng múa, rất đẹp, cả chữ Hán lẫn chữ Việt. Bạn tụng kinh với chất giọng Huế trầm ấm nhẹ nhàng mà sâu lắng cả hai cõi âm dương. Không chỉ vậy, bạn còn thông thạo tán tụng theo nghi thức Huế nên thường lãnh xướng việc chủ lễ mỗi khi có cúng vong linh tại chùa.

Câu chuyện về gia đình bạn cũng rất đặc biệt. Ba mất sớm để lại người vợ trẻ cùng bốn con thơ mà con gái út chỉ mới hơn một tuổi. Người mẹ đã dắt dìu các con lìa quê hương vào tận Sài-gòn tìm kế sinh sống. Mấy mẹ con khi thì xin trú ngụ trong những ngôi chùa quen biết, lúc lại vào tá túc ở Cô nhi viện. Trong cảnh mẹ góa con côi, bà chỉ mong các con có cuộc sống yên ổn và bản thân cũng tránh xa những cam bẫy đời thường vốn nhiều hệ lụy.

Trải qua năm tháng tuổi thơ sống trong cảnh chùa thanh tịnh, được sự chỉ dạy đạo tình của quý ông quý thầy nên mấy anh em cũng thấm dần tương chao kính kẻ. Con đường đã vạch sẵn, chỉ xuất trần cũng sớm bộc lộ. Tuổi niên thiếu bạn đã quyết chí

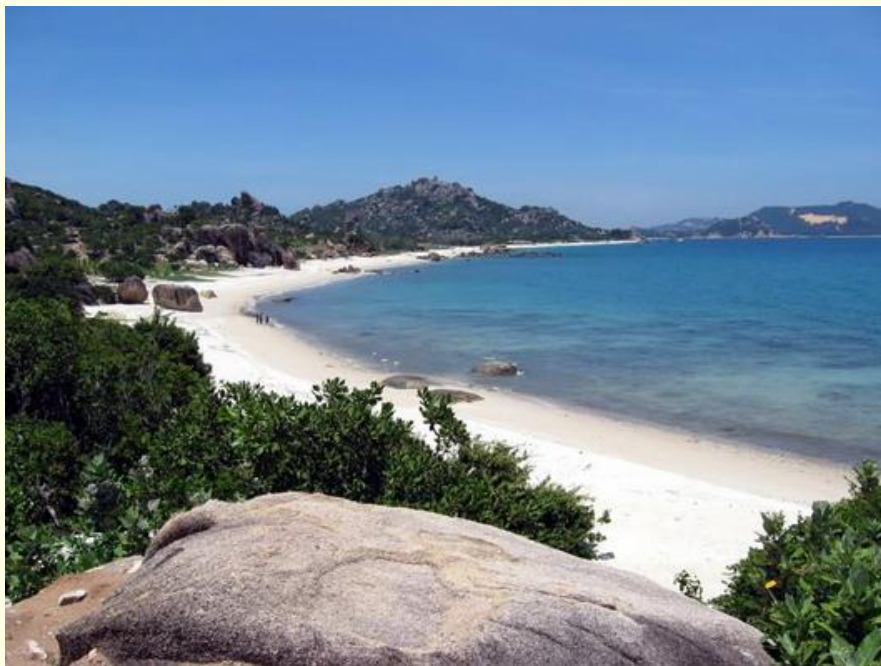


xuất gia tu học. Không bao lâu, cô em kế cũng là con út trong gia đình tiếp bước chị xin mẹ ra Huế theo quý sư tập sự hành điều. Sau khi thể phát xuất gia, cô trở vào Nam, dự học khóa II trường Trung cấp Đại Tông Lâm. Ra trường, cô lại xin về Kim Sơn tu học cùng chị.

Tôn kính bậc trưởng thượng, hòa hợp thân thiết với chị em huynh đệ; sống hết mình với bạn bè dù đạo dù đời, thường quan tâm giúp đỡ những mảnh đời bất hạnh khó khăn quanh mình. Đó là cung cách sống của bạn và cũng là tính cách đặc thù chung của người tu sĩ. Thế nhưng nếu ai từng quen biết gần gũi Ng. Hồng ắt sẽ nhận ra bên trong con người đầy khí phách ấy luôn chất chứa một tấm lòng đôn hậu thuần lương, rất tận tâm độ lượng nhưng cũng giàu nghị lực để vượt qua mọi cám dỗ đời thường. Bản chất có được là nhờ thiên bẩm nhưng sâu xa hơn cả là nhờ được hun đúc từ những năm tháng sống dưới mái chùa, là xuất phát từ những đau thương mất mát mà bạn đã trải qua từ thời thơ ấu.

Bạn là người con chí hiếu, biết trân trọng yêu thương và có trách nhiệm với những người thân trong gia đình. Đó là điều hiển nhiên với tính cách của bạn. Xuất gia cắt ái nhưng đâu thể cắt lìa tình thân. Bởi hơn ai hết bạn hiểu sự hy sinh thầm lặng của mẹ, hiểu rõ sự mất mát tình cha của đứa em gái nhỏ. Đi tu, cũng là cách bạn trả hiếu cho mẹ, để bà an tâm vui theo từng bước đi của con. Với người em cùng chí hướng, bạn hết lòng yêu thương lo lắng và sẵn sàng hy sinh tất cả, tạo điều kiện tốt nhất cho em tu học. Những gì bạn làm cũng là mong mẹ được an hưởng tuổi già bên các con thuận hòa hiếu thảo.

... Ấy vậy mà, những việc làm, những hình ảnh thân quen ấy đã sớm vụt tắt chỉ sau một chuyến đi. Một buổi chiều, bạn xin sư bà về nhà vài ngày thăm mẹ già đang



bệnh. Bấy giờ là cuối đông, chỉ còn vài ngày nữa là đến Tết dương lịch, nhiều chị em ở chùa đang vào mùa thi nên thức khuya học bài. Nửa đêm, bất ngờ có tiếng chuông điện thoại bàn reo lên. Tin bạn mất nhanh chóng đánh thức mọi người. Những ánh mắt bàng hoàng ngơ ngác, những tiếng thì thầm xôn xao vì không ai tin đó là sự thật. Nhưng đó lại là sự thật. Bạn bị tai nạn từ chập tối, được đưa vào bệnh viện song đã không qua khỏi.

**"Tài hoa bạc mệnh,"
"Ra đi cũng là để trở về."**

Người ta thường nói vậy nhưng sự ra đi bất ngờ của bạn khi tuổi đời mới ngoài ba mươi để lại nhiều nỗi thương tâm cho người ở lại. Dù ai có nói gì thì thân xác bạn cuối cùng cũng đã trở về. Không chuông trống chằng rền ràng, nhưng rất đúng với phong cách mà chỉ có bạn mới dám nghĩ ra. Trong khuôn viên Trường Đại Học Y Dược... khuya hôm ấy không hiểu sao bị cúp điện và thế là có người vội lên tiếng "Chắc Ng. Hồng thích vậy." Đêm hôm ấy có rất đông những bạn bè là tu sĩ, cư sĩ và những bạn học ngoại khóa đứng chờ bên ngoài cổng bệnh viện để mong được nhìn bạn lần cuối,

để được nói lời tiễn biệt và tỏ lòng cảm kích một sự cô, một người bạn vừa vĩnh viễn ra đi.

Đêm cuối năm không bóng trăng cũng không một ánh đèn, chỉ có vài ngọn nến le lói cùng đoàn người lặng lẽ theo sau chiếc băng ca phủ khăn trắng xóa. Tiếng niệm Phật vang đều vẫn không đủ để gian phòng chứa thì hài hiển xác bớt đi vẻ lạnh lẽo thâm u. Bạn nằm lại đó. Một cõi bình yên không hương khói nhưng cũng chẳng muộn phiền. Bạn nằm lại và bỏ ngoài tai bao lời thị phi chê trách. Thân xác dâng hiến vì sự sống của nhân sinh thì tâm linh cũng nhẹ nhàng như sương như khói. Tâm nguyện của người ra đi cũng chính là ánh sáng soi tỏ mọi góc nhìn tăm tối.

Cho đến ngày Ng. Hồng từ giã cõi đời... mọi người mới bất ngờ khi biết bạn đã làm đơn hiến xác từ hơn một năm trước. Lễ sống vô thường, đời người hư ảo mong manh. Bạn hẳn đã biết trước sự ra đi nên chuẩn bị hậu sự của mình theo cách chu đáo vẹn toàn nhất. Tâm nguyện của bạn được cô em thực hiện sau khi nhận tin dữ và nhanh chóng liên hệ nơi tiếp nhận hiến xác. Thế là có một cuộc đưa tiễn nhẹ nhàng nhưng đầy xúc cảm trong

bóng đêm lạnh giá. Cối tam đi về. Cuộc sống ngăn ngui của bạn đã trang trải cho đời thì thân xác còn lại cũng nguyên hiển dâng cho những thử nghiệm y khoa vì sự sống của muôn người.

Người em vẫn thường vào thăm chị và cô từng tâm sự với tôi "Nhiều người phản đối việc chị Hồng hiến xác. Vì họ sợ người tu sau khi mất phải chịu khổ xé là điều không tốt. Em vào thăm chị mấy tháng nay vẫn chưa thấy gì. Họ bảo xác chết mới vào phải nằm bảy tháng có khi cả năm mới bắt đầu cho phẫu thuật thí nghiệm..."

Chuyện Ng. Hồng hiến xác khi ấy có người đồng tình nhưng cũng không ít người phản đối. Cũng phải thôi. Vào thời ấy việc hiến xác mới phổ biến nên nhiều người chưa sẵn lòng hưởng ứng, nhất là với người tu sĩ. Vậy mà bạn đã biết và nhiệt tình hưởng ứng. Có thể nói... bạn là người tu sĩ hiến xác đầu tiên khi Hội Y học thành phố phát động kêu gọi.

Cô em gái của bạn cũng là người giàu nghị lực. Cô đã vượt qua nỗi đau mất chị, vượt qua bao lời thị phi trách cứ để hoàn thành tâm nguyện cho người chị quá cố. Bản lĩnh và tâm huyết đã giúp cô đứng vững trước bao giông tố bủa vây. Chị không còn... cô biết mình càng phải mạnh mẽ hơn để làm chỗ dựa cho mẹ. Người mẹ mang trong mình căn bệnh ung thư đã nhiều năm, này phải mất đi đứa con hiểu thảo, bà đau đớn nhưng không ngã quỵ. Là người hiểu đạo, bà chấp nhận vì biết rõ nghiệp lực trả vay sanh tử của kiếp người.

... Nhiều năm sau, khi mọi công đoạn phẫu thuật thí nghiệm đã hoàn tất, bệnh viện mời cô em đến để thông báo họ sẽ mang thi thể người chị đi hỏa thiêu và giao lại tro cốt cho gia đình. Đến ngày hỏa thiêu có rất đông bạn bè huynh đệ đến nhà xác tụng thời kinh nguyện, sau đó cùng niệm Phật tiễn bạn thêm một lần. Tro cốt được đưa về chùa

LỤC BÁT TÌNH



*Xin em đừng mặc áo vàng
Chiều thu quá chật ngờ ngàng tim anh*

*Xin em đừng mặc áo xanh
Chiều đông vắng nắng chông chênh bóng hình*

*Xin em đừng mặc áo tình
Chiều xuân lệch dấu để mình xa nhau*

*Xin em đừng mặc áo sầu
Chiều hè gió ngược lòng nhau rồi bờ.*

thơ NGỌC TUYẾT

của sư cô vốn là bạn thân thời học Trung Cấp của bạn để ngày đêm hương khói thờ cúng.

Ngày giỗ bạn năm trước, cô sư em đã đưa tro cốt về ngôi chùa mẹ bạn đang tu niệm. Thế là cuối cùng bạn cũng đã trở về bên mẹ sau một thời gian dài chụ du khắp nơi cùng bạn bè. Hẳn bạn cũng hài lòng với sự sắp xếp này. Bởi suy cho cùng... dù con người ta có đi đâu về đâu thì cuối đời vẫn trở về với đất mẹ, trở về với chính mình. Khi sống bạn đã vì người, chết cũng vì mọi người. Vậy nên, tôi tin bạn sẽ trở lại cõi này... để tiếp tục sứ mệnh vị tha cao cả vẫn còn dở dang...

Hai mươi năm trở về nơi thế giới tịnh yên, bạn đã trả

hết cho đời những món nợ nghĩa tình vay trả trong cõi nhân sinh. **Nhưng cuộc đời vẫn còn nợ bạn một dòng tri ân, một lời cảm tạ.** Biết làm sao được. Cuộc đời vốn dĩ là dòng chảy của muôn sự lãng quên và vô tình như thế rồi.

Hai mươi năm tưởng nhớ đến bạn, xin mượn vài câu thơ ý nhạc của người nhạc sĩ tài danh... để thay lời tri ân cảm tạ muôn màng. Hoài tưởng đến người cũng chính là đang nhìn lại mình khi "Đời đã xanh rêu."

*"Bao nhiêu năm bỗng lại
nhiệm màu
Trả nợ một lần trong cõi đời
nhau
Hai mươi năm vẫn là thuở nào
Trả nợ một lần quên hết ngày
sau..."*

(Trịnh Công Sơn)

Hạnh Tâm

QUY TẮC TU HỌC

Lời khai thị của Ấn Quang Đại Sư

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

"Bất luận là người tu tại gia hay xuất gia, cần phải trên kính dưới hòa, nhẫn nhục điều người khác khó nhẫn được, làm những việc mà người khác khó làm được, thay người làm những việc cực nhọc, thành toàn cho người là việc tốt đẹp. Khi tỉnh tọa thường nghĩ đến điều lỗi của mình. Lúc nhàn đàm đừng bàn đến điều sai trái của người. Lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, mặc, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, chỉ niệm Phật hiệu không để gián đoạn: hoặc niệm nhỏ, hoặc niệm thầm. Ngoài việc niệm Phật, đừng dấy khởi một niệm nào khác. Nếu khởi vọng niệm, phải tức thời bỏ ngay. Thường có lòng hổ thẹn và tâm sám hối. Nếu đã tu trì, phải tự hiểu là công phu của ta hãy còn nông cạn, chẳng nên tự kiêu căng, khoa trương, chỉ nên chăm sóc việc nhà mình mà đừng nên dính vào việc nhà người. Chỉ nên nhìn đến những hình dạng tốt đẹp mà đừng để mắt tới hình dạng xấu xa bại hoại. Hãy coi mọi người đều là Bồ Tát, mà ta chỉ là kẻ phạm phu. Nếu quả có thể tu hành được như những điều kể trên, thì nhất định được sinh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới."

Sau khi đọc xong lời khai thị trên, chúng tôi thấy hay quá nên đã cố gắng chuyển thành văn vần cho dễ nhớ, mong hàng ngày gặp dịp đem áp dụng tu tập.

QUY TẮC TU HỌC

Lời khai thị của Ấn Quang Đại Sư
Tâm Lương Đào Mạnh Xuân
(chuyển thành văn vần)

Niệm Phật liên tục đêm ngày,
(Lúc) Nằm, ngồi, đi, đứng, ăn, thay áo quần.
Niệm nhỏ hoặc niệm thầm.(1)
Chánh niệm, vọng tưởng khó thấm nhập vào.
Trì niệm, **Nhiếp tâm** thật sâu
Nhận rõ từng tiếng, từng câu hàng đầu.
Lại thêm **ký số đúng** vào,
Phiền não biến mất, nhiệm mầu làm sao !(2)
Chỉ niệm Phật, chưa đủ đâu !
Tu thêm hạnh phước, ngộ hầu trợ duyên:
Hình dạng tốt đẹp nên xem.
Còn cảnh bại hoại chẳng thèm để tâm.
Hổ thẹn, Sám hối lỗi lầm. (3)
Giúp người xong việc khó làm tốt thay !
Nhẫn điều khó nhẫn mới hay !
Dưới hòa, trên kính tỏ bày khiêm cung.
Tĩnh tọa nghĩ tới lỗi mình,

Nhàn đàm không nói "**nhân tình...**" trái sai.
(**Nhân tình** thế thái: lòng người và thói đời)
Việc nhà chăm sóc hôm mai.
Chuyện người không dính, khỏi tai vạ vào.
Tự hiểu tu chẳng được bao.
Khoa trương nên tránh, đỡ tổn hao phước trời.
Xem như Bồ Tát mọi người.
Mình: phạm phu sát đất **lời khởi** được gì !
(**Lời khởi**: không chú trọng vào việc mình làm)
Nghĩ vậy mới rảnh tu trì,
Cố làm tốt điều đã ghi, để mà:
Lâm chung, Phật đến đón ta,
Về cảnh thù thắng quê nhà Tây Phương.

Chú thích:

Xin được chia sẻ một vài kinh nghiệm tu tập sau đây:

(1):**Niệm Phật liên tục đêm ngày**: Cách thực tập để có thể Nhớ Phật, Niệm Phật:

(1a): Luôn luôn có mấy niệm Phật có nhạc bên mình khi đi trên đường. Lúc rảnh là mở máy nghe ngay. Phần này chỉ nên áp dụng vào thời gian đầu vì niệm Phật có nhạc giúp ta hứng thú có thể niệm được lâu. Khi đã thuần thục rồi có thể chọn cách niệm Phật không nhạc.

Đây là cách thực tập niệm Phật có nhạc: Cứ niệm ra tiếng 5 câu danh hiệu A Di Đà Phật rồi tiếp theo là nghe và niệm thầm 5 câu. *Lúc nào cũng nhớ ký số từ 1 đến 10.*

Còn sau này dùng máy niệm Phật không nhạc, niệm thầm, ký số từ 1 đến 10. Xong lắng tai nghe ký số từ 1 đến 10.

Người quyết tâm tu trì, chớ để thời gian trôi qua lãng phí. Hãy nghe, niệm và ký số đúng bất cứ lúc nào. Làm được vậy thì "*Niệm Phật một câu, phước sinh vô lượng.*" Còn miêng niệm (Nam Mô) A Di Đà Phật mà tâm rong chơi khắp mọi nơi thì:

"Miêng niệm Di Đà tâm tán loạn,
Niệm cho rất cố, chỉ hoài công"

Mong quý vị nào thường đi hộ niệm cho người quá cố, nhớ cho điều này để một khi niệm Phật cho họ ta phải cố gắng chí thành niệm và ký số đúng thì mình mới có phước để hồi hướng cho họ.

Xin nói thêm, lúc đầu mới tập ký số, rất khó ký số đúng. Phải tốn một thời gian dài, có khi cả năm, hoặc nhiều hơn, mới ký số đúng

được. Khi ấy càng niệm Phật (ký số đúng), vọng niệm càng ít dần. Vì "Chí tâm niệm Phật một câu có thể tiêu trừ 80 ức kiếp sinh tử trọng tội." Vậy nên xin chớ nản lòng.

(1b): Trên bàn thờ luôn có máy niệm Phật mở suốt ngày đêm. Vậy là khi ở nhà, mình luôn nghe tiếng niệm Phật. Xin nhớ cố ký số đúng bất cứ lúc nào có thể.

(1c): Muốn niệm Phật liên tục đêm ngày chỉ có cách dùng máy niệm Phật, gắn dây nghe vào tai. Trừ lúc phải làm việc bằng trí óc, còn ngoài ra bất kể lúc nào và ở đâu cũng có thể nghe máy niệm Phật được. Xin để ý gắn nút nghe vào tai làm sao, đừng để âm thanh chĩa thẳng vào tai. Nhớ để phần phát âm hướng ra ngoài đủ để có thể nghe được.

Vì như vậy, nghe sẽ được lâu và không đau nhức ở tai. Không nên nghe nhiều một bên tai mà nên đổi qua bên tai kia. Khi không sợ làm phiền người khác, có thể nghe trực tiếp từ máy. Xin nhớ cố ký số đúng bất cứ lúc nào có thể.

Áp dụng được cách trên, hy vọng lâu ngày, lúc nào tâm ta cũng Nhớ Phật và Niệm Phật.

Cách tu một mình bất cứ lúc nào có thể, không cần có đạo tràng lên khóa lễ, Hòa Thượng Trí Tịnh gọi là "Tu Mót".

Một người thích niệm Phật, tu theo cách "Tu Mót" này, tức hễ lúc nào rảnh là nhớ niệm Phật liền, chắc chắn đem lại kết quả rất nhiều vì "năng nhặt chặt bị".

Cầu nguyện lúc lâm chung, tâm được tỉnh táo, chắc sẽ Nhớ Phật và Niệm Phật. Chỉ cần niệm được 10 danh hiệu Phật vào lúc này thì coi như vĩnh viễn thoát khỏi vòng sinh tử, luân hồi.

(2): Phiền não biến mất, nhiệm màu làm sao! **Niệm Phật chí thành để chế ngự phiền não:**

Trong tâm ta suốt ngày vọng niệm khởi lên. Có nhiều thứ vọng niệm như niệm về TÌNH AI, NGŨ DỤC, v.v... hiện lên rồi tự biến đi. Chỉ có phiền não thường bám chặt vào tâm ta, là khó khắc phục nhất. Người học Phật thường dùng câu niệm Phật chí thành để xua tan phiền não. Muốn đạt được điều này khi niệm một câu danh hiệu Phật, cùng lúc phải cố làm cho được 4 điều sau:

Những mục 2a, 2b và 2c dưới đây: Trích từ "Kệ Niệm Phật" (Yếu Chỉ Pháp Trì Danh Niệm Phật của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh.)

(2a): **Chánh niệm:** "Trong lúc mình niệm Phật thì không có những vọng tưởng, đó là Chánh Niệm. Đã chánh niệm, không vọng



tưởng tất nhiên không có những sự lỗi lầm và tương ứng với **GIỚI**."

(2b): **Nhiếp tâm:** "Trước hết là mình nhiếp tâm niệm Phật, không nghĩ việc gì khác, tâm mình trụ nơi câu niệm Phật thôi, thì đó mình học về môn **ĐỊNH** rồi."

(2c): **Nhận rõ:** "Kể đó trong lúc mình niệm Phật thì tâm và tiếng hiệp khản với nhau, mình lại **nhận rõ** ràng và rành rẽ. Tất nhiên trong lúc đó cái Tâm mình nó sáng;...Cái sáng đó nó tương ứng với **HUỆ**."

(2d): Cố gắng thường xuyên làm cùng lúc 3 điều trên khi niệm Phật, tức là ta đang thực tập 3 môn Giới, Định, Huệ. Nhưng vì tâm ta vọng tưởng quá nhiều, nên phải thực tập thêm việc ký số nữa. Để **ký số đúng**, khi niệm Phật ta phải

chú tâm hết sức. Xin để nghị thường dùng chuỗi hạt 20 hột để hành trì. Niệm thầm 10 câu và lắng nghe 10 câu trong máy niệm Phật không nhạc. Khi tới chữ Phật, ta ký số là 1. Cứ vậy, lần lượt ký số đến 10. Xong hết chuỗi hột mà còn thừa hay thiếu là tâm ta còn vọng tưởng. Xin đừng nản. Cứ thực tập hoài, từ từ rồi sẽ ít sai. Vậy là vọng tưởng đã bớt dần. Nhưng vào giờ lăm chung thường có những niệm như TÌNH AI, NGŨ DỤC (Tiền tài, Sắc đẹp, Danh vọng, An uống, Ngủ nghỉ), v.v... quấy rầy. Thật khó giữ chánh niệm để niệm 10 câu Phật hiệu vào lúc này. Xin được chia sẻ mấy câu văn vần sau đây để áp dụng khi gặp dịp để tiêu trừ bớt những niệm như cội ái chưa dứt, dây tình buộc quanh. Điều này rất có lợi cho giờ cận tử nghiệp:

(Niệm) Tình, Ái v.v... quấy nhiễu tâm ta.

Áy gốc sinh tử, cố mà diệt ngay.

Chí tâm niệm Phật hằng say.

Lát sau Tình, Ái, v.v... xa bay hết rồi!

Mai kia mãn hết duyên đời.

Phật sẽ đón về cõi Trời Tây Phương.

Đề nghị: Hãy sụp mắt xuống khi niệm Phật. Vì để mắt mở, vọng niệm sẽ phát sinh khi ta nhìn thấy một cái gì. Vậy ta phải đóng một cửa ngõ đã giúp vọng tưởng xen vào. Như thế, bây giờ chỉ còn một cửa mà loại vọng niệm không mời vẫn đến, cứ ngang nhiên nhảy vào tâm ta. Lúc này, cần áp dụng 4 cách trên để xua đi.

Người viết đã cố thực tập theo điều ghi trên và thấy có kết quả nên xin viết ra để chia sẻ kinh nghiệm cùng những bạn đạo hữu duyên. Nếu có nhiều người hưởng ứng làm theo và đạt được yêu cầu, người viết cảm thấy hạnh phúc vô cùng.

(3): **Hồ thẹn sám hối lỗi lầm:** Xin đọc

mấy câu văn vắn dưới đây để tập sửa bỏ những lỗi lầm.

Lầm lỗi cải đối làm sao?

*Phải biết **hồ thẹn** khi nào làm sai.*

Tâm khắc khoải lo nghĩ hoài.

*Chỉ thành **sám hối** tội sai tiêu liền.*

Sám hối (là) công đức chớ quên.

Nhớ đem hồi hướng về miền Lạc Bang.

Xin thưa thêm, trên đây chúng tôi chỉ nói đến việc sám hối khi làm điều sai ở hiện tại. Thật ra, còn cần sám hối bao nhiêu ác nghiệp mà ta đã đối xử rất tàn ác với các chúng sanh trong kiếp này và cả trong nhiều đời từ vô lượng kiếp ở quá khứ. Những chúng sanh đó thường được gọi là **oan gia trái chủ**. Người tu tịnh nghiệp nên đặt nặng việc sám hối với oan gia trái chủ và hồi hướng công đức làm được cho họ và cầu nguyện cho họ được sinh về cảnh giới an lành hoặc về Tây Phương Tịnh Độ. Vì vào giờ phút lâm chung, họ sẽ đến rất nhiều để đòi "nợ". Nếu ta biết làm những điều vừa nói để giải trừ những oán kết thì vào giờ cận tử nghiệp, họ sẽ không đến quấy rầy, tâm ta sẽ được an ổn, nhớ Phật và niệm Phật. Còn như ta không tỏ chút ăn năn nào để xoa dịu nỗi hận thù của họ, họ sẽ tìm đủ mọi cách để trả thù. Chẳng hạn có người bị ung thư là do oan gia trái chủ nhập vào để trả hận,...Xin trích câu chuyện duyên khởi của kinh Thủy Sám sau đây để chứng minh: (Trích từ Tựa Kinh Thủy Sám-Thích Trí Quang dịch- Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản).

"Xưa kia, đời Đường, triều vua Ý tông, có ngài Ngô Đạt quốc sư, pháp danh Tri Huyền. Khi chưa là quốc sư, tại kinh đô, tình cờ ngài gặp một tăng nhân, nhưng quên hỏi chỗ ở của vị này. Vị này bị bệnh ca ma la (2) (có chỗ giải thích là phong hủi). Ai cũng ghét, chỉ ngài Tri Huyền gần gũi, luôn luôn thăm hỏi săn sóc, chưa bao giờ có một vẻ ghê chán. Vì vậy, khi chia tay, vị ấy cảm cái nghĩa và tác phong của ngài, dặn rằng, sau này ngài sẽ bị nạn, lúc đó hãy tìm nhau tại núi Trà lung (3) ở Bành thành, thuộc Tây Thục, chỗ có hai cây tùng làm dấu.

Sau đó, ngài Ngô Đạt đến chùa An quốc, đạo đức rực rỡ. Ý tông thân hành đến pháp tịch của ngài, ban pháp tọa bằng gỗ trăm hướng và cung phụng rất hậu. Nhưng cũng từ đó, đầu gối của ngài tự nhiên mọc cái mụn "mặt người", mắt mày rậm miêng đủ cả, thỉnh thoảng đứt cho đồ ăn thức uống thì cũng há miệng nuốt như người vậy. Danh y mời đủ cả mà ai cũng bó tay.

Ngài nhớ lại lời dặn của vị tăng nhân ở chung ngày trước, nên vào núi tìm. Nhắm lúc trời đã chiều tối, ngài bàng hoàng nhìn khắp bốn phía, thấy hai cây tùng ở trong chỗ mây khói. Tin lời ước hẹn là đúng, ngài bước ngay đến chỗ ấy. Thì là lâu cao, điện lớn, ánh sáng vàng và ngọc giao xen với nhau. Vị tăng nhân đã đứng đầu cửa, đón tiếp niềm nở, và mời ngài ngủ lại. Ngài đem cái khổ của mình nói với tăng nhân thì vị này bảo không hại gì, dưới núi này có một con suối, sáng ngày xuống rửa là khỏi.

Sáng sớm, đạo đồng dẫn ngài xuống suối,

mới vắt nước, mặt ghẻ mặt người đã kêu lớn lên, khoan rửa đã, ngài là kẻ biết nhiều, hiểu rộng, đọc hết cổ kim, vậy mà ngài đã đọc cái chuyện Viên An với Triệu Thố trong Tây Hán thư chưa? Đọc rồi, ngài Ngô Đạt trả lời. Cái mụn lại bảo, đọc rồi mà ngài không biết Viên An đã giết Triệu Thố sao? Ngài là Viên An, còn Triệu Thố là tôi đây. Triệu Thố bị chém ngang lưng ở chợ phía đông, oan khổ đến mức nào. Nên bao đời tôi đã tìm cách báo ngài. Nhưng ngài mười đời đều làm cao tăng, giới luật nghiêm tịnh, sự báo oán của tôi không có cơ hội. Nay ngài hưởng sự đãi ngộ của vua chúa quá xa xỉ, lòng danh lợi mống lên, cái đức có phần thương tổn, tôi mới hại ngài được. Ngày nay, mong ơn tôn giả Ca nặc rửa cho tôi bằng nước "từ bi tam muội", từ nay sắp đi, tôi không còn là kẻ oan gia của ngài nữa.

Ngô Đạt quốc sư nghe mà co hồ hồn phách thoát khỏi cơ thể, luôn tay vắt nước mà rửa, đau thấu xương tủy, ngắt đi hồi lâu mới tỉnh. Coi lại thì mụn ghẻ mặt người đã không còn nữa. Ngô Đạt quốc sư mới biết các vị hiền thánh xen lẫn dấu vết trong dân gian là điều mà người phàm khó lường biết nổi. Muốn trở lại chiêm bái, nhưng ngoài nhìn thì tự viện đã không còn. Vì vậy, Ngô Đạt quốc sư mới dựng thảo am ngay nơi chỗ ấy, và sau này thành một tự viện. Tống triều ta đây, niên hiệu Chí đạo, sắc tứ là Chí đức thiền tự, có vị cao tăng tên Tín, húy Cổ, viết bài ký sự ghi lại việc này rất rõ.

Ngô Đạt quốc sư, lúc ấy, cảm kích sự kỳ lạ của Ca nặc tôn giả, thán thía rằng oan trái nhiều kiếp phi gặp thánh nhân không làm sao cởi mở cho được. Nhân đó mà thuật lời thánh giáo, viết ra sám văn này, để hôm sớm lễ bái trì tụng, và sau đó đã phổ biến khắp cả nhân gian. Sám văn gồm có ba cuốn ngày nay là sám văn ấy. Dem nước từ bi tam muội rửa sạch oan nghiệp nhiều kiếp, lấy ý nghĩa đó để mệnh danh Thủy sám, là Ngô Đạt quốc sư cảm sự kỳ lạ của Ca nặc tôn giả, nên chính xác cái tên và nêu lên cái nghĩa như thế để báo đáp ơn ngài. Nay kể rõ sự thật từ ngày xưa, nêu cao công đức của người trước, là mong những kẻ sau này, hoặc lễ bái hoặc trì tụng, hể đỡ sám văn ra là đã biết sự tích người xưa vốn có lý do, và nhân quả nhiều đời vẫn không khuất mờ."

Bài viết tuy ngắn, nhưng con nghĩ không làm sao tránh được những sai sót. Con kính mong Quý Thầy, Quý Ni và quý vị thiện tri thức chỉ cho con những lỗi lầm qua đi chỉ email loanxuandao@gmail.com. Con xin thành kính tri ân.

Còn bài viết có giúp ích được chút nào cho bạn đọc hữu duyên, con xin đem hồi hướng công đức này về cho khắp tất cả pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

CHẲNG TU NHƯ DIỄN VIÊN SÂN KHẤU

Đào Văn Bình

Bạn ơi,
Tôi không sinh ra từ cung vàng điện ngọc, gia đình quyền quý mà giống như bà già mặc quê mùa, căn cơ đần độn. Nghe lời Chư Tổ hoặc học lóm được Kinh rồi tâm nguyện mà tu, vui mừng như bé thơ được mẹ cho đồ chơi, được bà cho bánh kẹo.

Tôi chủ trương “*Kính trọng Kinh, hiểu Kinh rồi tu theo Kinh*”, không bao giờ có ý nghĩ sửa kinh, bàn luận bậy bạ về Kinh, coi thường chư Tổ.

Dù tôi có bằng Tiến Sĩ Phật Học đi nữa, dù cả triệu người theo và ngưỡng mộ, dù truyền hình phỏng vấn, dù phát hành trăm băng đĩa... thì công nghiệp của tôi cũng chưa sánh bằng ai.

Tôi chưa dám chặt tay cầu pháp, chưa đứng chờ ngoài mưa tuyết để xin thầy nhận làm đệ tử. Tôi chưa giã từ cung vàng điện ngọc như Vua Trần Nhân Tông, chưa bỏ cả ngôi vị sang quý của bao trạng nguyên, tể tướng, tiến sĩ triều đình để mang áo đà, sống đời dưa muối.

Tôi chưa bằng rừng lụi tuổi, sa mạc, hành trình vạn ngàn cây số, lấm lũi hướng về Tây để xin Phật xót thương, cho Kinh đem về cứu độ, với lời nguyện không thỉnh được Kinh thì sẽ chết ở đây...

Kinh về rồi vâng chiếu chỉ dịch Kinh.

Dịch Kinh bằng cả tấm lòng.

Bằng tài văn chương lỗi lạc.

Cả ngàn đời sau đọc tụng

Và sản sinh ra bao nhiêu Hiền Thánh.

Thế mà đời nay có kẻ hậu học đòi sửa kinh vì nói rằng Chư Tổ dịch sai bản gốc.

Trong kinh Đức Phật dạy rằng, nếu đã chứng quả Phật thì ba đời chư Phật hiện tại, quá khứ, vị lai đều nói một lời, không có gì sai khác.

Nếu **thật sự đã xuyên suốt** thì kinh tạng Pali, Hán Tự, Việt Ngữ, Pháp Ngữ, Anh Ngữ... văn tự có khác, nhưng nghĩa kinh chỉ Một. Ngoài ra Chư Tổ còn dạy rằng, “**Y nghĩa bất y ngữ.**” Bẻ ra từng **chữ** thì xa rời ý Kinh.

Đừng chẻ sợi tóc ra làm tư rồi dùng “*cái tâm phân biệt*” bàn chỗ “*vô sai biệt, chỗ không thể nghĩ bàn*”. Đó là hành động ngông cuồng và ngã mạn. Bàn về Bát Nhã dù ngàn năm vẫn là phạm phư. Tu theo Bát Nhã thì có ngày thành Phật.

Yếu chỉ của Thiền Tông không chỉ là ăn chay, tụng Kinh, hiểu Kinh rồi nói năng thật

giỏi. Mà là hiển lộ sự chứng đắc trên chính thân mạng, hành động, lời nói, ý nghĩ, cuộc sống của mình.

Cho nên trong Thiền không có chuyện thuyết pháp giỏi mà được truyền y bát mà **chứng ngộ mới được truyền y bát**. Cho nên Ngũ Tổ mới trao truyền mạng sống của Thiền cho Lục Tổ dù tài nói pháp hay hiểu biết của ngài lúc bấy giờ kém xa Ngài Thần Tú.

Trong thực tế, thuyết pháp có cả triệu người nghe nhưng có khi chỉ là pháp sư hay ông thầy giảng đạo chứ chưa phải là đạo sư chứng quả.

Bạn ơi,

Rõ ràng như ban ngày, nhà bình luận khác với người tu. Nhà biên khảo, bình giải kinh điển giống như nhà bình luận võ thuật nhưng không lên đài tỉ thí. Còn võ sĩ mới là kẻ lên đài.

Do đó,

Trong đường tu.

Ta không giống như nhà bình luận võ thuật.

Mà như võ sĩ lên đài.

Nếu không luyện tập,

Nếu không có Giới-Định-Huệ. (1)

Không có ngón nghề thật sự.

Đối thủ của ta sẽ hạ knock-out. (2)

Đối thủ ở đây là Tham-Sân-Si, Ngã-Mạn.

Đó là món võ vô cùng hiểm độc.

Triệu triệu người đã phải đầu hàng.

Vậy thì hãy diệt Tham-Sân-Si.

Đừng bàn luận trên trời dưới biển.

Dù bàn luận cả đời cũng chỉ là vô ích.

Bạn ơi,

Tôi cũng không tu như diễn viên sân khấu.

Diễn viên cười mà trong bụng không cười.

Diễn viên khóc mà trong lòng chẳng khóc.

Diễn viên nói thương nhưng trong lòng nào rung động.

Mà chỉ là đóng kịch.

Trên sân khấu toàn ông hoàng bà chúa, có khi là Phật.

Màn khép rồi thì lộ hết phạm phư.

Bạn ơi,

Khi dạy người ta chân thật,

Mình phải là người chân thật.

Khi dạy Phật tử về thanh tịnh,

Mình phải xa lìa sắc dục.

Khi dạy Phật tử bỏ Tham,

Thì mình đừng tìm cách kiếm tiền.

Khi dạy Phật tử về Thiền.

Thì chính mình phải coi thường danh vọng.

Bạn ơi,

Cũng đừng tu theo kiểu mấy nhà biên khảo.

Viết cho nhiều, toàn trích cú tâm chương.

Viết cho nhiều mà chẳng ngộ chữ Không.

Mà chư Tổ gọi đây là đây sách.

Bạn ơi,

Tôi ngưỡng mộ lối tu sao thực tế.

Giữa chợ đời để "hằng thuận chúng sinh".

(3)

Thấy trẻ lạnh thì cho ngay áo ấm.

Thấy người già tặng mái ấm tình thương.

Thấy người khuyết tật, quý gì hơn,

Quà an ủi và những lời chia sẻ.

Thấy lợi suối, học trò nguy hiểm quá.

Tặng chiếc cầu để nối nhịp tình thương.

Để làng quê đời sống sẽ vươn lên.

Cấp Cứu Độc cũng chỉ làm như vậy.

Tôi đang viết mà trong lòng muốn khóc.

Sĩ tử nghèo tội lắm ai ơi!

Nhà ở xa tiền bạc đã thiếu rồi.

Tiền ăn ở, lấy đâu ra bù đắp?

Nhà chùa rộng biến ngay thành quán trọ.

Bữa cơm chay thôi cũng quý vô cùng.

Qua kỳ thi mà "Cá vượt vũ môn".

Là trí tuệ, là tương lai giúp nước.

Nằm bệnh viện thiếu cơm ăn nước uống.

Lại lo buồn mạng sống sẽ sao đây?

Tối an ủi và mời nhau chén cháo.

Hạnh Bồ Tát cũng chỉ là thế đó.

Vừa tu hành vừa thực tế bạn ơi.

Và nhớ câu ca dao:

"Dù xây chín đợt phù đồ"

"Không bằng làm phúc cứu cho một người"

Này bạn hỡi,

Tôi chỉ tu theo lối tu mộc mạc.

Biến thế gian này thành đất Phật mà thôi.

Chẳng cần đi đâu và chẳng đến nơi nao.

Như Phật dạy, cũng chẳng mong chứng đắc.

Cõi Tịnh Độ là nơi an lành nhất. (4)

Chốn an vui, hạnh phúc của con người.

Dù ai bảo Tiểu Thừa tôi đành chịu.

Rồi hỏi tu sao chẳng biết ngồi Thiền?

Tôi hoan hỷ và cảm ơn tất cả.

Đào Văn Bình

(California ngày 23/12/2017)

(1) Mới đây Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Phổ Tuệ dạy rằng, "Là người tu hành mà không có Giới-Định-Huệ thì dạy ai?"

(2) Đánh đối thủ gục ngã xuống sàn còn gọi là "hạ đo ván."

(3) Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy rằng, "Hằng thuận lợi ích chúng sinh là cúng dường chư Phật"

(4) Tịnh Độ là Tịnh Độ Tại Thế, ngay ở đây và bây giờ.

ĐOẢN KHÚC RỜI

Hàng dương nghiêng nhớ thương ai

Trăng soi chênh chếch thương hoài ngàn năm

Lũ hoa vừa nở trong vườn

Đón con bướm đậu bên hàng tường vi

Em nhìn lặng nói năng chi

Chỉ thương nhớ vội qua đi muôn màng

Một dòng sông nước ngọt ngào

Xanh lơ muôn thuở trên cao chảy về

Nó ai có thể nhớ chi

Cánh đồng từ ấy bây giờ phì nhiêu

Thoáng qua chiếc lá bay vèo

Từng thu đi vội tái tê lòng người

Lặng nghe lệ nhỏ hồn tôi

Để em còn nhớ bên đời ngàn sau

Trúc thương ngọn gió thổi vào

Dường nghe có tiếng xạc xào ở trong

Thanh phong nhẹ thoảng qua không

Trúc mảnh im tiếng còn mong cầu gì

Tâm vô trụ nghĩa từ bi

Thiện hành cần thiết vô vi tỏ bày

NỤ CƯỜI XUÂN

Nhớ ai sương lãng đãng buồn

Thương ai đắm đuối như nguồn thơ rơi

Xuân về hoa lá gọi mời

Mừng xuân cười nụ cho đời lên hương.

Ý THƠ ĐẦU XUÂN

Mùa đông nhe nhẹ đi qua

Xuân về sỏi đá đơm hoa mở cờ

Mai đào đua hội ngàn thơ

Nắng vàng trải lụa đón chờ nàng xuân

Có người em nét thanh tân

Xuân sang tựa cửa băng khuâng đợi chờ

Đợi người trong mộng mê thơ

Mong người nét đẹp dáng thơ ngọc ngà

Những lời tình tự hương ca

Mừng xuân thấy hội đưa ta về nguồn.

thơ

HỒ HƯƠNG LỘC



Tâm bản nhiên

HẠNH CHI

Công chúa Bạch-Tuyết từ từ mở mắt. Muôn hoa trong rừng nở rộ, chim chóc chuyền cành, đưa tin cho hươu, nai, sóc... Chúng cũng chạy nhanh đến gọi bác Cọp còn ngủ gà ngủ gật, chú Gấu đang thơ thẩn bên suối hay cô Rùa chậm chạp bò trên lối mòn... Trong phút giây, khu rừng rộn lên như ngày hội vì công chúa Bạch Tuyết đã thức dậy. Chim muông, hoa lá cùng với Bầy Chú Lùn nhảy múa, reo mừng. Vị Hoàng tử khôi ngô đưa tay, đỡ Công chúa lên ngựa. Anh Bạch Mã nhíp vó, tạo nên một bản nhạc vui tươi. Tất cả cùng hộ tống Hoàng-tử và Công-chúa đi về hướng mặt trời...

Cô bé Đà-Giang chúm chím cười. Cô đã coi phim hoạt họa Bạch Tuyết Bầy Chú Lùn nhiều lần mà lần nào cũng sợ rúm người lại khi bà phù thủy đưa trái táo tẩm thuốc độc cho công chúa. Tuy đưa hai tay lên ôm mặt, nhưng vì mắt chỉ khép hờ nên qua những kẽ tay, cô vẫn thấy công chúa vui vẻ cắn trái táo rồi ngã ra bất tỉnh. Ngay khi đó, bà già nghèo khổ bán táo hóa hiện nguyên hình là mẹ phù thủy độc ác. Cô bé thường mong cho thật mau tới đoạn kết vui vẻ như vừa rồi.

Đà Giang vươn vai, định đứng lên, nhưng nghe tiếng mẹ còn tụng Kinh ở phòng bên vọng sang, cô lại ngồi xuống, nhẩn nha ăn miếng bánh, mắt lơ đãng nhìn lên TV.

Chương trình đổi qua giờ tin tức. Người lớn thường nói những tin cô bé chẳng hiểu là chuyện gì. Cô vừa định bấm qua đài khác thì trên màn ảnh hiện ra những con chó, con

mèo và tiếng người xướng ngôn viên: "Shelter Norwalk sẽ đóng cửa cuối tháng này. Hàng trăm chó mèo sẽ được chích thuốc nếu không có người đến nhận nuôi. Xin quý vị hãy đến thăm Shelter và cho những con vật dễ thương này một nơi trú ngụ"

Cô bé cảm thấy đau nhói nơi trái tim khi nhìn vào đôi mắt những con chó. Trên màn ảnh đã qua tin tức khác mà những đôi mắt đáng thương như vẫn còn đó. Tiếng mẹ tụng kinh vọng từ phòng bên:

Nguyện sanh cõi Phật A Di Đà.

Chín phẩm sen vàng làm mẹ cha.

Hoa nở thấy Phật chứng vô sanh.

Bạn cùng Bồ Tát không thối chuyển

Nghe đoạn kinh đó, cô bé biết mẹ sắp tụng xong, bèn đứng chờ ngay cửa.

- Mẹ, con không thích cái áo đầm nhung xanh nữa!

Người mẹ mỉm cười:

- Con lại đổi ý nữa hả?

Nhưng không sao, còn một tuần nữa mới tới sinh nhật con mà. Con không thích áo xanh thì áo đỏ nhé?

- Con không thích áo.

Con muốn quà sinh nhật là một con chó.

- Hà? Một con chó?

- Con chỉ muốn một con chó.

- Con đâu có biết lo cho con chó. Muốn nuôi con chó, con phải biết tắm cho nó, phải bắt bọ chét cho nó, phải đi mua thức ăn cho nó. Khi nó bệnh, còn phải đưa đi bác sĩ nữa.

- Cũng như mẹ có em bé

vậy, phải không? Mẹ nói, mẹ sẽ có em bé để con có little brother, mà lâu quá rồi, chưa thấy em bé, con chẳng có friend nào để chơi cả.

Người mẹ cũng biết, con gái nhỏ của bà không có bạn. Nhưng, mua một con chó thì bà chưa nghĩ tới. Ừ nhỉ, một con chó chó Đà-Giang làm bạn cũng là điều hay lắm chứ. Những loại chó như Chihuahua, Shih Tzu, Westie, đều bé tí, chăm sóc chúng chắc cũng không mấy khó khăn. Nghĩ thế, người mẹ vui vẻ:

- Được rồi, ngày mai hai mẹ con mình sẽ đi ra Pet Shop, mua một con chó nhỏ cho con nhé!

- Mình sẽ không mua chó ở Pet Shop. Mẹ ơi, mình sẽ tới Shelter Norwalk mang một con chó về, cứu nó khỏi bị chích thuốc cho chết.

- Con nói gì thế? Sao con biết Shelter Norwalk?

Cô bé nói với mẹ về bản tin cô vừa nghe được trên TV. Người mẹ ngạc nhiên. Bà không ngờ rằng cô con gái nhỏ của bà lại chú ý đến tin tức, dù là tin tức về những con chó con mèo. Chẳng những chú ý, cô bé còn hiểu nội dung và muốn hưởng ứng lời kêu gọi.

Người mẹ trợn tròn nhìn con mình. Bà bỗng thấy cô như lớn bổng lên. Bất giác, bà ứa nước mắt, ôm chặt con vào lòng...

Sự xúc động của người mẹ không chỉ dừng ở đấy.

Khi hai mẹ con tới Shelter thì cũng đã lác đác có vài người, vì nghe được bản tin hôm qua. Mọi người được tự do qua lại, tìm con thú nào mình muốn rồi nhân viên sẽ làm giấy tờ và mang ra giúp.

Đà-Giang nắm lấy tay mẹ, đi hết dãy này sang dãy khác, nhìn ngắm những con chó sủa inh ỏi sau khung lưới. Sự chọn lựa này khó khăn quá. Cô bé thấy chọn món đồ chơi dễ hơn, dù cô có thích nhiều món một lúc.

Bỗng, cô chú ý tới con chó nâu sậm, hai vành tai to phủ xuống tới ngang cổ. Con chó bước chậm, thỉnh thoảng đung

vào thành lưới, nó giật mình, đi ngay lại. Nhưng chỉ được một lúc, nó lại nghiêng nghiêng, lại đụng vào thành, lại giật mình. Cô bé kéo mẹ lại:

- Mẹ coi kìa, con chó nâu nó đi kỳ lắm!

Quan sát một lát, người mẹ biết đó là một con chó mù. Vì không thấy đường nên nó mới đi chậm và cứ đụng bờ tường hoài. Bà nói với con gái như thế và kinh ngạc khi nghe cô nói:

- Con muốn con chó mù này.

Người mẹ buột miệng kêu lên:

- Nó không thấy đường, làm sao chăm sóc nó nổi hả con?

- Vì nó mù, chắc không ai muốn xin. Những con chó khác khỏe mạnh, đẹp dễ, thế nào cũng có người muốn. Mình cứu con chó này nghe mẹ?

Cũng như hôm qua, người mẹ sững sờ nhìn con.

Kể từ khi cha của Đà-Giang qua đời lúc bé mới ba tuổi, không tối nào bà không tụng kinh niệm Phật, luôn tâm nguyện làm lành tránh ác. Vậy mà, suốt đêm qua, bà đã bồn chồn tự hỏi, nếu chính bà ngồi nghe tin tức, liệu bà có phát tâm nghĩ đến việc đón một con chó đáng thương về nhà? hay là nghe xong tin đó, bà lại quên ngay ở những bản tin sau?

Còn cô bé năm tuổi này, nghe được việc thiện là tự phát tâm Bồ Đề, dù chưa từng tụng kinh gõ mõ, học giáo lý uyên thâm hay đọc sách thánh hiền dạy làm lành tránh ác. Tâm Bồ Đề hiển lộ tự nhiên, như mặt trời lên thì chan hòa ánh nắng, trăng ló dạng thì vắng vặc không gian, không cần phải suy tính đắn đo gì. Vậy thì, tâm sáng tự nhiên này là gì? Phải chăng là Tâm Phật, là điều mà Đức Phật thường xác định là mỗi chúng sinh đều có sẵn Phật tánh như nhau?

Đúng rồi, bà tụng hằng



đêm mà không thối triệt, lời quán tưởng rõ ràng như thế này đây: **"Phật và chúng sinh đồng một tánh thể, sáng suốt thanh tịnh như nhau nên sự cảm ứng không thể nghĩ bàn. Con đối diện Phật, thấy con và Phật không hai, liền thấy mười phương Chư Phật cùng trong tâm thể con. Mỗi niệm giác tâm, vừa cúi đầu lay, thấy thực bốn tâm, tức tâm là Phật"**

Con chó mù được đặt tên là Tản-Viên.

Đà-Giang thường được mẹ dỗ dành rằng, nếu có em bé thì em sẽ tên là Tản-Viên. Đó là tên sông núi, quê hương của cha mẹ, miền núi Tản sông Đà thuộc miền Bắc Việt-Nam. Đà-Giang đã nói với mẹ:

- Chờ em bé lâu quá, thôi, cho con chó làm little brother Tản-Viên. Khi nào em bé tới thì đổi tên khác cho con chó cũng được.

Tội nghiệp, cô bé đâu biết rằng cô sẽ không bao giờ có little brother nữa cả!

Con Tản-Viên thuộc giống Dachshund, một loại chó thông minh và trung thành. Nó tuy mù nhưng rất thính tai. Một tiếng động, một bước chân lạ tới gần bờ tường là nó sủa ngay. Nhưng nếu cô chủ nhỏ lên tiếng: "Tản Viên, OK", là nó ngoan ngoãn im ngay. Chắc nó biết, cô chủ đã nói thể vì tiếng động ngoài bờ tường không phải là sự nguy hiểm.

Nó được bà chủ mua cho một cái nhà gỗ, để ở góc sân. Góc sân đó có cửa sổ phòng cô chủ nhỏ. Buổi tối,

cô bé hay mở cửa, nói chuyện với nó. Hễ nghe tiếng cửa mở, nó chui ra ngay và ghéech mõm về hướng cô chủ, đuôi ve vẩy, mừng rỡ.

Ánh trăng tỏa sáng khung cửa sổ màu xanh, ở đó, tình yêu giữa người và vật cũng đầm thắm, chan hòa như trăng.

Con Tản Viên chạy qua chạy lại như khiêu vũ cho cô chủ xem. Bóng nó loang loáng dưới trăng, đầy vẻ linh động, vui mừng. Nó biết thế nào cô chủ nhỏ cũng lên ra chơi với nó một tí, trước khi đi ngủ. Nó nghe ngóng, rồi chờ đợi bàn tay bé xíu, dịu dàng xoa lên đầu, lên tai, lên cổ, lên lưng nó. Nó không thể hiểu tại sao nó bỗng được thương yêu, được sung sướng như thế. Nó cũng không biết phải làm thế nào để đáp lại, ngoài việc nghe lời và cố nhớ đường đi trong vườn mà cô chủ thường dẫn nó từng bước, căn dặn nhiều lần để tránh đạp lên dây hoa hay luống rau của bà chủ.

Bây giờ thì nó đã thuộc đường lắm. Nó có thể chạy khắp nơi trong vườn sau mà không hề dẫm đạp lên hoa trái.

Cũng vì con Tản Viên biết ý tứ như vậy nên cô bé Đà-Giang đã xin với mẹ, cho nó được cùng đi cắm trại ở ven biển Ocean Side. Buổi cắm trại này là do sở làm của mẹ tổ chức để gia đình nhân viên có dịp biết nhau. Họ cũng chấp nhận, mỗi gia đình có thể mang theo một con chó hoặc mèo, vì thông cảm nhiều người không nhớ được ai tới cho chó mèo ăn khi họ vắng nhà hai ngày cắm trại.

Con Tản Viên được du ngoạn, nhờ cô chủ nhỏ hứa với bà chủ là sẽ luôn luôn chú ý tới nó, không để nó làm phiền mọi người. Cô chủ không biết rằng, chính nó cũng tự hứa với nó như thế. Dù mắt không nhìn thấy nhưng với mũi và tai rất thính, nó có thể biết khá chính xác là cô chủ và bà chủ của nó đang làm gì, ở đâu, nếu hai người đó không quá xa nó.

Thời tiết thật đẹp cho ngày đầu cắm trại. Lều trại

được dựng lên rải rác và những lò nướng cũng được làm việc tức thì để soạn những bữa ăn thơm phức, ngon lành. Không ai là không thoải mái vui chơi, ăn uống, bơi lội, ca hát.

Buổi trưa ngày thứ hai, tuy không lạnh nhưng bỗng có gió. Nhưng có sao! Gió một chút mà nắng vẫn lên thì tắm biển vẫn vui như thường.

Mọi người luân phiên nhau phụ trách nấu nướng. Lúc đó, lều của mẹ, gồm ba gia đình, lo việc ẩm thực. Mẹ bảo:

- Đi, Đà-Giang!

- Đi đâu hả mẹ?

- Tới phiên lều mình nướng pizza. Mình ra lò nướng sau đây nhà kia.

- Lò nướng nhiều khói làm cay mắt lắm. Con ngồi bãi cát này chơi với Tản Viên.

Người mẹ nhìn quanh. Bãi biển lúc này cũng còn người tắm và đám trẻ con cũng đang thơ thẩn nhặt vỏ sò vỏ ốc, Đà-Giang chơi ở đây chắc tốt hơn là ngồi khói. Nghĩ thế, người mẹ dặn:

- Được rồi, con ở đây thôi, không được đi xa nhé!

Con Tản Viên ghéch về phía bà chủ, ve vẩy đuôi.

Đợi mẹ khuất sau lùm cây, cô bé đứng lên. Cô cũng muốn đi nhặt vỏ sò vỏ ốc như những cô bé, cậu bé kia. Cô cũng chỉ đi quanh bãi cát này thôi, mẹ đâu có cấm nhỉ? Nghĩ thế, cô bé túm chéo áo thành cái túi, rồi bắt đầu chăm chú nhìn xuống cát.

Ồ, thật là nhiều vỏ sò đẹp quá! Con Tản Viên lấy chân bơi bơi cát, giúp cô chủ thấy nhiều vỏ đẹp mà các cô bé, cậu bé khác không bơi được.

Đà-Giang say mê với trò chơi. Cô bé bước xuống nước lúc nào không hay! Hình như gió nhiều hơn nhưng cô nào có quan tâm, vì mỗi đợt sóng dạt ra, để lại bãi cát nhiều vỏ sò hơn bãi trên kia. Cứ thế, cô bé và con chó mù tiến xa hơnCho tới lúc, một đợt sóng lớn hất cô ra mặt biển!

Đợt sóng tới mạnh quá, nhanh quá!

Và những đợt sóng tiếp... những đợt sóng tiếp...

Có tiếng người kêu lên:

- Help! Help!

Lại có người la to:

- Hình như có một đứa bé đang trôi ra biển!

Nhưng không ai dám bơi ra cứu. Có lẽ gió lớn quá, họ sợ nguy hiểm chẳng ???

Đứng trên bãi, mọi người tiếp tục kêu cứu! Và kia, đám đông đều sững sốt. Rồi tiếng la, tiếng hét vang dội khắp bãi:

- Con chó! Một con chó đang bơi ra hướng cô bé!...

- Nó bơi nhanh quá! Nó sắp tới! Nó sắp tới rồi!...

- Kia, trời ơi, con chó đang công cô bé!

- Ôi, nó đuổi sức rồi! nhưng nó vẫn công cô bé trên lưng.

Nước chở thuyền đi, nhưng cũng chính nước chìm thuyền xuống!

Gió lớn đẩy cô bé và con chó ra biển.

Cũng chính gió lớn vừa dạt cô bé và con chó vào bờ!

Mọi người ào tới.

Người mẹ cũng vừa chạy ra, ngã nhào trên cát, úp mặt vào thân thể bất động, lạnh ngắt của con. Một người đẩy nhẹ bà ra, vội vã cúi xuống làm hô hấp nhân tạo cho cô bé.

Một phút... hai phút... ba phút...

Cô bé vẫn im lìm ...

Người đó tiếp tục những động tác cứu thương khẩn cấp.

Đã có tiếng khóc của đám người xung quanh...

Người đó cúi xuống một lần nữa thì cô bé ho lên... rồi sặc sụa...

Nghe tiếng ho, người mẹ gần bất tỉnh, cảm thấy như chính bà mới là người vừa sống lại. Ôm chặt lấy con, bà lịm đi trong câu niệm Phật.....

Xôn xao quanh bà, người ta đang nói về tai nạn vừa qua. Bà nghe loáng thoáng: "Gió lớn... sóng đánh cô bé ra xa... con chó bơi ra

cứu."

Bà choàng tỉnh, kêu lên:

- Con chó! Con chó! Con Tản Viên đâu?

Bấy giờ mọi người mới nhìn quanh. Mấy phút trước đây, họ đều bận rộn với cô bé. Không một ai nhớ tới con chó đã bơi ra cứu chủ!!!

Trên bãi cát mịn, con Tản Viên nằm bình an, hai vành tai nó phủ xuống cổ, đôi mắt mù nhắm lại...

Người mẹ buông cô bé, lết tới con chó, ôm nó thật triu mến và nấc lên, khóc thảm thiết.

Cô bé mở mắt, muốn đến gần mẹ, nhưng còn mệt quá. Cô lặng lẽ nhìn mẹ, không biết tại sao mẹ lại khóc như thế. Cô cũng không thấy con Tản Viên trong tay mẹ mà lại như thấy nó đang chạy nhảy vui vẻ trong vườn. Nó đang khiêu vũ cho cô xem và chờ cô tới vuốt ve nó. Mà lạ quá, hôm nay Tản Viên biết tung kinh nữa. Chắc nó hay nghe mẹ tụng Bát Nhã nên dường như cô bé mơ hồ nghe nó vừa đọc câu chú thể này:

Qua rồi!

Qua bên kia rồi,

Cùng qua bên kia rồi,
Vui thay! Sự tinh thức.

Huệ Trân

(Tịnh Thất -Thời khắc giao mùa)



Thuật giả: **Đức Thượng**
Soạn giả: **THÍCH MINH CHIỀU**
(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Một lòng vì đạo

Cũng một mùa xuân trong sáng đẹp đẽ như hôm nay nhưng là một mùa Xuân xa xăm lắm, một vị Quốc vương có tiếng nhân từ vui vẻ, ngự giá về các làng mạc thôn xóm, thăm viếng quần chúng và tặng quà tết cho kẻ nghèo. Ngài cùng chung vui với muôn dân. Đó còn là một dịp để nhà vua được tìm hiểu đời sống và tâm tình của dân.

Khi ra đi ngài vui vẻ bao nhiêu, khi trở về Ngài lại buồn rầu lo âu bấy nhiêu.

Nhà vua thường khuyến khích mọi người phụng thờ Tam bảo, thực hành phép ăn chay, làm các việc thiện, hiếu thảo với cha mẹ, thuận hòa với anh em. Ngài tha sưu thuế cho tất cả những ai thực hành theo lời Ngài khuyên bảo.

Mọi người đều răm rắp làm theo.

Nhưng có ngờ đâu, bề ngoài họ mang một lớp "đạo đức giả" để che đậy bao nhiêu điều xấu xa, hung ác, nham hiểm ở bên trong. Nhờ có cuộc kinh lý trong ngày Xuân hôm ấy ngày mới thấu rõ được lòng người. Từ đó Ngài luôn suy nghĩ để tìm một giải pháp cải thiện dân chúng một cách hoàn bị.

Một tuần sau gương mặt Ngài trở lại tươi vui như trước. Rồi khắp dân chúng được ban truyền sắc dụ của nhà vua: "Kể từ nay ai còn ăn chay niệm Phật sẽ bị tội xử tử, còn người nào không theo đạo Phật được tự do, an phần chức nghiệp."

Đương nhiên những kẻ giả tâm đều trở lại hành động như cũ, không còn phải che đậy một chút gì.

Tuy thế, sáng kia người ta dẫn đến sân triều một cụ già

tả tơi yếu đuối, cụ này đã không tuân lệnh nhà vua vẫn quy ngưỡng theo đạo Phật. Cụ nghĩ rằng: "Lâu nay ta nghèo khổ trọn ngày chỉ có một bữa cơm rau nhưng được quy y Tam bảo, được nghe giáo lý của Chư Phật, lòng ta sung sướng vô cùng. Còn dầu sống một cuộc đời sung túc trên châu báu ngọc ngà hay có được lên cõi Thiên đàng hưởng thụ mãi mãi cuộc sống Thần tiên đi nữa mà không được nghe đến một câu kinh, Phật, đối với ta cũng chỉ là ngục hình."

Cụ già khẳng khái tâu:

- Tâu Bệ hạ, bần dân này đã có tội không tuân lệnh của Ngài xin Ngài cứ việc chặt đầu.

Nhà vua phán:

- Nếu người biết tự hối và thi hành theo sắc lệnh mới của Trẫm, Trẫm sẽ tha tội và phong chức tước cho. Còn kẻ làm dân mà không tuân theo quốc pháp Trẫm sẽ xử chém

đặng răn kẻ trái phép về sau.

- Tâu Bệ hạ, nếu bỏ chánh pháp mà làm đến bức vua chúa, hưởng thụ tất cả mọi khoái lạc trong cõi Nhân Thiên, bần dân này cũng không ham.

- Người cãi lệnh ta sẽ truyền đem xử tử ngay tức khắc.

- Tâu Bệ hạ, trong Kinh Phật có dạy: "Nếu chúng sanh tự gieo mình vào ba đường ác thì khó được làm người và có làm người chẳng nữa cũng không thể sanh vào nước có đạo đức, không xem được Kinh Phật, không gặp được các cao Tăng để cúng dường và nghe pháp." Nay tôi được biết pháp Tam bảo, hiểu được chút ít Kinh Phật, vậy có lẽ kiếp trước tôi đã dày công tu luyện lắm. Thế thì dầu Bệ hạ có bỏ tôi vào nước sôi hay nung vào lửa đỏ đi nữa tôi vẫn giữ trọn một niềm theo Tam bảo mà thôi.

- Người là ai mà còn khí khái với ta? Trước cái chết mà vẫn còn hùng hổ.

- Tôi tên là Thanh Tiến Sử, tâu Bệ hạ cứ việc xử tội, tôi không bao giờ oán than hay van xin một điều gì.

Quân sĩ hãy đem chém ngay ông lão Thanh Tiến Sử này.

Rất nhanh, các tên lính xáp đến dẫn cụ già ra pháp trường.

Trước pháp trường, bên cạnh những lưỡi gươm sáng quắc đang sẵn sàng đưa lên cổ, Thanh Tiến Sử vẫn thản nhiên vui vẻ và khuyên người con trước khi vĩnh biệt: "Con ơi! Con sanh gặp thời có Phật pháp, biết sùng bái Tam Bảo là một điều phước đức của con. Con hãy vững dạ tu học, noi



gương cha đây, dầu dầu cha phải rơi vì sắc lệnh nghiêm ngặt của nhà vua. Cha vẫn vui lòng và quyết theo Chánh đạo không bao giờ lảng bỏ."

Vừa dứt lời, vị cận thần truyền cho quân lính dẫn cụ trở về triều.

Khi vị cận thần về tâu lại lời khuyên của Thanh Tiễn Sử, nhà vua rất cảm động và vô tình những dòng nước mắt tuôn chảy trên đôi má nhăn nheo của vị vua hiền đức. Ngài bước xuống bệ rồng ra tận cửa thành ôm lấy Thanh Tiễn Sử. Mọi người đều ngạc nhiên. Cụ già cũng trở mắt nhìn vua vì không hiểu chuyện gì. Nhà vua đưa cụ vào cung một cách ân cần vui vẻ, song Thanh Tiễn Sử cũng chưa rõ điều gì nên chỉ biết cúi đầu sát đất lạy tạ ơn vua. Nhà vua liền đỡ lấy tay Thanh Tiễn Sử rồi thân mật bảo: "Trong quốc dân này chỉ có một Thanh Tiễn Sử! Chỉ có một Thanh Tiễn Sử thuần thành theo Phật pháp, quyết một lòng vì đạo. Ngoài ra đều giả dối, đều vụ lợi. Chiều dục của Trăm ban ra chỉ cốt để thử lòng người mà thôi. Vậy từ nay xin người hãy sống cùng Trẫm, giúp Trẫm trong việc truyền bá Phật pháp thức tỉnh nhân tâm."

Rồi cả hai chuyện trò vui vẻ. Sau đó nhà vua phong cho Thanh Tiễn Sử chức Tướng quốc.

Câu chuyện ấy được truyền tụng trên mọi quần chúng lan ra tận các hang cùng ngõ hẻm, và cũng từ đó tiếng chuông cảnh tỉnh ngân vang trong tâm hồn mọi người.

Chẳng bao lâu dân chúng được sống trong cảnh êm ả, thân yêu, an hòa, vui vẻ, ai ai cũng đều quay về với Đạo Phật.

Vị Quốc vương ấy chính là tiền thân của Đức Thích Ca.

Đức Thượng

Thà có đạo đức mà chết, chứ không chịu mất đạo đức để được sống.

Mộng

*Mộng mị ngày tháng trôi dài
Bỗng nghe thoáng chốc tiếng ai gọi mình
Khẽ vào hồ nước lặng thinh
Chiếc lá rơi rụng gọi mình ngàn năm*

Bốn mùa

*Mùa xuân nhật lá thơm cây
Mùa hạ chân bước thảng ngày rong chơi
Mùa thu nhìn ngắm đất trời
Mùa đông ngủ âm buông lời câu ca*

Quên

*Quên kinh, quên nghĩa, quên mình
Quên cả ngày tháng từ sinh muôn trùng
Quên cả sắc sắc, không không
Quên luôn gánh nặng công bông tháng năm*

Nhớ

*Nhớ mẹ giặt áo buổi chiều
Nhớ ba dắt bước bên lều cỏ tranh
Nhớ sông dòng nước trong lành
Nhớ quê năm tháng đổ dành ru con*

Thiệt, hơn

*Thiệt, hơn ai tính làm chi
Thiệt thòi một chút có gì nghĩ đâu
Người đứng trước, ta đứng sau
Giữ cho trời đất một màu trong xanh*

Hồn nhiên

*Hồn nhiên bản tính con người
Chỉ vì lý trí rạch ròi đứng sai
Hồn nhiên tánh Phật bản lai
Dù trong tăm tối chẳng phai kiếp người*

Chia tay

*Dù cho sông núi đổi thay
Nhưng tình bằng hữu tháng ngày chẳng phai
Người đi viễn xứ đường dài
Còn tôi đứng ngắm trông ai đợi chờ*

Gặp nhau

*Gặp nhau xa cách nghìn trùng
Núi sông đắm lệ ngắm trông đợi chờ
Ngày xưa cầm bút làm thơ
Bây giờ nhìn lại mộng mơ ân tình*

thơ

PHAN VĂN QUÂN



Ni cô Tịnh Nhi

Tác giả: **PHƯƠNG NGHI**

Bối cảnh: Mỹ, 2017

Các vai:

- TỊNH NHI, 25 tuổi, đẹp sắc sảo
- TUẤN, 37
- BÀ NĂM, 50
- ÔNG NĂM, 60
- Sư bà HUYỀN KHÔNG, 70
- LISA, cùng trang lứa với Tịnh Nhi
- TƯ RÊU, 40.

MÀN 1

Cảnh: Một phòng khách bình thường.

- ÔNG NĂM (ÔN) chống ba-tông, thông thả bước ra.
- TUẤN (T) nhanh nhẹn xuất hiện từ phía đối diện.

ÔN : Chào bác...

T : Uy trời, (ngạc nhiên, nhưng mỉm cười) sao kêu cháu là "bác," cháu mới 37 tuổi à.

ÔN : (Cũng mỉm cười). Tại cháu lạnh quá, không để bác nói hết câu. Bác định nói là "Chào Bác... sĩ."

T : "Bác sĩ" gì, cứ kêu cháu là Tuấn.

ÔN : Cháu lại lạnh nữa. Bác định nói là: "Cảm ơn... Tuấn... đang tận tình chữa bệnh cho bác gái."

T : Bác Năm đừng bận tâm. Bác gái và má cháu tuy quen nhau chỉ mới hai năm, nhưng coi nhau như chị em ruột, cháu kêu bác gái là dì Năm mà. Bây giờ má cháu mất rồi, chăm sóc bác gái thì cũng như chăm sóc má cháu vậy.

ÔN : (Giọng trầm xuống) Bác gái... khó qua khỏi hả Tuấn?

T : (Buồn vời vợi) Cháu sợ

là như vậy. Bây giờ, chỉ biết tìm cách để bác gái cảm thấy thanh thản trong lúc chờ ra đi. Bữa nay cháu đến để xin hỏi bác Năm chút chuyện, cũng liên quan đến việc này.

ÔN : À, bác cháu mình ngồi xuống đã. Bác có pha sẵn bình trà.

- ÔNG NĂM ngồi xuống ghế bành, Bác sĩ TUẤN ghé dài, đối diện.

- Nhạc nhẹ chen vào, miền man.

T : Trong những lúc mê sảng, bác gái thường nhắc đến tên một người.

ÔN : Ai vậy?

T : Ni cô Tịnh Nhi.

- Một tiếng chuông ngân.

- ÔNG NĂM khẽ giật mình.

T : Bác Năm biết gì về người này không?

ÔN : Cách đây 15 năm, Tịnh Nhi là tên của một đứa con gái xinh đẹp và hiền từ, tuy mới mười tuổi nhưng đã biết tụng kinh niệm Phật và thích mặc áo tràng, nên người ta gọi đùa là "Ni cô Tịnh Nhi."

T : Tịnh Nhi là gì của bác Năm?

ÔN : Không là gì cả.

T : Ủa?

ÔN : Cô ta là con riêng của bác gái.

T : Thì ra... bác gái đã có chồng và sanh Tịnh Nhi trước khi về với bác Năm.

ÔN : Không phải "trước khi" mà là... trong khi... đã về với bác.

T : (Sửng sốt) Bác gái... không chung thủy với bác Năm!

ÔN : Lúc đầu bà giấu kỹ, cả Tịnh Nhi và bác vẫn nghĩ là cha con ruột. Đến khi ông kia chết, và sự thật bị phát giác, Tịnh Nhi bị giao động mạnh, lại vì còn nhỏ dại, nên bỏ nhà đi biệt tích. Nghĩ là với bản tánh thích kinh kệ, có thể Tịnh Nhi vào làm tiểu ni của một ngôi chùa nào đó, nhưng kiếm mãi không thấy.

T : Cảm ơn bác Năm. Vậy là cháu hiểu hết rồi. Bệnh trầm cảm của bác gái trở nên nguy kịch chính là vì đã chịu đựng quá nhiều... và quá lâu... mặc cảm tội lỗi với bác Năm, và nỗi nhớ thương Tịnh Nhi. Nếu bây giờ gặp lại cô ấy, một sự phản chấn bất chợt sẽ rất có ích cho việc chữa trị. Cháu phải đi kiếm Tịnh Nhi về!

ÔN : Hai bác đã kiếm khắp...

T : Kiếm thêm lần nữa, biết đâu chừng, và lần này cháu sẽ kiếm tận mây chùa xa. Trên Sacramento, cháu được quen biết một sư cô giao thiệp rất rộng rãi, có thể giúp một tay. À, chắc bác Năm có hình của Tịnh Nhi?

ÔN : Chỉ có hình chụp hồi nhỏ.

T : Cô ấy có dấu vết riêng gì không?

ÔN : Một nốt ruồi sau vành tai. Trái.

T : Hay quá! Bây giờ cháu phải đi, càng sớm càng tốt.

ÔN : Chúc cháu may mắn.

T : Đúng là cháu cần may mắn, vì đây là cơ hội cuối cùng! và... "Ni cô Tịnh Nhi" là hy vọng duy nhất!

- Nhạc trở mạnh kết thúc Màn 1

- Chuyển sang Màn 2.

MÀN 2

Cảnh: - Bên trong một quán cà phê.

- LISA (LI) đang lau sơ bàn ghế, hát nhảm một điệu nhạc quê hương.

- TUẤN xuất hiện, nhìn quanh, bỡ ngỡ.

T : Quán chưa mở cửa hả cô?

LI : Anh đi đâu chừng tiếng nữa quay lại.

T : Đi mệt mỏi rồi, ngồi đây nghỉ chút được không.

LI : Người làm chưa đến, ai tiếp anh.

T : Chẳng cần ai tiếp. Nếu cô tử tế, pha giúp ly cà phê sữa đá. Tôi đưa trước tiền típ đây.

LI : Trời, 20 đô. Cám ơn. Anh ngồi đi, đâu cũng được.

- LISA vừa đi pha cà phê vừa nói chuyện:

Đừng kêu em là "cô." Em tên Lisa. Anh từ xa đến?

T : Từ Little Saigon.

LI : Lên tận Sacramento này! Du lịch hay công việc vậy anh?

T : Tôi chỉ đi kiếm một ni cô.

LI : Ủa, sao không đến chùa.

T : Rồi, nhưng không ai biết.



Ảnh minh họa.

LI : Ni cô đó tên gì?

T : Tịnh Nhi.

LI : Tên dễ thương quá hả, nghe như trong truyện.

T : Lisa là chủ quán này?

LI : Không. Thấy anh là người tử tế, nói trắng ra em là gái bao. Quán này chỉ có hai đứa làm nghề này, đứa kia là Tina. Anh muốn bao đứa nào cũng được, nhưng Tina đẹp lắm, bận khách hoài. Ủa, có phải hồi nãy anh nói ni cô anh kiếm là Tịnh Nhi.

T : Lisa biết Tịnh Nhi?

LI : Em sức nhớ có lần Tina tâm sự với em tên thật của nó là Tịnh Nhi.

T : (Khẽ giật mình, lẩm nhẩm) Tịnh Nhi là gái bao, có lẽ nào. À, Lisa có thấy Tina có nốt ruồi sau vành tai?

LI : Có. Tai trái.

- Nhạc trỗi mạnh một đoạn ngắn.

T : Vậy là không nhầm lẫn vào đâu được. Lisa, tôi phải gặp Tina ngay.

LI : Nó đang trang điểm ở phòng sau, Để em gọi.

T : Bấm thêm nút "speaker" cho tôi nghe với, cần lắm.

- Giọng TINA (TI) phát ra từ điện thoại.

TI : Lisa hả, what's up?

LI : Có người nhà kiếm mày. Ra bàn số 7 gặp anh ta.

TI : "Anh ta?" Nó xạo đó. Người nhà tao chỉ có má và giượng Năm tao, đều trên 60 tuổi.

Lúc này có mấy đứa theo đuổi tao, bị tao tránh mặt nên theo kiếm chuyện hoài.

T : (Sốt ruột) Lisa, để tôi nói thẳng với Tina. Tina, má cô bệnh nặng, cô phải theo tôi về gặp bà lần cuối.

TI : Theo anh hả, lại đặt chuyện để bắt cóc tôi chứ gì. Tư Râu, ra tiếp cái anh ở bàn số 7 giùm tôi.

- TƯ RÂU (TR) bước ra với hàm râu quai nón ngang ngược.

TR : Anh bạn, quán sắp mở cửa, để tui tui làm ăn. Về đi!

T : Tôi chỉ về nếu có Tina

đi theo.

TR : À, muốn quây hậ.

- TƯ RÂU túm cổ áo TUẤN kéo đi. TUẤN cưỡng lại.

- Hai người xô đẩy nhau. Nhạc rộn rã.

- Chỉ một lát, TUẤN ngã úp mặt xuống thảm.

LI : Ngừng lại, ngừng lại Tư Râu!

TR : Nó không sao đâu. Vấp mà té, chớ tui chưa đâm đá gì.

- TƯ RÂU ngồi xuống, lật ngửa TUẤN.

- LISA hồi hả nói vào điện thoại.

LI : Tina, tao quên, tao quên, anh này kêu mày là "Ni cô Tịnh Nhi!"

TI : Cái gì, anh ta kêu tao là ni cô? Tao ra ngay.

- Nhạc chợt tắt.

- Tina xuất hiện, rất đẹp trong bộ áo đầm không mấy kín đáo, tay cầm ly rượu đầy.

TI : Cám ơn Tư Râu, để nó cho tôi.

- TƯ RÂU đi khuất.

- TINA kéo lết một chiếc ghế đến ngồi gần TUẤN, hắt rượu xuống mặt TUẤN.

Tịnh lại đi, anh kia.

- TUẤN ngẩng đầu lắc mạnh, giọt rượu tung toé.

- TINA lấy giày cao gót nâng mặt TUẤN lên.

Anh là ai?

T : Tôi là Bác sĩ Tuấn, người đang chữa trị cho má cô.

- LISA và TINA nhìn nhau. Một thoáng ngạc nhiên.

TI : Lisa, phụ tao một tay.

- Hai người cùng đỡ TUẤN ngồi lên một chiếc ghế.

- LISA lấy khăn chấm lên mặt và tóc của TUẤN.

- TINA ngồi đối diện với TUẤN.

Bác sĩ đã biết cái tên "Ni cô Tịnh Nhi," hẳn cũng đã biết hết câu chuyện về tôi.

Vậy ông chỉ cần biết thêm một điều: tôi vẫn hận má tôi, nên không về gặp bà đâu.

- Đứng dậy, đặt nhẹ tay lên vai TUẤN.

Bề nào, cũng cám ơn Bác sĩ, ông thật là người có một tấm lòng.

- Quay lưng bước đi.

LI : Khoan đã Tina.

- TINA dừng lại.

(Chua xót) Đừng quên cái nghề của tụi mình là gì. Nếu Bác sĩ đây muốn bao gái về Little Saigon chơi, mày chịu không?

T : Cám ơn ý kiến Lisa. (Với Tina) Tôi hứa sẽ trả gấp đôi giá bình thường.

LI : Tina, quán mình đang ít khách đến uống cà phê, chỉ còn trông cậy mày với tao. Chuyển đi này lại là một công đôi việc, vừa có tiền, vừa có dịp để mày về gặp... (Bỗng đứng dậy, gắt lên) Bộ mày là thú vật hay sao mà không chịu về gặp má mày lần cuối.

TI : (Vung tay chỉ thẳng mặt Lisa) Shut up, Lisa. Mày tưởng tao không bị dẫn vật hay sao. Đầu óc tao đang rối bung lên nè. Đừng làm rối thêm nữa. (Nấc lên, rơi mình xuống chiếc ghế bên cạnh, với tay lấy napkin trên bàn ăn, thấm nước mắt.) Thôi được, tao thử nghe mày một lần xem sao. Nhưng... (Nhìn sang Tuấn, nhún mạnh) khi gặp má tôi, tôi vẫn

ăn mặc thế này, và không giấu việc tôi là gái bao đâu!

T : Tina nói gì vậy? Thấy Tina như thế, làm sao bà ra đi thanh thản được.

TI : Tôi muốn bà thấy hậu quả sự dối trá của bà.

T : Để làm gì? Bà sắp ra đi mà.

TI : (Bối rối) Vậy ông muốn sao?

T : Tina hãy mặc một chiếc áo tràng như ngày xưa, và... nhận là ni cô.

TI : Nghĩa là tôi cũng phải dối trá? Bác sĩ, tôi chấp nhận dối trá giữa những người làm chính trị, giữa những người buôn bán, nhưng không bao giờ chấp nhận dối trá giữa những người thương yêu nhau.

T : Tôi hiểu, nhưng đầu sao, tôi cũng không thể để Tina làm vậy được. Thôi, Tina không cần về nữa. À... tiền thì tôi vẫn trả, thấy Tina cũng đã mất thì giờ với việc này.

TI : Nếu Bác sĩ tử tế, ký cái check một ngàn đi.

T : Tôi ký ngay, nhưng để tên sao đây?

TI : Rosa Nguyễn.

T : Ai vậy?



LI : Bà chủ quán này.

T : Còn phần Tina?

TI : Để tính sau. (Với Lisa) Tao sẽ gọi chị Rosa biết. Mày giữ cái check của Bác sĩ, sau này đưa cho chị. Bây giờ tao phải vào sửa soạn.

T : (Ngơ ngác) Sửa soạn?

TI : Bộ Bác sĩ tưởng tôi là đứa vô tâm hay là đứa không biết nghe lẽ phải sao. Tôi sửa soạn để theo ông về gặp má tôi đó, để mặc áo tràng, để nhận là ni cô. Ông vừa lòng chưa?

T : Tôi mừng lắm! Hôm nay tụi mình về, sửa soạn, mai đi gặp má cô ngay.

- Không khí hết căng thẳng.

- Mọi người thư thả và vui vẻ hơn.

Tina, cầm 200 này mua áo tràng.

TI : Áo tràng đâu mắc dữ vậy. (Gạt tay TUÂN ra) Cất đi!

LI : (Khẽ dậm chân) Tina!

TI : (Nhìn Tuấn, gượng cười) Đưa đây!

LI : Tao cũng có năm chục đưa mày nè.

TI : Gì nữa đây?

LI : Thì để mày mua đôi dép, chứ không lẽ mặc áo tràng mà đi giày cao gót sao.

- Mọi người cùng cười.

- TINA ôm chầm lấy Lisa.

- Nhạc vui vượn lên để khép

lại Màn 2

- Chuyển sang Màn 3.

MÀN 3 (Kết cuộc)

Cảnh: Trở lại cảnh Màn 1.

- BA NĂM ngồi xe lăn, TUÂN đẩy.

- ÔNG NĂM chống ba-tông theo sau.

- TUÂN dừng lại nửa chừng.

T : Dì Năm, bữa nay có một cô gái đặc biệt đến thăm, Dì có thấy khoẻ để tiếp không?

BN : Đặc biệt thế nào?

ÔN : Cô ấy từ lâu... và từ xa... về đây, tôi có gặp hôm qua thì thấy vẫn xinh đẹp và nét na như xưa.

BN : Nghe như là...

- TÍNH NHI xuất hiện trong áo tràng và đôi dép, tươi sáng, hồn nhiên.

TI : Má, nghe má bệnh, con về thăm nè.

- Một đoạn nhạc ngắn trở mạnh.

BN : (Giật mình) Cô là ...

TI : Má không nhận ra sao. Con là... Ni cô Tịnh Nhi!

BN : Ni cô Tịnh Nhi... (lắc đầu, xót xa) hồi xưa cô bỏ tôi mà đi, kết tội tôi là đã dối trá cô... (đánh mạnh tay xuống xe lăn, gay gắt) sao bây giờ cô lại dối trá tôi!

- Nhạc rộn lên, và tiếp tục.
BN : Đừng tưởng tôi không biết... Cô đang làm cho một quán cà phê ở Sacramento, (như hét lên) cô là gái bao Tina!

TI : Má...

BN : (Xua tay ngăn lại) Để tôi nói. Từ lúc cô bỏ đi, tôi kiếm cô năm này qua năm khác, đến khi kiếm ra thì... (ray rút) chậm quá rồi, phải ngậm đắng nuốt cay đến sanh bệnh thể này. Vậy mà bây giờ mấy người nữ bày chuyện lừa gạt...

ÔN : Tha lỗi cho tôi, tôi chỉ muốn bà thấy thanh thản...

T : Lỗi là do cháu cả, dì Năm. Cháu nghĩ là sự vui mừng của dì sẽ giúp cho việc chữa nhưng đâu sạo, thật không biết phải xin lỗi dì thế nào đây.

BN : Tôi hiểu, hai người không cần xin lỗi. Người phải xin lỗi tôi là... (chỉ thẳng Tịnh Nhi) cái cô kia kia.

T : (Cương quyết) Con không xin lỗi má đâu.

BN : À, cô lại bướng bỉnh.

TI : Con đâu dám. Con không xin lỗi má chỉ vì...(nhìn thẳng BÀ NĂM với ánh mắt rực sáng) con là Ni cô Tịnh Nhi thật sự mà!

- Nhạc ngưng bật.

- Im lặng.

- BÀ NĂM, ÔNG NĂM và TUẦN nhìn nhau sửng sờ.

BN : Cô là Ni cô Tịnh Nhi thật sự? Trời, làm sao tin cô được đây.

- Một tiếng chuông ngân.

- Sư Bà HUYỀN KHÔNG (SB) xuất hiện, với tràng hạt trên tay.

BN, ÔN và T : (Cùng thốt lên) Sư Bà Huyền Không.

SB : Nam Mô A Di Đà Phật. (Nhìn quanh) Vậy là tôi đến cũng kịp lúc, để nói chút chuyện về Tịnh Nhi.

T : (Chỉ chiếc ghế) Cung thỉnh Sư Bà.

SB : Cám ơn Bác sĩ (Ngồi xuống, nhìn Bà Năm, thân mật) Chắc bà Năm còn nhớ cái hồi bà thường dẫn Tịnh Nhi lên chùa nghe tôi thuyết pháp. Tối qua, Tịnh Nhi lại lên chùa, nhưng lần này là để xin thể

VĂN THỂ (MỘT GIÁC MƠ)

*Buổi sáng sương giăng
Tàn cây hồi đá lạnh không
Hơi thở bỗng thành mây khói
Cõi u linh, nổi cô đơn mênh mông*

*Đông Tây lạnh cháy bình minh
Vun xới rác rưởi để mưu sinh
Thân gầy thổi thốc, đầu hiu gió bụi
Nghe tim mình thôn thức giấc ly hương*

*Nổi đơn côi trầm lặng muôn trùng
Lây lắt tờ lịch cũ xa xăm
Giấc mơ riêng hay cõi tình chung
Tay rung gót mỗi vai gầy ung dung!*



thơ

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

phát qui y. Đây không phải là việc cò thể quyết định một sớm một chiều, nhưng tôi biết Tịnh Nhi có căn tu từ nhỏ, nên đã làm theo ý nguyện của cô ấy. Lấy tên thật làm pháp danh. Từ nay, (vui vẻ) cô ấy là Ni cô Tịnh Nhi thật sự đó.

ÔN : Chúng con đa tạ Sư Bà.

- BÀ NĂM quay xe lăn đối diện Tịnh Nhi.

- TỊNH NHI chấp tay bình thản nhìn Bà Năm.

BN : Tịnh Nhi, (lắc đầu, ray rút) bây giờ, má phải nói với con thể nào đây...

TI : Má đâu cần nói gì, chỉ xin hiểu giúp con... đời con duyên nghiệp đã nhiều, việc nấu nướng cửa thiền chỉ là sớm hay muộn, nhưng con đã chọn dịp này để...(đẩy xúc cảm) con không phải đối trá má khi về gặp má lần cuối. (Úp mặt vào tay, nước mắt)

BN : (Mạnh mẽ) Đừng

khóc, Tịnh Nhi. Con đối với má như vậy thì...(mạnh mẽ hơn) không phải con về để gặp má lần cuối đâu, (mạnh mẽ hơn bao giờ hết, hét lên) con về để cứu sống má đó!

- BÀ NĂM bỗng đứng bật lên từ xe lăn

- Chuông trống liên hồi, giữa tiếng reo mừng của Tịnh Nhi.

TI : Má đứng lên được rồi!

- Chạy nhào đến ôm chầm lấy Bà Năm.

T : Dì Năm, đây là triệu chứng bệnh còn có thể chữa được.

ÔN : Bà ráng khoẻ lại, đừng bỏ tôi một mình.

- SƯ BÀ đứng dậy, triu mến đặt tay lên vai Tịnh Nhi.

SB : Tịnh Nhi giỏi lắm, con đã lấy chân thật để thắng đối trá.

- Màn từ từ hạ.

- Chuông trống vẫn liên hồi.

Tâm đầu ý hợp

HUỲNH MAI HOA

Có vô số cặp vợ chồng trên cõi đời này, nhưng có bao nhiêu cặp là được tâm đầu ý hợp? Có lẽ rất ít. Vì có tâm đầu ý hợp là có hạnh phúc. Không tâm đầu ý hợp là không có hạnh phúc. Cho nên có rất ít cặp vợ chồng tâm đầu ý hợp nghĩa là có rất ít cặp vợ chồng trên cõi đời này có hạnh phúc. Trong số những cặp vợ chồng không có hạnh phúc đó, họ đã ly thân, ly dị, hoặc họ vẫn còn sống với nhau vì con cái, vì bốn phận hay vì một lý do nào đó...

Tuy nhiên trong số rất ít cặp vợ chồng tâm đầu ý hợp đó có vợ chồng ông Lập và bà Hường. Từ ngày còn trẻ tuổi đến với nhau, ông bà đã thích nhau dựa trên tinh thần thì ít, mà dựa trên vật chất thì nhiều. Ông Lập làm trong sở Thuế Vụ nên có điều kiện để tham nhũng. Bà Hường làm cho Nhà Lô Vận với công việc cấp bằng lái xe, làm giấy tờ chủ quyền xe, sang tên xe v.v... nên cũng có cơ hội tham ô. Hai người nghĩ rằng khi họ lấy nhau, thì với hai nguồn tài sản sẵn có và tiếp tục "phát huy," gia đình họ sẽ trở nên giàu có.

Hai người có công ăn việc làm, có của cải, nhưng họ rất keo kiệt với mọi người chung quanh. Họ chỉ lo cho bản thân họ được đầy đủ, sang trọng, mà không bao giờ chia sẻ cho ai, dù là trong gia đình, họ hàng hay bè bạn.

Trước ngày đám cưới họ bàn với nhau thật kỹ. Ông Lập nói với bà Hường:

- Em à, đời người có một lần đám cưới, ta phải nhân cơ

hội này mà kiếm lời. Mình phải mời cho thật đông mà đãi ăn thì thật tiết kiệm. Mình tính một đầu người họ tặng cho mình ít nhất 100 đồng, mười người một bàn, tối thiểu mình cũng kiếm được 1000 đồng. Mình chỉ đặt nhà hàng mỗi bàn 400 đồng thôi. Vậy là mỗi bàn mình lời 600 đồng, càng nhiều bàn mình càng lời nhiều.

Bà Hường bảo:

- Theo em biết thì giá rẻ nhất của nhà hàng bây giờ là 500 đồng một bàn anh à.

- Anh cũng biết vậy, nhưng ta ráng thuyết phục họ làm cho mình với giá "đặc biệt."

Bà Hường mỉm cười:

- Anh có tài ăn nói thì anh đi đặt nhà hàng nhé. À, còn trang phục của chúng ta thì sao anh. Chẳng lẽ mình cũng tiết kiệm cho hợp với bữa tiệc tiết kiệm?

Ông Lập lắc đầu âu yếm nói:

- Mình phải sắm đồ sang trọng chứ em. Nhất là em đó, phải trang sức như một bà hoàng cho anh, rồi chụp hình, quay phim, giữ cả đời làm kỷ niệm. Người quay phim, chụp hình họ chỉ nhắm vào cô dâu, chú rể, chứ ai lại nhắm vào các đĩa thức ăn, nếu có dính vào thì cũng đâu ai biết được món ăn nhiều ít, ngon dở thế nào.

Hường nói giọng phấn khởi:

- Anh lúc nào cũng tính thật là hay.

Rồi đám cưới đã được diễn ra như dự tính trong một nhà hàng sang trọng. Cô

dâu, chú rể cũng ăn mặc sang trọng, tươi cười niềm nở đón chào một rừng quan khách. Lễ nghi, thủ tục cũng được tiến hành đầy đủ, trang trọng. Thức ăn cũng đủ bảy món ngon, có chất lượng, nhưng số lượng thì quá ít, nói nôm na là không đủ nhét kể rằng. Cho nên thực khách khi đến thì vui mà khi về thì buồn. Họ biết mình bị lường gạt, bị bịp, bị xem thường... Dù sao họ cũng không thể vì miếng ăn mà để lộ sự bất mãn ra ngoài, nên đành ra về trong lặng lẽ. Còn Ông Lập, bà Hường cũng dư biết sự bất mãn của khách, nhưng họ không quan tâm mà họ còn nghĩ rằng họ đã thắng một võ thật to.

Đến khi họ có con, từ tiệc đầy tháng cho tới thôi nôi, họ đều mời khách đến rồi giở trò như thế. Bà con, bàn bè, ai có ghét thì không dự, ai chưa ghét hay vì lý do nào đó phải đến dự, thì ông bà cũng kiếm được lợi, không nhiều thì ít.

Lúc có đứa con trai đầu tiên, vợ chồng ông có tìm một đứa cháu thật nghèo, bà con với bà Hường, để dễ bề lợi dụng. Đứa cháu gái 15 tuổi được bà Hường nói với cha mẹ nó là cho cơm ăn, áo mặc đầy đủ, chỉ giữ đứa em nhỏ mà thôi. Nói thế nhưng khi nó về ở, vợ chồng ông sai khiến nó đủ chuyện. Ngoài giờ giữ em nó còn phải nấu cơm, rửa chén, giặt đồ, lau nhà... Làm không vừa ý cũng bị la mắng xối xả. Ông bà không cho đồng xu nào cả. Chỉ thật lâu mới cho đủ tiền đi xe về thăm nhà một lần. Về ăn uống, bà Hường mua thức ăn rẻ tiền cho

nó ăn riêng. Một hôm, vào ngày cuối tuần, hai vợ chồng ông Lập nói chuyện với nhau. Bà Hường nói:

- Anh à, ngày mai con Thoa xin về thăm nhà, vợ chồng mình mua đồ về đồ bánh xèo ăn chơi. Anh giữ con cho em làm.

Ông Lập tán đồng liền:

- Ờ, nhớ mua nhiều tôm thịt, làm thật ngon nghe em.

Sáng hôm sau, con Thoa bị cảm sốt đột ngột, không về thăm nhà được, Ông Lập nói với vợ:

-Thôi để khi khác làm bánh xèo. Hôm nay có con Thoa, không lẽ mình không cho nó ăn, mà cho nó ăn thì uống quá.

Bà Hường chép miệng:

- Con này làm phiền mình quá. Hôm nay đã không được ăn bánh xèo mà còn phải tốn tiền mua thuốc cho nó uống. Để nó bệnh lâu thì ai làm việc nhà.

Khi đứa con trai đầu lòng được hai tuổi, bà Hường sanh thêm một đứa con trai nữa.

Con Thoa lại phải giữ hai đứa nhỏ và làm việc nhà. Công việc nhiều thêm và nặng nhọc thêm, nhưng vẫn không được trả đồng lương nào. Lúc này con Thoa đã được 17 tuổi, nó đã biết đại, biết khôn. Nó biết rằng mình đã bị lợi dụng quá đáng. Một hôm, nhằm ngày nghỉ cuối tuần của vợ chồng ông Lập, con Thoa xin về thăm nhà rồi không trở lại nữa. Ông bà nhần tin nó cũng không quay trở lại. Bà Hường phải ra tận ngoại thành để kêu gọi nó, nhưng nó nhỏ nhẹ bảo rằng:

- Thưa cô, bây giờ con lớn rồi, con phải học nghề để sinh sống và giúp đỡ cho ba má con.

Bà Hường dỗ dành:

- Về ở với cô đi, rồi cô sẽ trả tiền lương hàng tháng cho.

Đã quá biết rõ và chán ngán tánh tình của hai ông bà, nên con Thoa nói dứt khoát:

- Xin lỗi cô, con muốn học nghề để được làm việc đàng hoàng, con không muốn ở mướn nữa (con Thoa tránh tiếng ở đợ.)

Bà Hường vẫn ngọt ngào:
- Mình là chỗ bà con với nhau. Con giúp cô thì cô giúp lại con, chỗ đâu phải ở thuê, ở mướn gì.

Con Thoa vẫn lắc đầu:

- Con ngán giữ em và làm việc nhà quá rồi, con không thể làm nổi nữa.

Má con Thoa cũng xen vào:

- Xin cô cho cháu nghỉ để đi học may. Mấy năm nay nhờ cô cho cháu ở, chúng tôi cảm ơn lắm. Nhưng nay anh chị nó có công ăn việc làm rồi, có thể nuôi nó học nghề được, xin cô thông cảm cho cháu, để cháu có tương lai.

Biết không còn cách nào dụ nó được, bà Hường đành về nói lại với chồng, rồi hai vợ chồng toan tính. Ông Lập tính trước:

- Em à, nếu bây giờ mình tìm người về giữ hai đứa nhỏ và làm công việc nhà thì phải trả không dưới 700 đồng đầu. Hay là ta nhờ bà nội hay bà ngoại mấy đứa nhỏ về ở với ta để trông dùm cháu, còn việc nhà thì vợ chồng mình làm.

Bà Hường bàn tiếp:

- Theo em thì mình nên nhờ bà nội mấy đứa nhỏ hay hơn, vì mẹ em còn sẵn sóc ba em. Và lại mẹ em còn hay đi chùa, tụng kinh, niệm Phật. Bà không rảnh đâu. Má anh độc thân, còn khá khỏe mạnh, bà ở quê cũng phải làm vườn giúp vợ chồng chú út. Lên ở với mình nơi thành thị, dù sao cũng sung sướng hơn, không phải tay lấm, chân bùn.

Ông Lập bàn theo liền:

- Ờ, em tính vậy cũng hay. Bà ngoại ở gần hơn nhưng lại không rảnh. Bà nội ở xa mà lại rảnh hơn. Để anh về quê nói với má.

Thế là ông Lập đi về tỉnh, vào vùng quê nơi mẹ ông ở. Ông than thở cảnh nhà đơn chiếc rồi nịnh bà:

- Má à, vợ chồng con cũng có thể mướn người làm được, nhưng họ sẵn sóc cháu làm sao bằng tình máu mủ, ruột rà.

Rồi ông nói với người em trai:

- Má lớn tuổi rồi, làm rầy hoài cũng cực, để má về ở với anh, chơi với cháu cho vui tuổi già.

Ở đời, mẹ nào mà chẳng thương con, bà nào không thương cháu, nên mẹ ông dễ dàng nhận lời để giúp con, dù biết rằng thằng con mình cũng không đạo đức gì. Còn đứa em út thì nể anh và trọng quyết định của mẹ nên không dám nói gì, mặc dù biết ông anh mình cũng không thương mẹ mình nhiều cho lắm.

Thế là bà về ở với vợ chồng ông Lập. Ông Lập nói với bà là chỉ nhờ trông cháu, nhưng thấy việc nhà con bề bộn, bà đâu có làm ngơ được, nên bà cũng quán xuyến luôn. Có khi bà còn thương con, bảo nó mua vật liệu về để bà làm những món ăn mà ông Lập ưa thích ngày còn bé. Việc gì bà làm được, thì hai vợ chồng ông cũng để cho bà làm, không bao giờ ngăn cản, chỉ trừ những việc nặng nhọc mà bà không cáng đáng được thì vợ



chồng bà mới làm. Đã vậy, ý lại vào tình thương của mẹ, ông Lập khi thèm ăn còn nói dè dặt:

- Má làm món "lươn um" con uống bia quên thôi.

Có khi bà Hường nói:

- Má nấu món cà-rì gà ngon tuyệt. Con ăn nhiều nớ, không ai nấu ngon bằng má.

Có khi ông Lập nói:

- Con rất thích má làm món "cá lóc hấp lá bầu." Món ăn đồng quê chỉ có người đồng quê làm mới ngon.

Có khi bà Hường nói:

- Từ khi ăn món "canh chua cá kho tộ" của má, con ăn ở đâu cũng không thấy ngon.

Cứ mỗi câu khen, mỗi câu thích của con trai và con dâu là bà mẹ nai lưng ra làm. Có khi làm trong vui vẻ, có khi làm mà lòng không vui, không phải vì tốn công làm cho con ăn mà vì thấy con mình vô tâm, không hiểu được rằng cái khỏe của tuổi già khác cái khỏe của tuổi trẻ. Sức khỏe của tuổi già mỗi năm mỗi đi xuống. Có khi nấu một món ăn cầu kỳ, sau đó cũng mệt mỏi, rã rời.

Thế mà một hôm, trong khi sắp soạn quần áo trong tủ của ông Lập, bà mẹ thấy mấy cái quần đùi và mấy cái áo thun đã cũ, đã sờn, mà từ lâu bà không thấy ông Lập mặc. Bà nghĩ ông Lập đã bỏ, nên bà gom lấy đem về cho đứa con trai út mặc. Một thời gian sau, ông Lập phát hiện ra mất mấy món đồ đó nên hỏi bà:

- Má có cất quần đùi và áo thun của con ở đâu không mà con tìm không có?

Bà mẹ khựng lại một chút rồi phân trần:

- Má thấy đồ đã cũ mà con không mặc nên má lấy cho thằng út rồi.

Ông Lập cau mày:

- Làm sao má biết là con không mặc, mà dù con có không mặc đi nữa, má muốn lấy cho ai cũng phải hỏi ý của con chứ.

Bà mẹ xuống giọng:

- Thôi đã lỡ rồi. Má thấy con nhiều quần áo, chắc cũng không quan tâm gì đến mấy

thứ đồ cũ đó. Mà má cho em ruột con chứ ai.

Ông Lập gắt:

- Anh em lớn rồi ai cũng có cuộc đời riêng, đâu có chung chạ được.

Bà mẹ lặng thinh buồn bã. Bà không ngờ đứa con trai lớn của bà nó lại bần tiện ngoài sức tưởng tượng của bà như thế. Nhưng bà biết làm sao bây giờ. Tục ngữ có câu: "*con dại cái mang*" mà.

Thời gian vẫn âm thầm trôi. Gia đình ông Lập, bà Hường vẫn bình an theo ngày tháng. Ông bà rất vô tư, cứ nghĩ cuộc đời mình đương nhiên là phải được như vậy. Làm ăn càng ngày càng phải khá giả, tính toán việc gì là phải được như ý.

Nhưng mười mấy năm sau, mẹ ông Lập đã qua đời, đứa con trai lớn được 17 tuổi, đứa con trai nhỏ được 15 tuổi, thì ông Lập, bà Hường mới thấm thía thế nào là đau khổ.

Từ thuở lên năm, lên ba, chúng nó được cưng chiều hết mực, muốn gì được nấy. Được ăn ngon, mặc đẹp, được chơi những món đồ chơi đắt tiền. Ông bà luôn luôn cho con mình sống một cuộc đời sang trọng hơn những đứa trẻ cùng trang lứa. Tập cho nó mãi rồi trở thành tập quán, mỗi tuổi lớn lên nó càng đòi hỏi nhiều hơn. Năm đứa lớn 12 tuổi, đứa nhỏ 10 tuổi, là thời điểm thế giới đã phát minh ra được máy vi tính. Chúng nó đòi mua về để chơi "game." Ông bà cũng chiều con, nghĩ là cho chúng nó chơi để chúng nó được sung sướng, được hưởng thụ nền văn minh nhân loại. Không ngờ chúng nó chơi "game" riết thành ghiền. Từ nhỏ học không được giỏi, càng lớn càng sa sút. Đi học như trả nợ quỷ thần. Về nhà là vui đầu vào mấy vi tính, có khi không cần đến ăn uống. Đêm thì thức khuya, sáng dậy không nổi, phải kêu năm lần, bảy lượt. Tuổi thiếu niên mà lúc nào cũng dờ dẩn, lơ mơ, ốm yếu. Ông Lập, bà Hường vô cùng rầu rĩ. Rầy la,

khuyên nhủ gì cũng không được. Đem dầu máy vi tính thì chúng nó khộc lóc, la lối, bỏ ăn, bỏ uống. Ông bà đành phải chịu thua con. Năm 15, 17 tuổi chúng còn trở nên ương ngạnh, hỗn láo. Khi bị la rầy chúng còn cãi lại hoặc đập bàn ghế, ném đồ đạc. Khi ông bà xuống nước năn nỉ chúng thì chúng trơ trơ không hề xao xuyến. Chúng không biết thương ai, chỉ biết đòi hỏi cho bằng được những gì chúng muốn.

Bây giờ ông bà mới chợt tỉnh ra, biết không phải lúc nào sự tốt đẹp cũng xảy đến cho mình. Không phải cuộc đời luôn luôn ưu đãi mình hơn người khác. Ông bà không còn cảm thấy yêu đời nữa, gương mặt lúc nào cũng mang nặng nét ưu tư. Ông bà sống cuộc đời không biết thương ai, nhưng mà thương con hết mực, nên nhìn thấy con hư hỏng như vậy, lòng đau như cắt. Ngoài ra hai đứa con nó di truyền bản chất ích kỷ, vô lương của ông bà, nhưng ông bà không thể nào chịu nổi khi chính những đứa con của mình đối xử với mình bằng sự ích kỷ, vô lương đó.

Đang mang nặng nỗi buồn về con thì tai họa lại xảy đến cho gia đình ông bà. Ông Lập vì tham ô trong vấn đề thuế vụ nên bị người tố cáo, phải bị ở tù. Tiền tham ô phải hoàn trả lại cho chính phủ còn không đủ. Thế là gia đình ông bà sạt nghiệp. Một mình bà Hường phải nuôi con và thậm chí chồng chỉ với đồng tiền bà kiếm được.

Nhưng rồi "phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí," chỗ làm cố thể "kiếm chác" của bà cũng bị kẻ có quyền hơn giành giật. Họ chuyển bà qua chỗ khác, chỉ còn đồng lương căn bản ít ỏi. Tất cả việc chi tiêu trong nhà đều phải hạn chế tối đa mà còn không đủ.

Từ một gia đình dư ăn, dư để, trong phút chốc phải xài hà tiện từng đồng, từng xu, nên mọi người trở nên khùng hoảng. Bà Hường thì cắn răng chịu đựng, nhưng hai đứa con bà thì lên cơn từng ngày. Cho chúng ăn không ngon thì



chúng cần nhả, ỉa ó. Có khi chúng còn hắt đổ mâm cơm. Chúng xin tiền mua vũ khí ảo trên mạng để chơi "game," bà không có thì chúng mắng chửi bà là người mẹ độc ác, tàn nhẫn...

Chúng hăm dọa bà là chúng sẽ bỏ học. Dù chúng không hăm, bà cũng biết chúng sẽ bị đuổi học nay mai. Thằng lớn năm nay 19 tuổi mà còn học lớp 12 hai năm rồi. Thằng nhỏ năm nay 17 tuổi còn học lớp 10 cũng hai năm rồi. Nhà trường đã gửi thư cảnh báo bà nhiều lần để cho bà lưu ý các con, nhưng bà đành bất lực. Chưa bao giờ bà thấy đau khổ và cô đơn như lúc này. Bao nhiêu tai họa xảy đến cho gia đình bà, chỉ còn một mình bà gánh chịu. Những lần thăm nuôi ông, bà không dám nói hết thảm cảnh gia đình càng ngày càng cùng cực cho ông nghe, bà sợ ông quá tuyệt vọng mà sanh bệnh hoặc tự tử.

Từ lúc bà với ông Lập nên vợ, nên chồng, bà xem ông là một điểm tựa, một người bạn tri kỷ. Bà nói ra điều gì là ông

tán đồng ngay, ông bày ra điều gì là bà hưởng ứng liền. Giờ đây bà biết cùng ai tâm sự, xẻ chia?

Bà nghĩ tới mẹ ruột của bà đang ở bên cạnh bà đây mà bà vẫn thấy cô đơn. Từ ngày mẹ của ông Lập chết, bà nhờ mẹ bà về trông nom nhà cửa và hai đứa con. Ba bà cũng đã chết, mẹ bà lúc đó đã 68 tuổi, đang ở với anh trai bà, thấy con đơn chiếc cũng về giúp con. Tuy nhiên, bà với mẹ bà không hợp với nhau. Mẹ bà hay nói chuyện thiện ác, nhân quả. Thấy vợ chồng bà ở đời thiếu đạo đức, thường khuyên bảo, nhưng bà không nghe, mà còn tỏ ra bực mình. Mẹ bà khuyên bà nên giúp đỡ người nghèo khổ thì bà thường nói rằng việc của ai người ấy lo, phần số của ai người ấy chịu, không ai có bốn phen phải giúp đỡ ai. Vì thế mà bà với mẹ bà không thể nào tâm sự được. Tuy nhiên, khi bà khổ thì bao nhiêu tiền mẹ bà dành dụm để dưỡng già, mẹ bà cũng đưa cho bà hết. Nhưng mà cũng không làm sao lấp được

sự túng thiếu của bà.

Cho đến khi hoàn cảnh quá bế tắc, vì không có tiền đóng học phí cho con, lần đầu tiên trong đời, bà nghĩ đến chuyện vay mượn. Nhưng vay có lãi thì lấy tiền đâu để trả. Bà nghĩ đến vay anh em, họ hàng, bè bạn. Hình ảnh những người thân quen hiện lên trong đầu bà. Nghĩ tới ai bà cũng thấy ngần ngại, khó khăn vì biết thời gian qua vợ chồng bà không đối xử tốt với ai cả. Không cho ai vay mượn khi người ta túng thiếu. Không thăm viếng, giúp đỡ ai khi người ta hoạn nạn, ốm đau. Khi có ai mời dự tiệc tùng, ông bà đến đóng góp cho lấy có, cái chánh là khoe của, thấy ai nghèo thì khi dễ, ai giàu thì ganh tỵ. Đây là lần đầu tiên bà biết xét lại về mình và biết rằng ở đời không phải phần số ai người ấy chịu, mà cần có sự giúp đỡ lẫn nhau. Bà thấy mình quá xấu, nhưng cũng quá muộn.

Giờ thì chỉ còn một người bà có thể nhờ cậy được, đó là mẹ bà. Bà biết mẹ bà hay chỉ trích bà, nhưng mẹ bà sẵn

sàng làm cho bà những gì mẹ bà có thể làm. Sau khi suy nghĩ tới, lui, bà lựa lời nói với mẹ:

- Mẹ à, con bây giờ cùng đường rồi, mẹ ráng giúp con, mẹ nói với chị hai con, cho con mượn vài ngàn để đóng học phí cho cháu và trang trải trong nhà.

Mẹ bà nhú mày:

- Lúc trước khi chị Hai con còn nghèo khổ, con có ngó ngang gì tới nó đâu, mà bây giờ thấy nó khá giả con muốn mượn nó.

Bà Hường xuống nước:

- Không sao đâu mẹ à, chị Hai hiền lắm, chỉ không chấp lỗi phải gì đâu. Mẹ nói vào giùm con, chắc chỉ sẽ cho mượn.

- Người ta hiền chứ không phải người ta không biết gì đâu con. Có lẽ bây giờ con mới biết con người sống ở đời cần có sự giúp đỡ lẫn nhau, nhất là anh chị em trong gia đình. Mẹ đã từng nói với con, sống đời phải có tình nghĩa, phải biết làm phước. Chỉ có phước đức mới che chở con người tránh được tai họa, chứ không phải tiền bạc đâu con. Con thấy không, gia đình con bây giờ tan nát hết. Nghèo khổ, chồng tù tội, con cái hư hỏng. Hai đứa con của con chúng nó không biết phải, trái là gì, chúng chỉ sống theo bản năng. Con nghĩ xem mẹ có buồn không khi có những đứa cháu như vậy. Mẹ dạy bảo gì chúng cũng chẳng đếm xỉa tới. Tại con cứng chiu chúng nó đến nông nổi này thì làm sao mẹ sửa đổi nó được. Chúng không sợ cha mẹ thì làm sao chúng nghe lời bà.

Bà Hường chép miệng than:

- Con hiểu rồi mẹ à. Nhưng bây giờ làm sao làm lại từ đầu. Con đã suy nghĩ, phải chi con với anh Lập cứ yên phận với đồng lương ba cọc, ba đồng, dù phải sống cảnh nghèo, dù ăn uống đạm bạc mà không bị đau khổ như bây giờ. Hai vợ chồng nuôi con trong cảnh thanh bần mà có lẽ con cái không hư hỏng.

Mẹ bà tử tốn nói:

- Mẹ cũng đã từng nói với các con là không nên làm chuyện phi pháp và mất đạo đức để kiếm tiền. Đồng tiền ấy trước sau gì cũng gây cho mình nhiều tai họa. Con người sống phải biết sợ nhân quả, không biết sợ là hối hận không kịp. Còn một chuyện nữa mẹ cũng nói luôn cho con suy nghĩ. Mẹ thấy con với chồng con lúc nào cũng tâm đầu ý hợp. Tâm đầu ý hợp để làm việc tốt thì gia đình sẽ có phước, chứ tâm đầu ý hợp để sống không đạo đức thì sẽ kéo nhau xuống hố sâu, không ai cứu được ai cả. Phải chi con và chồng con, nếu đứa này làm điều xấu ác thì có đứa kia ngăn cản. Còn đang này hai đứa hùa theo nhau làm ác thì tội lỗi càng thêm nặng.

Bà Hường nghe mẹ nói càng buồn, càng thấm thía lời của mẹ, nhưng bà cũng ngạc nhiên sao hôm nay mẹ bà nói chuyện quá hợp tình hợp lý và sâu sắc như vậy. Bà nghĩ có lẽ bà chưa bao giờ biết lắng nghe mẹ nói nên chưa bao giờ hiểu được mẹ. Lúc nào bà cũng tự cao, cho là mẹ dốt nát hơn mình, mẹ lúc nào cũng nói chuyện một cách cổ lỗ sĩ và mê tín dị đoan. Hay là hôm nay bà đã giác ngộ nên bà thấy mẹ bà hiểu biết quá, và những gì mẹ bà cảnh cáo bà đều đã xảy ra sự thật.

Bà Hường nửa mừng, nửa tủi, bà rướm rướm nước mắt nói với mẹ rằng:

- Từ nay con sẽ nghe lời mẹ, phải theo lời Phật dạy là làm việc gì cũng phải nghĩ tới nhân quả. Con hy vọng sau hai năm tù tội, anh Lập trở về và vợ chồng con sẽ sống khác, sẽ cố gắng làm ăn lương thiện và sống có đạo đức. Con sẽ khuyên chồng con và con tin rằng anh ấy sẽ nghe con.

Mẹ bà lộ vẻ hài lòng:

- Con nói vậy mẹ rất mừng. Mẹ mong vợ chồng con sau này sẽ tâm đầu ý hợp để cùng nhau hướng thiện. Để rồi mẹ sẽ khuyên các anh chị con giúp con qua

lúc khó khăn này. Dù sao cũng là anh chị em. Các anh chị con đứa nào cũng tốt, má tin rằng nó sẽ không bỏ con đâu. Tại vì con sống xa cách nên anh chị em chưa thông cảm nhau nhiều.

Bà Hường buồn bã nói:

- Chỉ có con là đứa em nhỏ nhất nhà mà tánh tình lại quá kiêu căng, xấu xa, con xấu hổ quá.

Mẹ bà an ủi:

- Thôi con đừng buồn nữa. Biết sửa đổi là tốt rồi. Phật nói rằng người có lỗi mà biết sửa đổi là người đáng quý. Nếu con có thể ăn chay niệm Phật thì nên làm. Lòng thành có thể chuyển nghiệp được con à. Nhờ công đức đó, có thể hai đứa con của con sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, điều con cần làm bây giờ là không nuông chiều hai đứa nó. Con càng nuông chiều chúng càng hư thêm. Nuông chiu riết cũng quen mà không nuông chiu riết cũng quen, nó không chết đâu mà con sợ.

Bà Hường nắm tay mẹ, ngã đầu vào vai mẹ, chưa bao giờ bà thấy thương mẹ như lúc này. Bà biết tai họa của gia đình bà cũng làm mẹ bà khổ tâm không ít. Bà thấy có lỗi với mẹ nhiều. Từ nay bà sẽ cố gắng sống tốt cho mẹ bà vui. Tận đáy lòng bà rất cảm ơn mẹ. Từ nay bà đã có một chỗ dựa tinh thần thật đúng đắn và tuyệt diệu. Đó là người mẹ sống theo Phật pháp và hướng dẫn bà đi vào Phật pháp. Bà thì thầm với mẹ:

- Mẹ à, từ nay con sẽ ăn chay, niệm Phật và đi chùa với mẹ.

HUỲNH MAI HOA



NƯỚC (H₂O)

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Nước là chất lỏng không màu, không mùi có ở trạng thái tự nhiên trong lòng đất, ao hồ, sông, biển. Thực phẩm như rau trái, thịt cá cũng có một lượng nước đáng kể.

Về phương diện dinh dưỡng, nước là chất tương đối quan trọng hơn cả trong sáu nhóm chất dinh dưỡng cần cho sự sống của con người. Ta có thể nhịn ăn vài tháng nhưng không có nước thì chỉ mười ngày là có nguy cơ tử vong.

Thành phần hóa học

Về cấu tạo hóa học, nước gồm hai phân tử Hydrogen và một phân tử Oxygen.

Thực ra, nguồn nước trong tự nhiên không hoàn toàn tinh khiết, mà luôn có pha lẫn một số chất khác. Tùy theo mức độ hiện diện của các chất này mà ta có nguồn nước mềm hay nước cứng:

Nước cứng (Hard water) là nước có nhiều tạp chất như calci, magnesium, sắt, iod.

Nước cứng để yên thường lắng xuống nhiều cặn, có thể làm nghẹt ống dẫn nước, khi nấu nướng có thể để lại chất lắng trong nồi hoặc khi giặt rửa với xà bông thì không xùi bọt và thường để lại vết trắng trên quần áo.

Calci trong nước cứng đôi khi cung cấp tới 20% nhu cầu hàng ngày. Vì thế, dân chúng sống ở vùng nước cứng thường có bộ xương cứng chắc hơn.

Nước mềm (Soft water) là nguồn nước tương đối ít tạp chất, có một ít natri, muối khoáng. Nước mềm không để lại cặn và khi dùng giặt rửa với xà bông thì xùi bọt nhiều.

Nguồn gốc nước uống

Nguồn nước uống có thể là nước ngầm dưới đất hoặc trong sông, hồ, suối... Tùy theo phẩm chất, nước uống có thể dùng ở dạng tự nhiên hay đã được chế biến.

a- Nước thiên nhiên:

Nước có thể bị ô nhiễm với cặn bã sinh vật, thảo mộc, hóa chất trừ sâu, phân bón, chất thải kỹ nghệ và làm thay đổi mùi vị cũng như độ trong suốt của nước.

Nước cần được khử trùng bằng chlor, đun sôi, hay lọc để diệt các vi sinh vật gây bệnh. Thông thường nhất là vi khuẩn Giardia Lamblia có nhiều trong nước suối, nước hồ, đôi khi vẫn còn sống sót dù đã qua khử trùng. Vi khuẩn này gây bệnh tiêu chảy, đau bụng, mệt mỏi, ăn mất ngon.

Tại nhiều quốc gia, nước được tăng cường chất fluor để ngừa hư răng.

Sự fluor hóa được áp dụng đầu tiên vào năm 1945 tại thành phố Grand Rapides bên Hoa Kỳ và đã dẫn đến nhiều ý kiến trái ngược về sức có ích hoặc không có ích của nước có bổ sung fluor.

Nhưng kể từ ngày bổ sung fluor, tỷ lệ hư răng giảm xuống. Ngày nay fluor còn được cho thêm trong kem đánh răng hoặc viên để uống.

Các trường Y Nha khoa, các hiệp hội y học đều hỗ trợ và khuyến khích sự bổ sung khoáng fluor này.

Nhưng nếu fluor quá cao thì lại không tốt cho răng.

b- Nước đóng chai:

Ngoài nước diệt trùng bằng chlor, còn có nước đóng chai. Dạng nước này được khử trùng bằng chất ozone, một loại oxy mạnh (O₃), đồng thời được pha thêm carbon dioxide và bổ sung một số khoáng chất. Do đó, nước đóng chai có mùi vị hấp dẫn hơn và cũng tốt hơn cho cơ thể. Dạng nước này rất tiện lợi nhưng giá thành khá cao so với nước thiên nhiên. Ngoài ra người ta cũng đóng chai các nguồn nước khoáng trong tự nhiên có chứa nhiều khoáng chất quý giá có lợi cho sức khỏe, chẳng hạn như nước khoáng Kim Bôi (Hòa Bình), nước khoáng Bang (Quảng Bình), nước khoáng Thạch Bích (Quảng Ngãi), suối khoáng Hội Vân (Bình Định), Vĩnh Hảo (Bình Thuận), Dục Mỹ (Nha Trang, Khánh Hòa)...

c- Nước ngọt có gas.

Kỹ nghệ sản xuất nước ngọt có gas cung cấp các loại nước ngọt có hương vị khác nhau nhưng nói chung đều bổ sung vào nước đã diệt



trùng các chất như đường, chất tạo ga (carbonat) và các chất phụ gia tạo hương vị như caffein, caramel, chất tạo màu hóa học, nước trái cây.

Sự tiêu thụ nước ngọt có ga ngày một gia tăng và là mối quan tâm của các nhà dinh dưỡng. Đã có nhiều nghiên cứu cho là dùng nhiều nước ngọt sẽ đưa tới phì mập, nhất là ở trẻ em.

Ngoài các loại nước uống, rau, trái cây và một số thực phẩm cũng cung cấp một lượng nước đáng kể. Có loại rau trái chứa tới trên 90% nước.

Sau đây là tỷ lệ nước trong một số thực phẩm:

Cần tây: 95%

Nấm: 92%

Dưa hấu: 92%

Rau broccoli: 91%

Trái táo: 84%

Nho: 81%

Một điểm đặc biệt là nước cung cấp từ rau trái có nhiều khoáng chất hữu cơ mà cơ thể ta rất cần.

Vai trò của nước trong cơ thể

Nước chiếm khoảng 65% tổng số trong lượng cơ thể. Một người cân nặng 60kg (khoảng 130 lb) có trên 45 kg (gần 100lb) nước.

Tỷ lệ nước còn tùy vào độ tuổi: càng ít tuổi thì tỷ lệ nước càng cao. Bào thai 5 tháng có 85% nước, trẻ sơ sinh có 75%, và khi trưởng thành còn 65%.

Nhu cầu nước cũng cao hơn ở trẻ em so với người lớn tuổi.

Nước trong cơ thể phân phối theo hai khu vực chính:

1- Trong các tế bào chiếm từ 65% tới 80%;

2- Ngoài tế bào, như trong huyết tương (4%); ruột, bao tử (15%), ở mắt, não, khớp xương (2%).

Mỗi thành phần cơ thể lại có một tỷ lệ nước khác nhau tùy theo nhu cầu riêng của thành phần đó. Trong nước miêng 95%, dịch bao tử 95.5%, não có 86% nước, thận có 83%; xương có 22%; cơ tim có 79% nước.

Bắp thịt có nhiều nước hơn tế bào mỡ. Cho nên người có bắp thịt nở nang thì có nhiều nước hơn người béo phì. Và khi tế bào mỡ lên cao thì nước giảm xuống.

Chỉ cần thiếu hoặc dư nước chừng vài phần trăm là đã có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Nếu nước trong cơ thể giảm đến 20% thì tử vong có thể xảy ra.

Phần lớn nước thừa được ra trong nước tiểu, số còn lại thoát ra trong mồ hôi, hơi thở, phân.

Khi cơ thể bình thường, lượng nước tiêu thụ cân bằng với nước phế thải khỏi cơ thể. Vì thế, khi uống nước nhiều thì ta sẽ đi tiểu nhiều và khi giảm uống nước, thì nước tiểu sẽ ít đi.



Trung bình một ngày người lớn cần bổ sung khoảng từ 2 tới 2.5 lít nước theo đường ăn uống.

Nước được phân phối ở nhiều vùng khác nhau trong cơ thể, nhưng liên tục luân lưu qua sự thẩm thấu và hòa tan. Nước đưa vào cơ thể được ruột non hấp thụ, chuyển vào máu rồi từ đó được đưa đi khắp các mô, tế bào.

Nước có một số nhiệm vụ như:

a- Nước cần cho sự sống của mọi tế bào qua việc chuyên chở chất bổ dưỡng, chuyển hóa thức ăn và bài tiết những chất cặn bã của thức ăn cũng như từ các phản ứng sinh hóa học như dioxid carbon, ure, ammoniac.

b- Nước giữ nhiệt độ cơ thể bình thường tương tự như nước chứa trong bình tản nhiệt xe hơi. Chẳng hạn khi nhiệt độ trong cơ thể lên cao, vì nhiễm trùng sốt, vì đi trong nắng nóng, da sẽ đổ mồ hôi, làm giảm nhiệt độ trong người;

c- Nước làm chất "bôi trơn" để giảm cọ xát trong sự vận động các khớp xương;

d- Nước giúp các bộ phận cơ quan trong cơ thể hoạt động hữu hiệu và làm "chất đệm" để tránh sự cọ xát giữa cơ quan này với cơ quan khác;

e- Nước là môi trường trung gian qua đó cả ngàn phản ứng hóa học cần cho sự sống liên tục diễn ra trong cơ thể;

g- Nước chứa đựng nhiều khoáng, chất dinh dưỡng, kích thích tố, các điều tố, tất cả theo một tỷ lệ cân bằng mà nếu có xáo trộn thì bệnh tật sẽ xảy ra;

h- Nước giúp cơ thể loại chất phế thải, cặn bã từ sự tiêu hóa cũng như từ các phản ứng sinh hóa học như phân, carbon dioxide, urea, ammonia;

i- Nước là thành phần cấu tạo của mọi tế bào, mô và các chất dịch của cơ thể. Nếu không có nước thì sẽ không có nước miêng, dịch vị bao tử, mật để tiêu hóa và hấp thụ chất dinh dưỡng.

Bởi vậy, nước rất cần cho cơ thể cho dù tự nó không cung cấp năng lượng. Điều may mắn là nước có sẵn trong tự nhiên ở khắp mọi nơi. Cơ thể chỉ thiếu nước khi ta thiếu hiểu biết và không quan tâm đến nhu cầu này. Trong thực tế, không ít người đã vô tình không uống đủ lượng nước mà cơ thể cần.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Nơi cánh chim bay về

LAM KHÊ

Sáng sớm, đàn chim thức giấc đã ríu rít gọi bầy làm khuấy động cả khu vườn yên tĩnh. Một lúc... từng đàn rồi từng đàn, lần lượt vỗ cánh bay cao rồi mất hút trên bầu trời mênh mông xanh thẳm.

Sau thời tụng kinh sáng, bà Hậu ra sân đi dạo và ngắm đàn chim trời tung mây lướt gió. Như mọi lần, bà nhìn từng gốc cây xem có con chim nào bị thương hay nằm gục đâu đó để mang vào nhà chăm sóc hoặc đem chôn sau vườn. Bà đã an táng nhiều con chim thoát nghiệp như thế và không quên chú nguyện cho chúng được thác sanh về một thế giới an lành tịnh lạc.

Mưa gió vẫn vũ suốt nhiều ngày rồi cũng tạnh. Bầu trời trong xanh báo hiệu một ngày chan hòa nắng ấm. Cành cây rung nhẹ, vài chiếc lá vàng rơi khẽ theo bước chân người đi qua. Cuối khu vườn có vài ngôi mộ mới được cải táng về chôn nền cảnh trí có phần u trầm thanh vắng. Hai ngôi mộ đôi có mái che là của ông bà thân sinh. Một ngôi mộ bằng đá hoa cương nằm giữa hai hàng trúc xanh, phía trên dựng phiến đá tạc chân dung cùng khắc tên họ người từng là chồng của bà. Ngôi mộ do mấy người con của ông từ phương xa về thiết kế tạo lập để gọi là báo hiếu cho người cha nổi tiếng một thời.

Ngôi mộ đá ong cũ kỹ nằm khuất sau gò đất cao là nơi an nghỉ đứa con trai của họ mất cũng đã lâu. Hai cha con... lúc sống chưa từng thấy mặt nhau, chết lại nằm chung khu nhà mồ. Số phận quả thật trở trêu. Bà từng đau đớn trầm cảm suốt thời gian dài vì

để mất những người thân yêu nhất của mình. Sau này khi đã thắm nhuần đạo pháp... bà hiểu rõ nghiệp lực nhân duyên trong vòng sanh tử luân hồi. Vợ chồng cha con, gặp gỡ thương yêu rồi xa cách oán hờn... là cơ duyên gắn kết và cũng là nghiệp báo trả vay qua lại trong nhiều đời.

Sương tan dần rồi nắng cũng lên cao. Khu vườn cây xanh rộ rộn ràng với ngàn muôn âm thanh đón chào ngày mới. Các loài chim sống theo bầy đàn thường di chuyển tìm thức ăn vào buổi sáng, đến chiều tối chúng mới bay về tổ ấm nghỉ ngơi. Các loài chim sống riêng lẻ thì thích thong thả tự tại trong rừng cây quen thuộc hằng ngày. Những chú chim với bộ cánh rực rỡ đang nhay nhót trên cành hoặc dưới thảm cỏ đồng loạt cất tiếng hót vang theo âm điệu ngôn ngữ của chúng. Đám cư dân này vốn dạn dĩ và cũng rất thông minh để nhận ra đây là trụ xứ của những người giàu lòng từ mẫn, là mảnh đất hiền hòa để muôn loài chim thú tìm về chung sống.

Khi mua lại khu vườn làm chốn tịnh cư an dưỡng, bà cho xây tường thành bao quanh để bọn săn bắt không có cơ hội đột nhập. Nhà cửa vườn hoa cùng khu mộ được xây dựng nhưng rừng cây vẫn giữ nguyên làm nơi cư trú cho đàn chim. Những người bạn cũng là đồng nghiệp của bà ngày trước, thường lui tới đây nghỉ ngơi thư giãn ít ngày. Họ ẩn tượng với vườn chim và ưa thích bàn chuyện người mỗi khi có

dịp ngồi lại với nhau:

- Ông bà mình nói "Đất lành chim đậu" quả không sai. Chủ nhân khu vườn không chỉ có tâm mà cũng có tầm nhìn xa. Đời nghề sĩ không chồng không con, có một nơi như thế này thì cũng gọi là chốn an thân lý tưởng cuối đời.

- Chị ấy còn cứu mạng nhiều chị em đồng cảnh ngộ về chung sống nữa đấy. Họ tu tại gia và thường xuyên đi làm từ thiện, quyên góp giúp đỡ nhiều nghệ sĩ đơn thân, những người già cô độc bệnh hoạn. Bà không con nhưng có nhiều con nuôi, không kể những đứa con riêng của chồng.

- Ngẫm lại thấy ông Phương Ngàn thật có phước, khi sống thì đào hoa, nhân tình nhân ngãi khắp nơi. Lúc nợ nần phá sản, bà vợ sau bỏ đi, nhân tình cũng dứt áo thì bà này dù đã ly hôn nhiều năm vẫn nhận nuôi cả đàn con chồng đến khôn lớn. Ông lâm bệnh cũng một tay bà lo lắng chăm sóc, chết được mồ yên mả đẹp, hương khói sớm chiều. Ngày trước họ thò nhau chỉ vì bà không có con.

- Bà từng có một đứa con trai. Nhưng thằng bé mất sớm. Ông cho rằng đứa nhỏ không phải con mình khiến bà rất đau khổ oán hận. Ấy vậy mà... về sau bà lại mở lòng tha thứ tất cả. Không biết vì tình yêu còn sâu nặng hay nợ nần với nhau từ nhiều kiếp. Nhưng chính nhờ bà đã quy y Phật pháp nên lòng cũng nhẹ nhàng buông bỏ tất cả.

Bà cười khi nghe đứa cháu kể lại cuộc nói chuyện của những người bạn. Bóng ma quá khứ thỉnh thoảng vẫn hiện về... nhưng mặt hồ phẳng lặng

tĩnh yên nên những chuyện đã qua không đủ để khuấy thành sóng gió nào phiền. Để có được sự nhẹ nhàng thanh thản hiện tại, bà đã trải qua những ngày tháng đau khổ hận tình của một kiếp hồng nhan nhiều hệ lụy.

... Tuổi thanh xuân tràn đầy sức sống, bà lại là một diễn viên trẻ xinh đẹp đang lên nên được nhiều chàng trai sẵn đón ngỏ lời. Nhưng bà chỉ đến với Phương Ngân, một kịch sĩ kiêm đạo diễn nổi tiếng. Sau thời gian quen nhau, hai người kết hôn với một đám cưới linh đình. Trong giới nghệ sĩ lúc bấy giờ, vợ chồng bà được cho là một cặp đôi trời sinh, có cuộc sống hạnh phúc sung túc đủ đầy. Ông nhận kịch bản liên tục. Bà có nhiều vai diễn, tuy không thuộc dạng tầm cỡ nhưng cũng có tiếng tăm. Sự nghiệp thăng hoa lại được chồng thương yêu chiều chuộng, bà thấy đời mình tràn ngập những gam màu lung linh tươi sáng.

Nhưng cuộc đời có bao giờ được trọn vẹn như ý. Mười năm nên duyên chồng vợ, ngoài ba mươi tuổi bà vẫn không thể sinh nở, còn ông thì ngày đêm mong mỏi có mụn con để vui cửa ảm nhà. Bà đi chùa cầu nguyện và trị liệu đủ các thứ thảo dược đông tây nhưng tin vui vẫn không đến. Lúc này bà có nghe ông lăng nhăng này nọ nhưng tình nghĩa vợ chồng vẫn thắm thiết nên bà không mấy may lo lăng nhăng nghĩ ngợi. Rồi một hôm ông nói với bà:

- Anh có tâm sự và xin Mai Thủy một đứa con. Nó đã ưng thuận. Sau này sinh con, nó giao lại cho em nuôi nấng. Đứa bé sẽ là con của vợ chồng mình.

Mai Thủy là học trò của ông từ dưới quê mới lên. Con bé mới mười tám tuổi nhưng diễn xuất rất chừng chạc. Bà ngạc nhiên trước sự thuận tình dễ dãi của cô ta. Hẳn là muốn trả ơn người thầy đã đào tạo nâng đỡ bấy lâu. Nghe chồng thổ lộ, bà chạnh lòng nhưng nghĩ như vậy cũng tốt. Ông có



đứa con sẽ yên tâm hơn, hạnh phúc gia đình sẽ bền vững hơn. Đứa con trai ra đời đúng như mong đợi của chồng. Ngày đấy tháng bé... ông bỗng con và dẫn luôn mẹ nó về nhà rồi nói thẳng với bà:

- Chúng ta hết duyên, cũng không còn nợ, thôi thì ly dị vậy. Anh muốn con có một mái ấm gia đình đầy đủ mẹ cha.

Bà chỉ biết lặng thinh khóc thầm, hận chồng phụ bạc, giận mình sao quá ngu xuẩn dễ tin. Rồi khỏi ngôi nhà đã có hơn mười năm gần bó vun đắp, bà lao vào công việc để trút nỗi sầu duyên số. Chỉ mới vài tuần mà bà đã xuống sức tiêu tụy đến thảm hại. Một buổi tối sau khi hoàn tất vai diễn thì bà té xỉu và được đưa vào bệnh viện. Rồi bà ngã ngàng khi bác sĩ thông báo mình có thai. Nó là giọt máu của người đàn ông mà bà vừa ký giấy ly hôn. Tâm trạng của người phụ nữ lần đầu biết mình sắp làm mẹ... có cả niềm vui xen lẫn nỗi ngậm ngùi chua xót. Hạnh phúc muộn màng sao lại quá nhiều đắng cay buồn tủi.

Cáo bệnh về quê, bà không cho ai biết chuyện mình đã mang thai. Đến ngày khai hoa nở nhụy, bà sanh con trong cảnh đơn lẻ nhưng đầy niềm kiêu hãnh tự hào. Người mẹ ôm đứa con trai vừa chào đời vào lòng, vui lắm mà sao dòng nước mắt cứ tuôn trào.

Nghe bạn bè nói bà sanh

con và thằng bé là giọt máu của mình, người chồng khoát tay lạnh lùng:

- Cô ta đang diễn vở kịch có con để níu kéo mà mọi người cũng tin à. Con cái gì với người đã mất khả năng sinh đẻ. Chắc kiếm được đứa bé bị bỏ rơi nào đó rồi hô hoán lên là con của tôi. Thấy vậy mà cũng biết giữ chiều trò đấy chứ.

Sợ bà bị sốc, bạn bè không nói lại nhưng bà cũng nghe cũng biết. Bà cười nhạt rồi tuyên bố đánh thép:

- Nó là con ai, thời gian sẽ trả lời. Tôi thề là trong kiếp này đời này, sẽ không cho ông ta có cơ hội gặp chính con ruột của mình. Con tôi không cần một người cha vô tâm vô cảm đó đâu.

Đến bây giờ... bà vẫn luôn tự hỏi, có phải vì lời thề cay nghiệt năm xưa mà đứa con trai bé bỏng của mình phải nhận lấy hậu quả. Cho đến bây giờ, bà vẫn luôn tự trách mình... vì công việc và cũng vì oán hận người đàn ông bội bạc, bà gởi con cho người thân ở quê trông nom, giấu kín tung tích đứa bé. Ngày cúng thôi nôi giáp năm con, bà mời nhiều bạn bè và họ đã ngạc nhiên thốt lên:

- Ôi! Thằng bé giống Phương Ngân như đúc. Bà nên chụp hình đăng ảnh bé lên báo để ông ta tới nhận con. Biết đâu giỡn võ lại lành.

Bà lắc đầu dứt khoát:

- Không bao giờ có chuyện đó.

Sau này biết chuyện,

Phương Ngàn cũng vài lần đi tìm con nhưng bà nhất quyết không cho gặp. Rồi một ngày, đứa bé bị sốt cao, người nhà nhả tin song bà mẹ đang bận quay phim ở xa chưa thể về ngay. Con được đưa tới bệnh viện, bà hốt hải chạy vào thì chỉ kịp nhìn mặt bé lần cuối. Đứa con mất trên tay bà khi chưa tròn ba tuổi.

... Trong suốt nhiều tuần lễ, cứ tầm đâu giờ chiều, bất kể ngày nắng ngày mưa, người ta lại thấy bà đến khu nghĩa trang với bó hoa trắng cùng nén hương nhỏ. Bà thấp nhang cắm hết các ngôi mộ rồi ngồi lại bên mộ phần của con, yểu lặng và cứ như thể cho tới chập tối. Bà ngồi đó với ý nghĩa... hương hồn con cảm nhận khói hương sẽ trở về, có mẹ ngồi một bên, nó cũng ấm lòng đỡ tủi thân nơi thế giới bên kia. Bà ngồi đó cũng là để gặm nhấm nỗi đau, giãi xé tâm hồn đầy tội lỗi của mình. Bà đã sanh con ra đời, sao không cho con có được một mái ấm gia đình trọn vẹn, sao không biết chắt chiu những ngày tháng ngắn ngủi bên con, sao không ở bên con những giây phút cuối đời trong cơn đau đớn bệnh hoạn.

Trời tối dần. Cơn mưa nhỏ thấm ướt bờ vai người mẹ. Đang định quay về, bất chợt bà nghe tiếng chuông chùa vang lên. Bà biết trong khu nghĩa trang có một ngôi chùa. Bà cũng nghe tiếng chuông ấy vào mỗi buổi chiều. Nhưng hôm nay có điều gì đó thôi thúc bà đi về nơi phát ra âm thanh nhẹ nhàng như để xoa tan nỗi u ám chất chứa trong lòng người.

- Ngày mai là đúng bảy tuần thất... Con nghe nói qua bốn mươi chín ngày, vong linh người chết hoặc sẽ đầu thai trở lại làm người, hoặc sẽ bị đọa vào chốn ác đạo làm thú làm quỷ. Đứa con vẫn sống của con chỉ mới ba tuổi, chưa gây tội nghiệp gì thì sao có thể đọa lạc được. Nhưng nếu được sanh làm người... cũng là con của người khác. Con thật không cam lòng như vậy. Con chỉ muốn đứa bé mãi ở bên

mình... dù chỉ là hồn phách phiêu diêu. Bạch Thầy! Tâm trí con chất đầy sự đau khổ oán hận. Cuộc đời này đối với con sao quá nhiều bất công tàn nhẫn.

Lẳng nghe để chia sẻ với nỗi đau trần thế. Dùng lời đạo từ để thức tỉnh một tâm hồn đang khổ lụy trầm mê. Những lời vị ân sư huân thị ngày ấy đã mở ra một cánh cửa mới để bà bước vào, dứt bỏ hết mọi quá khứ đau thương dằn vặt. Bà vẫn nhớ như in những lời thầy đã dạy ngày ấy.

- Vào thời Phật tại thế cũng có người mẹ trẻ mất đi đứa con trai duy nhất của mình. Bà ôm xác con tới xin Phật nhờ ngài dùng thần thông quảng đại cứu sống đứa bé. Phật dạy bà đi xin một nắm tro trong gia đình nào ba đời chưa từng có người mất thì mới cứu được. Bà mẹ ôm con tới mỗi nhà gõ cửa để xin tro. Nhưng ai cũng lắc đầu ái ngại nhìn bà: "Nhà tôi tro thì sẵn đó nhưng làm gì xưa nay trong gia đình giòng tộc không có người mất bao giờ". Thất vọng và mệt mỏi, bà bỗng ngộ ra rằng... mọi người sanh ra trên cõi đời đều không ai thoát khỏi quy luật sống chết. Quy luật sống chết vốn không bỏ sót một ai. Con quỷ vô thường... nào đợi ta đến khi đầu bạc răng long mới tìm đến. Nhân duyên mẹ con ngắn ngủi chỉ bấy nhiêu. Níu kéo trong vô vọng, khóc than thương tiếc một hình hài không còn, chỉ khiến tâm trí ta thêm nặng nề sâu thẳm mà người chết cũng không thể sống lại được.

Con người vốn dĩ sanh ra đã bị bủa vây với muôn ngàn nỗi khổ. Yêu thương xa lìa đã khổ, oán thù gặp gỡ càng khổ hơn. Khổ vì cầu không như ý. Khổ vì mong muốn chẳng thành. Sự chết chóc tang thương là nỗi khổ sâu nặng bi thiết hơn cả. Ai cũng tham sống sợ chết. Ai cũng mong được thọ mạng dài lâu. Cuối cùng rồi cũng phải từ bỏ xác thân này ra đi dù sớm

hay muộn.

Hối tiếc khóc than cho những bóng ma dĩ vãng... chỉ bằng hãy mở vòng tay cứu giúp và nở nụ cười đón nhận những mảnh đời còn đau khổ bất hạnh quanh mình. Có biết bao đứa trẻ ra đời trong hoàn cảnh mất mẹ xa cha, có biết bao hài nhi không được thừa nhận bị vất bỏ bên đường. Nếu ta biết đón nhận yêu thương, biết mở lòng chia sẻ... chính là ta đang gieo vào mảnh ruộng của mình những hạt mầm an vui thiện mỹ. Khi tình yêu thương lan tỏa thì mọi oán thù sẽ được hóa giải, bao mặc cảm tội lỗi cũng tan biến.

Danh vọng bạc tiền, lao tâm khổ trí một đời tạo dựng... khi vô thường ghé đến, ta ra đi chỉ với hai bàn tay trắng, chẳng mang theo được gì ngoài nghiệp lực đã gây tạo. Sống thì mê muội nắm giữ tìm cầu, chết cũng đâu có nghĩa là hết. Xả bỏ xác thân này chỉ là xong một đời, còn oan khiên nghiệp báo sẽ dắt dẫn ta vào chốn đọa đầy sanh tử không dứt. Chỉ có người biết hướng thiện tu thân, biết buông bỏ những ràng buộc cố chấp thì mới ngăn chặn sự đau khổ triền miên trong nẻo luân hồi...

Một ngày lại trôi qua, vắng thái dương đỏ rực khuất dần sau rặng cây cao. Nơi phía chân trời, những cánh chim xuất hiện đang bay về khu vườn sau chặng đường dài mưu sinh mệt nhọc. Bức tranh thiên nhiên trong buổi hoàng hôn toát lên muôn vẻ đẹp diệu kỳ yên ả như thế. Cảnh sắc chiều tàn rồi cũng nhanh chóng chìm sâu vào bóng đêm tĩnh lặng.

Bình thản an lạc với hiện tại, buông xả tha thứ với những việc đã qua. Đó là cuộc sống của người đã nương đức từ bi, hướng lòng về với Phật pháp.

LAM KHÊ

TẠI SAO TỤNG THẤT GIÁC CHỈ ĐỂ CHỮA BỆNH, CẦU AN?

Chúc Phú

(tiếp theo trang 81)

Thứ năm, khinh an (*Passadhi*). Khinh là nhẹ nhàng, an là yên lặng hay an tĩnh. Có hai thứ khinh an, thân khinh an (*Kāya passadhi*) và tâm khinh an (*Citta passadhi*). Khi cả thân và tâm đều nhẹ nhàng và an lạc, thì hành giả dễ dàng đạt đến nhất tâm. Đây cũng là điều được Đức Phật dạy trong kinh *Tăng Chi* (A.v,1): - *Này Ananda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có ích lợi an lạc. - Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì? Này Ananda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định* (41).

Thứ sáu, định (*Samadhi*). Định là trạng thái ổn định vững chắc của tâm, có khả năng chế ngự năm chướng ngại tinh thần (*pañca nivarana*) (42), là những thứ cấu uế của tâm. Do cấu uế ấy, tâm bị uế nhiễm, không có nhu nhuyễn, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bề vụn, không chân chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc (S.v,92). Một khi tâm định tĩnh, sẽ nhận ra thực tướng của các pháp, như lời Phật dạy trong kinh *Tăng Chi*: *Này Ananda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến* (43).

Thứ bảy, xả (*Upekkha*). Theo Thanh Tịnh Đạo, xả (*Upekkha*) có nghĩa là ngắm nhìn sự vật khi chúng xảy ra (*Upapattito Ikkhati*), sự vật xảy ra như thế nào thì nhìn nó như thế ấy, nghĩa là nhìn một cách thản nhiên, không thêm bớt không thành kiến (44). Xả có 10 thứ, khi được xem như là một yếu tố của giác chi, thì xả chỉ cho trạng thái trung tính (*tatramajjhataṭṭā*). Đó là trạng thái quân bình, không thiên lệch bên nào. Đây cũng là điều mà kinh *Pháp Cú* diễn tả: *Người hiền bỏ tất cả./ Người lành không bàn dục./ Dầu cảm thọa lạc khổ./ Bạc trí không vui buồn* (Dhp.83) (45).

Thân thể là biểu hiện sinh động của nghiệp, bị chi phối bởi nghiệp. Mà nghiệp là hành động có sự tham gia của tâm ý. Việc tu tập thất giác chi nhằm chuyển hóa tâm, sẽ tạo nên sự thay đổi về nghiệp. Nghiệp thay đổi thì bệnh sẽ chuyển biến. Chỉ xét riêng với chi phần trạch pháp giác chi, nghĩa cụ thể là có một liệu pháp điều trị đúng, có một lối sống lành mạnh, dinh dưỡng phù hợp... là đã có thể đem đến sự an lạc cho thân và tâm.

Chính vì vậy không nhất thiết phải thành

tự cả bảy giác chi thì mới cảm nhận được lợi ích, như lời xác tín của vương tử Vô úy: *Bạch Thế Tôn, chỉ được đầy đủ với một giác chi mà thôi đã có thể như thật thấy và biết, còn nói gì đầy đủ cả bảy giác chi* (S.v,126) (46).

4. Vài nhận định về thất giác chi trong việc chữa bệnh, cầu an.

Thất giác chi là pháp để thực hành chứ không phải trì tụng.

Đã từ lâu, khi muốn cầu an cho một người lâm bệnh, thì một số truyền thống Phật giáo đã tổ chức trì tụng ba bài kinh thất giác chi trong kinh *Tương Ưng*.

Tụng kinh đúng thời điểm là một điều tốt (A.iii,379) (47), vì tự thân giáo pháp có vị ngon ngọt như kinh Mật hoàn (*Madhupindika Sutta*) (48), nếu biết cách thọ dụng. Tuy nhiên, sẽ tốt hơn nếu như pháp do Phật giảng dạy được hành trì.

Theo Đức Phật, pháp của Ngài dạy là để hành trì. Trong năm hạng tỳ-kheo được mô tả trong kinh *Tăng Chi*, Đức Phật đề cao vị tỳ-kheo biết sống theo pháp (*Dhammavihārī*). Theo kinh, Ở đây, này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phụng tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Vị ấy không dùng trọn cả ngày để học thuộc lòng pháp, không phế bỏ sống độc cư an tịnh, nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỳ-kheo, như vậy Tỳ-kheo sống theo pháp (49).

Trong kinh *Pháp Cú*, sự hành trì giáo pháp được Đức Phật nhấn mạnh:

Nếu người nói nhiều kinh./ Không hành trì, phóng dật./ Như kẻ chăn bò người./ Không phần Sa môn hạnh.

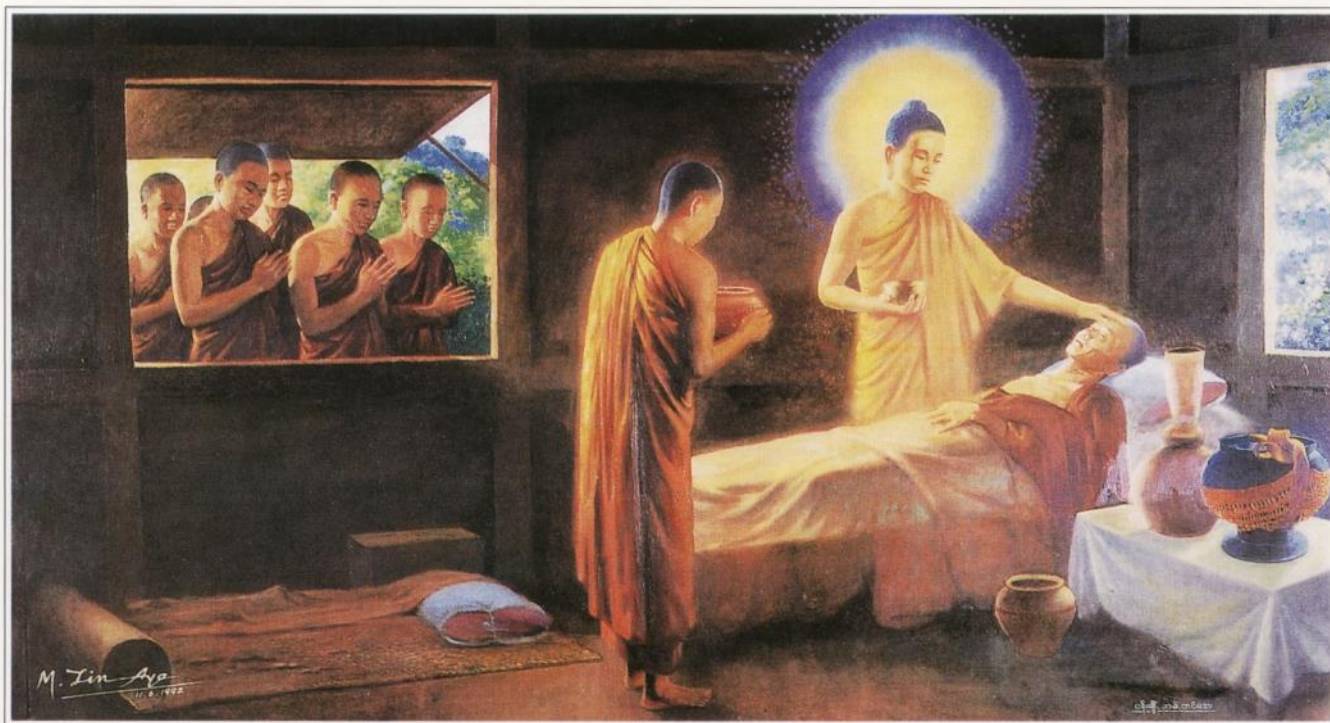
Dầu nói ít kinh điển./ Nhưng hành pháp, tùy pháp./ Từ bỏ tham, sân, si./ Tĩnh giác, tâm giải thoát./ Không chấp thủ hai đời. / Dự phần Sa môn hạnh. (Dhp.19-20) (50).

Từ ý kinh *Tăng Chi* và kinh *Pháp Cú* nêu trên, đã dẫn đến hệ luận, muốn chữa lành bệnh tật, thì phải hành trì chứ không phải trì tụng thất giác chi.

Thất giác chi là pháp được sử dụng lúc cấp thiết, với bậc Thánh.

Trong những lúc chư tăng bị bệnh (*ābādhiko*), khổ đau (*dukkhito*), bị trọng bệnh (*bālhaḡilāno*), Đức Phật và các vị thánh đệ tử khi thăm hỏi thường sử dụng những pháp mang tính chất quyết định, có khả năng chuyển hóa tức thời như: tam pháp ấn (S.iv,40) (51), không chấp thủ (S.iv,47) (52), thực hành tứ niệm xứ (S.v,176; S.v,178) (53), quán thập tướng (54), mà ở đây là thất giác chi.

Trong bối cảnh này có thể thấy, thất giác chi không hẳn là một pháp dành riêng cho việc bảo hộ, cầu an mà là một pháp trợ duy-



The Buddha taking care of a sick monk as a fraternal duty and model example for His monks to emulate.

ên khi lâm tử. Nói cách khác, thất giác chi là pháp trợ duyên mang tính chất trợ tử hơn là cầu an.

Ngài Mahā Kassapa chứng A-la-hán vào ngày thứ bảy sau khi gặp Phật (Thera. 94) (55); tôn giả Mahā Moggallāna cũng chứng đệ tử Thánh quả với thời gian tương tự (Thera. 104) (56). Đã là một bậc thánh giả A-la-hán thì không còn đau khổ về tâm. Về trường hợp lành bệnh của hai tôn giả sau khi nghe thất giác chi, có thể hiểu đây chỉ là trường hợp đặc thù; giống như trường hợp được mô tả trong kinh *Tăng Chi* (A.i,120): *có hạng người bệnh, dầu có được ăn các món thích hợp, hay không được các món ăn thích hợp, dầu có được các thuốc men thích hợp hay không được các thuốc men thích hợp, dầu có được sự chăm sóc thích đáng hay không được sự chăm sóc thích đáng, được bình phục từ chứng bệnh ấy* (57). Bổ sung cho quan điểm này, đó là trường hợp mẹ của Nakula thuyết pháp với mục đích trợ tử cho cha, nhưng cha Nakula đã thoát khỏi bệnh duyên và hoàn toàn bình phục sau khi nghe thời pháp đó (A.iii,295)(58).

Cần lưu ý rằng, cách thức sắp xếp các nội dung, chương mục trong kinh điển Nikāya có xu hướng giúp cho việc ghi nhớ được thuận lợi. Với kinh *Tương Ưng*, các bài kinh có những điểm chung và liên hệ về nội dung, thường được sắp xếp thành từng nhóm, mà ở đây chính là nhóm bảy pháp giác chi. Trong những bài kinh thuộc nhóm bảy pháp giác chi, có ba bản kinh nhờ nghe thất giác chi mà khỏi bệnh. Theo chúng tôi, đây chỉ là sự trùng

hợp về cách thức tổ chức kinh điển trong khi kết tập kinh văn.

Vận dụng kinh điển không phù hợp là xuyên tạc giáo pháp.

Trong những đặc tính của giáo pháp, đó là tính thiết thực hiện tại (*Sanditthika*), tính khế cơ. Chính vì vậy, cần phải cân nhắc khi dùng pháp của bậc thánh để vận dụng cho số đông chúng sanh. Hơn thế, cuối cả ba bản kinh *Bệnh* trong *Tương Ưng Giác Chi*, Đức Phật không chỉ định rằng, đây là ba bản kinh bảo hộ sức khỏe. Với những bản kinh mang tính đặc hiệu, bao giờ Đức Phật cũng xác tín lại điều này. Phần khuyến tấn cuối bản kinh A-sá-nang-chi (*Atānātiyā*) là một bằng chứng tiêu biểu (59).

Căn cứ vào kinh điển và luật tạng cho thấy, tùy theo bệnh tình của từng đối tượng mà sử dụng liệu pháp điều trị tương ứng. Ba yêu cầu cơ bản của việc điều trị bệnh trong kinh *Tăng Chi* mà Đức Phật đã khuyến tấn như, đúng thuốc, đúng thầy và dinh dưỡng hợp lý là những nguyên tắc chữa bệnh vượt thời gian (60). Trong y phương, không có một phương thang để điều trị chung cho các loại bệnh. Khi lâm bệnh, cố chấp không chữa trị, chỉ lo trì tụng thất giác chi thì đôi khi bệnh không lành mà còn dẫn đến nhiều hệ lụy, tai ương.

Ở đây, việc chấp thủ lời dạy của Đức Phật và cứng nhắc trong khi vận dụng, không những gây khổ đau cho bản thân, mà còn vô tình xuyên tạc Thánh giáo (61).

CHÚ THÍCH:

- 1) *Kinh Trung Bộ*, tập 1, Tiểu kinh rừng sừng bò, số 31, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2012, tr.259-265.
- 2) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 503-505.
- 3) 大正藏第 02 冊 No. 0125 增壹阿含經, 卷第三十三, 等法品, 六
- 4) *Xem thêm bài viết của chúng tôi: So sánh kinh Bệnh (S.v,81) trong Tương Ưng và bản kinh tương đương trong Hán tạng. Xem tại: <http://thuvienhoasen.org/a25160/so-sanh-kinh-benh-s-v-81-trong-tuong-ung-va-ban-kinh-tuong-duong-trong-han-tang->*
- 5) Piyadassi Thera. *The Book of Protection*. Kandy: Buddhist Publication Society, 1999.
- 6) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 151.
- 7) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 151.
- 8) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 736. See also, *The Numerical Discourses of the Buddha*. Bhikkhu Bodhi, Trans. Boston: Wisdom Publications. 2012. p.742. Chúng tôi có chỉnh sửa văn kinh sau khi tham khảo nguyên tác Pāli và bản dịch tiếng Anh.
- 9) *Kinh Trường Bộ*, kinh Đại niệm xứ, số 22, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 447
- 10) *Thắng pháp tập yếu luận*, chương 1, HT. Thích Minh Châu, dịch.
- 11) *The Connected Discourses of the Buddha*. Bhikkhu Bodhi, Trans. Boston: Wisdom Publications, 2000. p.853.
- 12) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 280
- 13) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 44.
- 14) *Maha Vagga 2*, chương Y phục, đoạn 135, Indacanda – Nguyệt Thiên dịch.
- 15) *Maha Vagga 2*, chương Được phẩm, đoạn 27-42, Indacanda – Nguyệt Thiên dịch.
- 16) *Maha Vagga 2*, chương Được phẩm, đoạn 25, Indacanda – Nguyệt Thiên dịch.
- 17) *Kinh Trung Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB. Tôn giáo, 2012, tr.601-606.
- 18) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 278-280.
- 19) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 633-634.
- 20) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 692.
- 21) 大正新脩大藏經第 15 冊 No. 0620 治禪病祕要法
- 22) *Xem, Xuất tam tạng ký tập*, quyển 9, Thiền yếu bí mật trị bệnh kinh ký; *Khai nguyên thích giáo lục*, quyển 5, cư sĩ Thư Cử Kinh Thanh.
- 23) 大正新脩大藏經第 15 冊 No. 0620 治禪病祕要法: 治阿練若亂心病七十二種法.
- 24) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 607.
- 25) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 511.
- 26) *Ibid*, tr. 494.
- 27) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 515.
- 28) *Ibid*.
- 29) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 545.
- 30) *Ibid*, tr. 504
- 31) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 533-535.
- 32) Bhadantacarya Buddhaghosa, Thanh Tịnh Đạo, tập 1, Thích Nữ Trí Hải, chuyển dịch, NXB. Tôn giáo, 2001, tr.327.
- 33) Bhadantacarya Buddhaghosa, Thanh Tịnh Đạo, tập 1, Thích Nữ Trí Hải, chuyển dịch, NXB. Tôn giáo, 2001, tr. 328.
- 34) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 219-224.
- 35) *Kinh Trung Bộ*, tập 1, Kinh Ưu-Ba-ly, số 56, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2012, tr. 462.
- 36) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 42.
- 37) *Kinh Tiểu Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 369.
- 38) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 345.
- 39) Bhadantacarya Buddhaghosa, Thanh Tịnh Đạo, tập 1, Thích Nữ Trí Hải, chuyển dịch, NXB. Tôn giáo, 2001, tr. 233.
- 40) Bhadantacarya Buddhaghosa, Thanh Tịnh Đạo, tập 1, Thích Nữ Trí Hải, chuyển dịch, NXB. Tôn giáo, 2001, tr. 235.
- 41) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 529.
- 42) Tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi.
- 43) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 529.
- 44) Bhadantacarya Buddhaghosa, Thanh Tịnh Đạo, tập 1, Thích Nữ Trí Hải, chuyển dịch, NXB. Tôn giáo, 2001, tr. 257-258.
- 45) *Kinh Tiểu Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 53.
- 46) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 544.
- 47) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 113-116.
- 48) *Kinh Trung Bộ*, tập 1, Kinh Mật hoàn, số 18,

- HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2012, tr. 153.
- 49) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 686.
- 50) *Kinh Tiểu Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 43-44.
- 51) *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 137-138
- 52) *Ibid*, tr. 143-144.
- 53) *Ibid*, tr. 586-588.
- 54) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 607.
- 55) *Kinh Tiểu Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 479
- 56) *Kinh Tiểu Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 500.
- 57) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 151.
- 58) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 43-45.
- 59) *Kinh Trường Bộ*, A-sá-nang-chi (Atānātiyā), số 32, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr.643. Nguyên văn: Nay các Tỷ-kheo, hãy học Atānātiyā hộ kinh này, hãy thuộc lòng Atānātiyā hộ kinh này. Các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sẽ được che chở, được hộ trì, được ngăn khỏi ai làm hại, được sống thoải mái hạnh phúc.
- 60) *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 151.
- 61) *Ibid*, tr. 96. Xem thêm, 大正藏第 02 冊 No. 0125 增壹阿含經, 卷第九, 慚愧品, 六



BÌNH MINH ĐẦY MỘT NGÀY

*Ta bầm nát đời mình vào những câu thơ
Trang điểm tâm hồn bằng lời bằng chữ
Ta làm lỡ chi thơ tha thứ
Cho ta vịn vào khi thiên hạ lùi xa*

*Trái tim ta chật chội muốn vỡ oà
Nén chịu khổ đau nén chịu khát khao tức căng
bầu ngực
Thơ ve vuốt dịu từng cơn nhức buốt
Hơi thở dập dồn sôi tâm tư*

*Ta ở giữa ngày ta ở giữa đêm
Phơi mảnh chữ trụi trần trên trang trắng
Vực vào thơ tìm nguồn bất tận
Đếm trong tiếng cười giọt rơi*

*Có một mảnh sao băng hoá kiếp mắt rồi
Tung toé nước toé tung bùn và rác
Ta nắm chặt tia nắng qua kẽ tay thấy rất hồng
thấy li ti bụi vẫn
Bình minh đầy một ngày tỉnh giấc lại cho thơ.*

TA HỎI TA

*Ta là ai
Cát bụi kín chân người
Quần áo che tấm thân trần trụi
Con thú hoang gầm gào
Con thú đêm trừng trợn*

*Ta là ai
Hỏi gió khi về trời
Hỏi con sóng xé lòng biển động*

Ta hỏi ta mù lòa.

thơ BÙI KIM ANH

VĂN-CAO, TRÁI TIM HÓA ĐÁ

Huệ Trân



Những ngày đầu Xuân, nắng thường dẫu mặt sau những tầng mây xám, đôi khi mưa nhẹ và gió se lạnh, dịu dàng cuốn theo từng chiếc lá cuối đông. Không gian lãng đãng một chút gì Hà-Nội xa xưa ...

Bạn chưa từng biết đến Hà-Nội, nhưng mỗi lần thời tiết giao mùa, êm ái và tĩnh lặng như thế này, bạn lại nghe nhạc Văn-Cao và tưởng tượng về Hà-Nội.

Văn-Cao với Hà-Nội là một.

Chả thế, thuở Văn Cao còn sinh tiền, nhiều người bảo, địa chỉ của Văn-Cao là: "Văn-Cao, Hà-Nội". Chỉ thế thôi. Và thư sẽ đến tay Văn-Cao, không sai lạc.

Với tôi, sinh trưởng tại Hà-Nội, lại càng thấy nhạc Văn-Cao gần gũi biết bao! Hơn thế nữa, mỗi lần nghe là mỗi lần bắt gặp những cảm xúc mới mẻ, tùy theo tâm trạng lúc nghe. Như ngày xưa, thời thơ ấu, tôi thường được nghe cha tôi, vừa đàn mandoline, vừa hát những câu:

"*Hồng-Hà mệnh mông, trôi cát tới chân làng quê.*"

*Cuối sông, tìm bến ai về,
Có những chàng áo nâu kè,
Say sưa giòng nước, vui tràn trề ..."*

tôi đã tưởng tượng ra bao chàng trai oai dũng, rời làng quê đi kháng chiến cứu quốc. Nay, cha không còn nữa, khi nghe lại bản nhạc này, tôi không chỉ thấy những người ra đi vì lý tưởng mà lòng tôi còn chan chứa cảm xúc ngậm ngùi của những người nằm xuống khi hoài bão chưa thành!

Gia tài Văn-Cao để lại không nhiều, so với chiều dài thời gian ông hiện diện trong chốn nhân sinh ta-bà, nhưng mỗi tác phẩm đều có một chỗ đứng xứng đáng nơi thế giới nghệ thuật bao la và nơi mỗi trái tim người Việt Nam yêu nhạc.

Trong gia tài tinh thần đó, Văn-Cao từng thổ lộ với bạn bè rằng ông đã tốn nhiều tâm huyết nhất khi viết nhạc phẩm "Thiên Thai".

Quả xứng đáng thay! Hơn nửa thế kỷ qua, giòng nhạc Thiên Thai vẫn đứng riêng một cõi, một cõi trời tràn đầy hương Xuân lãng mạn, tràn đầy huyền ảo, tràn đầy thi tứ trắng sao...

Chàng thanh niên hai mươi tuổi, thường đắm mình trong mộng ảo để quên đi thực tế thiếu thốn áo cơm. Không có một mái nhà, dù nhỏ bé, xiêu vẹo để nương thân nên đêm đêm, Văn-Cao phải ngủ nhờ ở nhà máy phát điện Hải-Phòng. Chính giữa nơi trần tục, bụi bặm, quyen đặc tiếng động ầm ĩ từ những giàn máy điện đó, Văn-Cao đã viết Thiên Thai!

Sức mạnh nào đã chấp cho chàng trẻ tuổi đôi cánh đại bàng để chàng bay lên, bay vút lên không gian bát ngát, xa trần thế, lạc vào Thiên Tiên? Phải chăng, khi viết Thiên Thai, chính Văn-Cao đã thoát xác thành Lưu Nguyễn?

Lưu Nguyễn ngày xưa, trong một buổi tiết Xuân đi hái thuốc, lạc chốn thiên thai là có thật hay chỉ là huyền thoại, không ai biết chắc, nhưng Lưu Nguyễn từ Văn-Cao thoát xác phải là thật mới tạo thành những giòng nhạc bất hủ, cuốn hút như thác đổ, vừa rộn rã đam mê, vừa dịu dàng tiên cảnh đến thế!

Ái đã cất tiếng: "*Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng,*" khó có thể dừng ở giữa đoạn mà không bị ma lực âm thanh lôi cuốn, mời gọi hát tiếp: "*Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên. Kia đường lên Tiên, kia nguồn hương duyên, theo gió, tiếng đàn xao xuyến. Tiếng tơ lưu luyến, mây cung u huyền, mây cung triu mến, như nước reo mạn thuyền..."*

Cũng tại nơi ngủ trọ ầm ĩ tiếng động đó, Văn-Cao đã viết Trương Chi, Buồn Tàn Thu, Suối Mơ, Bến Xuân... Cả một trời âm thanh réo rắt, thơ mộng của những tuyệt tác phẩm đã đến, và ở lại lòng người.

Nhưng Văn-Cao, người nghệ sỹ tài hoa không phải chỉ là chàng nghệ sỹ mơ mộng. Văn-Cao còn chính là tác giả những bản nhạc quân hành hùng tráng như Hải quân Việt Nam, Không quân Việt Nam, Lục quân Việt Nam mà quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã dùng để tiêu biểu cho mỗi binh chủng. Đặc biệt, Trường Ca Sông Lô, vẽ lên bức tranh tuyệt đẹp, hào hùng đã nức lòng bao thanh niên thiếu nữ lên đường kháng chiến chống ngoại xâm, giành lại độc lập tự do cho xứ sở.

Bài trường ca một thời âm vang khắp núi rừng Việt Bắc với những câu: "*Sông Lô, sông*"

*ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u.
Thu ru, bến sóng vàng từng nhà mở biển, chìm
một màu khói thu. Sông Lô, sóng ngàn kháng
chiến cháy bờ lau thưa đã tàn thôn trang. Ai
qua, bên nắng hồng lặng nhìn màu nước sông
Lô xưa...”*

Chính bản thân Văn-Cao cũng đã dâng hiến trọn tuổi thanh xuân cho lý tưởng. Vậy mà, sau 1954, Văn-Cao ở lại miền Bắc, chỉ còn như một chiếc bóng, âm thầm đi, về, cùng những ly rượu nhạt!

Tại sao có thể như thế được? Tại sao chàng Lưu Nguyễn tràn đầy tình yêu người, yêu đời lại có thể đột ngột biến mất trong cõi sương mù?

Sau năm 1954, tuy một người tên Văn-Cao còn đó, nhưng nhạc-sỹ- Văn-Cao đã biến mất!

Nhẹ như tơ, lặng như đêm, cung đàn đã im tiếng! Không ai còn thấy Văn-Cao-nghệ-sỹ nữa! Chỉ còn một con người già trước tuổi, im lặng mỉm cười với mọi sự, làm bạn cùng những ly rượu đầy với...

Xuân có đẹp, Hạ có vui, Thu có êm đêm hay Đông băng giá cũng chẳng khiến người gầy lên một cung tơ! Trái tim như không còn nằm trong lồng ngực, vì nếu còn, thì trái tim - nhất là trái tim nghệ-sỹ - chắc hẳn còn phải chuyển đạt sự rung động thành tác phẩm. Như con chim ngửa cổ phải cất tiếng hót, như mây tụ lại, ắt phải mưa, như mặt trời lên, ắt phải nắng, như đói phải ăn, khát phải uống, như bao nhiêu điều tất nhiên trong đời sống.

Vậy mà, Văn-Cao, người nghệ sỹ tài hoa đã từng lạc Thiên Thai ngay giữa khu nhà đèn trần tục âm ỉ, đã từng - bằng âm nhạc - kêu gọi bao người trẻ tuổi ra đi vì lý tưởng, lại có thể im tiếng khi “đất nước thanh bình”?

Ai?

Chính sách nào đã bóp chết trái tim nghệ sỹ đó?

Người nghệ sỹ chân chính, nếu không được viết ra những gì mình thực sự muốn viết thì thà không viết nữa! Thà là bẻ bút! Thà là đập đàn!

Lịch sử đã chứng minh bao tài năng Tự Hóa Đá, tự biến mình từ trăm tuổi ngàn sông thành những đụn cát quanh hiu khô vắng, hơn là trở thành những con múa rối!

Nếu mọi người đều tôn trọng và hiểu được rằng, văn-nghệ-sỹ là gia tài chung của dân tộc thì chắc hẳn chúng ta còn có biết bao nhiêu Lá Diêu Bông, Bên Kia Sông Đuống, Ngã Ba Sông (Hoàng Cầm), bao nhiêu Mầu Tím Hoa Sim (Hữu Loan), bao nhiêu Đôi Mắt Người Sơn Tây, Đôi Bờ, Tây Tiến (Quang Dũng), và, Văn-Cao, với trái tim nghệ sỹ tràn đầy rung cảm, nếu được tự do đập những nhịp yêu thương, thì với hơn nửa thế kỷ qua, chúng ta còn được nghe bao nhiêu giọng sông cuốn, bao nhiêu con suối chảy, bao nhiêu rừng lá rơi, bao nhiêu lời tình tự ngọt ngào của muôn chim với hoa

bướm, của người với người, của trăng với sao, của trời với đất, của cỏ với cây, của muôn ngàn kỳ hoa dị thảo trong vườn hoa nghệ thuật mệnh mông...

Mozart, thiên tài âm nhạc thế kỷ thứ 18 chết vì kiệt lực khi vừa ba mươi lăm tuổi. Mozart chết khi tay vẫn đang cố viết nhạc, chết khi nhạc còn tràn đầy trong tim, trong phổi, còn đang tuôn chảy mệnh mang trong thân xác cạn dần sự sống.

Văn-Cao của nền âm nhạc Việt Nam chết ở tuổi già bảy mươi lăm, chết khi “Nhạc Đã Chết” trong ông từ hơn bốn mươi năm trước, chết tự lúc thanh xuân, tự thuở đập đàn!

Nhưng tự thân, những tác phẩm nghệ thuật giá trị đã sẵn có một đời sống bất khả xâm phạm.

Vì nghệ thuật không hít thở không khí đời thường.

Nghệ thuật được hình thành từ mỗi cõi riêng, nơi tâm người thông dong tự tại:

“Thanh thanh tú trúc

Tận thị pháp thân

Uất uất hoàng hoa

Vô phi Bát-Nhã”()*

Có đâu, lấy hẹp hòi xuẩn động thế gian mà trói buộc được.

Xin cảm ơn.

Xin vô vàn cảm ơn những nghệ sỹ chân chính đã vị nghệ thuật mà hóa đá.

Huệ Trân

*(Tịnh Thất – nghe thanh âm đất trời thăm lặng
giao mùa)*

(*) Lời Thiền-sư.



LỄ BÁI SÁU PHƯƠNG

Chân Hiền Tâm

Vào thời đức Phật còn tại thế ...

Buổi sáng như thường lệ, ngài đắp y, cầm y bát vào thành Vương Xá khất thực thì thấy Thi Ca La Việt – một gia chủ – với áo thấm ướt, tóc thấm ướt, đang đứng chấp tay đánh lễ các phương. Hết đông sang tây, hết tây sang nam v.v... Cứ thế mà lạy đủ sáu phương. Thấy vậy đức Phật hỏi:

- Này Gia chủ! Vì sao ông dậy sớm ra khỏi thành Vương Xá với áo thấm ướt, tóc thấm ướt, chấp tay đánh lễ hết các phương như thế?

- Bách Thế Tôn! Thân phụ con khi gần chết có dặn con "Con thân yêu! Hãy đánh lễ các phương cho ta". Vì tin kính lời thân phụ, nên sáng nào con cũng làm như thế.

- Này Gia chủ! Trong pháp của bậc Thánh, lễ bái sáu phương không phải như vậy.

- Bạch Thế Tôn! Vậy thế nào mới là lễ bái sáu phương? Xin hãy giảng cho con biết.

- Này Gia chủ! Ta sẽ nói, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Một thánh đệ tử lễ bái sáu phương bằng cách hộ trì sáu phương. Sáu phương là gì? **Phương Đông là cha mẹ, phương Nam là sư trưởng, phương Tây là vợ con, phương Bắc là bạn bè, phương Dưới là tôi tớ lao công, phương Trên là Sa môn và Bà la môn. Hộ trì sáu bậc đó chính là lễ bái sáu phương.**

Rồi mỗi phương, Phật chỉ ra các cách để Thi Ca La Việt nương đó thực hành. Thực hành được những phương cách đó chính là lễ bái sáu phương. Lễ bái sáu phương như thế, thì hiện đời mới có hạnh phúc. Cũng là gieo cái nhân để có cái quả hạnh phúc trong tương lai.

I. HỘ TRÌ CHA MẸ : Có 5 cách.

1. Được nuôi dưỡng, con sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ: Nếu không được nuôi dưỡng mà mình vẫn có lòng nuôi dưỡng cha mẹ, đó là hạnh của hàng Bồ tát. Phước báu vô lượng vô biên.

Trên thực tế, không phải ai cũng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cha mẹ. Có khi cha mẹ còn phải nuôi lại. Có điều, nếu không nuôi dưỡng được, cũng nên tránh tình trạng vì những ưa thích ham vui của mình mà làm tổn hại đến cha mẹ, khiến cha mẹ phải lo nghĩ, mất đi cái đức của mình. Thiếu đức thì hết "mặc sức mà ăn."

2. Làm bốn phận đối với cha mẹ: Bình thường thì thưa thỉnh, thăm hỏi. Khi ốm đau thì chăm sóc. Thấy cha mẹ làm việc thiện thì khuyến khích. Thấy cha mẹ làm việc trái đạo

thì khuyên ngăn. Việc này đòi hỏi người con phải có trí tuệ và đức nhẫn. Có trí tuệ mới biết việc làm nào dẫn đến quả báo xấu, việc làm nào dẫn đến quả báo tốt. Thiện ác phải rành, mới biết khuyên ngăn hay khích lệ cha mẹ làm cho đúng phép. Có đức nhẫn thì mới đủ sức kiên trì khuyên ngăn cha mẹ không làm việc xấu.

Thường, con cái có hiểu bằng cách thuận theo ý cha mẹ, cứ cha mẹ muốn gì liền làm theo thế ấy, dễ hơn là thuận cái nên thuận, không nên thuận cái không thể thuận. Cha mẹ chửi người vô cớ, nhưng vì có hiếu với cha mẹ, mình cũng ủa theo, khiến người rơi vào tình trạng uất ức, là mình đang tiếp tay cho cái ác tiếp diễn. Đủ duyên, cha mẹ và mình đều lãnh quả xấu. Người con có trí tuệ là người phải biết giải thích ngăn chặn cha mẹ những điều trái đạo. Làm được điều đó không dễ. Bởi ông bà khi nào cũng tự cho mình đúng. Ai đi ngược ý ông bà, dù nhả nhặn nhỏ nhẹ bao nhiêu, cũng trở thành bất hiếu khó ưa. Cái tốt của con không thấy, chỉ thấy những cái không vừa lòng của mình. Nhưng không biết rằng, đó mới là người con hiếu thảo thật sự. Chỉ vì không muốn cha mẹ mình bị quả xấu trong tương lai, nên mới tốn sức khuyên ngăn. Đó là cái hiếu của người có trí tuệ.

3. Giữ gìn truyền thống gia đình: Không nên vì những ưa thích ham vui của mình, khiến người phỉ báng cười chê, làm ảnh hưởng đến danh tiếng của cha mẹ và gia đình. Nếu mình có tâm niệm gìn giữ truyền thống tốt đẹp của gia đình như người đời vẫn thường nói: "Đói cho sạch rách cho thơm", thì khi việc gì khiến ảnh hưởng đến truyền thống đó, mình sẽ hạn chế không làm. Đây là một trong các cách giúp ngăn ngừa việc quấy rất hữu hiệu.

4. Bảo vệ tài sản thừa tự: Có tài sản để thừa tự, đó là một trong các phước báu. Vì thế bảo vệ tài sản thừa tự chính là bảo vệ phước báu của mình. Phung phí của thừa tự chính là đang phá phước báu của mình. Vì thế, nếu hưởng được thừa tự, mình nên gìn giữ, không nên tiêu xài hoang phí.

Khiến cho tài sản đó được phát triển thì tốt, đương nhiên phải phát triển nó bằng phương hướng lương thiện. Cho vay nặng lãi, buôn ma túy á phiện v.v... là phát triển phước báu bằng pháp ác. Quả báo nhận được sẽ không tốt đẹp. Không phát triển được theo cách lương thiện, thì nên dùng vào việc phước thiện thiết thực. Đó là gieo cái nhân để có cái

quả phước báu trong tương lai. Là cách bảo vệ phước báu được thường hằng hơn trong cõi vô thường tam bội.

5. Làm tang lễ khi cha mẹ qua đời: Cha mẹ chết đi, không có nghĩa là đã hết. Có người đi đầu thai liền, nhưng có người vẫn lòng vòng đầu đó. Vì là thân trung ấm, nên không thấy hình tượng da thịt như người bình thường, nhưng người chết vẫn nhận hiểu cảnh giới hiện tại. Người không quan trọng việc ma chay thì không nói. Nhưng người vẫn muốn việc tang lễ được chu tròn thì mình nên làm cho chu tròn. Làm tang lễ cho cha mẹ đang hoàng chính là để cha mẹ được hoan hỉ.

Tang lễ, tùy phong tục của từng miền, từng gia đình mà việc tổ chức có khác nhau. Nhưng dù làm thế nào, thì có hại việc rất nên làm là TRÁNH SÁT SANH và cần BỐ THÍ CÚNG DƯƠNG, để tạo phước báu cho người sống lẫn người chết. (Đã nói trong kinh Địa Tạng).

Hiện nay có những vị không phải là đạo Phật, vẫn lấy tiền phúng điệu đem tặng cho các viện mồ côi, bỏ lão v.v... Đây là hình thức bố thí cúng dường, khiến người chết được thanh thản vui vẻ. Cũng là một trong các điều kiện để người chết đầu thai vào cảnh giới tốt. Người sống nhờ đó cũng có phước lấy. Một công hai việc rất tốt.

Song muốn việc bố thí được thuận cho người sống lẫn người chết, kết quả nhờ đó được mỹ mãn hơn, thì lúc sống, mình nên khuyến khích cha mẹ mở lòng san sẻ. Việc san sẻ này không phải chỉ có đạo Phật mới khuyến khích Phật tử làm, mà ngay cả đạo Cao Đài, Thiên Chúa v.v... đều khuyến khích. Trong Kinh Thánh không những khuyên bố thí mà còn khuyên không nên khoe trương **"Khi bố thí đừng có khua chiêng đánh trống. Thầy bảo thật anh em, khi bố thí chúng ta đã được phần thưởng rồi. Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo sẽ trả công cho anh."** Khi bố thí chính là lúc gieo cái nhân để được phần thưởng. Phần thưởng đó, với cái nhìn của đức Phật là đầy đủ về tài lộc hoặc giàu sang phú quý trong kiếp hiện tại hoặc tương lai. Tùy duyên đã đủ hay chưa mà có sớm hay muộn.

Với Phật tử, ngoài việc tránh sát sanh và bố thí cúng dường, kinh còn khuyên nên cúng chay và thận trọng nên dùng chay trong các ngày tang lễ. Tang lễ càng thanh tịnh yên tĩnh bao nhiêu thì người chết dễ có điều kiện bình ổn, đầu thai vào cảnh giới tốt bấy nhiêu. Trong những ngày đó, người sống cũng thanh thản bình ổn hơn. Được vậy mới gọi là lo tang lễ vuông tròn.

Với những cách đó, gia chủ coi như đã lễ

bái phương đông một cách chu đáo.

II. HỘ TRÌ CÁC BẬC SƯ TRƯỞNG: Đời người, thường ai cũng có ít nhất một vị thầy hướng dẫn mình học hành, không ngoài đời thì trong đạo.

1. Đứng dậy chào hỏi: Đây muốn nói lên lòng tôn kính của trò đối với Thầy.

2. Hầu hạ phục vụ: Nói lên tình thương yêu quan tâm của trò đối với thầy.

3. Hăng hái, chú tâm học hỏi nghề nghiệp: Đây là cách để trả ơn thầy. Thiên tri thức nào cũng muốn học trò thông thạo nghề nghiệp mà mình đã truyền trao. Nên trả ơn thầy, không gì bằng học tập tinh tấn để nghề nghiệp được vững vàng.

Mối quan hệ giữa thầy và trò hiện nay không như xưa nên tinh thần tôn sư trọng đạo thời nay cũng không được như xưa. Nhưng điều kiện không như xưa thì lòng tôn kính, tình thương yêu và sự quan tâm luôn là thứ cần thiết đối với một con người biết đạo lý.

III. HỘ TRÌ VỢ CON

1. Với vợ:

a. Tôn trọng vợ: Trong gia đình, không nên toàn quyền quyết định mọi việc mà không đếm xỉa gì đến ý kiến của vợ. Nên có ý kiến của cả hai người. Đây là đức Phật muốn phá bỏ tính phong kiến của người đàn ông ngày xưa. Bù lại, Phật dạy người vợ cũng phải biết tôn trọng chồng, không đi quá chức phận làm vợ của mình. Không nên lợi dụng sự tôn trọng đó mà trở thành "Sư tử Hà Đông."

b. Trung thành với vợ: Phá bỏ chế độ đa thê của người đàn ông ngày xưa. Phá bỏ tính "Ham của lạ," "Có mới nới cũ" của người đàn ông thời nay. Bù lại, người vợ cũng phải một lòng trung thành với chồng. Đây là nền tảng để gia đình được yên ấm, con cái không khổ đau.

c. Giao quyền hành cho vợ: Những gì người vợ có khả năng làm tốt thì nên để vợ làm. Không nên ôm đồm mọi thứ. Cái gì cũng thích làm chủ quyết định mà không có thứ nào làm ra thứ nào, thì chỉ khiến gia đình tan vỡ. Vợ cũng không còn tâm tôn kính chồng.

d. Săm dũ nữ trang cho vợ: Tuy nói sắm nữ trang nhưng chính là muốn nói lên tính quan tâm của chồng đối với vợ. Bởi đối tượng bấy giờ là Thi Ca La Việt, một gia chủ có của cải thời đức Phật, nên Phật nói như vậy.

Thứ mà đa số phụ nữ thời nào cũng thích chính là nữ trang, vì thế nói sắm nữ trang là muốn nói đến những sở thích của vợ. Người chồng nên quan tâm và bù đắp những sở thích đó. Bù lại người vợ cũng phải quan tâm đến

chồng. Không nên đòi hỏi những thứ vượt quá sức chồng. Sự quan tâm đúng mực với nhau luôn là cách khiến hạnh phúc gia đình luôn được hâm nóng như thuở... ban đầu.

Biết quan tâm đến nhau thì vợ chồng không bao giờ đòi hỏi những gì vượt quá sức nhau.

2. Với con:

a. Ngăn chặn con làm điều ác: Ngăn chặn các việc ác đơn giản và dễ thấy nhất, chính là khuyến khích chúng giữ 5 giới của người tại gia:

- Không sát sanh:

Chỉ nói đến hình thức không sát sanh mà bỏ qua tinh thần của nó, thì không mấy ai có thể thọ giới này. Bởi khó thực hiện quá! Như học y khoa hay sinh học mà không sát sanh thì không thể học. Thứ hai, những thứ như muối v.v... thì sao? Nên đây nêu lên tinh thần của nó để giải quyết sự việc được nhẹ nhàng.

Không sát sanh, chủ ý là để phát triển tâm từ bi, ngăn chặn tâm tàn độc của con người. Ý chính của mấy từ không sát sanh là để phát triển tâm từ. Cố gắng phát triển tâm từ cho con cái. Thứ gì cực chẳng đã phải làm thì đành làm, nhưng tuyệt nhiên đừng để con trẻ thấy đó là việc tự nhiên. Một triết gia nói: "Thấy con trẻ thích thú khi giết chết một con vật, là đang để cho ác tâm của nó phát triển". Thích thú khi giết một con vật là việc không nên khuyến khích. Đó là mầm mống của tội ác.

Thế giới này là thế giới tương đối, mình chỉ có thể làm cái tốt hơn, không thể đòi hỏi làm cái tốt toàn diện. Như ngày xưa đức Phật giết tên ăn cướp cứu mấy trăm mạng người. Theo luật nhân quả, có nhân đủ duyên sẽ có quả. Việc giết tên ăn cướp đủ duyên sẽ có cái quả của nó. Nhưng vì tâm từ, đức Phật chọn cái đỡ xấu nhất là giết tên cướp. Không phải vì tâm tàn ác vì mình mà giết người, vì ham thích mà giết người. Chỉ là bằng lòng nhận quả xấu để mọi người hạnh phúc hơn. Tránh cái quả oan oan tương báo tàn sát lẫn nhau trong những kiếp tương lai. Đó là tâm hạnh của hàng Bồ tát.

- Không nói dối: Ngoại trừ nói dối là tập khí của một đứa trẻ, tức nói dối là cái bệnh đã có trước khi chúng có thân này, thì người lớn thường là cái gương để chúng bắt chước. Có khi chính mình dạy con nói dối chứ không ai khác. Nó trốn học đi chơi, khi xin phép đành nói dối nó bệnh. Còn dặn nó: "Cô có hỏi, nhớ nói con bệnh nghe chưa". Sau nó cứ nường đó

mà dối luôn cả mình. Nhưng mình ít để ý những chuyện như vậy. Cứ hồn nhiên dạy con nói dối. Lúc đầu chỉ vài chuyện nhỏ, lâu ngày thành quen, nói dối điều luyện hồi nào không hay. Cả người lớn lẫn con nít, cả người tu lẫn không tu v.v... Mô Phật! Giới này là giới khó giữ vô cùng.



Một lần đứng lơ ngơ nơi thất thầy Phổ Thường Chiếu, gặp một nhóm Phật tử mới qui y xong.

- Nè có giới không được nói dối đó. Bà liêu cái mớ. Buồn bán nói dối cho lắm vô!

- Phật dạy nói dối là nói dối mấy chuyện khác, chứ đâu có nói buồn bán không được nói dối. Không nói dối sao buồn bán được.

Quả tình, trong buồn bán nhiều khi nói thiệt thiên hạ không nghe. Nói dối thiên hạ mới yên tâm mà mua hàng mình. Thành nhiều khi không muốn nói dối mà phải nói dối. Nhưng chơi cái mảng "tùy duyên" như thế vô

đây thì quả tình là tội cho Phật. Cái tùy duyên đó được phát biểu rất vô tư, chứ không có tâm bóp méo sự việc. Nhưng tùy duyên như thế là tội cho Phật. Cái gì chưa làm được, gắng bỏ từ từ. Cái gì chưa bỏ được thì biết là mình còn bị quả báo xấu về cái đó. Biết như vậy để khi cái quả hiện ra, mình không lấy làm lạ. Không thì lại trách Phật sao con ăn ở hiền lương mà bị vậy nè trời. Hiền lương có cái quả của hiền lương. Còn bị cái quả không thuận chiều, nếu không phải là hàng Bồ tát ra đời bằng hạnh nguyện, thì trong quá khứ mình đã tạo cái nhân bất thiện rồi. Ngày nay mới bị cái quả như vậy. Biết vậy là được.

- Không tà dâm: Một vợ một chồng, từ hành động đến tư tưởng. Tư tưởng không giữ, thì tiến đến hành động không khó. Một niệm tà dâm khởi lên nên quán sát và bỏ lập tức. Nếu ngay niệm đầu đó, mình ý y tới luôn, thì cái quả là phạm vào giới tà dâm. Cái nhân là giới tà dâm thì cái quả, nặng là làm súc sinh hoặc bị thiêu đốt, nhẹ thì bị đau khổ về tình cảm v.v... Rất nhiều dạng quả báo xảy ra tùy theo phước nghiệp gia giảm của từng người trong quá khứ hoặc hiện kiếp.

- Không trộm cắp: Dạy con cẩn thận cả với những thứ nhỏ nhặt mới hy vọng nó không trộm cắp những thứ lớn hơn. Không có lòng tham lấy của người thì mới không trộm cắp của công, đại họa tham nhũng mới không có.

Giúp con cái hiểu được luật Nhân quả ở thế gian, chúng sẽ chẳng ham hố gì với

những thứ gọi là “trộm cắp của người”.

- Không rượu chè, ma túy, cờ bạc:

Thuốc lá cũng không ngoài danh sách này. Bởi nó độc hại không chỉ với mình mà cho cả người chung quanh.

Muốn con cái ngăn ngừa được các thứ đó thì không nên coi thường bất cứ thứ gì. Nếu chúng tham gia một lần, hai lần mà mình thấy không quan trọng thì chúng trở thành con nghiện là đương nhiên. Đã nghiện thì nghiện bất cứ thứ gì, không sớm thì chày, cũng đưa đến... tử vong. Như trò vi tính hiện nay. Đã có người chết. Chưa quá 30 cái xuân xanh đã mất phần.

Muốn ngăn con cái khỏi những thứ đó thì việc học tập phải được chú trọng. Thời khóa biểu sinh hoạt phải hợp lý. Cần có sự chăm sóc, quan tâm đến tâm sinh lý của chúng. Tập cho chúng ý thức hiểu biết về bốn phận và trách nhiệm của mình. Thứ gì cũng do thói quen mà ra. Người xưa nói: “Tập lâu thành tánh” là đó.

Thường, người lớn là tấm gương của con cái. Đó là nổi trên mặt giáo dục.

Trên mặt phước đức, cha mẹ không giữ cái đức trong vấn đề làm ăn thì con cái dễ gặp những duyên không tốt, khiến sự việc trở nên tồi tệ. Đương nhiên việc này không phải là tất cả, bởi con cái còn bị chi phối bởi định nghiệp hay bất định nghiệp của chúng chi phối từ quá khứ. Vì thế cố gắng tinh tảo trong vấn đề làm ăn. Không nên bán cái đức mà mua cái phước. Nạn tới, Phật đỡ không nổi.

Ngày nay, do không tinh trí, do lòng tham ngự trị, mình dễ rơi vào trường hợp bán đức mua phước. Trộm cắp của công, cắt ba phần, lấy một phần cúng chùa cho yên tâm. Cúng chùa thì có phước báu của cúng chùa. Nhưng trộm của công thì có cái nạn của việc trộm của công. Gây cho người đau khổ thì có cái quả của việc gây nhân đó. Cần cẩn thận với những việc như vậy. Việc này Hòa thượng Thường Chiếu đã nói rõ trong cuốn “Núi Thái Bền Nguồn”.

Ngoài ra, cúng chùa mà vật phẩm thanh tịnh, lòng thanh tịnh và người được cúng dường thanh tịnh, công đức cũng lớn hơn là một trong ba thứ không được thanh tịnh.

Đó là căn cứ trên cái nhân cái quả hiện tại mà bàn. Nhưng sự gì cũng có mối liên hệ từ quá khứ. Bởi nhân quả không phải chỉ xảy ra một đời mà vô số đời. Vì thế trên mặt hiện tại có khi mình thấy người lương thiện mà gặp gia cảnh không mấy hoàn thiện, hoặc ngược lại v.v... Tuy vậy, nhân quả không hề sai chạy. Bởi đó là qui luật chi phối đời sống của con người. Phật chỉ là người có trí tuệ thấy suốt được cội gốc của những thứ đó, rồi nói lại cho chúng sinh hiểu và sống mà thôi.

b. Khuyến khích con làm điều

thiện: Giữ được 5 giới của hàng Phật tử tại gia chính là đã làm điều thiện. Xa hơn nữa, là khuyến khích con có tâm san sẻ, giúp đỡ mọi người, tha thứ, bao dung... Những việc đó khiến con trẻ được vui vẻ trong hiện tại, sau là gieo



cái nhân phước đức cho tương lai. Việc gì được huấn luyện từ nhỏ sẽ mang lại kết quả tốt hơn là đợi chúng lớn mới dạy. Người xưa nói: “Dạy con từ thuở lên ba...” Không dạy chúng từ nhỏ, thì những thói quen xấu đã huấn tập lúc đó dễ là động lực khiến chúng khó làm các việc thiện trong hiện tại. Thứ gì thành thói quen, giờ muốn sửa cũng khó hơn là dạy chúng từ nhỏ. Nhưng không có nghĩa là không sửa được. Dễ sửa được, nếu cha mẹ hiểu đạo và quyết tâm.

Hiểu đạo, sẽ hiểu nguyên tắc vận hành tâm sinh lý của con cái : Không có tật xấu nào hết liền một lúc. Hết liền được là vì tật đó mới xuất hiện, chưa thành thói quen. Thứ gì đã thành thói quen, thì việc thay đổi chỉ có thể giảm từ từ. La rầy, nhắc nhở, ngăn chặn là việc phải làm, nhưng kết quả thì phải hiểu là từ từ mới hết được. Có vậy mới không nản. Không bỏ lỡ công việc giáo dục. Với việc thiện cũng vậy, không phải làm một lần hai lần là chúng đã nhớ, cần phải nhắc nhở khuyến khích để nó trở thành thói quen của trẻ. Quyết tâm, là mình phải có sức nhẫn với những việc như thế. Nó đòi hỏi thời gian, tình thương và công sức của mình rất nhiều.

c. Dạy con nghề nghiệp: Tùy theo sở trường năng khiếu của con mà cho chúng học tập để tạo sự nghiệp cho chúng. Nam cũng như nữ. Người xưa nói: “Nhàn cư vi bất thiện.” Một nghề nghiệp để nuôi sống bản thân và giúp đỡ mọi người chung quanh là cần thiết. Thứ gì thuộc sở trường năng khiếu của chúng thì thứ đó đã được huấn tập từ những kiếp trước. Nếu con mình chỉ có nghiệp tu hành, tức tu hành đã thành thói quen từ những kiếp trước, thì kiếp này nó chẳng làm gì nên hồn bằng việc tu hành. Khi nó đã muốn đi tu, tức nó đã có sự huấn tập sâu xa thứ đó trong tạng thức. Nên khuyến khích tốt hơn là cấm cản.

Con mình đi tu được, là phước báu rất lớn của mình và con. Nhưng cũng là đặt lên vai nó trách nhiệm rất lớn. Bởi ngoài đời mà tham dục ích kỷ v.v... thì quả báo xấu chỉ lãnh một phần. Còn mặc áo tu, ăn quả tín thí... quả báo xấu tăng gấp bội. Thành đã khuyến khích con trẻ tu được thì cũng nên khuyến khích con trẻ thực hiện đạo đức Tăng môn cho tốt. Cần tránh những gì khiến cái tôi của chúng phát triển. Cần phát huy tinh thần vì cái chung, không phải chỉ đối với môi trường Tăng môn mà với

tất cả mọi người. Năng khiếu tốt phát triển thì với những năng khiếu xấu, cần phải tạo môi trường mới để chúng lui tàn. Thứ gì không tập quen nữa, (tức không huân tập nó vào tạng thức nữa) dần dần nó sẽ hết. Không kiếp này thì kiếp sau. Thành dạy con, đừng nghĩ dạy trong một đời. Nghĩ vậy mình sẽ buông tay nếu thấy khó khăn. Hãy nghĩ đời này chưa xong, thì cũng là cái nhân để đời sau tốt đẹp hơn.

d. Cưới vợ gả chồng xứng đáng cho

con: Xứng đáng đây muốn nói đến sự tương hợp không phải ở mặt vật chất tiền bạc như việc “môn đăng hộ đối” ngày xưa. Việc gì dẫn đến sự không bình đẳng, gây đau khổ cho người khác, Phật không khuyến khích mình làm.

Sự tương hợp về tính tình, quan niệm, nghề nghiệp v.v... thường là điều kiện để vợ chồng sống hạnh phúc. Chỉ cần quan niệm sống khác nhau: Ông, cái gì cũng muốn san sẻ chia bớt. Bà, cái gì cũng muốn thủ chặt cất kỹ. Chừng đó thôi, đủ là đại nạn cho một gia đình. Đừng nói còn thêm những bất đồng về sinh lý, nhà cửa hay giáo dục con cái v.v... Vì thế sự tương hợp về quan niệm, ý thích là cần thiết cho hạnh phúc một gia đình.

Trên thực tế thì sao? Có thực là mình có thể quyết định được hoàn toàn mọi việc như Đức Phật đã dạy, hay còn bị cái gì khác chi phối? Trên thực tế, có những thứ mình có thể thực hiện được theo ý mình, nhưng có những thứ lại không thể. Đó là do quyết định hiện tại của mình còn bị chi phối bởi nghiệp báo của thời quá khứ. Những gì thuộc về định nghiệp, dù là ông trời, cũng không quyết định được, đừng nói là một gia chủ bình thường. Nếu nhân duyên con mình với một người không tương xứng đã thành định nghiệp, thì mình có muốn tìm người tương xứng, cũng không thành.

Mọi quyết định trong hiện tại được tốt đẹp theo ý mình, là do quá khứ mình từng gây tạo những nhân tốt. Đời này mọi thứ thành như ý. Nếu nghiệp nhân thời quá khứ không tốt, thì những quyết định tốt đẹp trong hiện tại khó mà thực hiện, hoặc muốn thực hiện được phải mất nhiều công sức.

Trong cái duyên của gia chủ Thi Ca La Việt, Do Phật thấy ông đủ nhân duyên để quyết định những việc như thế, nên Phật nói như thế với ông. Ngài Anan thấy những điều đó lợi ích cho những người có đồng cái duyên với gia chủ Thi Ca La Việt, nên kết tập thành kinh điển để người đời tham cứu học hỏi. Mình đọc kinh đọc luận cần nắm vững điều đó. Nếu nhân duyên hiện đời của mình, có những điều tương hợp với gia chủ Thi Ca La Việt, thì mình cứ theo đó ứng dụng. Thứ nào chưa đủ duyên thì thôi. Không nên chấp nhất vào một hình thức nào đó, rồi lấy hình thức đó làm tiêu chuẩn để mọi người cùng theo.

Pháp thế gian là pháp nhân duyên. Tức pháp chỉ có giá trị trong vài trường hợp nào đó

mà thôi, không nhất thiết đúng trong tất cả mọi trường hợp. Tùy duyên là như vậy.

Như con mình, nó không có nhân duyên lấy vợ gả chồng, chỉ thích đi tu thì sao? Mình phải lay mà cho nó đi. Đó là phước báu rất lớn cho cả mình lẫn con. Không phải cứ y theo đây mà nói “Phải dựng vợ gả chồng cho con mới là làm đúng lời Phật.” Không phải vậy. Có người Phật khuyến làm một gia chủ tốt như thế, nhưng có người Phật khuyến khích xả bỏ mọi thứ để tu hành v.v... Đó là tùy căn nghiệp hiện đời của từng người mà Phật dạy các pháp khác nhau. Nhưng mục đích cuối cùng của ngài vẫn là để mọi người được an lạc hạnh phúc.

Do phước nghiệp của người xưa tốt, nên gặp được Phật, được Phật khuyên như đúng với trình độ của mình mà tu tập. Ngày nay, mình không đủ nhân duyên để gặp Phật, nhưng nếu mình đủ phước đức, mình cũng gặp được những thiện tri thức chỉ dạy mình các điều phù hợp với căn cơ của mình, để mình có thể y đó, tìm hạnh phúc cho chính mình.

5 việc mà một gia đình phải hộ trì đối với con cái nói đây, cũng chính là 5 việc mà những bậc cha mẹ phải đối lại với con cái ở mục “Hộ trì cha mẹ” nói trên. Thuận nhân thuận duyên thì gia đình mới hoàn toàn hạnh phúc. Nhưng thường thì ít ai được toàn vẹn như vậy. Vì thế Phật mới xuất hiện ở đời dạy cho mình biết cần gây tạo những nhân gì để mình có hạnh phúc trong tương lai.

IV. ĐỐI VỚI BẠN

1. Bồ thí: San sẻ những gì mình có về vật chất lẫn tinh thần. Nhưng nhớ là bồ thí trong giới luật. Không phải mua rượu mời bạn sáng xin chiều say v.v... rồi nói Phật dạy phải bồ thí. Phật dạy bồ thí, nhưng là bồ thí để mình và người có những cái quả tốt đẹp, không phải để có những cái quả xấu, lại phạm giới.

2. Không lường gạt: Chơi bạn mà lường gạt bạn thì đúng là ... thua! Quả báo sẽ gặp lại những người gạt mình như vậy.

3. Lợi hành đồng sự: Là nói về quan hệ đồng nghiệp, hoặc trong việc giao tiếp hàng ngày. Quan hệ của mình đối với bạn có tốt thì đó mới là cái nhân để có cái quả bạn tốt trong tương lai.

Bạn tốt là bạn thế nào?

1. Khuyên ngăn và giữ gìn tài sản cho mình nếu mình làm chuyện phung phí.

2. Trở thành chỗ nương tựa cho mình khi mình gặp nguy hiểm.

3. Không tránh xa khi mình gặp khó khăn.

4. Tôn trọng gia đình mình.

Trong hiện đời, thấy mình gặp toàn bạn “trời ơi” là biết quá khứ mình từng gây cái nhân không tốt. Muốn chỉnh sửa những việc này thì gắng thực hành theo những gì Phật dạy đây. Là đang gây lại nhân tốt. Người nào “chơi không nổi” thì tránh, không nên trả đũa mà thành gây tạo nhân mới.

V. ĐỐI VỚI NGƯỜI

DƯỚI: Chỉ cho người giúp việc hoặc những người làm dưới quyền mình. Phật dạy có mấy điều cần làm:

1. Giao việc đúng theo sức của họ: Làm đúng sức, đúng khả năng thì việc hoàn thành tốt đẹp. Mình không phải nhắc nhở la rầy nhiều. Tạo cái nhân không tốt về sau.

Làm quá sức thì mờ mắt làm bậy. Việc này thấy thường, nhưng cái “đúng sức” này rất khó. Vì thường mình thấy thiên hạ làm được việc là mình cho làm trời chết... Khi người bệnh thì cái “đúng sức” hằng ngày phải gia giảm. Ai từng thiếu sức khỏe mà phải làm việc quá sức, mới thấu được cái khổ này của người.

2. Lo ăn uống và tiền lương: Người cũng có gia đình và những nhu cầu như mình. Tiền lương là thứ cần thiết để họ trang trải những khó khăn. Không đòi hỏi thứ gì quá mức, nhưng để đời sống họ được thông thả là tốt. Đối xử tốt với người làm công, chính là đang làm một việc thiện rất lớn lao và thiết thực. Hiện tại vẫn có nhiều người đối với người làm công y như người thân, dù họ không mấy tha thiết với chùa chiền.

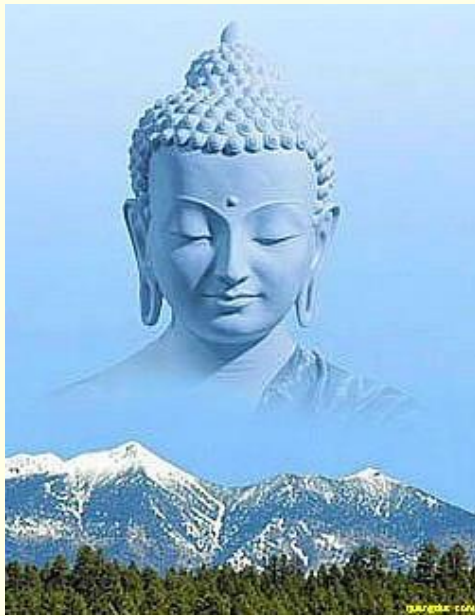
Xưa, một người cúng dường bánh cho Phật, Phật đưa phần bánh ấy lại cho một con chó và nói công đức của hai việc cúng dường đó ngang nhau. Vì thế nói xây chùa có công đức lớn, bởi chùa chiền là chỗ để Tăng Ni tu tập trừ bỏ tham ái, phát huy trí tuệ để có điều kiện cứu giúp người. Do cả quá trình đó, mà nói có công đức lớn. Còn dù không xây chùa, mà có thể khiến người phát huy được trí tuệ, sống đúng với qui luật nhân thiện cho ra quả thiện ở thế gian, để cuộc đời họ bớt khổ, là mình đang xây chùa cho mình và cho người.

Người vui thì mình vui, người khổ mình sẽ khổ. Nếu mình bóp chẹt người, rồi đem tiền đi cúng chùa thì Phật cũng... khóc. Phước báu cúng chùa mình cũng có đó, nhưng cái quả làm người khổ, mình phải chịu. Tránh sao được.

3. Lo thuốc men khi người bệnh: Không phải lo ăn uống tiền lương, mà ngay cả khi họ đau ốm mình cũng nên lo. Không có thì không nói, nhưng có thì nên làm. Người bớt khổ chính là mình đang nuôi dưỡng cái đức của mình.

4. Thịnh thoảng cho họ nghỉ phép: Làm quá thiên hạ cũng khùng. Người chú đầu phải nghỉ.

Bù lại, hàng dưới đối với chủ nhân cũng phải có mấy điều sau, mới mong chủ nhân thực hiện được những việc trên lâu dài. Không thì



Phật cũng đầu hàng đừng nói là chủ:

1. Dậy trước chủ, ngủ sau chủ: Đó là nói chuyện bình thường, còn chủ đi chơi khuya quá, thì cũng phải cho gia nhân ngủ trước, để còn có sức mà làm việc.

2. Tự bằng lòng các vật đã cho: Biết đủ khi nào cũng hạnh phúc, là điều kiện để chủ yếu thích mình.

3. Làm khéo các công việc: Đây là cách khiến chủ yếu thích mình.

4. Đem danh tiếng tốt đến cho chủ: Chủ xấu mà đem rao với thiên hạ là đại. Chủ tốt mà đem rao xấu chủ là thiếu đức. Khôn còn chết, huống là đại. Đức không có thì không thể đòi hỏi gì ở chủ. Đừng trách sao chủ

không tốt. Tốt sao nổi? Chỉ có hàng Bồ tát mới tốt được với những người như thế. Bồ tát, đương nhiên có cái quả của Bồ tát. Vô lượng vô biên không thể đếm xuể.

VI. ĐỐI VỚI SA MÔN, BÀ LA MÔN: Sa môn là chỉ cho Tăng Ni. Bà la môn, chỉ cho người giữ giới thanh tịnh.

1. Mở rộng cửa để đón chư vị: Ngày xưa, Sa môn của Phật phải đi khất thực ở từng nhà nên nói mở rộng cửa. Ý là, mình phải mở lòng hướng về Tam Bảo, mà Tăng Ni là thành phần đại diện. Đương nhiên, không được là những vị chứng đạo, thì cũng phải là những vị có giới luật, tốt nữa là có trí tuệ. Nhưng căn bản vẫn là giới luật. Giới luật không có thì không phải Tăng Ni của Phật. Vì sao?

Vì trước khi Phật nhập niết bàn, ngài A Nan hỏi: “*Khi Như Lai còn tại thế, hàng Tỷ kheo nương nơi Như Lai. Nếu Như Lai nhập diệt rồi, chúng con phải làm sao?*” Phật trả lời: “*Các Tỷ kheo phải lấy Ba la để mọc xoa làm thầy.*” Vì thế, không lấy giới làm thầy thì không phải là đệ tử của Như Lai.

2. Cúng dường chư vị các vật dụng cần thiết: Ngoài việc giúp đỡ chư vị có phương tiện tu hành, Phật pháp được truyền bá lâu dài và rộng rãi, cúng dường tăng chúng còn là cái nhân để mình được sung túc trong tương lai. Cũng là cách đơn giản nhất để gieo duyên với Tam Bảo. Có gieo duyên với Tam Bảo, Tam Bảo mới phù hộ che chở mình được.

Che chở bằng cách nào? Bằng cách ban bố Phật pháp để mình biết cái gì cần tránh, cái gì nên làm, để cuộc sống của mình hạnh phúc.

Hoặc như trong kinh Hoa Nghiêm, một trong mười lời nguyện của chư vị Bồ tát là “*Nguyện thay thế chúng sanh chịu các khổ nạn.*” Nghĩa là đủ duyên, chư vị có thể hóa thân thành cha, mẹ, anh, em, bà con, thầy trò v.v... để làm những việc mà do một nhân nào



đó trong quá khứ trói buộc khiến mình phải làm. Chư vị thay thế khổ nạn bằng cách lãnh giúp cái nhân đó cho mình. Gánh giúp nhân thì quả đương nhiên nhận giúp. Đó là một trong những cách “Thay thế chúng sanh chịu các khổ nạn” của chư vị.

Theo kinh Thọ Giáo Thi Ca La Việt, khi mình cúng dường cho chư vị như thế, mình sẽ được chư vị làm cho mình các điều sau:

- Ngăn mình không làm điều ác: Là giúp mình tránh được cái quả đau khổ.
- Khuyến khích mình làm điều thiện: Giúp mình có được cái quả hạnh phúc.
- Thương xót mình với tâm từ bi: Thay thế những khổ nạn cho mình.
- Dạy mình những điều chưa nghe: Để tránh việc không nên làm, làm việc không nên tránh.

- Làm cho thanh tịnh điều đã được nghe: Giúp tăng trưởng điều thiện.

- Chỉ bày con đường đưa đến cõi trời: Chỉ dạy mình những việc giúp mình có được cảnh giới hạnh phúc về cả vật chất lẫn tinh thần.

Vì thế, cúng dường cung cấp cho Tăng Ni, nói gì thì nói, không đủ duyên cúng được cho chư vị đắc đạo, thì cũng phải là chư vị đầy đủ giới luật. Không thể đòi hỏi ở thế gian một con người hết tham, sân, si. Nhưng phải là người có giới luật, biết hổ thẹn sám hối với những lỗi đã làm v.v... Đại sư Hám Sơn nói “*Tăng đồ bây giờ dù chẳng thể tham thiền xem kinh, nhưng nếu có thể năng trì giới, tụng kinh, làm phước, hộ pháp thì vẫn hơn bọn ma tầm thường vạy vạy lẫn.*” Người xưa nói: “Tăng đồ nếu chẳng thể liễu ngộ tự tâm, mà lưu tâm ở giáo pháp thì cũng không bỏ phí thời giờ”. Đó là những vị mình có thể yên tâm cúng dường.

Chư vị nào nghiên cứu phim bộ hay nghiên ngẫm tiểu thuyết quên ăn quên ngủ, nhạc vàng nghe bông cả tai v.v... thì thôi. Bởi cúng cho Tăng Ni như thế thì ích lợi bao nhiêu? Huân tập mấy thứ như thế vào đầu, lấy đâu ra pháp mà ban bố cho chúng sanh? Cúng dường như thế không chừng còn tội là đẳng khác, bởi đã tiếp tay để người xấu lợi dụng áo Như Lai, làm hoen ố pháp Như Lai.

Xưa ngài Anan nằm mộng, thấy hàng bạch y đi trên cầu, còn Tăng Ni lội lồm bồm dưới nước, ngài hỏi Phật: “Vì sao như thế?” Phật trả lời: “Vì bạch y tu hành đàng hoàng, còn Tăng Ni ăn của tín thí mà không tu hành.” Mình đi trên cầu còn chư vị lội lồm bồm dưới sông như

thế, làm sao chư vị che chở hay thay thế khổ nạn cho mình được?

Tóm lại, cúng dường cần quan sát cúng dường ít nhất là cho những vị có giới luật nghiêm túc. Đây là một việc khá khó. Bởi nếu sợ thì có khi mình không cúng luôn. Vậy thì càng bậy. Thành khi phát tâm cúng dường, nếu không chắc chắn, cứ nguyện một câu: “Xin nguyện đời đời kiếp kiếp cúng được cho những vị có giới luật nghiêm minh, trí tuệ và lòng từ hiển phát.” Nguyện rồi, cứ vậy yên tâm cúng dường. Đúng là hàng Thánh chúng thì chư vị sẽ là người đại diện Tam Bảo độ trì cho mình. Nếu không được như vậy thì hoặc là họ sẽ thành thánh tăng trong tương lai, hoặc là không đủ duyên hưởng được phẩm vật cúng dường của mình.

3. Luôn ứng xử với chư vị bằng tâm từ cả về thân, khẩu, ý:

Với những bậc đức độ, chúng sanh rất dễ có tâm từ với các ngài. Một tâm từ được chi phối bởi sự kính trọng. Nhưng với chư vị phạm cũng không hoàn toàn phạm mà thánh cũng chưa phải thánh – thì tâm hoan hỉ của mình cũng có lúc này lúc kia, huống là những vị chỉ có áo và đầu là của Sa môn, còn tâm thì rặc chúng sanh? Rất khó có tâm từ với chư vị. Nhưng dù là với ai, Phật đều khuyên mình nên có tâm từ với chư vị ở cả ba phương diện thân, khẩu và ý. Từ, là ban vui. Ban vui thì không làm người buồn. Không khiến người dọa vào đường ác.

Tâm từ ở ý: Với chư vị, mình không nên để tâm khinh ghét xuất hiện. Đây là việc làm rất khó đối với người bình thường. Người có trí tuệ thì tình thương luôn xuất hiện với tất cả. Người càng tề càng thương. Nhưng chúng sanh thì không. Song không được vậy, thì cũng nên để tâm “bất động.” Niệm khinh ghét khởi lên thì cố gắng bỏ, không để nó phát triển thành ngôn từ thô ác.

Tâm từ ở thân: Không nên tiếp tay để chư vị phát triển cái xấu. Cũng không đánh đập v.v...

Tâm từ ở khẩu: Không nên vì những tật xấu của người mà nói lời thô ác. Nếu được thì nên phân tích giải thích để chư vị trở lại con đường thiện.

Phật khuyên như thế không phải là bênh vực mấy vị đó mà để mình không để những ác nghiệp của người làm hư đi tâm từ của mình. Người lỗi là chuyện của người. Nhân nào có quả nấy. Nhưng mình nổi sân, đó lại là lỗi của

mình. Đừng nói tại người thế đó v.v... nên mình mới như vậy. Tại hay bị là vì mình không làm chủ được tâm mình, mình để tham sân si làm chủ.

Một chút tâm từ luôn là điều tốt đẹp cho mình và người.

Thuyết giảng xong phần kinh trên, đức Phật làm kệ tổng kết:

**Cha mẹ là phương Đông
Sư trưởng là phương Nam
Vợ chồng là phương Tây
Bạn bè là phương Bắc
Nô bộc là phương Dưới
Sa môn bà la môn
Đó chính là phương Trên
Cư sĩ và gia đình
Đảnh lễ phương hướng ấy
Kẻ trí giữ giới luật
Tử tôn và biện tài
Khiêm nhường và nhu thuận
Nhờ vậy được danh xưng
Dậy sớm không biến nhác
Bất động giữa hiểm nguy
Người hiền không phạm giới
Nhờ vậy được danh xưng
Nhiếp chúng tạo nên bạn
Tử ái tâm bao dung
Dẫn đạo khuyến hóa đạo
Nhờ vậy được danh xưng
Bố thí và ái ngữ
Lợi hành bất cứ ai
Đồng sự trong mọi việc
Theo trường hợp xử sự
Chính những nhiếp sự này
Khiến thế giới xoay quanh
Như bánh xe quay lăn
Vòng theo trục xe chính
Nhiếp sự này vắng mặt
Không có mẹ hưởng thọ
Hay không cha hưởng thọ
Sự hiếu kính của con
Do vậy bậc có trí
Đối với nhiếp pháp này
Như quán sát chấp trì
Nhờ vậy thành vĩ đại
Được tán thán danh xưng.**

Nghe được vậy rồi, vị gia chủ bạch Phật: "Thật vi diệu thay bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì đã bị quăng xuống, phơi bày ra những gì đã che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh Pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay con xin qui y Phật qui y Pháp, qui y Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử. Từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng."

CÁM ƠN ĐỜI

*Cám ơn đời có mùa Xuân tươi mát
Để điểm tô thế giới khô cằn này
Để con tìm biết rung động ngát ngây
Trước cảnh đẹp thiên nhiên – ôi tuyệt mỹ!*

*Cám ơn đời cho ta nhiều bạn quý
Như mùa Xuân cho lắm bướm, nhiều hoa
Xóa thương đau bằng tình nghĩa đậm đà
Đời đen bạc, mừng thay có tri kỷ!*

*Cám ơn đời có quê hương yêu dấu
Có cháu con để chia sẻ buồn vui
Từ Rừng Tiên ta tiếp nối giống nòi
Hồn non nước chan hòa trong xương máu.*

*Cám ơn đời có niềm tin Chánh Pháp
Chỉ bảo ta đâu bến Giác, bờ Mê
Vì vô minh nên nhiều kiếp tử sanh
Muốn thoát tử phải cắt dây tham ái!*

*12 Nhân Duyên Đức Phật thuyết giảng
Rõ ràng như vầng nhật nguyệt sáng ngời
Lời Ngài dạy quá chính xác tuyệt vời
Bậc Đại Giác mới nhìn ra chân lý!*

*Cám ơn đời có thi ca, thiền đạo
Cho hồn ta dào dạt ngát hương thơ
Dù ở đâu hay bất cứ thời nào
Thơ-Thiền muôn thuở ngang hàng trời cao
Sống như thế chẳng phải là đẹp sao!
Đâu cần phải làm ông to, bà lớn
Khi đầu óc còn chứa đầy tham vọng
Họ làm sao hiểu được đạo lý Thiền!*

DIỆU VIÊN



CHÚT TÀN MẠN VỀ ĂN UỐNG

Tiểu Lục Thần Phong

Ăn uống vốn là lẽ đương nhiên và hết sức thường tình của con người cũng như mọi loài khác trên thế gian này. Nó còn được dân gian liệt kê vào trong nhóm "tứ khoái"... Người ta thường lý luận: "Ăn để sống," hay "sống để ăn." Xem ra vấn đề không chỉ đơn giản là ăn với uống.

Trong phạm trù bài phiếm luận này, xin không đề cập đến những nghĩa đen, nghĩa phái sinh, trừu tượng... đại để như: ăn hối lộ, ăn vóc học hay, ăn bẩn, ăn dày, ăn trông nổi ngồi trông hướng... Ở đây chỉ thuần nói về cái sự ăn uống thuần túy của chúng ta hôm nay.

Nước Việt xưa nay trải qua mấy ngàn năm gian khó, nghèo đói, chiến tranh... nên cái sự ăn uống nó tối quan trọng, trong tiềm thức của chúng ta lúc nào cũng lo sợ đói kém, mất mùa nên luôn thủ, phòng hờ đồ ăn thức uống. Ăn uống nó cũng tùy theo vùng, miền mà có những điểm khác biệt nhau, thức ăn uống và cách chế biến cũng rất đặc thù theo địa phương. Ví như người Bắc thì thích thịt chó, nhưng người miền tây thì khoái rắn, chuột đồng... Người phương Tây thì họ ăn uống tương đối "đơn giản" hơn. Họ chỉ ăn thịt những gia súc quen thuộc như: heo, bò, gà, cừu, tôm, cá... Người Việt thì ăn tất cả mọi con vật ở trên thế gian này từ gia súc, gia cầm cho đến chim bay trên không, cá lội dưới biển, thú chạy trong rừng thậm chí cho đến sâu bọ, nhộng, côn trùng, bò sát... ăn không chừa một loài nào. Có người hóm hỉnh bảo: "Con gì cục cựa là ăn được hết!" Quả thật không ngoa, cục cựa thì ăn được đã đành, nó không cục cựa cũng chẳng tha, ăn

nốt! người Việt chịu ảnh hưởng cái văn hóa Tàu hết sức nặng nề từ chính trị, văn hoá, đời sống... gần như "copy" tất cả. Vì vậy mà cứ suy diễn "ngũ hành âm dương" vào ăn uống, cho rằng ăn cái này bổ dưỡng, cái kia tráng kiện... Từ đó không biết bao nhiêu con vật chết thảm: pín cạp "*", ngọc dương, tinh hoàn hải cẩu, hải mã, tắc kè, bìm bịp ngâm rượu... Tất cả nhằm phục vụ cho cái tôi, cái bản ngã ích kỷ tham lam của mình. Họ không biết rằng một khi thức ăn vào nó đi khắp thân thể chứ nó đâu có thể chạy thẳng đến cái chỗ mà họ muốn nó đến để mà "bổ": "sung", "cường dương"... Họ còn ảnh hưởng nặng nề ở những cách chế biến quái đản vô cùng tàn bạo mà họ nghĩ sẽ là cách ăn đem lại sự bổ dưỡng cao nhất như: ăn cá xối dầu sôi (vẫn còn sống), ăn hùng chướng (treo gấu lên chỉ nướng sống hai chân trước), hoặc bê con thui nguyên con rồi xẻo từng mảnh... Thật

không thể nào kể hết sự tàn độc mà người ta nghĩ ra để ăn. Địa ngục đâu xa, đâu ở dưới đất! Địa ngục ngay trên bàn ăn, ngay trên bát đĩa này! La Sát đâu phải mặt xanh nanh vàng mà chính là những thực khách này! Những con vật chết oan khốc, thảm thương này thần thức của chúng oán hận biết bao nhiêu? Nhà Phật có câu: "Ăn chúng nửa cân, kiếp sau nó ăn lại tám lạng" cứ thế mà oan oan tương báo.

Cái sự ăn là thế, cái uống cũng liền theo, rượu bia chảy tràn như suối. Từ thành thị tới thôn quê đâu đâu cũng thấy nhậu: "vzô, vzô"... giàu thì nhậu hàng, tửu điểm; nghèo thì quán nhậu bình dân, quán cóc... thì nhậu ăn nhậu. Ăn uống riết rồi mang một thân bệnh tật: gout (thống phong), đau khớp, đau gan, đau bao tử... gia đình xào xáo! Nhưng xem ra không có ai biết dừng. Hôm nay đau thì nghỉ nhưng mai đỡ một chút lại nhậu, ăn... Họ ăn như thể ngày mai không được ăn uống vậy! Có người ví von: "sáng quán cà phê, chiều



quán nhậu" hoặc "trên trời dưới nhậu"... Đã vậy còn khích nhau rằng: "nam vô tửu như kỳ vô phong," hoặc "không nhậu không phải đàn ông..." Rồi đến đàn bà cũng nhậu, nam nữ bình quyền mà!

Ngoài những món đặc biệt cầu kỳ chỉ có ở nhà hàng sang trọng, được giữ bí mật kỹ vì sợ dư luận; giới bình dân thì cũng có muôn cách ăn: nướng trui, nướng mọi, nhúng dấm, chần nước sôi, ăn sống, rang muối... kể sao hết nỗi đau đớn đến tột cùng của những con vật xấu số này!

Nếu ở những xứ khác khi phát hiện những cá thể to lớn, đặc biệt... thì người ta bảo vệ nguồn gien quý hiếm, bảo vệ con vật đặc biệt cho xứ sở, thiên nhiên... còn xứ ta thì những con vật ấy trở nên cao giá vô cùng, người người tranh mua, tranh bán đem về giết thịt để phục vụ bọn đại gia lắm tiền nhiều của nhưng thiếu văn hoá, thiếu từ tâm! Những con vật đặc biệt ấy chẳng may bị phát hiện thì thật tội nghiệp biết bao? Chúng chỉ có một đường chết, chết thảm để phục vụ cho cái thân tứ đại của những người mê lắm chấp nó là thật, là dài lâu!

Ngày nay người người săn lùng của ngon vật lạ, thú trên rừng sạch bóng, hải tộc trong đồng, ngoài biển cũng vắng teo: chim, cheo, chồn... rắn, rùa, rái... tôm, tép, tằm... cá, cua, cọp... Con gì cục cựa được là ăn được!

Cái sự ăn uống như thế này sẽ đưa chúng ta về đâu? Chắc cũng không phải chờ đợi lâu. Hiện nay quả báo đang hiện tượng: ung thư tràn lan (báo chí báo đứng hàng top của thế giới), bệnh gout đang hoành hành trong giới trẻ, cao mỡ, cao máu... ngày càng nhiều và trẻ hoá hơn...! Người với người rất dễ động loạn, giết nhau không vì lý do gì, người người sống trong tâm trạng bất an... Chúng ta sẽ về đâu? Xã hội này sẽ về đâu? nếu không thức tỉnh, nếu cứ tiếp tục ăn uống như hôm nay?

The Story of a Group of Six Bhikkhus

Dhammapada—Verses 258

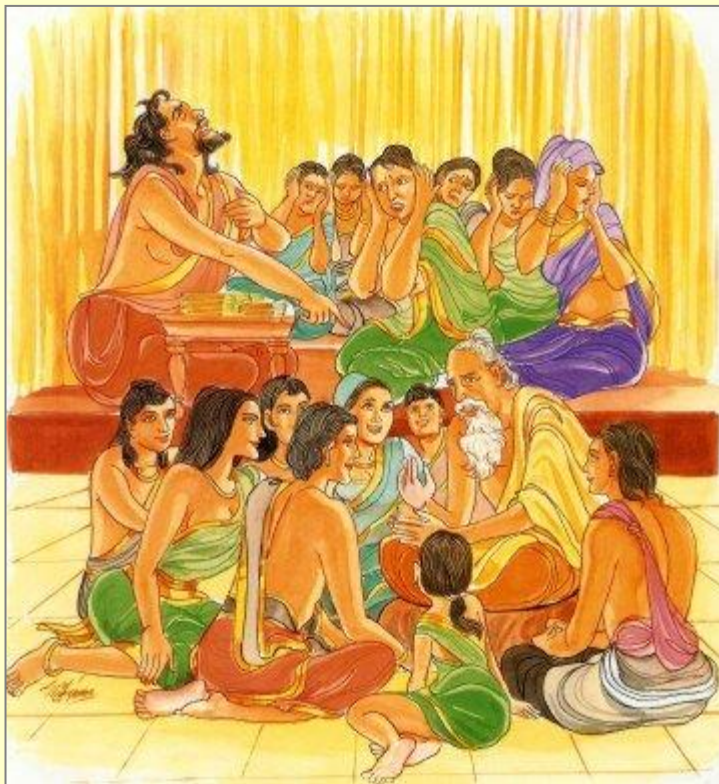
While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (258) of this book, with reference to a group of Six Bhikkhus.

Once, there was a group of Six Bhikkhus, who made trouble at the place of eating whether in the monastery or in the village. One day, while some samaneras were having their alms-food, the group of Six Bhikkhus came in and said boastfully to the samaneras, "Look! We only are the wise." Then they started throwing things about, leaving the place of eating in disorder.

When the Buddha was told about this, he said, "Bhikkhus! I do not say that one who talks much, abuses and bullies others is a wise man. Only he who is free from anger, enmity, and who harms no one, is a wise man."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 258: He is not a wise man just because he talks much; only he who is peaceful, free from enmity, and does no harm to others, is to be called 'a wise man.'



Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Bốn

(kỳ 2, tiếp theo)

Sáng hôm sau, quý thầy đã bắt tay vào việc xây móng cho ngôi tháp. Tôi là một bệnh nhân "con nít" trong mắt quý thầy nên được ở không. Tôi dạo ra phía tam cấp, ngồi trên hàng lan can xây bằng đá, nhìn về hướng biển. Nơi đây quả là lý tưởng để ngồi ngắm trời, ngắm biển. Gió từ hướng khơi lùa vào không ngừng. Tôi có thể nếm được vị mặn và thấy được màu xanh của đại dương qua những làn gió lồng lộng ấy. Địa thế chùa Linh Ứng trên ngọn núi nhỏ này quả là đặc biệt so với các chùa khác mà tôi biết. Khoảng cách giữa chân núi và mặt biển chẳng bao xa. Ngồi ở đầu núi mà tôi còn có thể thấy được những con còng vôi vãi dẫu mình dưới cát hoặc chạy lơn tợn tìm thức ăn mỗi khi sóng rút khỏi bờ. Sương mai hình như vẫn chưa tan hết trên mặt biển rộng. Có lẽ vì mặt trời dù đã lên cao nhưng bị các đám mây dày cộm che khuất đi.

Tôi ngồi chơi một mình như thế khá lâu. Bỗng thầy có hai người tiến đến gần, lên tiếng chào:

"Chào anh."

Tôi quay lại nhìn. Một anh bộ đội mặc quân phục, và một thiếu nữ mặc đồ bà ba. Tôi chỉ thấy thoáng như vậy chứ không nhìn rõ mặt mũi và tuổi tác họ thế nào. Tôi bỡ ngỡ đáp lại:

"Chào anh chị."

Tưởng vậy là xong, chuyện ai nấy làm, đường ai nấy đi. Nhưng không phải. Họ muốn bắt chuyện làm quen với tôi.

Họ xì xầm nói nhỏ với nhau điều gì đó rồi anh bộ đội hướng về tôi, hỏi tiếp:

"Anh đi tu ở chùa này, phải không ạ?"

"Không. Tôi là khách. Tôi ở Nha Trang," tôi miễn cưỡng trả lời.

"Tôi ngạc nhiên là sao tuổi trẻ như anh lại đi tu nhỉ!"

Tôi nhìn về hướng biển. Cảm thấy câu hỏi của anh bộ đội không dính nhập gì đến về thanh cao, lồng lộng của một ngày mới đang ảnh hiện trên mặt nước xanh thăm bao la trước mắt. Chuyện đi tu có gì lạ mà phải thắc mắc kìa! Sáu năm xuất gia rồi, chưa có ai gắng hỏi tôi câu đó với vẻ vừa thương hại, vừa mỉa mai như anh bộ đội này. Không, hình như có một lần. Lần ấy,

người ta không gắng hỏi nhưng trêu ghẹo với ý mỉa mai như thế. Chuyện đó xảy ra vào một buổi sáng sau ngày bộ đội công sản chiếm thành phố Đà Nẵng. Lúc đó, tôi và mấy chú tiểu cùng quê Nha Trang phải đi bộ từ Đà Nẵng về Hội An. Trên đường phố, một đoàn công-voa chở bộ đội cộng sản chạy qua, bị nghiền lỏi dẫu đó phía trước nên phải chậm lại. Các anh bộ đội trên xe nhìn chúng tôi, chỉ chỏ rồi la lối đủ điều:

"Ê, ăn mặc gì mà luộm thuộm thế!"

"Thầy tu miền Nam đấy, các đồng chí không biết à!"

"Sao lại đi tu hờ mảy bác, thất tình hay mồ côi mồ cút đây?"

Chúng tôi im lặng bước đi, nhưng chú Cửu kéo tay tôi, sợ hãi:

"Coi chừng, họ bắn mình kìa!"

Tôi quay đầu nhìn lên phía mấy anh bộ đội, thấy một anh cầm súng hùng hổ như định bắn chúng tôi. Không biết anh hăm dọa đùa hay thật mà những anh bộ đứng kể bên chặn lại, níu tay níu chân, ngăn cản dữ lắm. Bọn tiểu chúng tôi không làm gì sai trái nên chẳng sợ ai bắn mình.

Nhưng trong lòng cũng không khỏi buồn đôi chút vì bị nhìn như những đối tượng "phải bắn bỏ." Có lẽ trong mắt người cộng sản từ miền Bắc tiến vào Nam, tu sĩ chúng tôi là những kẻ vô dụng, trốn chạy nghĩa vụ công dân...

Bây giờ, anh bộ đội và thiếu nữ kia cũng nêu câu hỏi tương tự. Tuy lời lẽ và cách hỏi lịch sự hơn, nhưng ý nghĩa vẫn là thế. Họ không chấp nhận được sự kiện xuất gia của những người trẻ tuổi. Tuổi trẻ đối với họ, là phải xắn tay đóng góp cho đất nước những công tác "cụ thể, thực tiễn." Những cái cụ thể và thực tiễn ấy không thể được tìm thấy trong lời kinh tiếng kệ, trong lời cầu nguyện, hay trong sự quán tưởng, định tâm, sám hối, tu sửa thân tâm, hoàn thiện nhân cách, dẹp trừ bần ngã... Ít nhất, những điều cụ thể phải được người khác nhìn thấy, sờ mó, hoặc có thể nhai nuốt, hay nhét được vào túi áo, túi quần...

Tôi im lặng không đối đáp gì với anh bộ đội. Một phần vì câu nói của anh không hẳn là một câu hỏi yêu cầu trả lời; phần khác, tôi thấy tôi không có bốn phần phải giải thích chuyện xuất gia của mình cho những người lạ, những người luôn nghĩ rằng mình cao thượng, đúng hết, biết hết...

Tôi nhìn ra biển khơi. Nước bây giờ đã mất màu xanh thẳm, đang chóa lên ánh nắng ban mai như một tấm lụa hoàng kim rực rỡ. Có con hải âu từ cao đâm mình xuống nước bắt mồi rồi bay vút lên không, liệng một vòng trước khi bay vào bãi, đáp xuống mô cát vắng. Bãi biển Non Nước không phải là bãi biển có nhiều người tắm và dạo chơi như bãi biển Nha Trang. Dọc suốt chiều dài của bãi chỉ là cát và cát. Xa xa mới có vài người đang kéo lưới. Một chiếc thuyền chài nhỏ tấp vào gần đó. Biển buổi sớm đầy nắng mà lại vắng người như vậy.

Thiếu nữ kia thúc đẩy gì đó khiến anh bộ đội lại lên tiếng:

"Anh trẻ thế mà đi tu, ắt



là có vấn đề gì với cuộc đời đấy nhỉ!"

Tôi quay lại nhìn họ một thoáng, đáp họ bằng một nụ cười. Rồi tôi cáo từ họ bằng một tay đưa lên, tỏ ý không muốn nói chuyện vừa là để xin lỗi. Tôi rời chỗ, rào bước vào trong chùa. Không phải là tôi có thành kiến gì với họ. Tôi chỉ cảm thấy rằng khoảng cách giữa họ và tôi không thể nào làm cho xích gần lại với nhau được bằng vài câu trao đổi. Và, vài câu trao đổi như thế phỏng có ích gì cho đôi bên! Chỉ đưa đến ngộ nhận, hiểu lầm thêm thì có. Thôi thì im lặng, cười. Ai hiểu sao cũng được. Tôi nghĩ lúc đó tôi có cố gắng giải thích gì thì cũng chỉ đưa đến tranh luận, mà tôi vốn là loại người không bao giờ ham thích chuyện tranh luận cả.

Vào trong sân chùa, tôi đi vòng ra phía hông chánh điện để xem quý thầy lo việc xây tháp. Thầy Thông Chánh bảo tôi vào trong nghỉ ngơi cho khỏe. Tôi quay trở vào sân chùa thì anh bộ đội và thiếu nữ khi nãy cũng vào đến. Họ đứng ở sân như chờ đợi tôi. Tôi vào ngồi ở dãy trai đường (nhà ăn) phía sau chánh điện. Anh bộ đội và thiếu nữ cũng theo tôi, tự động ngồi vào hàng ghế đối diện chỗ tôi. Cái chuyện tự động ngồi chẳng ai mời này tôi mới chứng kiến lần đầu

tiên. Anh bộ đội lại tiếp tục hỏi tôi về mặt dây mìa mai, khiêu khích, trong khi thiếu nữ kia thì cứ nhoèn miệng cười như muốn tán trợ một cuộc tranh biện kỳ thú mà cô nghĩ rằng người yêu bộ đội của cô với biện chứng duy vật, với chủ thuyết Mác-Lê vô địch và bao bài học chính trị thuộc lòng không thiếu một chữ, hẳn là sẽ nắm phần thắng.

"Thôi thì anh không muốn trả lời chuyện riêng tư của anh. Nhưng anh có thể cho tôi biết rằng có phải anh tin có ông Phật thực sự nằm ở trong bức tranh kia chẳng?" vừa nói, anh bộ đội vừa trở vào bức tranh Phật nơi bàn thờ nhỏ ở giữa trai đường.

Tôi chỉ thấy buồn cười, muốn đứng dậy bỏ đi, vào trong mà nằm nghỉ. Nhưng rồi tôi lại nghĩ, nếu từ chối nói chuyện thì hóa ra sẽ không có cơ hội nào để giải thích cho họ hiểu, làm giảm đi thành kiến của họ đối với các tu sĩ Phật giáo; cho nên tôi có ý định mở miệng trả lời. Vừa lúc đó, thầy Thông Chánh bước vào, cắt ngang ngay:

"Gì vậy chú Khang? Sao không vào nghỉ ngơi mà còn ngồi đây?"

Anh bộ đội khẽ gật đầu chào thầy Thông Chánh rồi với vẻ tự mãn có thừa, anh chuyển đối tượng, tấn công thầy Thông Chánh ngay:

"A, tôi có thắc mắc muốn

hỏi anh này rằng có phải các anh tin tưởng một ông Phật nằm ở trong bức tranh kia không. Hẳn là phải tin, đúng không? Vì tin nên mới thiết lập bàn thờ như thế."

Thầy Thông Chánh mỉm cười nói, giọng rất vui vẻ:

"Vậy chứ quý vị có tin có ông Hồ Chí Minh trong bức ảnh mà quý vị thường lộng kiếng treo trong nhà hay trong các cơ quan nhà nước không nhỉ?"

"Ồ, ảnh Bác Hồ đấy à. Chuyện khác nhau chứ. Treo ảnh Bác là để tưởng nhớ công ơn, sự nghiệp của Bác chứ không phải là chúng tôi tin có Bác ngự ở trong ảnh ấy."

"Chúng tôi cũng vậy. Thờ Phật là để tưởng niệm công ơn của Phật, và để hàng ngày nhìn thấy mà tự nhắc nhở mình noi gương tốt của Phật, chứ không phải là mê tín có một đức Phật ngồi trong ảnh. Cũng là một hình thức của sự tưởng nhớ thôi, thưa quý vị."

"Nếu cũng là sự tưởng nhớ thôi thì sao chúng ta lại không treo ảnh Bác Hồ nhỉ? Bác Hồ yêu nước, đóng góp rất nhiều cho đất nước, nêu gương tốt cho nhân dân mọi tầng lớp, thế thì tại sao chúng ta không tôn thờ Bác Hồ Việt Nam của chúng ta lại đi thờ ông Phật của một nước khác. Bác Hồ cũng giống ông Phật chứ có khác gì đâu mà phải cất công rước ông Phật từ ngoại bang đem về để thờ!"

"Tại quý vị mới đọc được sách của 'Bác' và sách do nhà nước in thôi, chứ chưa đọc được sách nào khác nên không thấy được sự sai khác giữa một nhà cách mạng dân tộc với một giáo chủ sáng lập một tôn giáo của nhân loại. Nếu quý vị có cơ hội đọc nhiều sách của các nước, các dân tộc, các tôn giáo, các chủ thuyết, triết học khác... hẳn là quý vị sẽ còn muốn tưởng nhớ và tôn thờ nhiều vị khác nữa chứ không phải chỉ riêng ông Hồ Việt Nam của quý vị đâu. Trên thế giới còn có biết bao nhiêu người vĩ đại, đáng tôn quý. Những bậc vĩ nhân, hiền triết đó là của nhân loại chứ

không phải của riêng nước nào. Nếu ông Hồ Chí Minh của quý vị xứng đáng cho các nước khác tôn thờ, chắc quý vị cũng hãnh diện, cũng mừng, chứ đâu muốn ngăn cản người ta tôn thờ, phải không? Như vậy, Phật dù là người Ấn Độ, nhưng quả siêu tuyệt thì nhân dân các nước làm sao khỏi tôn sùng, ngưỡng mộ. Mà trên thực tế, ông Hồ Chí Minh trong mắt quý vị là một người có công với đất nước, nên quý vị nhớ ơn và cho rằng đất nước này phải nhớ ơn; nhưng có dân nào, nước nào khác biết đến Hồ Chí Minh là ai đâu. Trong khi đó, Phật là một người Ấn Độ nhưng cả thế giới đều biết, và trải qua hai mươi lăm thế kỷ rồi, và sẽ còn nhiều thiên niên kỷ nữa, nhiều người trong nhiều nước vẫn còn xưng tụng, tôn thờ Phật. Đó là chỗ khác nhau, quý vị phải thấy chứ. Ở những đất nước không có chiến tranh, người ta đâu có tôn thờ chiến sĩ cách mạng. Nhân dân Việt Nam chúng ta vì phải bị chìm ngập trong chiến tranh liên tục cả ngàn năm nên chỉ biết tôn thờ và hãnh diện với những chiến công, những chiến sĩ anh dũng, những con số thương vong tử nạn của phe địch... Thực ra, chiến sĩ cách mạng thường chỉ có mỗi một đức tính anh hùng để được ca tụng thôi. Mà tính anh hùng, chỉ là một hạt cát trong sa mạc đức hạnh của một vị Phật, một con người đã hoàn toàn giác ngộ, không còn say đắm bất cứ thứ dục lạc nào của thế gian. Đó là chưa kể đến tính anh hùng cũng có rất nhiều mức độ, nhiều loại khác nhau, tùy theo trường hợp và quan niệm riêng của mỗi dân tộc, mỗi thời đại, chứ không phải cứ xông ra trận địa thì mới là anh hùng. Chẳng hạn, đức Phật của chúng tôi có nói: *'Thắng một vạn quân không bằng tự thắng. Tự thắng mới là chiến công oanh liệt nhất.'* Bao nhiêu đó cũng đủ thấy khác xa lắm rồi. Cho nên, nói ông

Hồ Chí Minh y hệt Phật thì chẳng khác gì đem đom đóm mà so với mặt trời. Đom đóm cũng phát ánh sáng, mặt trời cũng phát ánh sáng, nhưng khác nhau đấy chứ!"

Anh bộ đội tím cả mặt mày. Ngồi cười gượng gạo một lúc, chẳng biết nói gì thêm. Thấy không khí có vẻ căng thẳng, thầy Thông Chánh cười nói:

"Quý vị đã viếng cảnh chưa? Ở đây có nhiều hang động thiên nhiên đẹp lắm. Cứ dạo chơi, khi nào khát nước thì ghé vào đây, chúng tôi có nước mưa, uống mát và ngọt lắm."

Anh bộ đội gật gù rồi đứng dậy, kéo thiếu nữ kia đi. Tôi nhìn theo thấy anh đi lảo đảo nhưng người bị thương. Cũng may là thầy Thông Chánh nói chuyện với họ bằng giọng nói và điệu bộ vui vẻ, cởi mở, nên đã không có gì đáng tiếc xảy ra. Tính về tuổi tác thì thầy Thông Chánh và anh bộ đội kia có lẽ là xấp xỉ nhau. Đâu chừng hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi là cao. Nhưng giữa hai chàng thanh niên Việt Nam đó, quả là có một khoảng cách ghê gớm ở nhân sinh quan, ở lý tưởng và sứ mệnh riêng của mỗi người. Họ sinh cùng thế hệ mà còn vậy, nói chi giữa thế hệ của họ đối với thế hệ của tôi, hay giữa một người bộ đội miền Bắc đối với bản thân tôi-một chú tiểu mới lớn, làm người dân thuần túy chưa tham gia trực tiếp vào cuộc chơi chiến tranh ý thức hệ của hai miền Nam-Bắc.

Nếu không có thầy Thông Chánh đến nói chuyện với họ, tôi không biết lối giải thích của tôi sẽ dẫn cuộc nói chuyện đến đâu. Dù rằng những câu hỏi ấu trĩ chứng tỏ trình độ nông cạn của anh bộ đội kia chẳng có gì hóc búa, đòi hỏi trình độ lý luận cao, nhưng tôi vốn không phải là người có khoa ăn nói, có thể tôi sẽ khiến cho câu chuyện dây dưa, kéo dài. Những gì tôi có thể nói được, thường là để làm vui lòng kẻ khác, giải thích thỏa đáng cho kẻ khác hơn là để đánh bại họ.

Nói theo cách đó cần phải có thời gian. Tôi thầm cảm ơn thầy Thông Chánh đã kết thúc được cuộc nói chuyện ấy một cách ngắn gọn. Nhưng chỉ một lúc sau đó, tôi bỗng dưng cảm thấy thương cảm cho anh bộ đội ấy. Không ai trên đời đáng thương cho bằng một kẻ vô minh mà lúc nào cũng tưởng mình sáng suốt. Tôi buột miệng thốt lên:

“Cũng tội nghiệp cho họ.”

Thầy Thông Chánh nổi lời tôi:

“Ừ, tội nghiệp. Họ sinh ra và lớn lên trong môi trường như vậy nên họ phải trở thành những người như vậy. Họ không được may mắn như mình mà họ tưởng họ may mắn hơn. Họ chỉ biết một chuyện mà họ nghĩ họ biết hết...”

Tôi vẫn thường có thói quen từ nhỏ đến giờ là hay buồn vào lúc ngủ trưa mới thức dậy; nhất là những lúc thức dậy mà rảnh rỗi không có việc gì để làm. Chẳng hiểu vì sao. Tôi chưa tìm được giải đáp cho cái thói quen ấy. Chỉ cảm thấy buồn lặng trong lòng mỗi trưa thức dậy thấy nắng vàng hanh ngoài ngõ, hay nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên mái nhà. Bất cứ tiếng động nào, cảnh vật nào, cũng đều gợi lên nỗi buồn mênh mang trong tôi vào giấc ngủ trưa mới thức dậy ấy. Giống như người bị bỏ lại sân ga vì đi trễ một chuyến tàu, mà chuyến tàu ấy là chuyến tàu quan trọng đưa hân đến một nơi nào đó rất vui thú, để gặp một người nào đó rất thân thương. Không, chắc không phải chỉ có vậy. Nỗi buồn còn to lớn hơn. Hình như đó là cảm giác lo âu và thất vọng vì đã không làm được gì ý nghĩa, không làm được gì đáng làm, khi thời gian chảy trôi từng giây từng phút ở bên ngoài. Và hình như đó cũng là nỗi buồn nhớ da diết của một kẻ mồ côi lang bạt kỳ hồ từ thuở nhỏ, chẳng biết quê hương, chòm xóm của mình thực sự ở đâu,



chẳng tưởng được mặt mũi cha mẹ và người thân như thế nào, chỉ thấy nhớ, nhớ, và nhớ...

Buổi trưa thức dậy ở ngôi chùa trên núi. Tôi nằm im một lúc thật lâu trên bộ ván gỗ sục tìm cái gì đã mất, đã quên... khiến cho tâm hồn phải quặn lên từng hồi như vậy. Tôi không tìm thấy gì cả. Chỉ nghe thật rõ tiếng ồn ào của nhiều người ngoài sân chùa. Tiếng cười nói càng rộn ràng bao nhiêu, lòng tôi càng chùng xuống bấy nhiêu. Tôi bước ra xem, thấy một tổp rất đông các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử đến sinh hoạt ngoài trời. Các em thanh thiếu niên nam nữ đang vây quanh một anh huynh trưởng ở giữa vòng. Anh thối còi bày nhiều trò chơi rất sôi nổi, thú vị. Tôi đứng nhìn một lúc thì bao nỗi buồn khi nãy tan biến. Tôi vui lây theo nụ cười của những người trẻ tuổi thể tục. Thế giới tươi vui ấy tôi đã không có được từ lúc vào chùa xuất gia. Lâu nay tôi không thèm để ý đến, cho đó là những trò chơi trẻ nít, vô nghĩa đối với con đường xuất gia. Bây giờ, đã trưởng thành hơn một chút, tự dưng tôi lại thấy có chút nuối tiếc ân hận nào đó. Tôi không ân hận chuyện xuất gia, nhưng lại tiếc đã không được vui chơi trọn vẹn với tuổi xanh của mình. Tôi tự hỏi: “Tại sao hồi nhỏ mình không xin ba mẹ cho vào Gia Đình Phật Tử kia? Tại sao mình phải đi tu từ lúc nhỏ, sao không chờ lớn lên rồi hãy đi tu, chẳng hạn đi tu lúc

mười bảy tuổi như bây giờ?”

“Sao, thức dậy rồi hả? Ngủ ngon không?” thầy Thông Chánh từ phía hông chùa bước vào hỏi.

Tôi giật mình quay lại, lúng búng nói:

“Dạ, ngủ cũng được một giấc thì nghe ồn...”

Nhìn vẻ mặt của tôi lúc đó, có lẽ thầy Thông Chánh đã đoán được phần nào tâm sự của tôi. Thầy nói:

“Họ chơi vui quá hả?”

“Dạ, thấy vui.”

“Hồi nhỏ chú Khang có vào Gia Đình Phật Tử không?”

“Dạ không.”

“Cho nên bây giờ thấy tiếc phải không?”

“Đâu có, đâu có tiếc.”

Chúng tôi im lặng quan sát những trò chơi. Có khoảng hơn ba chục thanh thiếu niên nam nữ tuổi từ bảy, tám đến hai mươi. Huynh trưởng cao tuổi nhất đâu chừng hai mươi bảy, hai mươi tám, ngang với thầy Thông Chánh. Anh ấy điều khiển trò chơi thật linh động, hào hứng. Tôi đang mê say quan sát thì thầy Thông Chánh tiếp, giọng thầy có vẻ nửa đùa nửa thật:

“Ồ những tiếc vui của cuộc đời, chúng ta chỉ thấy những nụ cười, chỉ thấy vẻ thanh lịch đẹp đẽ nhất mà những người dự tiệc mang đến. Chúng ta không thấy được cuộc sống riêng lẻ của từng người ở ngoài bữa tiệc ấy. Khi những người này rời sinh hoạt Gia Đình Phật Tử trở về nhà, họ cũng có những nỗi khổ, hoặc những gì rất buồn tẻ, rất chán, chờ đón họ... À, chú thấy anh huynh trưởng

đứng giữa vòng không? Nhìn mặt có thấy quen không? Nhớ lại thử xem? Không nhớ à. Kìa, nhìn bức tranh treo nơi cột.”

Tôi nhìn về hướng thầy Thông Chánh trở, thấy bức hình trắng đen, lộng kiếng mà hôm qua, tôi đã được xem, được giải thích rồi. Trong hình là một tu sĩ Phật giáo đang ngồi xếp bằng giữa đường lộ, đem thân mình để ngăn chặn mấy chiếc xe tăng đang chạy tới. Thầy Thông Chánh nói bức tranh đó do một ký giả ngoại quốc chụp, đăng trên báo *Time* của Mỹ. Chuyện xảy ra năm một chín sáu sáu, khi ông Nguyễn Cao Kỳ ra lệnh quân đội tấn công, bắn vào một số chùa chiền ở Đà Nẵng. Vị tu sĩ ngồi thiền cản đường xe tăng ấy, pháp danh là Chánh Trí, chính là anh huynh trưởng đang hướng dẫn Gia Đình Phật Tử ngoài sân kia. Tôi vừa ngạc nhiên, vừa bối bối nhìn vị huynh trưởng ấy. Thầy Thông

Chánh nói tiếp:

“Anh ấy hoàn tục trước năm 1975. Lăn lộn với đời để tìm những ý nghĩa, những mục tiêu khám phá khác mà anh cho là đẹp hơn, thiết thực hơn những gì anh đã làm trong chùa. Nhưng cuối cùng anh cũng chán chường, thất vọng, biết việc hoàn tục của mình là sai lầm, muốn quay trở về với chùa mà vì hoàn cảnh gia đình níu kéo, không thực hiện được. Đành vào Gia Đình Phật Tử làm người anh cả hướng dẫn các thế hệ sau học đạo. Đời anh ấy từ lúc hoàn tục, phải trải nhiều hệ lụy đau khổ lắm. Bây giờ gắng gượng tìm vui trong việc hướng dẫn đàn em sinh hoạt...”

Tôi nghe chuyện đó bỗng đồ mồ hôi khắp người. Phải, thầy Thông Chánh nói phải. Thế gian giống như một tiệc vui mà ai cũng muốn tham dự. Nhưng không có tiệc vui

nào kéo dài.

Dù thầy Thông Chánh không cho, tôi cũng đòi theo thầy xuống núi vác đá lên chùa để xây tháp. Tôi chưa hoàn toàn lại sức nên chỉ vác được vài ba tảng đá nhỏ mỗi tảng nặng chừng mười kí-lô cũng đã mệt lử. Cũng có thể vì dốc núi cao quá, đi lên đi xuống với hai tay không cũng thấy mệt, nói chi vác đá trên vai.

Buổi tối vào mừng, tôi không còn nghe được tiếng sóng biển ì ầm đập vào bãi. Tôi mệt và ngủ rất sớm. Trong mộng, tôi thấy có nhiều thiếu nữ rượt đuổi tôi trên bãi biển dầy sóng.

(mời xem tiếp chương 5)

Vinh Hào

